

tạ duy anh LÀNG QUÊ ĐANG DIỄN MẤT?

bình luận xã hội



Làng Quê Đang Biến Mất

- Tạ Duy Anh -



Công ty phát hành: Nhã Nam



Nhà xuất bản: NXB Hội Nhà Văn



Kích thước: 14.5 x 20.5 cm



Số trang: 344



Ngày xuất bản: 05/2014



Giá bìa: 78.000 đ



Chủ dự án & Chụp pic: Phi Phi Yên Vũ



Type:

P1: Duong Lam Hàng

P2: Mai Ice

P3: Trân Nguyễn

P4: Prince Ashitaka

P5: Linh Linh



Beta: Phi Phi



Tạo prc: Annabelle Tran



Nguồn: fb/groups/chamchilamebookfree



Ebook: Đào Tiểu Vũ's eBook - <http://www.dtv-ebook.com>





“Làng quê đang biến mất?” – tập bình luận xã hội của Tạ Duy Anh là tâm huyết của một nhà văn trước những vấn đề gây nhức nhối cho xã hội, đang tồn tại trong rất nhiều lĩnh vực của đời sống, được phát tiết qua góc nhìn văn hóa. Trong từng câu chuyện, ta dễ dàng nhận ra những trăn trở của ông đối với những đổi thay của con người, của văn hóa làng xã – những điều mà trước nay đã trở thành chuẩn mực, truyền thống truyền qua bao đời. Ở đó ta thấy được cả sự luyến tiếc xót xa trước môi trường văn hóa đang ô nhiễm, đang bị hủy hoại trầm trọng, nơi mà những thói hư tật xấu lên ngôi thống trị. Là sự dửng dưng vô cảm trước nỗi đau của đồng loại, là sự giả dối được đặt nặng hơn sự trung thực, là sự tham lam, ích kỷ chỉ biết vun vén cho cá nhân mình.

“Nói một cách dễ hiểu nhất thì chúng ta đang cùng nhau đồng loạt bỏ mặc cho làng quê yêu dấu biến mất, với một sự vô cảm đáng sợ. Và như vậy cũng sẽ biến mất phần không gian đặc sắc nhất của văn hóa Việt.”

- (Làng quê đang biến mất)





Mạng chó, mạng người

Ung dung nhìn người khác chết

Xấu hổ quá

Sống với tin đồn

Nhớ về một vụ án

Bàn góp chuyện Đàn Xã Tắc

Đối diện với cõi mù tăm

Kinh doanh hiếu hỉ

Nhắm mắt tin mù

Đừng để Phật bỏ chùa

Bà già nghèo và ngành điện

Ba mươi ngàn tỉ và những câu hỏi

Bao giờ thì bình đẳng trước pháp luật ?

Đã đến lúc phải nói ra

Thảm họa được báo trước !

Một quốc gia nhỏ chỉ ăn rồi chơi

Loanh quanh chuyện lãi và lỗ

Tiền, đất và người

Trời nào im lặng mãi được

Xăng dầu và câu chuyện minh bạch



Ô tô rồi, bao giờ đến nhà đất ?

Chúng ta đang rỗng kết

Dân mệt lắm rồi

[Cháy nhà ra mặt... gì ?](#)

[Xử lý án oan, hai chiều suy ngẫm](#)

[Đang rất có vấn đề](#)

[Khi quyền lực bị thả nổi](#)

[Luật có rồi, giờ phải làm gì ?](#)

[Tang tóc giữa thời bình](#)

[Chuyện bị hài mang tên xe biển xanh](#)

[Dựa vào đâu bây giờ?](#)

[Đại gia và nỗi khổ siêu xe](#)

[Khi các “Tay to” ôm vô lăng](#)

[Thương... cho gây vào đầu](#)

[Giáo dục và chuyện đứa con bị bỏ rơi](#)

[Sĩ tử thời công nghệ cao](#)

[Bi hài chiếc bằng đại học](#)

[Tình thầy trò và gương mặt của nền giáo dục](#)

[Kính thưa các trẻ con](#)

[Tình yêu, tình dục và clip sex](#)

[Trẻ con nhà nghèo gửi ở đâu?](#)

[Nhờn dư luận](#)

[Sống với thế giới ảo](#)

[Thiên thần và quỷ dữ](#)

[Hoa hồng và axit](#)

[Hội chứng hành hạ trẻ con](#)

[Phác thảo một địa ngục](#)

[Gà rác](#)

[Rượu độc, thực phẩm bẩn và giống nòi Việt](#)

[Đừng tự làm chuột bạch](#)



[Ném tất cả xuống sông](#)

[Tiền có là tất cả](#)

[Y đức và chuyện mò kim đáy bể](#)

[Tản mạn về chuyện xử án](#)

[Lại chuyện sửa Quốc ca](#)

[Luận bàn về đổi tên nước](#)

[Lý sự kiểu Tàu](#)

[Nhân quốc khánh, nhớ về những chuyện khác](#)

Thiên hạ và chúng ta, sau mọi chuyện sẽ là chuyện gì ?

Lượn chơi về “Mã đáo thành công”

Thế giới của tôi





Mạng chó, mạng người

Chỉ mất trí thì mới hỏi mạng một con chó - cho dù là chó có giá bằng cả tòa nhà – với mạng một con người thì thứ gì quý hơn. Chỉ cần nghĩ hay hỏi như vậy đã có thể coi là kẻ độc ác, vô đạo đức. Không vật gì trên trần gian có thể so ngang với một con người, về mọi phương diện.

Nhưng hóa ra, điều hiển nhiên bất khả bàn cãi đó cũng vẫn chỉ là trên... lý thuyết! Chứ ít thì cũng là trên lý thuyết của khá nhiều người Việt, vốn từ cùng một bọc chui ra nên được gọi là đồng bào.

Do dốt ngoại ngữ mà đến giờ này tôi vẫn không biết trên thế giới có truyền thuyết nào đẹp, độc đáo và cảm động như truyền thuyết về cái bọc trăm trứng. Tôi luôn cho mình quyền tự hào về cái gốc rễ sinh tồn độc nhất, vô nhị đầy nhân văn đó.

Vì thế khi những đồng bào của mình bị chính những đồng bào khác, cũng là của mình, đánh chết thê thảm chỉ vì một vài con chó chẳng đáng giá bao nhiêu, tôi cảm thấy bị sốc.

Sốc vì những người chết kia có đáng phải chết? Sốc vì mạng một vài con chó quý hơn mạng một vài con người, hóa ra không còn là điều giả định tệ hại, mà có thật, trước bàn dân thiên hạ. Tôi nhớ là mình đã ngồi ôm đầu, không muốn nghĩ về bất cứ điều gì, bởi mọi thứ đều nằm ngoài những khả năng chịu đựng của lý trí thông thường. Nhưng vì là đồng bào của cả người chết và người ra tay sát hại họ, nên tôi không thể cứ né tránh mãi câu hỏi: vì sao cơ sự, lại nên nông nổi ấy?

Tôi bèn đặt mình vào từng vị trí, đưa ra những phản biện để hy vọng tìm được câu trả lời.

Ở vị trí những người ra tay đánh chết kẻ trộm chó, tôi thấy hành động đó chẳng có gì quá đáng. Con chó không chỉ là con vật trông nom, giữ gìn cho sự an toàn của gia đình tôi, người nó thực sự còn là một tài sản. Cả một bấy con thơ vợ đại cùng nhiều việc trọng đại trông cả vào con chó. Ấy là chưa kể con chó là con vật tình cảm. Nó trung thành với chủ, sao chủ lại nỡ bỏ rơi khi nó gặp hoạn nạn? Liệu làm như vậy có đáng là người trọng tình trọng nghĩa? Và lại, với cái bọn trộm chó, có

đứa nào ra gì về phẩm cách, đạo đức. Rặt một bọn lười chây thây, nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp, thậm chí khi cần sẵn sàng xuống tay giết người. Phải có ai ra tay trừ diệt chúng, cứu vớt người bị hại. Phải cho vài đứa chết để răn đe hàng trăm đứa khác vẫn ngông nghênh ngoài vòng pháp luật. Pháp luật không ra tay thì những người bị hại cần phải tự tìm lấy công lý. Đó là lẽ thường tình có gì mà phải âm ỉ lên. Cũng là công bằng đấy thôi. Mà bọn trộm cắp đó - nếu các vị nhìn thấy sự hung tợn đầy vẻ sát nhân của chúng - thì hơn gì con chó nhà tôi? Tôi đánh chết nó vì một con chó còn hơn nó có thể giết người vì một cái bánh mì! Biết bao vụ bọn trộm chó đánh chết chủ khi bị phát hiện, hẳn mọi người vẫn nhớ. Ai trách thì cứ trách, rằng tôi ác, tôi coi chó hơn người, tôi thích bạo lực với đồng loại của mình... Nhưng liệu cái kẻ bị tôi đánh chết kia và cả những người bệnh hẳn có trả lời được tôi câu hỏi: ai khiến tên trộm chó kia đang giữa đêm hôm lên vào nhà tôi để bắt trộm con chó cơ nghiệp của tôi? Hẳn có gan ăn cắp thì có gan chịu đòn, chẳng may bị chết cũng là đáng số.

Ở vị trí của tên trộm chó, tôi thấy đó là một nghề nguy hiểm nhưng khá béo bở. Tôi chẳng được học hành hay có nghề ngỗng gì, mà nếu có nghề thì cũng còn lâu mới xin được việc. Các loại kỹ sư còn thừa đầy ra kia, đến đâu cũng bị xua đuổi như những cửa nợ chỉ vì không có tiền lo lót, thớ tôi là cái gì mà mơ?

Nhưng tôi cũng phải sống, cũng thích ăn ngon, mặc đẹp. Ở đời ai chả thích những thứ đó. Thế mà chỉ cần chẹt cổ hoặc câu được vài con chó trong một đêm, là có thể rủng rỉnh tiền bạc cả tuần. Mà nghề trộm chó cũng thú vị lắm. Nó đòi hỏi mạo hiểm - như bốc đầu xe ấy - và phải có chút khả năng ảo thuật. Mỗi con chó bị bắt, bị câu, bị thông lọng thít cổ... ngoài việc hứa hẹn những món tiền, nó còn như vừa hoàn thành một phi vụ của siêu nhân. Không tin các vị cứ thử xem. Tôi tin rằng trong máu các vị đều có vài giọt mang mầm ăn cắp, chỉ có điều các vị không phải đẩy vào hoàn cảnh lộ diện ra như tôi. Hoặc các vị ăn cắp theo kiểu khác, sang trọng và sạch tay hơn. Còn tôi, phải rình mò, đối mặt với đủ thứ tai nạn, trong đó sợ nhất là cơn xót chó của những gia đình từng bị tôi hời hảm. Tôi xác định, nếu chẳng may phải vào tù, hoặc tệ hơn là bị đánh chết, thì cũng tự chịu. Còn hơn là đói khát và bị xua đuổi phải lao động vất vả. Xã hội có biết bao kẻ như tôi mà cứ ăn sung mặc sướng, thử hỏi chúng nó hơn gì tôi về phẩm hạnh?

Sau khi phân thân như vậy, tôi rơi vào tình trạng không biết kết thúc cuộc tranh cãi về lý lẽ như thế nào trong chính bản thân mình? Trộm chó đương nhiên là một hành vi xấu xa bỉ ổi, không thể chấp nhận. Nhưng chỉ vì một vài con chó, liệu có đáng để ra đòn trừng phạt khốc liệt như những gì đã xảy ra? Mà những người ra tay mạnh nhất, phần nhiều không phải là người trực tiếp bị mất chó. Rõ ràng là trong xã hội Việt Nam đang có hiện tượng tính mạng con người bị coi rẻ. Đây mới thực sự là điều đáng sợ.

Tôi bèn nhìn ra rộng hơn xung quanh mình để tìm một gạch nối bí ẩn nào đó dẫn đến lời giải. Không tính những cuộc giết tróc man rợ liên quan đến nạn trộm chó với cảnh tượng hãi hùng hàng ngàn người khao khát lao vào đâm đá để thỏa mãn cơn vấy máu đồng loại, thì xã hội đã đầy rẫy cảnh bạo lực: bạo lực học đường, bạo lực gia đình, bạo lực công sở... Trẻ em lột quần áo nhau ra giữa đường để tra tấn nhau, vợ chồng đánh nhau, đốt chết nhau cả khi đang trên giường, sếp đánh nhân viên dưới quyền hoặc đánh nhau võ mặt ngay trong cuộc nhậu, công an đánh chết dân, dân đánh chết công an. Thế rồi trí thức chân yếu tay mềm cũng thương cẳng chân, hạ cẳng tay... là chuyện cơm bữa.

Vì thế, chuyện đám đông đánh chết cầu tặc chỉ là một trong chuỗi những sự kiện mang tính bạo lực, nằm ngoài khả năng kiểm soát của lý trí cộng đồng.

Bất chấp mọi bao biện, không thể cổ vũ cho thói quen ưa bạo lực. Nhưng quan trọng hơn là phải tìm ra căn nguyên dẫn đến thói quen nguy hiểm đó để tìm cách ngăn ngừa từ xa hoặc tiến tới loại bỏ nó.

Theo tôi nó là hệ quả của quá trình phát triển có quá nhiều chuẩn mực bị lệch hoặc bị bỏ qua. Nhưng có lẽ nguy hiểm nhất là thói giả dối đang tràn ngập và được đề cao trên thực tế trong xã hội của chúng ta ngày nay. Muốn tiến thân thì phải biết nói dối. Nói dối càng hoàn hảo càng được trọng dụng. Thế là người ta thi nhau học cách nói dối. Khi cả xã hội phải tìm cách nói dối, tất yếu nó đẩy sự trung thực, tình thương người, lòng vị tha, tính tự trọng, thói quen chấp pháp... bật ra ngoài, như những thứ vô dụng. Hoặc những thứ thuộc về nhân phẩm ấy bị làm cho biến dạng, méo mó, dẫn đến quá trình tích tụ ẩn ức xã hội.

Hậu quả là những thông điệp văn hóa, đạo đức truyền đi bị sai lạc. Người ta không còn tức khắc lượng định được cái gì là quý giá (mạng

người chẳng hạn), cái gì chỉ là thứ tầm thường (con chó chẳng hạn). Thêm vào đó còn có nguyên nhân là xã hội đang mất lòng tin trong khi pháp luật thường xuyên bị lợi dụng để làm bình phong cho những hành động phi pháp của những người có tiền, có thế lực. Người ta không tin có thể nhờ cậy pháp luật, không tin nó được áp dụng vô tư, công bằng, nhanh chóng. Họ tự giải quyết lấy những việc đáng ra chỉ pháp luật mới được phép can thiệp. Nhiều người tìm thấy ở những dịp như vậy cơ hội để giải tỏa, trút bỏ vô vàn bức xúc, những bức xúc tích tụ lâu ngày, chưa biết cách nào làm cho nó tan đi.

Dù thế nào thì những gì đã và đang xảy ra với chỉ riêng nạn cầu tặc cũng là thảm họa pháp lý và đạo đức. Cả thủ phạm và nạn nhân đều đáng bị nguyên rủa. Đây có thể còn là nỗi xấu hổ lớn nhất của văn hóa Việt, cho đến giờ này.

Nỗi xấu hổ cũng dán nhãn ngoại.

Tôi không có chút ý gì miệt thị việc suy tôn thần tượng xảy ra với cá nhân hoặc nhóm người nào đó. Nếu thần tượng là những nhân vật tạo ra sự thay đổi lành mạnh thì việc suy tôn họ là công bằng và trên thực tế cũng rất cần thiết. Bởi vì thần tượng là một hiện thực xã hội và tôn vinh thần tượng là nhu cầu tinh thần có thật, cần được tôn trọng. Vì thế tôi phải nói ngay rằng, sự kiện chàng trai kỳ diệu không chân không tay tên là Nick Vujicic đến Việt Nam để truyền thông điệp vĩ đại về bản lĩnh sống và niềm hy vọng, là một sự kiện văn hóa đẹp đẽ, đáng hoan nghênh. Không nghi ngờ gì nữa, Nick xứng đáng là tấm gương lớn về lòng quả cảm vượt lên số phận của con người. Sẽ còn hàng ngàn trang sách, clip, phim truyện, bản nhạc... viết về anh hoặc lấy cảm hứng từ anh. Sẽ có hàng triệu thanh thiếu niên trên toàn thế giới coi anh là tấm gương lớn để định hướng cuộc đời mình. Với bản thân tôi, người từng phải vượt qua nhiều sự khốn khổ do bệnh tật, đói khát thời bé để sống, thì Nick là hiện thân của niềm an ủi bất tận.

Nhưng khi xem Nick qua màn ảnh, nghe những giới thiệu về anh, nghe chính những gì anh chia sẻ thì tôi lại cứ nhớ đến Nguyễn Công Hùng, người vừa mới từ già cõi đời không lâu (2012). Tôi thấy Nick và Hùng có nhiều điều khá giống nhau, trừ sự nổi tiếng. Hỏi 10 đứa trẻ, trong đó có con trai tôi, thì số biết kỹ càng về Nick Vujicic chiếm phần lớn so với số ít ỏi biết lơ mơ về Nguyễn Công Hùng. Tôi tò mò thử xem ký ức cộng đồng còn lại những gì về anh, thì chỉ thấy vài chục bài báo,

trong đó đáng chú ý nhất là từ điển Wikipedia tiếng Việt. Tại đó có một đoạn viết về anh như sau:

*“Nguyễn Công Hùng sinh tại xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Khi mới 2 tuổi, vì mắc căn bệnh hiểm nghèo khiến anh bị liệt toàn thân. Nhưng anh vẫn cố gắng đi học, đến năm học lớp 7, anh phải nghỉ vì bệnh ngày càng trầm trọng, cơ thể chỉ còn chưa đầy 20 kg. Năm 15 tuổi, Nguyễn Công Hùng liệt gần như hoàn toàn, chỉ còn cử động được 2 ngón tay rồi cuối cùng là 1 ngón tay. Bằng nghị lực của mình, Nguyễn Công Hùng vẫn tự học để đến năm 21 tuổi (2003), anh mở Trung tâm tin học dành cho người khuyết tật. Nguyễn Công Hùng còn sáng lập trang website mang tên www.nguilucsong.net với nội dung hỗ trợ người khuyết tật tìm kiếm thông tin về việc làm và học tập với hơn 30.000 thành viên khắp thế giới, 100.000 bài viết được sẻ chia. Năm 2005, Nguyễn Công Hùng được Tạp chí Công nghệ Thông tin e-Chip trao tặng danh hiệu **Hiệp sĩ công nghệ thông tin**.”*

Những thông tin cô đọng, khô khan theo kiểu từ điển ấy chưa miêu tả được một phần nhỏ so với những gì mà Hùng phải vượt qua để sống và cống hiến cho cộng đồng. Nếu thấy tận mắt thân hình còm cõi, tiều tụy, chân tay chỉ là những khúc xương bất động, bị biến dạng bởi chất độc da cam của Hùng, thì bất kỳ ai cũng sẽ nghĩ anh chỉ còn việc nằm chờ chết. Vì thế mọi nỗ lực của anh như những gì chúng ta biết chưa bao giờ đầy đủ, cũng là trên cả mức phi thường. So với Hùng, về mọi khía cạnh, thì Nick có còn may mắn hơn rất nhiều. Cơ thể Nick không bị hủy hoại ngày ngày bằng sự ngấm độc và những cơn đau khủng khiếp. Nick không bị áp lực đè nặng phải vật lộn kiếm cơm áo, điều nằm mơ Hùng cũng không thoát. Nhưng hóa ra may mắn nhất với Nick là anh có một cộng đồng không chỉ biết cứu mang, có khả năng tiếp sức vô tận cho anh mà cũng cái cộng đồng ấy đã biết đưa anh lên thành thần tượng tầm vóc thế giới, cho dù có kèm vào đó cả mục đích thương mại của những ông chủ cá mập về truyền thông. Đến lượt Nick tha hồ mang nước Úc vĩ đại tới bất cứ chân trời nào có sự hiện diện bằng muôn nghìn cách của anh.

Còn với Nguyễn Công Hùng, ngoài một bộ phận cư dân mạng và những người cùng cảnh ngộ coi anh là tấm gương của sự vượt khó, chẳng bao giờ, cho đến tận lúc chết năm ba mươi tuổi, anh có được một sự tôn vinh xứng đáng từ chính những người cùng thế hệ với mình, điều đáng lẽ phải xảy ra? Đã có diễn đàn nào thu hút hàng triệu khán giả để

anh chia sẻ kinh nghiệm sống của mình, những kinh nghiệm chắc chắn là kỳ diệu và có khả năng làm thức tỉnh những điều tốt đẹp ở con người? Vì không có cơ hội ấy mà giờ đây mọi bí mật quý giá từ anh vĩnh viễn không thể đến với cộng đồng, nhất là thế hệ tương lai. Sự thất thoát này phải bị xem như thất thoát một tài nguyên quý giá! Đã có nhà tài trợ nào đứng ra tổ chức những cuộc đưa đón anh như họ đang làm với Nick, với các ca sĩ Hàn Quốc, cầu thủ bóng đá Anh... để nhân đó truyền bá rộng rãi hình ảnh của Việt Nam đến mọi góc ngách thế giới? Đây không phải là lời trách móc, mà chỉ thể hiện một sự đáng tiếc lớn. Đáng tiếc cả về mặt văn hóa và khía cạnh quảng bá hình ảnh quốc gia.

Hay là người Việt không có giá bằng các tộc người khác?

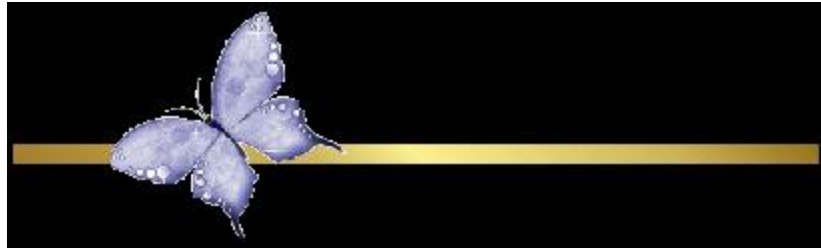
Đây là câu hỏi nghiêm túc dành cho tất cả mọi người sinh sống trên dải đất hình chữ S. Nó cho thấy rõ nhất một điều, người Việt luôn luôn - hoặc vô tình, hoặc cố ý - làm bé mình lại bằng cái tâm thế mặc cảm toàn diện. Biểu hiện này muôn hình vạn trạng, trong đó có cả thói huênh hoang, khênh khênh, hợm hĩnh một cách bệnh hoạn mỗi khi ra nước ngoài. Một kiểu “đánh trước” dự phòng, bởi cứ tưởng làm thế là người ta sợ không dám coi thường mình mà không biết nó thậm hại đến nhường nào về mặt tâm vóc! Nhưng biểu hiện đáng bàn nhất là tâm lý hướng ngoại, vọng ngoại, sùng ngoại. Một vật nào đó, dù bé hay lớn cứ phải có tem tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Đức thì mới được chú ý. Bét nhất thì cũng là những chữ như giun dế chứ nhất định không thể là chữ Việt. Chữ Việt, hàng nội, mất sang? Dễ dàng thấy biểu hiện này ở bất cứ đâu và có lẽ đó là một trong những điều kém cỏi nhất của người Việt. Tự hạ giá mình đến thế thì mong ai sẽ nâng mình lên?

Trở lại với sự kiện Nick đến Việt Nam. Sau buổi diễn thuyết đầu tiên về niềm hy vọng, thay cho màn chào hỏi đầy tính xã giao, chàng trai không chân không tay có buổi diễn thuyết thứ hai “nặng cân” hơn xét từ phía khán giả: gần 3.000 các doanh nhân hàng đầu của Việt Nam hồi hộp chờ đợi để được Nick truyền cho nghị lực không chịu bỏ cuộc trước khủng hoảng kinh tế. Thầy Nick cũng sẽ định hướng và “dắt” các học trò danh giá của Việt Nam vượt qua thử thách. Nếu không tận mắt xem truyền hình, không tận tai nghe cô phát thanh viên nhắc lại thông điệp buổi diễn thuyết chật cứng khán giả thuộc hàng VIP, tôi sẽ không tin. Không tin rằng người Việt lại đã đến mức suy nhược ý chí thậm hại như vậy? Một đất nước vẫn được mệnh danh là kiên cường nhất thế giới về

khả năng thoát hiểm, vậy mà giờ đây giới tinh hoa trên thương trường, những niềm hy vọng của người dân Việt lại phải cần đến chàng thanh niên Úc tạt nguyên lên dây cót tinh thần dạy cho những điều sơ đẳng về bản lĩnh để không bỏ cửa chạy lấy người khiến kinh tế quốc gia sụp đổ?

Nick thật chân thành, hồn nhiên và dễ thương. Tôi không mấy may nghi ngờ điều đó. Nhưng tôi không thể cưỡng lại lý trí để không đặt mấy câu hỏi: chẳng biết có bao nhiêu vị khán giả ngồi nghe Nick diễn thuyết cảm thấy hổ thẹn, thay vì thể hiện sự mãn nguyện hoặc cười nhạo nhử trước ống kính cốt để khoe đẳng cấp của mình? Chuyện gì hơn cả sự hài hước đang xảy ra?

Hay là nỗi xấu hổ cũng cần phải dán nhãn ngoại quốc?



Ung dung nhìn người khác chết

Đầu đề bài viết này không phải là sáng tạo của cá nhân tôi. Tôi đã nhặt được nó một cách dễ dàng trên mạng khi tìm hiểu về các vụ chết người, có vụ thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng với số lượng lớn, mà không ai phải chịu trách nhiệm?

Năm nào cũng xảy ra những chuyện rùng rờ như vậy. Có năm tới vài vụ. Sự kiện em sinh viên Đinh Thị Phương Thảo tử vong vì bị nước cống cuốn trôi ngay giữa trung tâm một thành phố hiện đại nhất nước, hóa ra không phải là trường hợp hi hữu. Chỉ cần bóp trán chút xíu để huy động bộ nhớ cũng có thể kể ra hàng trang danh sách những vụ chết người kiểu như vậy. Nghĩa là người chết không biết vì sao mình phải chết, còn người gián tiếp gây ra cái chết đó thì vẫn cứ nhản nhở cười nói, ung dung thanh thản sống những ngày tháng tươi đẹp, không bị cắn rứt mảy may.

Cách đây dăm bảy năm, một thiếu phụ bị điện giật chết khi vô tình đi sát cột điện tại một khu phố cũ của Hà Nội. Không ai phải chịu trách nhiệm lương tâm hay hình sự về cái chết đau lòng đó. Cái cột điện cũ nát thì nó phải rò điện - đơn giản thế, mọi người đều biết tại sao nạn nhân không biết để tránh xa nó ra! Giả sử có lời bào chữa vô tâm như vậy trước một phiên tòa giả định, thì người nói là kẻ vô hình. Vì không có công cụ để có thể gọi ra đích danh tên tuổi của họ. Nó được mặc định là vô hình với các trường hợp tương tự từ trong cấu trúc của quy chế trách nhiệm hiện hành. Khởi cải!

Vừa mới năm 2012, một cây xà cừ quá nặng phần ngọn, bật gốc đổ trên đường Lò Đúc, đè chết tươi một lái xe taxi. Nó được mặc nhiên coi là tai nạn thông thường. Thì mưa bão, cây đổ, ai mà ngăn ngừa được! Kẻ nào xấu số thì đành chấp nhận thiệt thân. Nhưng nếu là ở một đô thị khác tại một đất nước văn minh, luật pháp rạch ròi, mọi vấn đề đều quy trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, thì phải có ai đó mất chức, ra tòa, bị phạt tiền...

Người ta sẽ không dễ dàng chấp nhận lời bào chữa cây đổ khi có cơ sở nghi ngờ là thảm họa khách quan, nằm ngoài mọi sự lường trước. Còn ở ta, mặc dù mỗi năm chi nhiều tỉ cho việc kiểm tra, cưa cắt cành cây trước

mỗi mùa mưa bão để nó không bị đổ khi gặp gió to, nhưng chết vì đổ cây thì đừng mơ quy trách nhiệm cho ai, mà nên tự trách mình, rằng ai bảo mưa bão lại cứ ra đường! Thậm chí ngay cả thân nhân người chết cũng mặc nhiên coi đó chỉ là thiên tai!

Trước khi vụ em Thảo bị chết oan uổng chỉ vì một cái cống giống như cái bẫy rất nhiều người biết, đã có không ít trường hợp chết vì cái hố nước do các đơn vị thi công công trình tạo ra và chúng đều được báo chí lên tiếng với mục đích cảnh báo rất mạnh mẽ. Sau đây chỉ là vài ví dụ:

Hai bé trai chết đuối ở hồ cải tạo dự án kênh Ba Bò, TP. Hồ Chí Minh - ít nhất ba chục tờ báo viết/ báo mạng vào cuộc, chưa kể hàng ngàn trang cá nhân link bài chuyển cho nhau.

Hai đứa trẻ chết tại công trình kè chắn sóng biển Nguyễn Tất Thành, Đà Nẵng - cũng không biết bao nhiêu tờ báo, trang mạng giật tít lớn, chạy nhiều ngày.

Hai cháu bé chết đuối do lỗi của đơn vị thi công tuyến đường 11 là liên danh LICOGI và CAPTRACO.

Ba cháu bé chết đuối bởi một hố nước do đơn vị thi công tại thôn Thạch Lỗi - xã Thanh Xuân - huyện Sóc Sơn - TP. Hà Nội...

Với mỗi sự kiện như vậy, báo chí và dư luận đều quan tâm nhiều ngày liền. Nhưng cũng chỉ ở mức quan tâm suông vậy thôi. Bởi việc lớn hơn, mang tính ngăn ngừa thực sự là phải có ai đó bị trừng phạt, thì lại không thuộc thẩm quyền của dư luận. Có lẽ vì thế mà chuyện đau lòng cứ lặp đi lặp lại, như là điều không thể loại bỏ.

Những vụ tai nạn chết người thương tâm vừa nêu, đều có nguyên nhân từ thói vô trách nhiệm của các đơn vị thi công và sau khi sự việc xảy ra, mặc gia đình nạn nhân đau đớn, mặc dư luận lên tiếng, kẻ thủ phạm không chỉ vô can, mà còn ung dung đứng ngoài cuộc.

Giờ trở lại vụ nữ sinh Đinh Thị Phương Thảo bị cuốn xuống rạch Suối Nhum và tử nạn.

Cuộc đời phơi phơi tương lai của cô tân khoa bị cắt ngang chỉ vì một cái cống nước không được rào chắn hay đặt biển cảnh báo - những việc mang tính bắt buộc và cũng rất dễ làm. Ai trong trường hợp của em thì cũng sẽ phải chết. Bởi vì khu vực nguy hiểm đó hóa ra đã được phản

ánh nhiều lần, do đã có nhiều khách qua đường vào lúc trời mưa bị nước cuốn trôi, đến nỗi người có tên là Hoàng “Không nhớ đã bao nhiêu lần nhảy xuống con suối này cứu người rồi nữa” nhưng không một ai động lòng. Không một ai cả! Những người trách nhiệm thì chừng nào gia đình, vợ con họ còn an toàn do không phải đi qua đoạn đường đó, thì họ chẳng việc gì phải vội. Những người thuộc số nạn nhân tiềm ẩn thì chỉ cần mình may mắn là đủ. Điều đó đang nói lên thứ còn nguy hiểm hơn, đó là sự vô cảm trước tính mạng của người khác đang trở thành thói quen bình thường trong xã hội.

Sau khi em Thảo chết tức tưởi, ta hãy nghe sự “day dứt” lương tâm của ông giám đốc Trung tâm Quản lý đô thị Đại học quốc gia (TP. Hồ Chí Minh): “Vụ em sinh viên bị nước cuốn chết khiến tôi day dứt. Chúng tôi có một phần trách nhiệm, đó là khi nhận phản ánh đã không xử lý ngay, không gắn đèn chiếu sáng, tiến trình thi công chậm”.

Nghe cái ngữ điệu thản nhiên ấy, có cảm giác người nói đang day dứt về cái chết của một con gà! Hay mạng người ở cái đất nước này cũng chỉ rẻ như gà. Bởi vì, nếu nó có giá hơn thì người ta đã không hững hờ, dửng dưng, lạnh lùng trước cái chết biết trước của người khác như vậy.

Nhưng đó có lẽ là những lời bàn thừa. Bởi vì, lại như những vụ trước, sẽ chẳng có ai phải “day dứt” lâu hơn quãng thời gian từ sự kiện đó đến khi xảy ra vụ tương tự tiếp theo.

Cho đến nay chưa một ai bị quy là thủ phạm gây nên những cái chết vừa kể. Những đại gia thì dùng tiền để lo trên, lót dưới, ém dư luận sao cho mọi chuyện qua đi. Những người khác thì bám lấy lập luận rủi ro trong thi hành công vụ là chuyện khó tránh để bào chữa cho hành vi thực chất phải bị quy là tội phạm của mình. Còn lại thì đá trách nhiệm hết chỗ này sang chỗ khác, với đủ thứ lý do, cho đến khi sự việc không còn thu hút quan tâm của dư luận rồi tìm cách cho chìm xuống. Kết quả cuối cùng luôn chỉ là “rút kinh nghiệm”. Người chết thì chết rồi. Thân nhân của họ thì biết thừa chẳng thể đủ sức, đủ tiền bạc mà đòi công lý. Trên thực tế với kiểu quy định trách nhiệm chung chung như hiện nay, cũng rất khó có thể đưa được kẻ chịu trách nhiệm ra tòa.

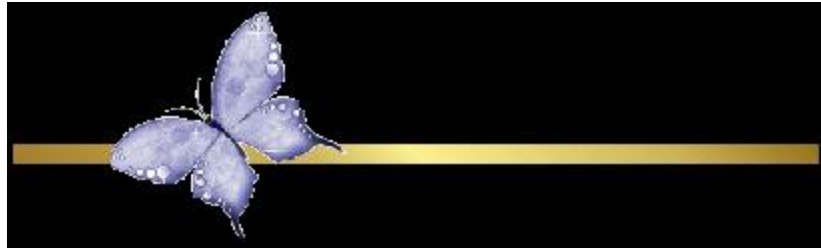
Nhưng hiện thực đó, cho dù rất đau lòng, có thể chưa phải là hậu quả lớn nhất. Sau những gì đã xảy ra, điều đáng sợ hơn đang thành hiện

thực mang tính toàn xã hội: đó là sự vô cảm tập thể, đi kèm theo nó là thói quen coi rẻ mạng sống của người khác. Từ việc không có hàng rào quanh những hố thi công, không đặt biển báo, không lắp đèn chiếu sáng, không làm lan can, không trang bị phao cứu sinh, bình chữa cháy... vì chúng tốn kém, ảnh hưởng tới lợi nhuận, cho đến hành vi cầu thả khi tham gia giao thông, chế biến thực phẩm thối, độc hại, bán sữa có chất gây ung thư, dùng bạo lực với con trẻ mới có vài tháng tuổi... đều là biến thái của thói quen coi thường mạng sống người khác.

Buồn thay, những hành vi còn hơn cả tội ác ấy lại cứ sẵn có đất màu mỡ, nhiều chỗ bị bỏ hoang, để tự do phát triển: đó là tính mù mờ, hai mặt của những quy định pháp lý và sự ngăn chặn không tương xứng từ phía toàn xã hội.

Khi người ta thản nhiên nhìn người khác chết, cùng có nghĩa là cái chết đang ở ngay bên cạnh họ. Khi cả xã hội rơi vào trạng thái vô cảm, cái xã hội đó đang để tương lai phía sau mình và sự rủi ro nằm sẵn ngay trên giường của mỗi phòng ngủ.

Chúng ta có thể bỏ ngoài tai những lời cảnh báo như vậy nhưng nên nhớ là không có cách nào thay đổi được nội dung của nó.



Xấu hổ quá

Phải chờ vụ việc lùi xa một chút, tôi mới dám đọc nội dung và xem clip về vụ cướp bia xảy ra ở vòng xoay Tam Hiệp, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Xấu hổ và nhục nhã quá! Chỉ có thể thốt lên như vậy. Ví thử ngay lúc này đây có một người nước ngoài hỏi tôi vì sao lại xảy ra chuyện đó ở một đất nước luôn dạy người ta “đói cho sạch, rách cho thơm”, có lẽ tôi chỉ biết cúi mặt để che giấu đi những tổn thương của mình, vẫn biết rằng hàng trăm người lao vào cướp bia kia chỉ là một “bộ phận nhỏ”, không thể nào đại diện cho phẩm giá của người Việt, nhưng nói cho cùng đó cũng chỉ là một cách tự an ủi. Không ai trong chúng ta, dù hoàn toàn vô can, được biện hộ bởi cái hành động như nhuốc ấy.

Cứ nhớ lại cách người Nhật dìm nhau qua hoạn nạn trong vụ động đất sóng thần, rồi ngấm đến hành động cả trăm người Việt xông vào cướp bia từ chiếc xe gặp nạn mà não lòng, không còn muốn nghĩ tiếp nữa. Chẳng cần phải lý luận dài dòng cũng có thể rút ngay ra kết luận: nước Nhật giàu có, ngăn nắp là phải, còn chúng ta cứ nghèo mãi cũng chẳng oan.

Hãy nói với nhau thẳng thắn và tàn nhẫn như vậy để không ai được né tránh, thay vào đó phải đối mặt với sự thật là tất cả đang bị sỉ nhục mà hành động khẩn cấp. Không ai được yên tâm, tự phụ về những mặt tốt của cộng đồng như là điểm trỗi văn hóa và không cần phải làm gì hơn nữa cũng đủ để chúng ta ngẩng cao đầu! Thay vì làm thế, xin hãy cúi xuống mà suy ngẫm. Đã đến lúc, nhân vụ việc vừa rồi, cần phải vạch mặt, chỉ tên những điểm u tối, nhếch nhác có thật, vẫn ẩn khuất trong tâm hồn mỗi người Việt.

Chúng ta có cả một kho tàng những lời dạy bảo về đạo lý sống mà tổ tiên để lại. Toàn những lời vàng ý ngọc về tính thật thà, lòng cừu mang nhau khi hoạn nạn, tinh thần chia ngọt sẻ bùi những lúc tai ương, giặc giã. Trong trường hợp xe bia bị lật vừa rồi, ông bà cũng đã có sẵn cho con cháu cách thức mà một người tử tế phải hành động. Nó được cô đọng trong câu mà tôi tin bất cứ ai cũng được nghe từ tấm bé. Cái câu ấy như sau: “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”. Đau ở đây có thể là ốm, có thể là chẳng may gặp nạn. Hành động cả tàu (cả bấy) cùng bỏ cỏ là để

bày tỏ niềm lo lắng, chia sẻ với đồng loại không may kia. Bỏ cỗ còn có thể hiểu là để nhường nhịn phần của mình; là không còn tâm trạng nào dành cho việc ăn uống khi trong cộng đồng có người bất hạnh. Hiểu theo nghĩa nào thì cũng thấy cái đẹp hiển lộ, cụ thể ở đây là sự đùm bọc, xúm tay vào chăm lo cho nhau, cho những người không may trong những hoàn cảnh éo le. Phải chăng vì biết hy sinh cho nhau như vậy mà tổ tiên mới bền bỉ tồn tại và giữ được cho con cháu cái cơ đồ không đến nỗi nào như chúng ta đang thừa hưởng?

Thế mà từ bao giờ cái sự tẻ nhạt vẫn có cửa rộng thênh thang để bước thẳng vào ngay giữa thanh thiên bạch nhật như những gì vừa xảy ra tại Biên Hòa, ngược lại mọi đạo lý tối thiểu? Áp vào câu tục ngữ vừa nêu, chúng ta chỉ có thể hiểu, cả tàu ngựa rình chờ một con trong đàn bị đau, mong cho nó gặp nạn để giành giật cái phần cổ vốn là bèo bọt của nó! Xấu hổ quá! Lại chỉ biết kêu to lên như vậy.

Liệu ai còn chút lòng tự trọng không thấy xấu hổ? Điều gì thậm tệ hại đang ngự trị trong tâm hồn cộng đồng và vì sao nó không gặp những cản trở mạnh mẽ từ những kháng thể hình thành bởi văn hóa? Câu trả lời xin dành cho những nhà giáo dục của đất nước luôn giỏi diễn thuyết. Bởi vì giáo dục đã đóng góp phần lớn vào tổng số những hành động phản cảm mà mọi người vừa chứng kiến.

Trong bài viết rất ít tham vọng này, đầu tiên chúng tôi muốn mọi người làm rõ tên của một hành động. Báo chí và nói chung dư luận đều gọi đó là vụ “hôi bia”, theo chúng tôi không đúng. Hôi của là hành động lợi dụng người khác sơ hở (do mãi đánh nhau, do mãi sơ tán những thứ vật dụng khác mà phải bày của nả tênh hênh giữa trời đất và không kiểm soát được) để cuỗm đi một vài thứ. Kẻ hôi của thường lén lút, cố lẩn nhanh vào đám đông hay bóng tối để mong không ai biết hành động của mình. Còn với việc cả trăm người lao vào khuân bia khi chiếc xe gặp nạn, ngay trước mắt chủ xe, bất chấp mọi lời van xin của anh ta, thì rành rành là ăn cướp, cướp ngày, cướp giữa đường giữa chợ, thậm chí là ăn cướp một cách đê hèn. Cấp độ nặng của tội rõ ràng cao hơn ăn cướp thông thường như từ điển về tội phạm định nghĩa là “Công khai cưỡng đoạt tài sản của người khác”.

Nếu không làm rõ ra như vậy, chúng ta sẽ không thấy hiện tượng cướp bia như vừa xảy ra, thực tế đã là một loại tội phạm, man rợ và nguy hiểm ở mức nào. Tính chất nguy hiểm của loại tội phạm này không

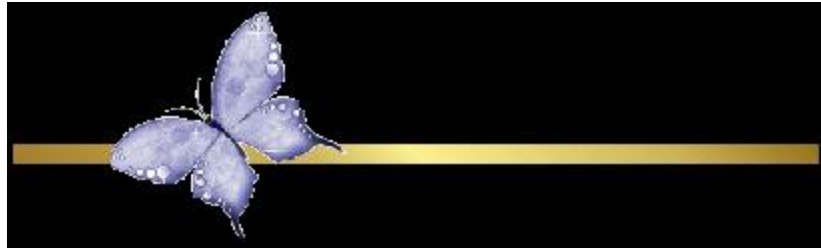
chỉ ở hậu quả hình sự do nó gây ra, mà còn khích lệ một lối sống bầy đàn rùng rú, thích cưỡng đoạt, cắn xé theo kiểu dã thú, đề cao bản năng tranh cướp, sống vô chính phủ ngay giữa lòng xã hội văn minh.

Vấn đề tiếp theo mà chúng tôi muốn mọi người cũng nên lưu tâm thích đáng, là phải có ngay hành động đáp trả mạnh mẽ từ phía xã hội và luật pháp với những kẻ đang tâm làm nhục cộng đồng. Khởi tố vụ án không thôi là chưa đủ. Giả sử tới đây một vài kẻ phải trả giá thích đáng cũng là chưa đủ. Ngoài sự trừng phạt mang tính thực thi luật pháp, theo tôi cần thêm sự trừng phạt của xã hội. Tôi rất cảm kích và đồng tình với hành động của em sinh viên nào đó treo băng rôn lên án những kẻ cướp bia. Đáng lẽ nó nên được làm ở mức quy mô lớn hơn, chẳng hạn với cộng đồng sinh viên. Phải nhân cơ hội này đánh thức liêm sỉ trong giới trẻ. Bởi vì nguy cơ về một lối sống vô cảm đang hiện diện dưới những hình thức khác nhau mà theo chúng tôi, đỉnh điểm của nó chính là hành động ăn cướp tập thể như vừa xảy ra.

Con người sở dĩ biết hành động phải lẽ, biết dừng lại khi đến ranh giới của sự tệ hại, phần nhiều không phải do họ sợ bị trừng phạt, mà vì nó được ngăn bởi bức tường đạo đức. Ngoài ra, và bền vững hơn, chính là cảm giác của họ về sự xấu hổ. Cảm giác xấu hổ là chỉ số nhạy cảm và chính xác nhất xác định một việc gì đáng làm hay phải tránh xa. Con người còn biết xấu hổ, tức là còn hy vọng vào nhân tính ở họ (Những người lao vào cướp bia, cười nói hỉ hả trên nỗi đau của người khác, là những người liệt mất cảm giác xấu hổ, ít nhất là tại thời điểm đó). Cảm giác này mang tính di truyền văn hóa, nhưng phần nhiều là do giáo dục. Còn cơ hội nào tốt hơn để chúng ta giáo dục con em mình về những việc làm đáng xấu hổ mà một người có văn hóa, một công dân chân chính không được phép nhúng tay vào.

Vì không có cách gì xóa đi được nỗi xấu hổ đã kịp làm méo mó hình ảnh đất nước, mà xã hội chúng ta không thể để cho một cuộc cướp bóc tập thể như vậy lặp lại trên tinh thần ấy, chúng tôi đề nghị cần phải tiếp tục bêu gương những khuôn mặt thuộc loại xấu xa nhất - bất kể đàn bà hay đàn ông - mà camera vô tình ghi được trong vụ cướp bia, cho phép truyền tải rộng rãi trên các loại phương tiện thông tin, truyền thông. Họ không đáng bị thù hận, thậm chí không đáng bị trừng phạt bằng các hình thức tù tội. Nhưng họ đáng bị tẩy rủa, đáng bị bài xích, đáng bị phán xét về mặt đạo đức, văn hóa trên diện rộng.

Cũng là dịp để chúng ta phơi bày công khai một thói xấu có nguy cơ làm nhiễm bẩn tinh thần dân tộc và đầu độc các thế hệ con cháu.



Sống với tin đồn

Trước hết người viết bài này xin kể hầu bạn đọc một chuyện hoàn toàn có thật. Bà già nọ đi chợ và mua một miếng thịt bò. Trên đường về, do chen lấn vì tắc đường, do đủ thứ nguyên nhân khiến bà đánh rơi miếng thịt ở đâu đó. Khi phát hiện miếng thịt bò bị mất, bà già liền quay lại tìm. Bà cứ hỏi xem mọi người có ai nhặt được miếng thịt bò thì cho bà xin lại. Rồi mọi người thấy bà như đang tìm gì đó thì cũng quay ra hỏi thăm. Bà trả lời bị mất miếng thịt bò, bà đang đi tìm miếng thịt bò chẳng may bị rơi mất, nhưng đông người quá nên không tìm thấy. Chuyện chỉ có thế. Vậy mà chẳng hiểu sao, bắt đầu từ ai đó, chuyện bà già mất thịt bò nhanh chóng biến thành chuyện có một chuyến đi bị đắm. Rồi có một chuyến đi bị đắm do chở quá đông người. Rồi một chuyến đi bị đắm chết rất nhiều người đi chợ... Cái tin đồn cứ thế lan nhanh như cháy đồi, không ai có thể kiểm soát khiến cả vùng tin rằng hôm đó có một con đò bị đắm, hàng mấy chục người chết đuối. Điều nguy hiểm và tức cười ở chỗ, sau khi phát hiện ra chỉ là tin đồn, những người quanh khu vực đó thì quên ngay. Nhưng tốc độ của tin đồn thì nhanh hơn cả gió, đã kịp đi rất xa, khiến vài năm sau vẫn có người hoàn toàn tin rằng, ở một nơi nọ đã có một con đò chở người bị đắm.

Không ai đủ sức, đủ kiên nhẫn để có thể cải chính triệt để cái tin vu vơ kia. Đó cũng là một đặc điểm nữa của tin đồn, sau cái đặc điểm mang tính nhận dạng “là được truyền miệng mà không rõ nguồn gốc”, biến tất cả thành những kẻ nặc danh.

Bi hài nhất cho thể loại tin đồn có lẽ là chuyện xảy ra cách nay ít lâu về việc bố chồng loạn luân với nàng dâu và bị dính chặt vào nhau đến mức không sức nào gỡ ra được phải đưa đi bệnh viện. Từ một tin đồn ác ý, thành một tin báo chí đã khiến mọi người và cả thế giới khoa học kinh ngạc, bán tín bán nghi các ghi chép về lịch sử y khoa nhân loại, rằng hàng trăm ngàn năm chưa thấy một hiện tượng tương tự ở bất cứ đâu!

Những ai đã đọc một tờ báo (tôi không tiện nêu tên) cách nay khoảng 10 năm, sẽ vẫn đinh ninh rằng ông bà Bill Clinton đã ra tòa chia tay và tài sản mà ngài cựu tổng thống Hợp chủng quốc được chia chỉ là

một con chó! Tờ báo kia đã cầu thả đăng lại một tin đồn có chủ ý đùa cợt của báo chí nước ngoài mà không kiểm chứng. Và rồi nó thành tin chính thức ở một vùng lãnh thổ cách xa nước Mỹ cả vạn dặm.

Sự việc đang nóng nhất hiện nay liên quan đến tin đồn là chuyện bộ lư đồng của một gia đình ở Quảng Ngãi có giá tới 300 tỉ đồng! Người ta không cần biết 300 tỉ đồng là một tài sản lớn cỡ nào, liệu có ai dám bỏ ra để mua thứ mới chỉ có giá trị phỏng đoán, mua vì mục đích gì mà hấp tấp còn hơn cả ném tiền xuống cống như vậy... nhưng cứ người nọ mất tròn mắt dẹt mỗi khi kể với người kia như vậy, cho đến khi nó được các trang mạng phụ họa, lan ra cả thế giới. Cũng chẳng ai hỏi lại tin ấy lấy ở đâu, cái người mua ấy tên là gì, chủ nhân của bộ lư nói gì... bởi đã hỏi đến thế thì chẳng cái gì thành tin đồn được nữa. Tin đồn là loại tin vu vơ, chỉ tiếp nhận một chiều. Tin đồn - khi đã thoát khỏi điểm xuất phát - là thứ tin có khả năng lan truyền vô hướng, về cơ bản là vô đích, vô vụ lợi (trừ kể tung tin ban đầu với chủ ý nào đó). Vì thế mà không ai ngăn chặn và cũng không thể ngăn chặn được. Sau đó nó tồn tại dưới những dạng tùy biến (có hàng vạn phiên bản) rồi tự mất. Nhưng trước khi biến mất, tin đồn luôn kịp gây ra những hệ lụy không ai lường trước được, ở cấp độ nguy hiểm khác nhau, nhiều khi tới mức thảm họa, cho cá nhân hay bộ phận dân cư nào đó. Vì thế, với tin đồn, tất cả đều tự nguyện biến thành một thứ nạn nhân, trước hết là con tin của sự hiếu kỳ.

Tốc độ của tin đồn phụ thuộc vào tốc độ của truyền thông. Thời xa xưa là rỉ tai nhau. Thời gần đây là kể công khai ở chỗ đông người. Còn ngày nay Internet khiến tin đồn lan truyền với tốc độ ánh sáng. Vì thế mà tác hại của nó cũng lan nhanh và rộng hơn rất nhiều, trở thành một thứ ám khí vô hình nhắm vào mọi đối tượng.

Trong bài viết này chúng tôi không có khả năng và điều kiện để giải mã hiện tượng tin đồn. Vả lại cũng đã có người nói thuyết phục hơn. Chúng tôi muốn chỉ ra một khía cạnh khác, đó là từ hiện tượng tin đồn, nghĩ về một số mặt kém cỏi của con người nói chung và người Việt chúng ta nói riêng.

Qua theo dõi sự lan truyền và khả năng nhân bản của tin đồn, chúng tôi nhận ra những môi trường sau đây là đất sống màu mỡ của nó:

- Thói hóng hớt những chuyện giật gân, chuyện của người khác. Thói quen này mang tính nhân loại, nhưng người Việt chúng ta thuộc số

các dân tộc nghiện nặng.

- Thói thích mình là người quan trọng.

- Thói tào lao, nói mà không suy nghĩ xem mình nói thế để làm gì. Thực ra đây cũng là biểu hiện của thói vô tổ chức, vô trách nhiệm.

- Thói đổ ky. Đây là thói xấu nhất chống lưng cho tin đồn. Một ai đó đang gặp may, một đại gia nào đó đang phát, nhất định có nhiều người đổ ky. Và thế là chỉ cần hở ra tin gì bất lợi cho họ, lập tức nó được thói đổ ky chế lại thành đủ thứ tai nạn, tai họa, thực chất là chuyển theo những mong muốn không thành lời của mình, cầu cho họ lụn bại. Vì thế mới có chuyện nhiều người thích thú, thích chí khi kể lại những đau khổ, đổ vỡ hay thất bại của người khác. Cứ để ý mà xem, ngay cả khi kể về một thảm họa đắm đò, cháy nhà, cướp tiệm vàng, mất cắp, bị cướp giật nào đó... không ít người chúng ta thấy âm thầm hoan hỉ, trước hết vì mình không thuộc số nạn nhân. Nhưng đáng bàn hơn, sự hoan hỉ ấy phản ánh cái mầm ác vẫn còn nằm sâu trong tâm địa, chẳng qua phải che dấu nó đi. (Mừng cho người ta gặp may có ba trăm tỉ đồng thì ít, mà hả hê vì gia chủ có thể gặp đại hạn với bộ lư đó thì nhiều). Theo một cơ chế theo tính bản năng, nó sẽ chuyển sự phóng đại vô lối, tùy thích vào các tin đồn. Từ miệng một người mà tin đồn có thể đã tới dăm bảy phiên bản, thì khi hàng triệu người truyền nhau, chẳng hiểu nó còn bị méo mó đến đâu. Thói quen đáng xấu hổ này, với người Việt chúng ta, đã có thể được coi là căn bệnh giống nòi. Nếu không chữa chạy thì khó mà phát triển được.

- Thói ích kỷ. Nhiều khi biết cái tin đồn nào đó rất ác ý, rất nguy hiểm, rất vô văn hóa nhưng cứ thói phồng nó lên, thành cái loa tự nguyện để thỏa mãn một nhu cầu giải tỏa nào đó của bản thân, thậm chí chỉ để cho sướng miệng.

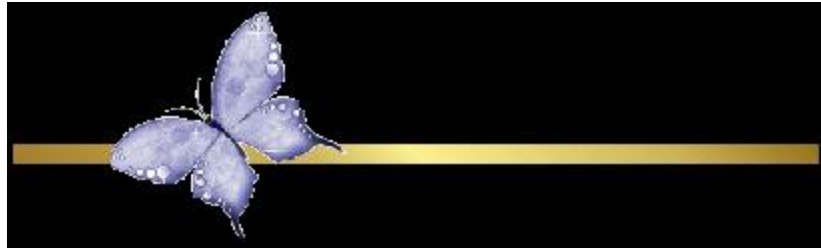
Tạm thời khép lại ở tận cuối cùng (với bình luận này) là thói thêu dệt, ngồi lê mách lẻo. Nó là sản phẩm của căn bệnh lười biếng, nhàn cư vi bất thiện.

Những thói xấu vừa kể, có chung ở mọi dân tộc. Nhưng ở những dân tộc có nền giáo dục tốt, môi trường xã hội trong lành, ý thức cao về nghĩa vụ đạo đức, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ cho tương lai, chăm chỉ làm việc thì những thói xấu đó bị kìm chế tối đa, bị bài xích và nó trở thành nỗi xấu hổ dưới góc độ văn hóa. Khi người ta biết rằng mình mắc

những thói tật đó là đáng xấu hổ, với bản thân và với cộng đồng, thì họ sẽ tìm cách tránh xa. Tin đồn cũng vì thế mà mất dần đất tồn tại, bị cắt từ gốc rễ.

Nhưng đó sẽ còn là mơ ước lâu dài, mang tính lý tưởng. Trên thực tế rất khó triệt tiêu được tin đồn, nếu không muốn nói thẳng rằng nỗ lực đó là vô vọng. Vì thế, cách tốt nhất là phải coi nó như một sản phẩm của xã hội, là một phần tất yếu của phát triển, phải tìm cách chấp nhận và chung sống với nó, khắc chế tối đa tác hại do nó gây ra.

Cho đến nay, chúng tôi thấy biện pháp hữu hiệu hơn cả là xã hội phải thật minh bạch và dân chủ về thông tin.



Nhớ về một vụ án

Năm 1987, bố tôi phải đối mặt với một phiên tòa xét xử tội vu khống, căn cứ trên những kiến nghị của lãnh đạo Huyện ủy huyện Chương Mỹ (nay thuộc Hà Nội). Huyện ủy thì dựa trên những kết luận của Ban kiểm tra Tỉnh ủy Hà Sơn Bình lúc đó, được đăng dưới dạng một bài báo có tên tác giả hẫng hoi^[1]. Trớ trêu nhất là mọi sự thật đều thuộc về bố tôi nhưng ông không có bất cứ phương tiện nào trong tay để chứng minh mình đúng.

[1. Bài báo có tựa đề: Người tố cáo sai sự thật phải được xử lý nghiêm minh, của tác giả Bằng Giang, được trao giải báo chí năm 1987 của Hội nhà báo Việt Nam.]

Những cơ hội tốt nhất với ông đều bị chính ông làm hỏng. Hai đoàn kiểm tra có lúc lên tới 50 người, thành phần gồm từ cán bộ tỉnh cho đến xã, đã xuống tận nơi bố tôi sinh sống và đều đưa ra kết luận bố tôi vu bất mãn, công thần mà tìm cách bôi nhọ lãnh đạo xã và huyện. Khi tôi đang tại ngũ từ Lào Cai trở về, thì có vẻ như đã quá muộn. Chỉ còn một lối thoát khả dĩ là thuyết phục báo Hà Sơn Bình chấp nhận đính chính bài báo sai tới 90% (việc bác bỏ của công an huyện Chương Mỹ sau này về việc khép tội bố tôi căn cứ trên những gì bài báo nêu ra, là căn cứ chắc chắn nhất cho khẳng định đó), nhưng họ quyết định chấp nhận làm một việc vô lương tâm nhất chứ quyết không nhận lỗi. Phiên tòa đã được ấn định, cả thời gian cũng như địa điểm. Thậm chí đã có cả dự kiến mức án.

Không ai tin là tôi có thể cứu vãn được tình thế, mặc dù rất nhiều người biết rõ bố tôi bị oan. Tôi cũng đã thử tìm cách để lật lại kết luận của các cơ quan điều tra nhưng không mấy hiệu quả. Họ đã bị thuyết phục bởi nhiều nhân chứng chống lại bố tôi, do địa phương dàn cảnh dựng lên quá tinh vi. Tại thời điểm đó, dư luận, thông qua báo Tiền Phong, đang nóng bỏng về một vụ việc ở Thanh Hóa, với kết luận của 14 đoàn kiểm tra đều giống nhau nhưng hóa ra lại vẫn là kết luận sai! Chính điều đó cho tôi chút hy vọng mong manh.

Nhưng làm thế nào bây giờ? Từ báo Tiền Phong ra với lời từ chối giúp đỡ, tôi như người đi vào ngõ cụt hoàn toàn. Nhưng nhờ bị đẩy đến cùng đường ấy mà tôi lóe lên cách lật lại thế cờ với việc bắt ngớ nhớ

đến ông Nguyễn Đình Sở, bí thư tỉnh ủy tỉnh Hà Sơn Bình lúc bấy giờ. Tôi chỉ mới gặp ông Nguyễn Đình Sở khi tham gia trại sáng tác văn học Hà Sơn Bình năm 1982, cùng với sáu anh em Sông Đà, vào hôm ông đến thăm các nhà văn của tỉnh. Ông có một ý khiến tôi nhớ mãi là tại sao đất đai dưới chân chúng ta mênh mông, màu mỡ mà lại cứ chịu đói dài? Sau đó bạn tôi, nhà văn Vũ Hữu Sự, đã lấy ý của ông bí thư Tỉnh ủy đặt tên cho bài bút ký của anh là *Đất đai mênh mông*. Từ bấy tôi không gặp lại ông. Nào ngờ, số phận lại gắn ông vào với chúng tôi. Tôi tin rằng khi chỉ đạo phải làm nghiêm minh vụ của bố tôi, ông hoàn toàn vô tư dựa trên các báo cáo do cấp dưới đệ trình. Không hiểu sao vào giây phút cùng đường, tôi lại nhớ đến ông bằng một ý nghĩ rất sáng sủa. Sự thật thì chỉ có ông là đối được hướng điều tra để mong một kết luận khác có lợi cho bố tôi. Việc của tôi là phải tìm cách thuyết phục “nghĩ lại” bằng khả năng viết lách của mình. Và tôi quyết định viết cho ông một lá thư dài gần bốn trang giấy học trò trong căn phòng khách của Công đoàn tỉnh, do anh Lê Trung Hợp ưu ái dành cho.

Trong thư tôi kể sơ qua về bố tôi, về những ưu điểm và hạn chế mang tính thời cuộc của những người không hề được học hành như ông. Sau đó tôi kể một cách súc tích và rành mạch nhất - trong khả năng có thể - về vụ việc đang xảy ra, chỉ rõ những chỗ mà đoàn kiểm tra đã bị cán bộ cơ sở kéo bè kéo phái dàn dựng nhân chứng để đánh lừa. Tôi không quy kết bất cứ ai, không trách móc những người đã đưa ra bản kết luận cũng là bản kết tội bố tôi. Tôi chỉ muốn sự công bằng, cho bố tôi và cho những người của thế hệ ông. Cuối cùng tôi muốn ông hãy kiên nhẫn nghe tôi như một người cha nhân từ và rộng lượng nghe tâm sự của một đứa con đang tuyệt vọng.

Tôi dừng bút lúc 4 giờ sáng. Sau đó tôi ngủ một giấc. Có lẽ chỉ khoảng 15 phút là tôi đã tỉnh. Tôi soát lại lần nữa và tự cảm thấy hài lòng với những gì đã viết mà chính tôi cũng ngạc nhiên. Giờ đây cái khó nhất là làm sao để đưa tận tay cho ông Sở chứ chưa nói đến chuyện ông sẽ đọc một lá thư dài lê thê? Tôi bèn nhờ chính người đang góp phần đẩy bố tôi ra tòa chuyển đến tay ông Sở, bằng một thủ thuật tinh vi: cho ông ta đọc lá thư để ông thấy rõ trong thư tôi đi khen ông ta có tinh thần trách nhiệm với công việc như thế nào.

Tôi biết ông ta đang rất thích điều đó, thích được đích thân bí thư Tỉnh ủy thấy rằng dư luận đánh giá cao ông ta!

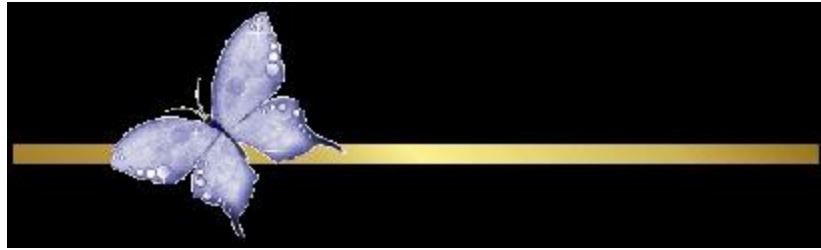
Cho nên ông ta nhanh nhẩu nhận lời sẽ chuyển tận tay ông Nguyễn Đình Sở lá thư của tôi. Thậm chí ông ta còn cảm ơn tôi đã nói tốt về ông ta với ông bí thư. Nếu là người tinh tường sâu sắc thì ông ta sẽ nhận ra ẩn ý tố cáo của tôi trong chính lời khen đó.

Không hiểu sao tôi tin rằng ông Nguyễn Đình Sở sẽ đọc hết lá thư, nếu ông đọc qua câu đầu tiên. Tôi đã tính kỹ từng lời văn để chỉ cần ông đọc đoạn đầu, ông sẽ phải đọc hết. Nếu điều đó đúng thì tôi đã làm được một việc cực kỳ khó. Nhưng cứ phải chờ thì mới biết. Và điều tôi dự đoán cuối cùng đã xảy ra (mặc dù phải mãi về sau tôi mới biết tường tận): ông Nguyễn Đình Sở đọc xong thư của tôi ngay trong giờ giải lao của một cuộc họp và trước bữa ăn trưa ông đã chỉ thị cho các cơ quan của tỉnh điều tra lại vụ của bố tôi từ đầu, với sự tham gia của tôi. Tôi chỉ cần duy nhất điều đó. Tôi đã trình bày với đoàn kiểm tra thứ ba một cách bình tĩnh, rõ ràng, đơn giản những gì mà bố tôi đã làm cho rồi tung lên. Phần lớn những người từng chống lại bố tôi có mặt trong đoàn kiểm tra trước, đều quay sang ủng hộ ông. Ủng hộ mạnh nhất chính là ông trưởng công an huyện Chương Mỹ lúc ấy, người từng thể sẽ đưa bố tôi vào tù dựa trên các chứng cứ và kết luận của hai đoàn trước.

Về sau, qua một vài người có điều kiện gần gũi ông Nguyễn Đình Sở, tôi được biết là ông Sở đã chỉ suy đoán sự việc dựa trên một linh cảm khiến ông không yên tâm: tại sao từ cán bộ cấp tỉnh, đến huyện, đến xã, cho đến cả thôn có trong đoàn kiểm tra, mọi ý kiến đều chống lại bố tôi, một người đã hoàn toàn thất thế? Hẳn phải có điều gì không bình thường ở đây?

Và thực tế sau đó cho thấy linh cảm của ông bí thư là hoàn toàn chính xác! Nhờ thế mà bố tôi thoát một nỗi oan ức có thể khiến ông vỡ tim mà chết; lịch sử ngành tư pháp tránh được một sai lầm, còn những người công chính lại có cơ sở để tin vào lẽ phải và tiếp tục chiến đấu cho nó.

Mỗi khi nhớ về vụ án của gia đình mình năm trước, tôi lại thăm ước ngành tòa án ngày càng có nhiều những thẩm phán, chánh án luôn luôn ưu tư, bất an trước kết luận mỗi vụ án, luôn cảm thấy không yên lòng với ngay cả những gì đã được coi là sự thật.



Bàn góp chuyện Đàn Xã Tắc

Cách đây nhiều năm, qua tài liệu vô tình nhặt được, tôi biết một chuyện thú vị về cách mà người Pháp ứng xử với danh nhân của họ. Chuyện thế này: trong khi quy hoạch lại một khu phố ở Paris do nhu cầu bức thiết, người ta buộc phải chặt đi rất nhiều cây, để lấy mặt bằng. Nhưng có một cây (nếu tôi nhớ không lầm thì đó là một cây du) không ai có quyền động vào, mà phải giữ lại bằng mọi giá và được bảo vệ như một di sản quý báu. Không phải cái cây đó nhiều tuổi hơn các cây khác hay có gì đặc biệt về mặt hình thức. Chỉ đơn giản là do sinh thời, nhà văn Nicolas Boileau (1636-1711), tác giả của tác phẩm *Nghệ thuật thơ*, thường ngồi dưới gốc cây du đó để suy ngẫm. Tại sao ông chọn cây du đó chứ không phải cây khác thì chỉ có trời biết. Nhưng chỉ cần như vậy là đủ để các kiến trúc sư phải tìm cách thiết kế thế nào đó sao cho vẫn có một khu phố đẹp mà không phải chặt đi cái cây du như một chứng tích lịch sử kia. Boileau, trong thang bảng xếp hạng, rõ ràng không phải là cổ nhà văn khổng lồ của nước Pháp, mà còn được hậu sinh trọng vọng như vậy. Bởi vì lịch sử là thứ không bao giờ lặp lại, vì thế nó mặc nhiên quý giá, cần phải bảo tồn. Nhưng lịch sử còn là nơi cất giấu những mã thông tin, những bí mật thuần túy khoa học... vì thế mọi xu hướng chính trị hóa nó theo nhãn quan hiện tại, là nông cạn và tức cười.

Tôi xin kể tiếp một chuyện nữa cũng liên quan đến vấn đề bảo tồn di tích lịch sử. Khi sang Hoa Kỳ, chúng tôi được đưa đến thăm một viên đá, được cho là điểm đầu tiên của người châu Âu khi đến Tân thế giới. Dĩ nhiên viên đá đó chả có gì đặc biệt, ngay cả khi so với những viên đá bố tôi vẫn dùng để kê cầu ao mà tôi thường đặt chân kì cọ hời bé. Nhưng đó là bảo vật của nước Mỹ và họ đã gìn giữ nó còn hơn cả bảo vật, với hàng rào bảo vệ, lính gác, camera - dĩ nhiên. Rất có thể nhân vật lịch sử kia chỉ là một tên cướp biển, một nô lệ hay một gã lính quèn được lệnh phải lên bờ trước để thám thính. Điều đó không còn quan trọng khi nó đã là một phần của lịch sử hình thành nước Mỹ. Chỉ có ai mất cảm giác về văn hóa mới đi yêu cầu lục lại hồ sơ xem người đặt chân lên viên đá ấy đầu tiên có đức hạnh hay không, có công trạng gì to lớn với nước Mỹ?

Nhưng, trong cả hai trường hợp tôi vừa dẫn ra làm ví dụ, cây du cũng như viên đá, đều là những di sản lịch sử đáng tin, tức là đã được khảo sát kỹ lưỡng, được ghi chép hay truyền miệng theo một cách nào đó không thể bác bỏ, được tôn vinh bởi một ký ức liên mạch, không biến dạng, tức là đã được kiểm chứng. Hãy giả dụ những vật lịch sử ấy chỉ là do ai đó bịa ra, vì bất cứ lý do gì, bất cứ động cơ gì... thì mọi sự tôn vinh có đáng tức cười và đáng thương hại hay không. Khi đó nó không chỉ vô giá trị (ngoài chút giá trị vật chất) mà còn đóng dấu ô nhục vào niềm tin của con người.

Giờ là lúc trở lại với vấn đề xử lý di tích Đàn Xã Tắc đang gây ồn ào và ở một mức độ nào đó, chia rẽ xã hội. Các sử học có lý do để kêu gọi bảo vệ di tích lịch sử vào loại quý hiếm - nếu nó đúng là Đàn Xã Tắc, kể cả của một thể chế thối nát như cuối triều Lê. Nhưng cái lỗi lớn của các nhà sử học là tại sao ngần ấy năm họ không làm công việc chuyên môn của họ là minh định giá trị đích thực của di tích? Một di tích quan trọng như vậy, tại sao sau khi tình cờ phát hiện cách nay 5-6 năm, một thứ xứng đáng để đội ngũ làm sử reo lên O-rê-ca, mà vẫn cứ trong tình trạng “đắp chiếu” (trên thực địa là phủ cỏ) để đấy, mỗi người tùy thích đưa ra những đánh giá theo cách của mình? Kể cả không phải là vị trí đặt Đàn Xã Tắc, nó vẫn xứng đáng được bảo tồn với chỉ đơn thuần là vật lịch sử, nhưng hậu sinh cần phải biết nó là cái gì quá khứ để lại (giống như cây du và viên đá ở hai ví dụ trên).

Có thể tôi đòi hỏi quá sức các nhà khảo cổ, các nhà sử học khi họ không có phương tiện cần thiết để làm việc đó. Phương tiện ấy không chỉ là tiền, mà còn là quyền hạn. Những thủ tục phiền hà, những ngáng trở vô hình quả là không dễ vượt qua trước khi mệt mỏi đến mức không còn hơi sức và cảm hứng. Nhưng chưa thấy ai kêu ca, kiên nhẫn và bài bản, về chuyện này, ít ra là trong nhiều năm qua. Nếu đây cũng là sự thực, thì thật đáng buồn cho chính họ. Bởi vì nếu việc đó được làm một cách có trách nhiệm, có dũng khí thì giờ này hẳn đã có đề xuất được đưa ra trưng cầu dư luận. Không ai dám coi thường dư luận một khi nó thành ý chí của số đông. Khi đó, việc nắn một con đường, việc tìm ra một thiết kế cho cầu vượt thế nào đó không làm mất cảnh quan di tích, trở nên không phải là việc tốn kém so với giá trị mà di tích đem lại. Nhưng tận khi Sở Giao thông Vận tải Hà Nội quyết định làm cầu vượt, họ vẫn hoàn

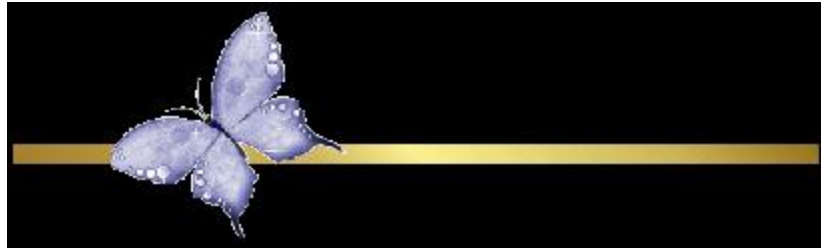
toàn không bị bất cứ một áp lực nào đủ mạnh từ phía các nhà sử học. Mọi việc chỉ nóng lên khi tất cả đều đã ở chân tường.

Giờ này có vẻ như mọi việc đã được định đoạt: Hà Nội cứ xây cầu vượt qua cái nơi mà họ không bị áp đặt mang tính thuyết phục (và do đó nó mặc nhiên mang theo áp đặt pháp lý và đạo lý) phải hiểu rằng đây là Đàn Xã Tắc của cha ông! Trong khi đó, với lương tâm nghề, một số nhà sử học và những người có tình yêu vô tư với lịch sử thì đòi phải bảo vệ Đàn Xã Tắc! Chỉ người dân tham gia giao thông là thiệt thòi. Nhiều người trong số họ thậm chí còn không biết vì sao lại đặt chèn ềnh một viên đá góc cạnh ở giữa con đường đông đúc vào loại nhất nhì Hà Nội? Trong khi đó họ lại có quyền chính đáng đặt câu hỏi là tại sao Hà Nội cứ lần lữa với việc xây cây cầu vượt để giải quyết nạn ùn tắc! Theo tôi, việc nối dài con đường Kim Liên đến Hoàng Cầu có thể cứ tiến hành như kế hoạch, nhưng việc làm cây cầu vượt thì nên tạm dừng lại. Trong thời gian đó, các nhà sử học, các nhà chuyên môn liên quan được tạo điều kiện tối đa về vật chất (chắc chắn thua xa tiền đền bù vài mét vuông đất) với yêu cầu là họ phải đưa ra được khẳng định vị trí hiện nay gọi là Đàn Xã Tắc mang giá trị gì thật sự về mặt lịch sử? Việc này, với các điều kiện khoa học ngày nay, chắc không phải là quá khó. Nếu đúng nó chính là vị trí tổ tiên đặt Đàn Xã Tắc, thì khi đó việc xây cây cầu vượt cần tính lại và tôi nghĩ chưa phải đã cạn kiệt giải pháp kiến trúc. Còn nếu nó chỉ là vật lịch sử thông thường thì cách khoanh lại như hiện nay là ổn và đủ trang trọng, đáp ứng cơ bản được nhiều yêu cầu. Khi đó trong cái không gian hiện đại có một điểm nối với quá khứ, chắc hẳn có tác dụng làm bình tâm lại nhiều người.

Vì chỉ với mục đích bàn góp chuyện Đàn Xã Tắc nên tôi đã định dừng lại tại đây. Nhưng xét cho cùng thì chuyện linh xình vừa qua cũng vì vấn đề gốc là ùn tắc giao thông của Hà Nội, nên tôi tiện thể muốn nói thêm rằng, với kiểu quy hoạch bỏ rơi ngoại vi như Hà Nội đang làm (mặc dù trên lời nói có vẻ không phải vậy), thì dù có mở rộng gấp đôi toàn bộ các con đường hiện nay, dù ngã tư nào cũng xây cầu vượt, Hà Nội vẫn sẽ tắc nếu cứ tiếp tục xây nhà cao tầng, khu thương mại hiện đại trong nội đô. Tại sao không dùng số tiền cực kỳ lớn dành cho giải phóng mặt bằng mở rộng một đoạn đường vài trăm mét khiến vừa lãng phí vừa gây xáo trộn dân sinh, cho việc xây dựng trường học, bệnh viện,

khu hành chính, mở rộng đường ra phía ngoại vi để kéo dẫn dân cư? Bởi người ta vẫn đổ cho căn nguyên của sự ì ạch này là do thiếu tiền!

Người dân có quyền hỏi: có thật sự thiếu tiền hay thiếu một tầm nhìn, hay còn những lý do nào khác liên quan cả đến tiền lẫn tầm nhìn và sẽ còn bao nhiêu sự cố gây tắc tị không đáng có như chuyện quanh Đan Xã Tắc?



Đối diện với cõi mù tăm

Trong đời chưa một lần tôi có hân hạnh được diện kiến bất cứ nhà ngoại cảm nào. Nhưng tôi tin vào khả năng vẫn còn khá bí ẩn của họ. Có nhiều cơ sở cho niềm tin của tôi. Thứ nhất là qua trải nghiệm tâm linh bản thân. Tôi từng đối mặt với khá nhiều bí ẩn liên quan đến “thế giới bên kia”, để cuối cùng tin rằng, nhất định còn có một trạng thái sinh tồn nào đó mà lý trí không thể với tới. Nó giống như giả thiết về phản vật chất, vật chất tối của các nhà khoa học, dù chưa ai nhìn thấy hoặc chứng minh được. Tôi không dám đặt tên cái trạng thái sinh tồn ấy, tạm coi là cõi mù tăm. Mặt khác, có khá nhiều bạn bè thân thiết của tôi đã từng thượng tôn khoa học trong mọi giải thích về thế giới này, nhưng cuối cùng đều phải nhờ đến các nhà ngoại cảm mới tìm thấy mộ người thân và đã tìm thấy.

Thậm chí có trường hợp bố đẻ chết cách nay đã nửa thế kỷ, tại một địa điểm hàng ngàn ki lô mét, nhưng nhờ chỉ dẫn qua điện thoại của nhà ngoại cảm mà họ tìm thấy hài cốt chính xác đến phạm vi một mét. Nhiều gia đình nhờ nhà ngoại cảm mà minh oan được cho người đã chết. Rồi qua báo chí, hàng vạn, hàng vạn gia đình liệt sĩ tìm thấy mộ người thân hy sinh nhiều năm qua các nhà ngoại cảm. Những nhân chứng ấy vẫn đang sống trên mọi miền đất nước và bất cứ lúc nào cũng có thể xác nhận cho sự thật ấy. Chả lẽ những hiện thực như vậy đều là chuyện tầm phào! Nếu chúng ta không cẩn thận sẽ mắc tội vô ơn và làm nản lòng những người có tâm lớn với đồng bào.

Khi nhà tâm linh Nguyễn Thanh Thúy (cậu Thủy) bị công an bắt vì tội lừa đảo và trước đó nữa là chương trình *Trở về ký ức* có đề cập đến chuyện gian lận của các nhà ngoại cảm, tôi đón nhận những thông tin ấy khá bình thản.

Thứ nhất do tôi quá biết rằng, ở đâu, trong bất cứ lĩnh vực nào trên cái đất nước này chả có những kẻ lừa đảo. Chắc chắn lĩnh vực ngoại cảm chưa thể nằm trong top một vạn, bản danh sách những vụ lừa đảo gây tổn hại lớn về vật chất và lòng tin. Bởi vì nói là “giới ngoại cảm” chứ thực ra cái “giới” đó có được mấy người. Bao nhiêu năm nay tôi vẫn

chỉ nghe nhắc đến con số chục những người có khả năng phi thường ấy. Cũng có xì xèo về chuyện nọ chuyện kia liên quan đến họ. Ở đời, đã có của thật, thì nhất định sẽ tồn tại của giả. Điều đó thậm chí là một thứ quy luật sinh tồn. Vì thế, nếu trong số họ có một “cậu Thủy” lợi dụng thành quả của những nhà ngoại cảm, lợi dụng lòng tin của mọi người để lừa đảo kiếm tiền (việc này tất nhiên còn phải chờ kết luận điều tra khách quan, công bằng, chúng ta chớ nên nói bừa mà nặng kiếp) thì cũng dễ hiểu chứ có gì khác thường lắm đâu. Khác thường đây chỉ là người ta biến một mục đích thiêng liêng, vô nhiễm thành thứ phương tiện để kiếm tiền, vốn là thứ phàm tục, luôn cáu bẩn bụi trần. Khác thường, nếu có, chính là hành động câu kết trời không dung đất không tha của những kẻ lấy tiền nhà nước tiếp tay cho sự lừa đảo bằng việc mua bán những bộ hài cốt giả. Những người đó đã phạm một lúc hai tội lớn: gian dối và báng bổ.

Tuy nhiên, việc dùng lỗi của người này, hiện tượng cụ thể này để suy diễn, quy chụp thành hiện tượng phổ biến do đó kết tội cả những người khác không liên quan là không thể chấp nhận được. Trên phương diện khoa học pháp lý điều đó hẳn nhiên là sai lầm. Nhưng chỉ xét riêng việc điều đó có thể gây tổn thương cho người khác một cách bất công, bắt họ phải chịu oan tiếng xấu, đã phải hết sức thận trọng trong phát ngôn.

Ông “cậu Thủy” có thể dùng xương động vật để lừa đảo kiếm tiền, nhưng không thể lấy đó bảo những trường hợp lừa xương động vật thành hài cốt liệt sĩ khác cũng là lừa đảo? Bất cứ ai có chút óc tưởng tượng cũng dễ dàng hình dung ra hàng chục cảnh ngộ trong chiến tranh dẫn đến tình trạng xương người và xương động vật trộn lẫn với nhau? Chẳng hạn như tưởng tượng sau đây của con gái tôi năm nay mới có 21 tuổi, chưa bao giờ nghe thấy tiếng bom đạn. Nó bảo rằng, thiếu gì lúc người và trâu bò cùng ở một địa điểm trong rừng. Nếu chẳng may có cả chục quả bom rơi trúng chỗ ấy, thì xương người và xương trâu bò trộn lẫn nhau là cái chắc. Chưa kể lại còn trải qua mấy chục năm sau, thế gian biến cải khôn lường. Nhưng kinh ngạc hơn khi nó bảo thêm, ngay cả một vật sờ sờ trước mắt nhiều khi còn nhầm, huống hồ đây lại là những thứ vùi sâu trong đất, bị thời gian thay hình đổi dạng, biến đổi màu sắc?

Thế mà, “những thứ vùi sâu trong đất, bị thời gian thay hình đổi dạng, biến đổi màu sắc” ấy lại vẫn có người nhìn thấy. Nếu chúng ta không thể phủ nhận công lao của các nhà ngoại cảm trong mấy chục năm qua; nếu Phan Thị Bích Hằng đúng 60-70% và sai 30-40% trong việc dùng khả năng ngoại cảm của mình tìm hài cốt, như ý kiến khẳng định của ông Vũ Thế Khanh, tổng giám đốc Liên hiệp Khoa học Công nghệ Tin học Ứng dụng (UIA) là đúng thì không còn gì phải lăn tăn mà không thừa nhận bà ta là một tài năng đặc biệt, một người có công rất lớn, một người xứng đáng được khen thưởng! Trời ạ, còn muốn thế nào nữa! Với tôi, chỉ cần riêng một vụ tìm thấy hài cốt nhà văn Nam Cao, tìm thấy một cách kỳ lạ, không thể chối cãi, đã đủ để tôi kính phục và ghi ơn bà Hằng. Bởi vì trước đó, khá nhiều người đã làm việc đó, trong nhiều năm nhưng không thành. Bà Hằng trước hết là người trần mắt thịt như chúng ta, làm sao lại đòi hỏi bà ấy không thể sai lầm!

Bà ấy mà không sai lầm thì mới đáng là sự lạ!

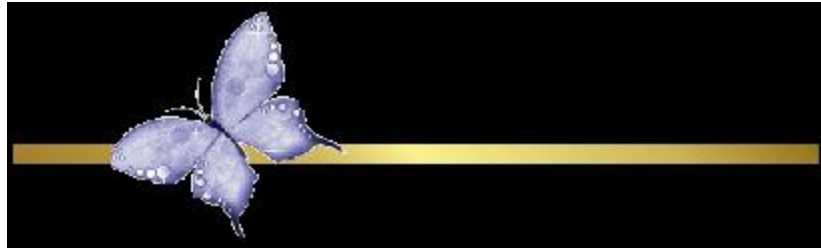
Vì là con người, cho nên nhà ngoại cảm cũng có thời sung sức và thời đuối sức. Trước đây họ đúng nhiều sai ít, còn giờ đây, vì nhiều lý do, chẳng hạn như sức lực kém dần, khả năng ngoại cảm thuyên giảm, khiến họ không còn tự tin vào bản thân nữa, việc tìm mộ không còn chính xác cao nữa, thậm chí hoàn toàn mất khả năng, cũng là chuyện bình thường. Chúng ta đành phải chấp nhận thôi. Điều chúng ta có thể làm là chân thành nói với họ về sự thật khắc nghiệt đó, để họ phải lượng được mình khi có tiếp tục làm cái công việc tinh tế đó nữa không? Vả lại, biết đâu ở thế giới mù tăm nào đó, cũng có bọn xấu chuyên quấy phá, muốn cầm tù các linh hồn, vì thế làm mọi cách ngăn cản những nhà ngoại cảm, khiến kết quả của họ bị sai lệch? Những gì chưa biết thì rất nên thận trọng khi phán xét. Bởi một điều rõ ràng là cho đến nay con người chỉ có một thứ hoàn toàn tin cậy là khoa học, mà khoa học thì chưa và sẽ không bao giờ khám phá, giải mã được hết những bí ẩn của tự nhiên.

Tương tự như vậy, chúng ta không nên chỉ vì cố gắng chứng minh hiện tượng ngoại cảm không có cơ sở khoa học, mà vội vàng vô lấy những sai sót trong công việc họ theo kiểu bới lông tìm vết, tận dụng một vài vụ tiêu cực như vụ “cậu Thủy” để bác bỏ hiệu quả thật của công việc quan trọng các nhà ngoại cảm tử tế đang làm, bác bỏ luôn một hiện

tượng cần nghiên cứu nghiêm túc. Không thể chỉ vì muốn hắt đi châu nước bản mà hắt luôn cả đứa trẻ đang tắm trong đó.

Việc tìm thấy hài cốt nhờ khả năng đặc biệt của bản thân những nhà ngoại cảm, là một hiện thực không thể chối cãi. Chúng ta chưa thể chứng minh bằng khoa học bản chất vật lý của khả năng đó, thì cứ công nhận, có sao đâu. Trước khi nhà toán học Ngô Bảo Châu chứng minh được Bổ đề cơ bản, (một phép chứng minh nhằm khẳng định giả thuyết của Chương trình Robert Phelan Langlands) các nhà toán học cứ tạm công nhận giả thuyết của nhà toán học Canada là có thật và nhờ thế họ đã giải quyết được bao nhiêu là công việc cho nhân loại. Nếu cứ chờ khi nào chứng minh được giả thuyết ấy, thì thế giới phải tạm gác lại biết bao là nhiệm vụ quan trọng. Những chuyện như thế đâu có gì mới. Có chăng chỉ mới và gây mất bình tĩnh với chúng ta thôi.

Trước những điều chưa biết, khôn ngoan nhất là khiêm tốn.



Kinh doanh hiếu hỉ

Tôi phải xin lỗi trước những vị quan chức vẫn còn vừa liêm vừa trực mà tôi từng biết, khi viết ra những dòng có vẻ nghiệt ngã này. Tôi biết có vị, chỉ vì sợ mang tiếng mà không dám cưới con ở chỗ thuận tiện cho việc đi lại, thay giấy mời bằng thư báo hỉ. Có vị dùng toàn bộ tiền phúng viếng người thân mà mình biết không thể từ chối, cung tiến cho quỹ từ thiện. Đối tượng được nói đến trong bài viết này, là những ông, bà quan còn lại, ở mọi cấp chức, có quyền, có địa vị nhưng thiếu duy nhất một thứ, ấy là sự tôn kính đạo đức.

Đối tượng của bài viết này còn là những người đang mưu cầu sự thăng tiến, mưu cầu tiền bạc theo kiểu luồn cúi qua những chiếc cửa tò vò, bằng những phương tiện vật chất dính mồ hôi của người nghèo mà họ móc được (hoặc sắp móc được), sau những phi vụ tạm gọi theo dân gian là **Kinh doanh hiếu hỉ** mà tôi sắp nói tới.

Vâng, thoạt nghe cứ tưởng đang nói đến một nghề có từ cổ xưa chỉ chuyên phục vụ việc tang lễ hoặc cưới xin. Công việc đó vẫn đang vận hành bình thường tại các khu phố, nhà hàng, khách sạn, bệnh viện, nhà xác... Đối tượng cụ thể của nghề này là những người quá cố hoặc những cặp đôi sắp thành vợ thành chồng, với mục đích làm linh thiêng hay trang trọng hóa những nghi lễ cần thiết không thể thiếu. Nghề này, cũng giống như nghề khác đang bị thị trường hóa, có mặt tối và sáng nhưng nhìn chung là chưa có gì tới mức phải mang ra bàn bởi người bán hay mua đều trên nguyên tắc tự nguyện và sòng phẳng.

Thứ mà tôi đang nói đến thực chất không phải là nghề. Dân gian mượn tên nghề để gọi mĩa đó thôi. Bởi vì không cần bất cứ một phương tiện sản xuất, một bí quyết lao động nào; không cần các thao tác cổ điển và cuối cùng là không cho ra bất cứ sản phẩm nào.

Nhưng dân gian đã gọi vậy thì cứ dùng cho tiện.

Tất nhiên không phải lúc nào, ở đâu và với ai cũng thể xuất hiện loại việc đó. Điều kiện cần thứ nhất phải có ai đó chết hoặc ai đó sắp cưới (vợ hoặc chồng) để cho ai đó sẽ thành Hiếu chủ hay Hỉ chủ. Điều kiện cần thứ hai: Hiếu chủ hay Hỉ chủ kia phải là quan chức. Điều kiện

đủ: vị quan chức đó phải đương quyền hoặc còn có thể thao túng chính trường nhưng không sợ miệng thế. Khi hội đủ ba điều kiện đó thì mới có thể nói tiếp chuyện đang bàn. Những sự kiện loại này, của những đối tượng đang đề cập, luôn được liệt vào loại tạo ra cơ hội cao. Công bằng mà nói thì cái cơ hội cao này dành cho cả hai bên: chủ và khách. Chủ thì dĩ nhiên coi đây là dịp để gặt hái rất nhiều thứ. Hăng nói đến những thứ râu ria trước. Chẳng hạn như có thể biết ai đến ai không đến, ai đến theo kiểu tình cảm gần gũi, kính trọng hay nể sợ; ai đến theo kiểu xã giao, cốt để không bị chú ý. Qua đó có thể tìm thấy vô số điều bổ ích cho việc củng cố cái ghế của mình, cũng như sẽ ban ơn mưa móc cho ai và hạ bệ ai sau này. Qua mỗi sự kiện như vậy, còn là dịp để cho thấy mình quan trọng như thế nào? Không quan trọng sao toàn khách có máu mặt, đi những chiếc xe bằng tài sản cả một làng nghèo. Từ đó có thể hù dọa những kẻ nào muốn lăm le ra tay hại “bọ” sau lưng, nghĩa là loại trước những hiểm họa. Còn rất nhiều cái lợi khác nữa tiện thể đến kèm trước khi nói tới cái mục đích sau cùng của “thương vụ” luôn bị đủ thứ đạo đức giả phủ lên: ấy là tiền. Một lượng tiền sẽ rất khổng lồ, với bất cứ ai đang lặn lội kiếm sống trong cái xã hội mà thu nhập đầu người cho cả năm trên dưới 1.000 USD này. Đó là những đồng tiền mang danh nghĩa phúng viếng người quá cố, hoặc mừng cho đôi trẻ trăm năm hạnh phúc. Rõ ràng đến thế thì thôi! Ai có thể ì xèo gì được khi với một cái danh nghĩa thiêng liêng như vậy! Vả vào mặt đứa nào bảo đó thực chất là những đồng tiền hối lộ cho chủ nhà. Căn cứ ở đâu? Có ai bắt khách phải nặng hầu bao đâu. Toàn là vì tình vì nghĩa, tự nguyện bày tỏ tấm lòng thành. Tiền đó vừa là tiền nhưng cũng còn là sự thể hiện tình cảm. Phong bì dày hay mỏng chỉ có ý nghĩa là mức độ thân cận gần hay xa, tình cảm lớn hay nhỏ, mang ơn nhiều hay ít chứ vật chất là cái gì! Vì thế nó sạch ngay từ trong ý nghĩ nhé, chớ có nói bừa.

Những vị khách (tất nhiên không phải tất cả) thì sao? Chắc chắn trong số đó nhiều người phải chờ mãi mới có cơ hội tốt như vậy. Cơ hội để bày tỏ tình thâm sâu với chủ; cơ hội để quan sát xem kẻ nào gần chủ nhất còn biết mà tránh xa, chớ có dây vào; cơ hội để biếu sếp món tiền lớn còn trên cả sự hợp pháp, tiện thể nói thay biết bao điều thỉnh cầu khó phát thành lời; cơ hội để đầu tư tình cảm sau này, và lẽ dĩ nhiên cũng không ít người tìm thấy cơ hội tọc chuyện kín chuyện hở của chủ nhà

(bao gồm tất cả các thành viên), những chuyện giống như “gót A sin” của sếp để có thể phóng lao trúng đích khi cần.

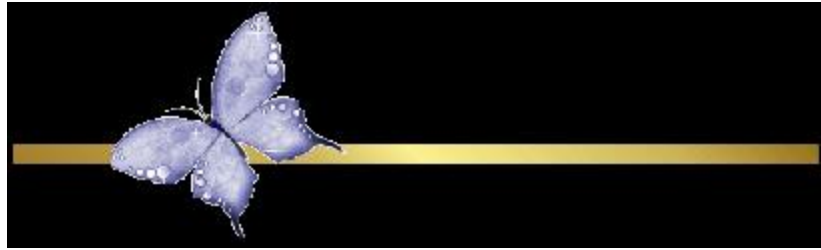
Chủ và khách đều biết tổng bụng nhau trong cái vái lễ làm phép đầy gian dối, thực chất là vái lễ người sống, vái lễ quyền lực. Nhưng cả hai đều thỏa thuận ngầm thầy mặc để mọi chuyện bản tui chảy ngầm bên dưới. Lộc đến ai, người ấy hưởng. Giờ thì là anh, chị, rồi sẽ đến lượt cô, chú. Chẳng ai hưởng lộc mãi được. Vì thế mặc thế gian chê cười, có vị quan chức mỗi năm giỗ tết mấy lần. Giỗ bố, giỗ mẹ chẳng nói làm gì. Ông bà nội, cho đến cụ kỵ xa tít mù khơi chẳng đến lượt mình cúng giỗ cũng cứ làm. Không nhớ thì bịa ra ngày. Rồi là kỷ niệm ngày sinh, ngày cưới, ngày lên chức, ngày tuổi chẵn, ngày thoát án... Phải chớp thời cơ khi còn đương quyền. Vì thế, ép bố hay mẹ già chết thì chưa nghe nói, nhưng ép con thành hôn thì đầy rẫy. Có vị gào lên với con: “Ngu lắm, không cưới bây giờ, ít nữa tao hạ cánh thì có chó nó đến”. Có vị nằn nì xin ở lại thêm chỉ vì bố hay mẹ cứ ngấp ngoài nhưng chưa chết. Còn với nhiều vị khách thì lắm khi mong mỗi cỗ nhà sếp mới có người chết hay cưới xin, lễ lạt, coi đó như cơ hội vàng để báo đáp. Chẳng thế mới có những lời than vừa tức cười, vừa vô nhân nhưng lại chẳng khiến ai phải bận tâm, thậm chí thành chuyện bình thường, loại câu cửa miệng. Ví dụ có lần anh bạn tôi thở dài nói hồn nhiên: “Mãi chẳng thấy nhà sếp có người chết để trả 'món nợ'. Trong khi một người khác mách bạn: “Mày yên tâm, sắp gặp may rồi vì tao biết mẹ lão ấy chỉ còn tính ngày tính giờ”. Hoặc một anh bạn khác vừa gặp là thở trút ra: “May quá, xong việc rồi, con sếp vừa cưới lần thứ hai”.

Có lẽ đem dịch những lời như vậy sang tiếng của một nước quen với sự minh bạch, thẳng thắn, đề cao sự trong sạch tinh thần, người dịch sẽ phải có một chú thích dài bằng cả cuốn sách để giải thích nội dung đích thực của nó nhằm đến điều cụ thể nào và tại sao nó được chấp nhận một cách vui vẻ trong xã hội Việt Nam. Cái giải thích đó phải vòng qua truyền thống hám quyền, hám danh, hám tiền rồi lại phải sơ lược nói về lỗi hệ thống, về cơ chế xin cho, cơ chế tuyển dụng, cơ chế quản lý nhân lực, sự lạc hậu trong kiểm soát thu chi của các thành viên trong xã hội... cùng là đặc điểm của xã hội thời thị trường, nơi quyền lực là thứ mang lại nhiều lợi nhuận ròng nhất khiến người ta cứ phải đâm nhao bổ nhào để được đề bạt, cất nhắc, thậm chí là phải giải thích rất dài vì sao một quan chức có học mà lại đem xác bố, mẹ mình, hoặc hạnh phúc con

cái mình ra làm vật kinh doanh mà không thấy xấu hổ hoặc không bị xã hội khinh bỉ ra mặt...

Rốt cuộc thì người nghe cũng chỉ biết lắc đầu, như kiểu họ vừa bị đưa qua mê hồn trận.

Vì thế, để khắc phục vấn nạn trên, có lẽ đã đến lúc **Kinh doanh hiếu hỉ** cần được bổ sung vào danh mục nghề nghiệp, (như nghề mai dâm, nghề móc túi...) với lời giải thích ngắn gọn theo kiểu từ điển: *nghề bán liêm sĩ kiếm tiền*.



Nhắm mắt tin mù

Không phải do tôi ác khẩu hoặc hồ đồ mà trượng ra cái tựa đề mang âm hưởng miệt thị cay nghiệt như vậy. Đó chính là vế sau của lời giải thích từ “mê tín” trong từ điển Đào Duy Anh mà tôi tra được và tiện thể chép ra hầu bạn đọc xa gần.

Những chuyện gắn với tệ mê tín có lẽ là nhiều nhất trong đời sống của xã hội ta hiện nay. Thậm chí có thể khẳng định, hầu hết mọi người đều chủ ý hoặc vô thức tự nguyện biến mình thành kẻ mê tín mỗi ngày. Đến mức có thể nói mê tín đã như là một phần tất yếu của đời sống và người ta không còn coi mê tín là tin mù quáng nữa, mà trở thành một lựa chọn cần thiết để đảm bảo mình là người sáng suốt! Không tin cứ thử quan sát chính bản thân mà xem. Bạn sẽ chưa yên tâm ra khỏi nhà, chưa yên tâm đưa ra quyết định, chưa yên tâm làm bất cứ công việc dù lớn hay bé nếu không nghe được lời phán bảo nào đó, từ một ai đó, kể cả một kẻ chả có tí khả năng bói toán nào.

Một thời mê tín được gán cho mọi hành động tin vào những gì không chứng thực được. Ngày nay, niềm tin tôn giáo, trong đó con người thành tâm hướng đến cõi bất tử tinh thần, đến một thế giới vô hình nhưng họ tin là hiện hữu đã được minh oan, được công nhận là thứ tình cảm chân chính, một thứ quyền thiêng liêng có luật pháp bảo vệ và không phải là chủ đề bàn luận trong bài viết này. Nói ngay như vậy để tránh mọi sự hiểu lầm đáng tiếc không cần thiết.

Nhưng tiện thể cũng phải nói đến một điều đáng tiếc khác: không phải ai cũng phân biệt được giữa tín ngưỡng tôn giáo và mê tín? Vì thế mới có chuyện nhiều người tự coi là “duy tâm” lấy làm ngạc nhiên khi nghe giảng rằng, Đức Phật kiên quyết chống lại sự mê tín. Các linh mục mà tôi quen biết đều khẳng định, Thiên Chúa giáo hoàn toàn xa lạ với mê tín. Những tôn giáo lớn khác, qua cách thể hiện cũng cho thấy họ đều bài xích mê tín. Bởi vì xét cho cùng thì mê tín chính là hành vi làm sai lệch, rẻ rúng hóa tình cảm thiêng liêng hướng về Phật, Chúa Trời hay Đức Ala... nếu chúng được đánh đồng như nhau. Tin vào Chúa Trời, vào Đức Phật vào Đức Ala, tức là đi theo một giáo lý tốt đẹp mang màu sắc thánh thần,

không có điểm gì chung với tin vào một thứ vu vơ nào đó chẳng hướng tới cái gì. Thứ vu vơ ấy có thể là một vật, một lời nói hay đơn thuần chỉ là một hành động tình cờ, nhiều khi vô nghĩa và chúng được thần thánh hóa theo lối ngẫu nhiên, tùy hứng? Vậy giữa đức tin thiêng liêng và mê tín khác nhau ở chỗ nào?

Theo hiểu biết của tôi, đức tin là một nhu cầu tâm linh chân chính, là sự toàn tâm hướng tới một cõi sống khác, vĩnh hằng mà người ta tin tuyệt đối rằng nó hiện diện đâu đó bên ngoài hoặc bên trên cái trần gian này, vượt khỏi mọi khả năng nhận biết của lý trí, không thực chứng được. Đó là niềm tin trong sáng, chính đáng và là quyền, không thể tranh cãi chuyện đúng hay sai. Đã là đức tin thì mọi lý lẽ đều không đáng kể, thậm chí vô nghĩa. Chính vì thế mà niềm tin tôn giáo phải được mặc nhiên công nhận trong các nhà nước văn minh, tôn trọng con người. Trên thực tế đức tin luôn gắn với luân lý, quy định nên những lối sống đẹp, hướng thiện, khuyến khích làm việc phước đức trong đời sống hàng ngày. Đức tin khiến con người có cảm hứng sáng tạo, chăm lo cho cuộc đời, cho tha nhân nhiều hơn. Vì thế, chỉ xét thuần túy dưới góc độ thế tục, thì vai trò tích cực của tôn giáo trong đời sống đã rất lớn và không thể phủ nhận.

Còn mê tín là một trạng thái tình cảm mông muội, nhất thời, rối loạn nhận thức, bị lôi kéo, chi phối, kích động bởi những yếu tố mang tính vụ lợi (cả vật chất lẫn tinh thần) và có xu hướng tùy tiện, bất nhất. Mê tín, như chính nghĩa gốc của nó, là tin một cách mù quáng, mê lầm, tin vớ tin vẩn, làm sai lệch các chuẩn mực. Vì nó không có một giáo lý nào, mê tín có thể khiến con người phạm tội ác. Điều có thể khẳng định: mê tín chỉ để ra tiêu cực, mà tiêu cực đầu tiên là nó báng bổ đức tin. Bởi vì người có đức tin thật sự vào cõi Phật, có chút hiểu biết về giáo lý nhà Phật thì họ sẽ không mang thủ lợn, chân giò, gà luộc, rượu tây rượu ta, tiền bạc... chất đầy lên chiếc mâm rồi mang vào chùa coi là lễ vật dâng lên Phật, như những gì chúng ta vẫn được chứng kiến khi đến bất cứ ngôi chùa nào. Hay họ sẽ không trơ trẽn cầu xin và làm khó Đức Phật những điều không thuộc giáo lý của ngài như phù hộ cho buôn lậu, qua mặt luật pháp, con cái hư đốn nhưng vẫn được cấp trên cân nhắc, thăng tiến... Nếu thực sự tin vào Phật, nếu tâm hồn trong sáng, thì không ai vô văn hóa đến nhét tiền vào tay, vào miệng Phật với niềm tin được ngài chứng cho lòng hiếu thảo. Thứ nhất làm thế là báng bổ nhà Phật vì ai

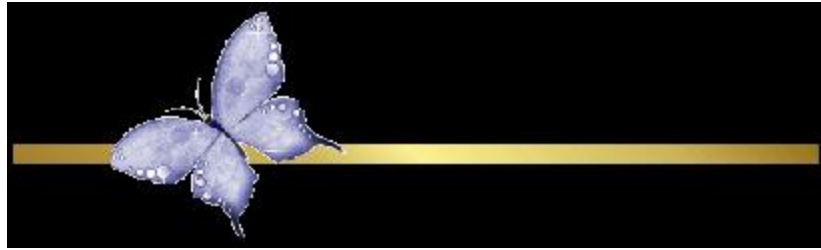
cũng biết Phật kiêng sát sinh, chối bỏ cám dỗ vật chất, coi lòng tham là gốc của khổ nạn. Thứ nữa, nó giống như đang thực hiện hành vi đưa hối lộ ngoài đời, biến Đức Phật thành một ông quan lớn, khá hơn thì là một ông vua. Theo cách nghĩ của những người ấy cứ đưa nhiều lễ vật thì hy vọng nhận được nhiều ưu tiên, ưu đãi của Phật khi ra tay phù hộ, độ trì, đưa ít thì Phật không thèm để mắt đến! Những người làm như vậy không biết hay là họ quên rằng, với Phật, chỉ cần tâm trong sạch là lễ vật lớn nhất dành cho ngài.

Nhưng tin Phật theo cái cách vụ lợi, con buôn hóa lời khẩn vái, tận dụng cửa Phật để khoe của, để cầu xin vô lối, cho dù là lối bịch nhưng còn có chỗ thông cảm được. Bởi dù sao thì đối tượng hướng tới là Đức Phật. Tệ hại và buồn cười, đồng thời đáng thương hơn là việc cả đám đông, lớn bé già trẻ, gồm cả mù chữ lẫn cử nhân, tiến sĩ sì sụp quỳ lạy một ụ mối đùn, một gốc cây, một bông hoa, thậm chí một con vật bẩn thỉu... chỉ vì ai đó ngẫu hứng tưởng tượng thấy nó giống hình ông thánh nọ, ông thần kia, hoặc có những dấu hiệu lạ. Nếu phải lấy dẫn chứng về hành vi mê tín thì có lẽ ví dụ vừa dẫn xứng đáng là tiêu biểu. Còn hơn cả nhắm mắt tin mù, như giải thích của từ điển mà chúng tôi lấy làm tựa đề. Một câu hỏi được đặt ra là, sao người Việt lại dễ tin vào những thứ vớ vẩn như vậy?

Theo chúng tôi, sở dĩ có tình trạng trên và xu hướng nó ngày càng gia tăng, trở thành một tệ nạn - một thứ rác tâm linh - là bởi chúng ta vẫn quen để cho mọi việc nhảy thẳng từ cực này sang cực khác. Trong mọi lĩnh vực chứ chẳng riêng gì lĩnh vực tâm linh. Nó đã nhiễm độc nặng về mặt tinh thần. Trước kia chỉ biết cấm mà không biết đâu là chính, đâu là tà, đâu là niềm tin chính đáng, đâu là thứ niềm tin mê muội. Còn ngày nay cứ cái gì mang màu sắc tâm linh, huyền hoặc đều được coi là đức tin, thả nổi và cổ vũ cho nó thoải mái sinh sôi nảy nở.

Mê tín, nếu chỉ nhắm mắt tin mù như cụ Đào Duy Anh định nghĩa, có lẽ nực cười nhưng chưa đến mức đáng sợ cho cộng đồng. Nhưng từ mê tín tất yếu sẽ dẫn đến mê lộ, nhắm mắt bước liều và cuối cùng là mê động, nhắm mắt làm bừa... Đến đó thì thảm họa là không thể lường hết.

Tất cả những thứ “mê” đó đều từ cái gốc “mê muội” mà ra và chúng nguy hiểm ở chỗ làm tiêu tan cả đức tin và lý trí.



ĐỪNG ĐỂ PHẬT BỎ CHÙA

Đi lễ chùa, dù là đầu năm hay tại bất cứ thời điểm nào, cũng đều vì nhu cầu muốn tìm đến sự thanh thản, tịnh tâm sau biết bao những nhốn nháo, khốc liệt của cõi đời trần tục. Thực chất của việc làm này là sám hối với chính bản thân mình về những việc tự mình thấy là chưa tốt. Tại cửa Phật người ta muốn gột rửa, muốn khai tâm, muốn hướng về phía ánh sáng để xua đi những khoảng tối tích tụ trong đầu mình, xua đi những tà ý mình vướng phải do muôn vàn lý do không dễ gì tránh được. Sống là tích đức nhưng cũng là quá trình tích tội, do những hạn chế về mặt lý trí của con người. Cầu Phật là cầu tha thứ, tìm đến sự hỉ xả, yêu thương, nhường nhịn, cuối cùng là giải thoát.

Chỉ cần mong muốn một trong những thứ đó, đã xứng đáng để bước chân vào chùa trong sự uy nghiêm, trầm mặc của không khí và âm thanh.

Đó chính là lý do để người ta vẫn luôn cần đến với chốn cửa Phật. Nén hương thành kính nhất dâng lên Phật đài chính là hương thơm tỏa ra từ tâm hồn mình. Dân gian gọi là tâm hương.

Những chốn chùa chiền vì thế cũng đồng thời là những nơi thanh sạch nhất, bình an nhất, tràn ngập nhiều tình thương nhất.

Nhưng không biết từ bao giờ, cửa Phật lại cũng thường là nơi nhiều nhốn nháo nhất. Tràn ngập là xôi, thịt và những lời cầu khẩn còn nặng mùi xôi thịt hơn nhiều lần. Bạn có thể được chứng kiến điều đó khi đến bất cứ ngôi chùa nổi tiếng nào, ở bất cứ miền nào.

Ở chùa Tây Phương bạn hãy cẩn thận ngay từ bãi gọi xe, bởi rất có thể các ông chủ muốn hại nhau sẽ nhằm oan vào chiếc xe của bạn. Khi trả tiền, dù đắt mấy bạn cũng đừng kêu ca mà nên học cách của A.Q: "Thôi, coi như mình vừa bố thí."

Ở chùa Dâu, nơi được coi là thủ đô của Phật giáo Việt Nam, nếu bạn thỉnh thoảng nghe thấy ai đó nhắc bạn: "Vào làm công đức đi chứ"

thì hãy bỏ qua hoặc quá lăm bịt tai lại hơn là tỏ vẻ ngạc nhiên, bởi điều đó có thể khiến bạn xui xẻo ngay từ đầu năm.

Ở Phủ Tây Hồ hay một vài ngôi đền, chùa khác ở Hà Nội, bạn hãy bước vào như người có hai tai bị điếc đặc. Thứ nhất để bạn không bị điếc thêm lần nữa bởi hệ thống âm thanh toàn những lời nặng kiếp trần ai, sắc mùi tiền bạc và sau nữa nhờ thế mà bạn đỡ gặp rắc rối phần nào.

Ở chùa Bái Đính thì bạn chỉ nên thanh thần thổ trút ra khi đã lấy được xe từ bãi gửi (hoặc lên xe khách) và trở về nhà. Hàng đoàn quân còng sống gần chùa còng nặng hơn đá, luôn sẵn sàng làm “môi giới” để bạn mau gặp Phật bằng các kiểu trèo tường. Nhưng miệng và tay Phật đã bị nhét đầy những đồng tiền lẻ nhưng nhúc vi trùng, sẽ chẳng thể cứu được bạn nếu bạn không chìa ra cho cái đám người đó những đồng tiền chẵn.

Ở đền Gióng, người ta đánh nhau bằng gậy, bằng những cú đâm cú đá trời giáng gây cảnh máu chảy ròng ròng vì cướp lộc thánh. Chả kém gì Thánh Gióng quật tan tác giặc Ân xưa kia! Chẳng biết những người đó cầu gì khi sì sụp cúi lạy thần linh?

Tại chùa Keo Thái Bình, một ngôi chùa có kiến trúc và phong cảnh nên thơ vào bậc nhất, bạn đừng mơ có lấy một phút tĩnh tâm bởi bất cứ xó xỉnh nào cũng chờ sẵn những ông bà đòi xem tay đoán hậu vận, với những ánh mắt khiến bạn sồn gai ốc. Thôi thì quẳng quách ra hai chục ngàn để nhận lại một mớ phán nhăng cuội vẫn rõ hơn phải nghe những lời rửa sả đầy sát khí đuổi sau lưng.

Còn ở chùa Hương, chốn thờ tự Phật linh thiêng nhất trong tâm thức của các Phật tử Việt, thì hội tụ đầy đủ những gì đáng sợ nhất của cõi Ta Bà. Ngay từ cổng mua vé, du khách đã phải đối mặt với đủ thứ “sắc mùi binh đao” của các cò khách. Họ thường hỏi bạn: “Có đi đò không?” Nếu bạn không muốn đi thì phải có cách trả lời, không thể đáp đơn giản từ “không”, bởi họ sẽ bám theo tới cùng, bằng vẻ mặt mà bạn nghĩ thà mất tiền còn hơn phải chịu đựng nỗi tai ương tiềm ẩn này!

Qua được cổng, bạn tiếp tục bị ai đó bám theo, vẫn với điệp khúc mời mà nghe còn sợ hơn dọa: “Có đi đò không?” Bạn sẽ phải tìm cách nào đó để thoát khỏi họ. Nhưng dù cách nào thì cũng nên ghi nhớ rằng

bạn đang ở một nơi nguy hiểm, không có ai sẵn sàng bảo vệ và chỉ có tiền mới cứu được bạn trong đa số tình thế.

Lên đò, cho dù bạn mặc cả cẩn thận, thì cũng cứ chuẩn bị một khoản để “bồi dưỡng nhà đò”. Nhiều trường hợp nhà đò không chịu đưa đò vào bờ ở vòng trở ra nếu chưa thỏa thuận xong khoản bồi dưỡng “tự nguyện” ấy với khách. Trong trường hợp ấy, lời khuyên cho bạn là tiền bạc tuy quý nhưng còn có thể kiếm được, tính mạng hay sức khỏe một khi mất đi thì mất luôn.

Lên bến để vào chùa Thiên Trù, bạn nhớ quan tâm tới chiếc ví hoặc túi sách của bạn, cho dù đó là đất Phật. Dọc đường bạn nên bịt cả tai lẫn mắt để khỏi phát điên và phòng đêm về gặp ác mộng. Đủ thứ chào hàng, toàn một giọng bíp bộp nhưng luôn hợp pháp, nên bạn sẽ chẳng tác động được gì. Vả lại đó chưa phải là điều khinh khủng nhất. Nếu nhắm mắt, bạn sẽ thấy hiện ra một lò sát sinh thú rừng, với những con vật bị treo ngược mõm lên, máu ròng đỏ theo từng nhát cắt của dao pha thịt. Bạn đừng tự hỏi: “Cửa Phật mà nhiều sát sinh phạm tục thế này sao?” Hỏi thế tức là lâu lắm rồi bạn chưa đi lễ chùa. Bạn nên có cảm giác những con dao kia, bất chấp có Đức Phật bên cạnh, sẵn sàng cứa vào cổ bạn, nên tránh xa cho nó lành. Ngoài ra, bạn nên nhớ nằm lòng, không ở đâu khác hiện diện sự lừa đảo trắng trợn như tại những cửa hàng thịt thú rừng chùa Hương. Nghệ thuật biến thỏ thành cây hương, biến bò già, dê thành nai rừng, hoẵng rừng, lợn sề thành lợn rừng của họ vượt xa mọi bậc thầy về ảo thuật trên thế giới.

Từ đó lên tới động Hương Tích, bạn sẽ còn đối mặt với hàng chục chiêu lừa đảo, buôn thần bán thánh. Đến cửa Phật thì nên vất vả một chút, bạn hãy thường xuyên tụng niệm câu đó để đỡ thấy mệt và thất vọng.

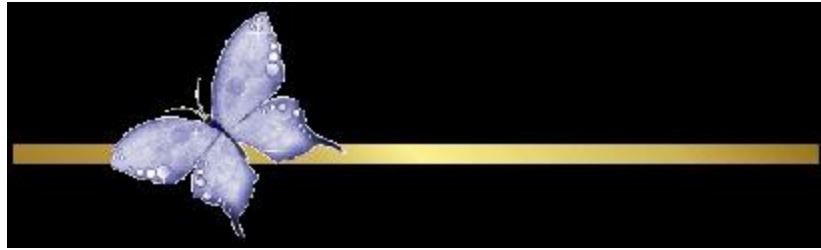
Tại động Hương Tích, bạn sẽ phải chen chúc tử để vào đặt lễ. Nhưng bạn yên tâm, có đầy đủ các dịch vụ từ bùng bê, tìm nơi đặt lễ, khẩn thuê... sẵn sàng phục vụ bạn. Bạn cũng đừng ngạc nhiên khi thấy người ta bùng cả những cái thủ lợn banh đôi, miệng há ra với lờm chờm rằng, lười thè lè... hoặc những chai rượu Tây đắt tiền để vào cầu xin Phật phù hộ. Chớ có tròn mắt lên nếu nghe thấy tiếng khẩn bô bô thành lời như sau:

- “Cầu xin Đức Như Lai, các vị Bồ Tát... phù hộ cho con trai con năm nay đến sổ phát quan, được cấp trên để mắt cất nhắc lên trưởng phòng, phù hộ cho chồng con thoát vạ tai tiếng thị phi này, phù hộ cho con cứ mỗi chuyến đánh hàng thì công an, phòng thuế, hải quan đều ồm liệt giường hết. Con cầu xin các ngài mở lượng đại từ đại bi mà thương lấy con, phù hộ độ trì cho con...”

Nghe nói ở Yên Tử còn có cả dịch vụ nhắn tin giải hạn, theo kiểu tiền trao cháo múc, thuộc loại tin rác theo phân loại của ngành viễn thông.

Đó hóa ra không còn là những chuyện có thể cười mỗi khi đến chốn linh thiêng hoặc nghe kể. Từ lâu nó đã được coi là *chuyện bình thường* nơi các cửa chùa, cửa đền ở Việt Nam. Câu thành ngữ “Buôn thần bán thánh” vốn để mỉa mai bọn con buôn đội lốt thầy tu, đội lốt tăng ni, Phật tử, những kẻ càng tu càng chìm... thì giờ đây biến thành dịch vụ kiếm tiền khôn ngoan, thức thời. Có kẻ dùng tiền với hy vọng mua được lòng từ bi của Phật, thì lập tức có kẻ đem Phật ra rao bán! Thị trường cả mà. Văn hóa tâm linh của chúng ta đang tệ hại, xuống cấp từng ngày, đang bị con phe hóa từng ngày trong sự nhốn nháo của vô vàn dục vọng và sự vô cảm. Nhưng khi mà ngay cả chốn thanh tịnh, vô nhiễm nơi cửa Phật còn ngập ngụa đủ thứ “phế thải”, đủ thứ tranh cướp... thì hy vọng về một xã hội hiền hòa, yêu thương, nhường nhịn, người người tích đức... còn xa xôi lắm!

Không cần thận có ngày ngay cả Phật cùng bỏ chùa.. mà đi biệt tích khỏi xứ này!



Bà già nghèo và ngành điện

Lần ấy tôi về quê vào lúc chập tối và tranh thủ đến thăm một người bà con nghèo. Tôi đến trước ngõ, tần ngần nhìn vào phía bên trong cổng tối om. Đã định quay ra thì nghe tiếng gọi. Lát sau mới thấy có ánh đèn điện. Hóa ra bà cụ già với một đứa cháu ngoại đang ăn cơm nhờ ánh sáng của nhà bên cạnh hắt sang! Tôi hỏi sao không thắp đèn lên, thì bà trả lời: “Hồi chưa có điện thì cứ mong đứng mong ngồi. Giờ có điện thì lại không dám dùng vì không có tiền.” Tôi hỏi mỗi tháng bà phải trả hết bao nhiêu tiền điện. Trả lời: 15 ngàn đồng. Bà tiết kiệm bằng cách khi xem tivi thì tắt hết đèn. Cũng thấy có cả quạt nhưng chúng để làm cảnh là chính. Chỉ khi nào có khách hoặc khi đứa cháu gái học bài thì bà mới dùng tí chút và bật chiếc bóng điện duy nhất. Thời gian bình thường hai bà cháu hầu như sống trong bóng tối.

Giả dụ tôi kể lại chuyện này với bất cứ ông cán bộ điện lực nào, họ sẽ bảo tôi bịa. Làm gì có chuyện chỉ chục ngàn bạc mà vẫn không có để mua điện. Dân ta giờ có đói ăn nữa đâu, nói thế chả khác nào bôi xấu chế độ? Họ không tin cũng có lý. Với mức thu nhập trên sổ sách cộng lương thưởng, bổng lộc như mọi người vừa biết qua báo chí, toàn chục, trăm triệu, thậm chí đến cả con số tỉ nọ, tỉ kia thì 15 ngàn còn thua xa một tờ giấy lộn nếu chẳng may nó vướng vào chân ông bà ngành điện nào đó. Cửa trời đất thì có hạn, khi anh làm ít hưởng nhiều thì nhất định sẽ có người làm nhiều nhưng hưởng chẳng được bao nhiêu. Còn khi người này hưởng quá nhiều thì người khác nghèo có gì là lạ. Với bà cụ già vừa nhắc đến, nếu tôi đọc cho bà nghe con số lương tháng của quan chức điện lực, hẳn bà sẽ cười như vừa nghe chuyện cổ tích. Trong mơ chả nói chứ làm gì trên đời lại có thứ ngành nghề kiếm bộn tiền dễ thế.

Khổ thân bà già, bà không tin cũng lại có lý. May mà do sống như ở u tù quốc nên bà không bao giờ biết, trong 15 ngàn đồng, số tiền bà nộp nhặt từng hào và phải lặn rất sâu trong bao, nhin ăn nhin mặc để dành, chỉ giở ra mỗi khi lấy tiền để thanh toán hóa đơn điện, đã có cả một phần tiền mà bà phải trả cho việc ăn chơi, đua đòi, sĩ diện, hư hỏng của các quan chức ngành điện. (Những người chưa kịp hư hỏng xin đừng chạnh lòng). Thêm một phần nữa của số tiền còn cỗi đó là bù vào những

thua lỗ mà ngành điện định bí mật làm giàu để chia nhau nhưng không thành. Chưa hết, những trăm những ngàn tỉ ngành điện đầu tư sân tennis, xây bể bơi, mua ô tô... để cán bộ nâng đẳng cấp mình lên cho bằng khu vực và thế giới, cũng có phần lấy từ cái bao nhăn nhoe, rách nát, cái bần của bà già khốn khó kia. Giá kể không bị thất thoát, không bị móc túi một cách hợp pháp, có thể bóng đèn nhà bà đã sáng nhiều hơn, hoặc số tiền mỗi tháng bà phải cắn răng moi hầu bao đã rút đi tới vài ngàn! Vài ngàn với bà đủ là một món để dành phòng khi đau ốm! Bòn mót của dân để thế nào mà khi nhà nước có chủ trương phá độc quyền cung cấp điện, ngành điện giãy lên như đũa phải vôi, tìm cách làm mình làm mẩy. Độc quyền để tha hồ móc túi khách hàng thì ai chả muốn độc quyền mãi mãi, ai chả muốn hô độc quyền muôn năm!

Có lẽ trên thế giới chỉ ở nước ta mới có loại doanh nghiệp nửa ông nửa thằng như ngành điện lực. Lịch sử mà không được việc là giở thói cùn! Ở vị trí nào họ cũng là thượng đế. Những thượng đế thực sự của các ngành khác thì với ngành điện thật sự chỉ là đám ăn xin. Là khách nhưng đừng hòng có bất cứ quyền gì mà lên mặt tinh tướng đòi hỏi người bán. Muốn làm thượng đế thì lên giời! Cho ba ngày mất điện thì có mà van xin chí chết. Vừa mới thay công tơ, nay do yêu cầu đồng bộ, hiện đại nên phải thay lại, khách hàng chỉ biết cắn răng móc tiền trả. Mỗi nhân viên ngành điện là một ông quan con, quyền lực chả thua kém gì quan lớn. Họ thích cắt điện, thích đóng điện lúc nào là quyền của họ, cấm hỏi. Nếu làm căng, đòi truy đến gốc thì họ luôn có cả trăm ngàn cái cớ cho họ đổ lỗi. Khách hàng thua toàn diện. Mà nói thế chứ cũng chẳng biết hỏi ai. Cả một nhà máy đang chạy ầm ầm, bụp cái mất điện. Hàng tỉ đồng cũng mất theo nhưng không biết kiện ai. Cũng chẳng thể kiện được ai vì mất điện vẫn được mặc nhiên coi là tình huống bất khả kháng.

Điện khúc thiếu điện có lẽ là điệp khúc nhàm chán nhất trong hàng chục năm qua. Năm nào trước mùa khô ngành điện cũng nặn ra được những lời kêu gọi thống thiết mong mọi người hãy chia sẻ với khó khăn của họ. Khó khăn nhất là ít nguồn cung. Vì thế mà bài thuốc cũng rất nhàm là cắt điện luân phiên. Thôi thì đủ thứ lý do. Nào là lũ về muộn, nào là quá tải, nào là hạ tầng phải sửa chữa, sửa chữa quanh năm và không ai có thể biết đến bao giờ, cấm hỏi. Cứ tưởng thế thì nhu cầu mua hàng

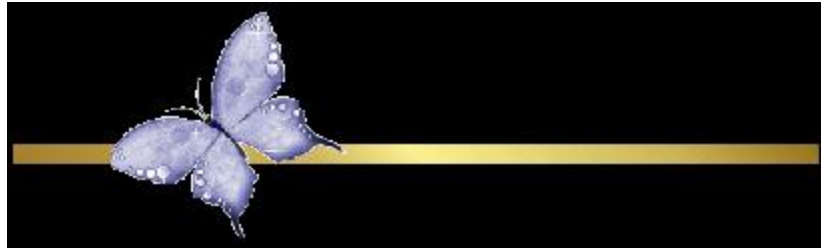
của ngành điện phải rất nhiều. Cứ nghĩ họ phải chạy theo lụy lại những người cung cấp hàng cho mình. Nhưng còn lâu nhé.

Còn khuya! Độc quyền nhé! Độc quyền là thế nào? Là anh không mua điện của tôi thì cũng chẳng mua được ở đâu, là anh có điện nhưng tôi biết anh không bán cho tôi thì cũng chẳng bán cho ai được. Thật là lưỡng lợi! Anh bỏ tiền đầu tư để sản xuất ra điện là việc của anh. Việc không bán được điện ảnh hưởng đến đầu tư tạo nguồn điện mới cũng thấy mặc anh. Chẳng mua chỗ này thì sang chỗ khác, Trung Quốc đang thừa đầy! Khách hàng của tôi đang khát điện là việc của họ. Cả hai đối tượng đều cứ phải bám lấy tôi như bám vào phao cứu sinh. Một đằng mà bực mình buông ra là vỡ nợ, bán nghiệp. Còn một đằng buông ra thì về thời tiền sử! Tôi ở giữa, cái số được thời cuộc cho ăn cả hai phía. Phía có hàng bán thì tôi dìm giá tới bến. Không bán thì cứ để đó mà ôm lỗ! Phía mua điện của tôi thì tôi tha hồ nâng giá. Nâng bao nhiêu họ cũng phải chịu, vì có ai cai điện được đâu. Bằng chứng là qua bảy lần tăng mà tất cả cứ đành phải ngậm bồ hòn khen ngọt sau vài câu eo sèo mình kêu mình tự nghe? Không nâng lấy tiền đâu mà bù lỗ cho những đầu tư ngoài nghề, đầu tư liên doanh với nước ngoài lỗ tới gần 2.200 tỉ đồng. Không nâng giá lấy đâu tiền mà chia nhau... bù vào những vụ hỏng hóc không lấp liếm được nên phải đền. Nếu có ngành nào cứ muốn duy trì nền kinh tế mệnh lệnh, tức là kéo xã hội về thời bao cấp, thì giơ tay ok đầu tiên chắc chắn là ngành điện. Bằng chứng là năm nào ngành điện cũng kêu lỗ. Nhưng năm nào ngành điện cũng đòi thưởng, còn đòi thưởng to nữa cơ. Sao lại có cái ngành đặc quyền trắng trợn đến thế chẳng bị bất cứ áp lực nào khiến họ phải có chút trách nhiệm với cộng đồng, với những quy định do chính họ đặt ra và với luật pháp?

Trường hợp của bà cụ già nghèo ở quê tôi chưa phải là tệ thảm nhất trong số hàng chục triệu khách hàng chung thân của ngành điện lực. Còn có những cảnh đời éo le gấp nhiều lần. Còn biết bao xóm thôn, làng bản chưa hề thấy tí ánh sáng nào của ngành điện lực, dù họ cũng là con người. Họ cũng là người sao họ lại chịu bị đối xử bất công như vậy? Họ đã cắn răng chịu đựng biết bao thiệt thòi để sống với những quy định oái oăm của ngành điện, chỉ vì họ không được lựa chọn.

Liệu trong số những vị đang làm xiếc giá, đang lừa dối nhà nước và nhân dân, thậm chí lấp liếm những việc khuất tất... của ngành điện, có

vị nào từ tâm, tự trọng để một lần tự hỏi: làm như vậy có nhẩn tâm, độc ác quá với đồng bào của mình?



Ba mươi ngàn tỉ và những câu hỏi

Thế gian quả là biến đổi khó lường. Mới vài năm trước muốn mua một căn nhà thương mại giá trên trời, người ta phải xếp hàng sát đất từ nửa đêm để đăng ký. Thời đó ông bà chủ doanh nghiệp bất động sản là ông bà giới con theo mọi nghĩa. Thậm chí gặp được họ còn khó hơn cả gặp... Ngọc Hoàng! Chỉ cần dự án được phê duyệt, sắp được phê duyệt, có thể được phê duyệt... là đã có thứ để bán. Bán trên bản vẽ hươu vẽ vượn, mù tằm hơn bán vịt trời, nhưng tiền thu về thì tươi giầy đành ạch. Chúng nhanh chóng biến thành ô tô hạng sang, thành biệt thự, thành khu nghỉ sinh thái theo kiểu ăn chơi của các ông vua dầu lửa Ả Rập.

Còn giờ đây, sau mới có bốn, năm năm thì sự thế ra sao? Bong bóng bất động sản vỡ toang - không vỡ mới là lạ. Giá bất động sản lao thẳng đứng. Các ông, bà chủ bất chấp mọi tiêu chuẩn tối thiểu về liêm sỉ để chạy làng, nuốt lời hứa, cãi chày cãi cối, ăn vạ nhà nước. Hàng trăm ngàn căn nhà hoặc đành bỏ dở không thể xây tiếp, hoặc xây xong chả có ma nào đến ở. Bán thì không ai mua. Nhưng để thì không có tiền trả lãi ngân hàng. Tài sản bặt ngàn nhưng tiền thì phải bòn từng xu. Nền kinh tế bước vào kỷ nguyên nợ xấu với cái vòng luẩn quẩn gỡ mãi mà vẫn rối như tơ vò. Tất cả đều có nguyên nhân từ bất động sản. Nhưng nguyên nhân sâu xa hơn là tại bởi lòng tham vô độ và mù quáng của những con cá mập tàn bạo, sẵn sàng nuốt cả bao cát vào bụng để thỏa mãn cảm giác đã thú.

Nói lại những chuyện đó không phải cho bỏ hờn, không ai giải được cơn hờn giận của hàng triệu người khổ lây vì nợ xấu - mà với mong muốn lịch sử sẽ không lặp lại thêm một lần nữa.

Gói cứu trợ thị trường bất động sản (sau đây gọi là gói cứu trợ), dù dưới cái tên nào, thì thực chất cũng là lấy tiền của hàng chục triệu người để ưu đãi vài chục ngàn người vô gia cư. Mục tiêu của chương trình này còn là hy vọng ở tác dụng phụ của nó: nhờ cú huých ấy mà thị trường bất động sản góc đầu trở lại. Nói là phụ nhưng thực chất đó mới là cái đích của dự án. Bởi vì cứu thị trường, là giải cứu vài chục tỉ USD (thậm chí con số có thể hàng trăm tỉ) đang bị chôn dưới móng những tòa nhà

đang dở hay trên những khu đất bỏ hoang sau khi giành giật nhau từng mét vuông bằng máu và nước mắt.

Trong khi cái mục tiêu lớn lao kia còn rất xa, phụ thuộc vào cơ giới vận đất, thì việc đơn giản hơn là làm thế nào giải ngân được gói cứu trợ, tức là đưa tiền hỗ trợ lãi suất đến tay các đối tượng của chương trình để họ mua được nhà, đã gặp vô vàn trở ngại bởi đủ thứ quy định.

Câu hỏi đầu tiên là ai sẽ nằm trong danh sách vay tiền từ gói ba mươi ngàn tỉ đồng?

Với khoảng 800.000 gia đình ở các thành phố lớn cần nhà ở, thì chọn ra khoảng 30.000 - 40.000 gia đình quả là rất khó. Vô cùng khó luôn. Đây là chưa kể các đối tượng cần nhà ở đang sinh sống tại nông thôn, không dễ gì loại họ ra khỏi diện những người cần được trợ giúp.

Câu hỏi tiếp theo là căn cứ để xác định một gia đình nào đó thuộc diện thu nhập thấp? Chỉ dựa vào bảng lương tháng, hay phải cộng toàn bộ thu nhập? Rất nhiều người lương thấp, nhưng thu nhập thì không hề thấp. Đó là thực tế ở Việt Nam. Thực tế này phản ánh điều gì chưa vội nói nhưng nó liên quan đến mong muốn có sự công bằng tương đối trong việc xác định cho ai vay tiền từ gói cứu trợ?

Câu hỏi thứ ba là bao nhiêu tiền thu nhập của một gia đình cho một tháng, một năm thì được coi là thấp? Chỉ riêng tiêu chí này đã thấy mỗi người nói một phách, cứ loạn cả lên, khiến dân tình hoang mang và không nhận được cười.

Giả định mọi tiêu chí vừa nêu đã thỏa mãn, thì vẫn còn câu hỏi thứ tư: làm cách nào để các đối tượng trong diện ưu đãi có thể vay tiền ở ngân hàng?

Chỉ riêng đoạn cuối này của con đường đến với gói cứu trợ đã vô cùng gặp ghềnh. Cần nhà họ đứng tên mua, vì còn lâu mới là của họ nên không thể mang ra thế chấp. Trong khi đó họ phải chứng minh được khả năng trả nợ. Đã thu nhập thấp thì khó mà thỏa mãn tiêu chí của ngân hàng về khả năng trả nợ hàng tháng. Còn đã có tài sản thế chấp, có thể trả nợ bình thường thì đâu còn là người thu nhập thấp nữa?

Đến đây lại lòi ra tiếp câu hỏi thứ năm: ngân hàng đóng vai trò giúp nhà nước trong gói cứu trợ, hay họ được cấp một cục và tùy ý đưa ra các quy định khi cho vay? Quá trình giám sát việc thực hiện như thế nào?

Câu hỏi này có vẻ như là thừa, nhưng nếu lường tới việc ngân hàng có thể lợi dụng hàng ngàn tỉ đồng lãi suất thấp giải ngân chậm, tệ hơn, nếu họ chủ động gây khó khăn về thủ tục để găm vốn cho vay lãi suất cao, thì vấn đề không hề dễ bỏ qua chút nào.

Còn nhiều câu hỏi nữa nhưng người viết dừng lại vì không muốn làm rối vấn đề.

Không phải cứ tung tiền ra là mọi việc xong xuôi. Tiền mà không biết sử dụng, luôn đi kèm với tai họa. Bởi vì nếu cứ để tình trạng nhùng nhằng như hiện nay gắn với gói cứu trợ, sẽ dẫn đến những phát sinh tiêu cực sau:

- Bất công trong việc xác định đối tượng cần được hỗ trợ, nhen mầm của những phản ứng tiêu cực.

- Chia rẽ xã hội khi nhiều người nghèo, những người ở nông thôn cảm thấy họ bị phân biệt đối xử.

- Phát sinh tiêu cực trong việc tiếp cận nguồn vốn với các loại phí ngầm nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà nước gây rối kỷ cương, phép nước và làm mất đi tính nhân đạo của dự án.

- Tiếp tay cho nạn cờ mồi thủ tục.

- Tạo cơ hội cho tham nhũng, hối lộ khi trao cho một số người những quyền lực tài chính khổng lồ mà không có cơ chế giám sát hữu hiệu.

Trên thực tế mới chỉ có doanh nghiệp tiếp cận được vốn (nghe nói khoảng 9.000 tỉ đồng). Việc này diễn ra quá chóng vánh, chỉ với động tác ký cái rẹt (so với tốc độ giải ngân cho cá nhân) khiến người ta cứ muốn nêu tiếp câu hỏi nữa: liệu có vấn đề cánh hẩu, nhóm lợi ích thò tay lông lá vào gói quà cho người nghèo này?

Bởi vì khi một doanh nghiệp có thể vay hàng ngàn tỉ với lãi suất ưu đãi, thời gian kéo dài nhiều năm, thực chất họ đã được hỗ trợ một khoản tiền thực hàng chục tỉ. Số tiền này liệu có được sử dụng đúng nguyên

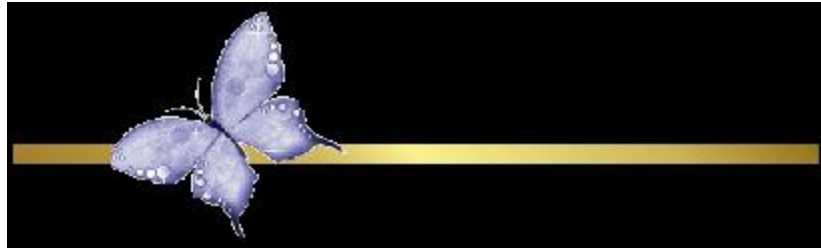
tắc và liệu có là miếng mồi để một nhóm người nhắm vào đòi chia chác, qua mặt nhà nước?

Những chuyện đó không còn là dự đoán, mà nó luôn xảy ra ngay trước mắt hàng triệu người trong nhiều năm qua, ở mọi lĩnh vực. Nhưng với dự án mang tính chất ưu đãi người nghèo thì những tiêu cực đó là không thể chấp nhận.

Nhưng cái nghịch lý đáng bàn lại là: nếu không có cách nào khác, thì không thể giải ngân gói cứu trợ bất động sản một cách minh bạch. Nghĩa là muốn tránh tình trạng cơm treo, mèo nhịn đói, thì phải chấp nhận tiêu cực, chấp nhận thỏa thuận ngầm giữa các bên, chấp nhận những bất công.

Một chương trình kinh tế, xã hội mà khi thực hiện nó gặp phải khó khăn mang tính loại trừ như vậy thì nên bình tĩnh xem lại. Còn thời gian để các chuyên gia, các nhà quản lý, các nhà chuyên môn về tài chính, ngân hàng cùng ngồi lại, bàn bạc và tham mưu cho chính phủ về cách giải cứu thị trường bất động sản. Đã có nhiều bài học giải cứu thị trường thành công trên thế giới để các vị tham khảo.

Khi đó sẽ không còn những phát ngôn bất nhất, tiêu chí bất nhất, quy định bất nhất... hậu quả của sự lúng túng, thiếu tự tin từ ngay những người hướng dẫn thực hiện khiến dân chúng cứ quay như đèn cù về mọi hướng mà vẫn không tìm thấy cách thức phải làm thế nào, chứ chưa nói đến việc bao giờ thì có thể bắt đầu.



Bao giờ thì bình đẳng trước pháp luật?

Nghe cách đặt vấn đề cứ như là sự đùa cợt thiếu thiện chí, bởi vì “Công dân bình đẳng trước pháp luật” là câu ghi rành rành trong ít nhất vài bộ luật quan trọng, thành khẩu hiệu to tướng treo rất nhiều nơi công đường, được các loại cán bộ cùng là mọi người dân nói như một câu cửa miệng ngày ngày. Nó là nguyên tắc pháp lý cao nhất, bất khả tranh cãi, khi có vấn đề liên quan đến tố tụng, xét xử công dân.

Công dân bình đẳng trước pháp luật, hiểu nôm na thì: mọi công dân, từ người làm nghề ăn xin, cho đến cán bộ có chức vụ cao ngất; kể cả đời không ra khỏi ngõ, chả có công trạng gì, cho đến người xuất chúng, Ơn trạch nhuần tưới muôn nơi; người mù chữ, cũng như người bằng cấp đầy mình... hễ cứ đứng trước pháp luật thì không ai thấp hơn ai về vị thế.

Nghiêm trang như thế cơ à. Đây là nguyên tắc thì đừng ai có hy vọng cây thần cây thế để uốn nắn nó theo ý mình, muốn nó tròn hay muốn nó vuông mà được. Nó là pháp luật, khuôn phép và nguyên tắc, thế thôi.

Nhưng mà hóa ra mọi sự trên đời đúng là luôn chỉ tương đối, chỉ đúng một trăm phần trăm trên giấy, kể cả thực thi luật pháp. Chuyện này không chỉ xảy ra ở riêng nước nào. Quốc gia nào cũng vẫn luôn tồn tại những khoảng du di trong thi hành luật, để ai đó, thế lực nào đó có thể biến nguyên tắc pháp lý, vốn dĩ là vô tư, vô tình, khuôn phép... thành hữu ý, méo mó, thiên vị.

Nhưng căn bệnh này nặng nhẹ không giống nhau. Với những quốc gia mà nền tư pháp đã hoàn thiện ở trình độ cao, việc lái pháp luật theo hướng thiên vị ai đó là vô cùng khó. Cơ chế giám sát, trình độ dân trí, sức mạnh cả công luận, đặc biệt là báo chí... không bao giờ cho phép việc đó được xảy ra dễ dàng. Trái lại ở những quốc gia nền tư pháp còn bị chi phối bởi những yếu tố quyền lực, quyền lợi, trình độ dân trí chưa đủ cao để hiểu luật, lại thiếu sự quan tâm của dư luận... thì mơ ước “Mọi người bình đẳng trước pháp luật” của các nhà lập pháp luôn còn xa vời trong tầm tay của mọi công dân.

Xét một cách nghiêm túc và cầu thị thì nước ta thuộc nhóm các quốc gia sau. Mặc dù phải công bằng mà nói, so với vài chục năm trước, công dân Việt Nam giờ đây khó “bóp mũi” hơn rất nhiều trước pháp đình, công đường, nếu có ai đó nuôi ý định ấy. Tuy nhiên, còn rất lâu nữa nguyên tắc đẹp đẽ và mang tính nền tảng trong tổ chức xã hội – “Mọi người bình đẳng trước pháp luật” – mới không bị thao túng để có lúc trở thành “một số người bình đẳng trước pháp luật, một số khác thì không”.

Việc nhân tiện xảy ra trước đây ở Vĩnh Long là một ví dụ rõ ràng giữa nghĩa vụ pháp lý, vốn là ngang nhau dành cho các công dân, với sự tham gia của quyền lực trong việc thực thi cái nghĩa vụ ấy đã khiến vấn đề trở nên thiên lệch một cách bi hài. Dư luận có vẻ hồ hởi, bỗ tức, thậm chí thích thú khi thấy vỉa hè của nhà ông cựu chủ tịch tỉnh bị mấy ông trật tự, dưới danh nghĩa thực thi pháp luật, đập bỏ không thương tiếc để trả lại mặt bằng nguyên trạng cho con đường. Nghe nói con đường gồm phần không gian đường, phần lòng đường, phần mặt đường và vỉa hè đã hoàn thiện và đi vào sử dụng từ lâu, từ 3-4 năm trước kia! Nghe nói đáng lẽ con đường thẳng như chỉ, nhưng vì gặp nhà ông chủ tịch, người to nhất nhì tỉnh, nên nó phải ngoan ngoãn “tự” uốn cong đi một chút. Mọi việc cũng đều xong từ mấy năm trước. Và tất nhiên không ai dám công khai ho he gì.

Trường hợp ở Vĩnh Long không phải là cá biệt nếu không muốn nói nó từng khá phổ biến. Không kể những nơi “quan xa, bản nha gần”, ngay tại Thủ đô – trung tâm văn hóa, chính trị của cả nước – nhiều năm trước, dư luận ồn lên chuyện con đường quanh một cái hồ bị chậm tiến độ, rồi cũng cứ bị cong queo uốn lượn, thậm chí phải cạp thêm ra phía mặt nước... chỉ vì phải tránh một, hai, ba... ông không to quyền nhưng nhiều lực. Không ai dám ho he chính thức mà chỉ là xì xào.

Những ví dụ như vậy có thể kể ra cả ngày. Nói thẳng ra thì những con đường bị nắn, những công trình bắt buộc phải thò thụt phản thẩm mỹ, những bản án bị làm cho biến dạng, những bài báo né tránh hoặc thiên vị người này người kia, cùng một lỗi, một tội nhưng người này thì bị phạt nặng, người kia chỉ qua loa (như trường hợp đơn giản nhất là công an “né” xe biển xanh, nhất là biển xanh có đầu mã 80..., các tài xế lái xe loại này coi luật giao thông đường bộ như giấy lộn)... luôn nhan nhản trong xã hội của chúng ta. Chính các cơ quan, lãnh đạo lớn nhất về quyền lực, chẳng hạn như Quốc hội, chủ tịch nước... cũng đã thẳng

thần thừa nhận như vậy, công an các nơi được lệnh không kiêng nể xe biển xanh... và đều công khai trên báo chí, còn gì phải úp úp mở mở. Điều đó chỉ nói lên rằng, để có một nền tư pháp công bằng, còn phải cần rất nhiều nỗ lực, rất nhiều lương tâm, rất nhiều sự trong sạch.

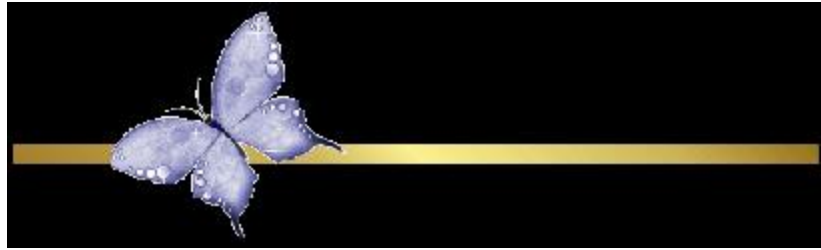
Lại lấy ngay trường hợp của ông cựu chủ tịch Vĩnh Long ra làm ví dụ (khổ thân ông, về nghỉ rồi không thoát!). Liệu khi ông đang còn tit ngòi cai trên tỉnh, cho cả cốc mật gấu liệu mấy ông trật tự bé tí kia có dám đập hiên nhà ông ta như họ vừa mới làm một cách rất... thực thi pháp luật! Ngay cả cấp trên mấy tầng của các ông trật tự cũng về nhà đuổi gà cho vợ ngay lập tức nếu làm thế! Cả một con đường, cả một tòa nhà nằm chềnh ềnh chứ có phải đồng xu đâu mà không ai thấy. Nhưng không ai dám ho he, không ai dám thực thi nghiêm minh của pháp luật, không ai dám dùng nguyên tắc “mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” để gây sức ép dư luận với ông chủ tịch. Báo chí trung ương bảo không biết còn có lý, chứ báo chí địa phương thì không thể nói thế. Nhưng chả thấy một dòng tin nào nhắc đến chuyện ấy. Vì nếu có ai định làm thế, thì ông chủ tịch khi còn đương chức có đủ sức để lái pháp luật chạy lòng vòng về phía ông, bao quanh ông như bức tường thành bất khả xâm phạm, hất văng kẻ kia ra ngoài vòng!

Giờ đây thì mọi sự khác hẳn, xoay tròn 180 độ. Làm nên điều kỳ diệu và hài hước ấy chỉ do một tí ti thay đổi: ông chủ tịch chỉ còn là ông cựu chủ tịch. Từ nay ông ta là công dân bình thường. Trước kia không ai dám đập vĩa hè nhà ông ta, còn nay thì đập thẳng cánh, còn loan cho cả thiên hạ biết. Ông chống lại thì ông ra tòa là cái chắc. Trước tòa ông sẽ phải đọc nghiêm túc (chứ không thể đùa cợt như nhiều người cậy quyền cao chức trọng) dòng chữ to tướng “Mọi công dân đều có quyền bình đẳng trước pháp luật”. Thật đấy chứ không đùa tí nào đâu!

Vậy là chả cần phải tìm đâu xa, vụ việc đập hè nắn lại đường ở Vĩnh Long cho thấy sự phân biệt đối xử rõ ràng của pháp luật giữa công dân chủ tịch tỉnh Vĩnh Long Phạm Văn Đấu và công dân cựu chủ tịch tỉnh Vĩnh Long Phạm Văn Đấu! Lý do của sự phân biệt đó là do yếu tố quyền lực. Trước kia quyền lực xen vào giữa, khiến mọi thứ nghiêng về phía nó. Còn nay không có chuyện ấy nữa, thì luật pháp lại ngay thẳng! Quyền lực ở nước ta, trong nhiều trường hợp, là thứ mạnh nhất, chứ không phải pháp luật.

Không một thể chế nào muốn vững mạnh, trường tồn, được lòng dân lại cứ để cho tình trạng “Nhị tôn, tam tôn, thậm chí hạ tôn...pháp luật” như vậy? Chỉ có điều vì sao chuyện đó vẫn là thực tế trong rất nhiều vụ án, rất nhiều vụ việc, liên quan với rất nhiều cá nhân... gây ra rất nhiều oan khốc, khiến xã hội mất niềm tin trầm trọng vào hệ thống luật pháp? Đây chính là câu hỏi bức thiết nhất cần phải có ai đó đứng ra trả lời. Bởi vì có trả lời được câu hỏi ấy mới mong tìm cách loại dần nó ra khỏi mọi ngõ cảnh của đời sống pháp lý.

Nếu không làm được thế thì chỉ còn biết nói và tin theo dân gian: pháp luật là cái đing gì!



Đã đến lúc phải nói ra

Bộ luật Hình sự Việt Nam coi việc công dân đưa hối lộ là một tội nặng, nguy hiểm, có khung hình phạt tới mức tù chung thân. Điều luật này được ban hành khi mà nạn tham nhũng, ăn hối lộ cắm sâu vào trong cơ thể xã hội, phát triển tới mọi góc ngách, trở thành quốc nạn. Hối lộ cũng góp một phần cho tệ nạn nguy hiểm ấy gia tăng, đánh phá và làm hư hỏng các cơ quan quyền lực nhà nước. Có lẽ vì thế, mục đích của việc trừng trị tội đưa hối lộ là để cắt đi một chân rết, một nguồn phát sinh của tham nhũng.

Không có gì phải nghi ngờ mục tiêu này.

Nhưng mong muốn là một chuyện, hiệu quả của nó có được như mong muốn luôn là chuyện khác xa. Ngay cả một định nghĩa chính xác về hành vi đưa hối lộ kiểu Việt Nam cũng còn chưa có, thường bị đánh đồng với hành vi chia chác, cống nộp, rửa tiền, móc túi nhà nước dưới dạng quà biếu... Trên thực tế, kể từ khi tội đưa hối lộ được bổ sung cả nội dung hành vi lẫn tăng mức hình phạt theo hướng nghiêm khắc hơn vào bộ luật, thì tệ nạn tham nhũng, trong đó chủ yếu là nhận hối lộ, không hề vì thế mà giảm đi, thậm chí có phần còn tăng lên. Sở dĩ như vậy vì những nhà làm luật đã không xét đến môi trường chính trị của những mối quan hệ pháp lý khá riêng biệt của nước ta, gắn với cơ cấu quyền lực chi phối trách nhiệm và lợi ích cá nhân công dân. Với việc trừng phạt người đưa hối lộ, những kẻ nhận hối lộ còn cảm thấy có thêm sự “hậu thuẫn” để ung dung rút tiền vào túi, vì nếu người đưa hối lộ tố cáo họ thì cũng đang tự tố cáo mình trước.

Từ lâu, tôi và có thể nhiều người đã bận tâm với việc cần phân biệt tính chất của hành động đưa hối lộ ở Việt Nam, với hành động tương tự tại một quốc gia khác về thể chế chính trị. Để từ đó có cái nhìn chính xác về gốc rễ căn bệnh trầm kha này và có được sự công bằng hơn khi xử lý tội đưa hối lộ, với mục đích cao nhất là hạn chế tệ tham nhũng.

Nhưng tôi chưa tìm thấy thời điểm thích hợp, ít nhất ở khía cạnh có nhiều người quan tâm, để nêu vấn đề. May thay, vừa có hẳn một cuộc hội thảo về biện pháp phòng chống tham nhũng do thanh tra chính phủ tổ

chức, trong đó nhiều ý kiến nghiêm túc cho rằng không nên xử lý người đưa hối lộ nhằm khuyến khích công dân tăng cường cáo giác tham nhũng.

Tôi tán thành quan điểm này và cảm thấy đây là lúc cần nói ra những suy nghĩ gan ruột của mình. Việc chủ động đưa và nhận hối lộ giữa các công dân vì mục tiêu vụ lợi phi nghĩa hoặc trốn tránh pháp luật, rất dễ xác định là phạm tội hiển nhiên, thuộc số ít và không nằm trong mối quan tâm của bài viết này.

Mối quan tâm của tôi nhằm vào hơn 90% những vụ đưa và nhận hối lộ còn lại, trong đó đối tượng nhận hối lộ (dưới muôn vàn hình thức, trong đó chủ yếu được ngụy trang dưới dạng nhận quà biếu) là quan chức đại diện cho chính quyền nhà nước. Nếu ông ta hay bà ta không nắm trong tay chút quyền lực nhà nước, sẽ không có bất cứ chuyện gì xảy ra. Vì vậy, với những trường hợp này, bất kể việc đưa hối lộ vì mưu cầu lợi ích hay nhằm chạy tội, thì chúng đều có cùng bản chất là mua quyền lực, mua luật pháp. Người đại diện cho nhà nước không có gì khác để ngã giá, đổi chác, mua bán ngoài quyền lực mà nhà nước trao cho ông hay bà ta. Trong khi đó, như những gì chúng ta vẫn nói, mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Vậy là việc đưa hối lộ ở Việt Nam có thêm màu sắc bi hài bởi người dân phải bỏ tiền mua lại thứ của chính mình một cách lén lút và luôn bị ép giá. Điều bi thương này là chỗ khác biệt với các hành vi tương tự ở những nước quyền lực thuộc về những lực lượng chính trị mạnh nhất xã hội về tiền bạc.

Không ai tự nhiên lại bỏ tiền để biến cả chính mình cũng thành phi pháp khi chạm vào tài sản của mình, nếu không vì bị bức bách. Trừ một số ít trường hợp người đưa hối lộ nhằm tới mục đích chủ động thao túng lợi ích, còn lại trong đa số trường hợp, việc làm đó mang tính chất của một hành động mưu cầu thụ động: mưu cầu sự thuận lợi trong công việc (cho mình và cho người thân), mưu cầu lợi ích (để không bị ngăn cản làm ăn, nhiều khi bằng những hành vi phi pháp của người thi hành công vụ nằm ngoài khả năng phòng trừ của mình), mưu cầu sự bình an (không bị làm phiền), thậm chí là mưu cầu sự sống còn (trong trường hợp hối lộ để được bảo vệ khỏi kẻ ác tấn công, để được đảm bảo mạng sống, được cứu chữa bệnh kịp thời mà nếu chậm trễ có thể dẫn đến tử vong...)

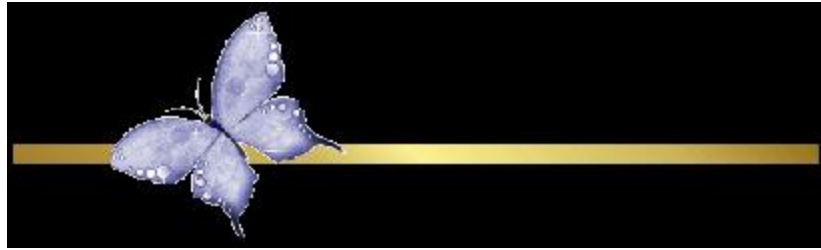
Vì thế, trong nhiều trường hợp, việc đưa hối lộ còn đồng nghĩa với hành vi đạo đức, sự hiếu thảo? Chẳng hạn, nhờ làm thế mà cứu được

người thân khỏi hiểm nghèo. Hãy xét đến trường hợp người muốn thực thi pháp luật không còn con đường nào khác, con đường đáng lẽ họ luôn phải có, thì hành vi đưa hối lộ của họ là hành vi của người cùng đường tìm cách giảm thiểu rủi ro. Một kiểu phòng vệ chính đáng. Họ có quyền không thể tranh cãi khi làm việc đó.

Nhưng vì làm thế mà họ phạm tội, xét theo tiêu chuẩn và những quy định pháp lý hiện hành. Vấn đề rút lại chỉ là tại sao tồn tại một môi trường xã hội không thể rạch ròi về hành vi mang tính đối nghịch rõ ràng? Hẳn nhiên điều này không thể quy cho lỗi của người dân. Cũng như việc biến mối quan hệ quyền lực, bị ràng buộc bởi các nguyên tắc đạo đức và pháp lý, thành thứ quan hệ làm ăn thông thường, lỏng lẻo, tùy biến, có thể thỏa thuận, mua bán, đổi chác ngay ngoài đường ngoài chợ... là lỗi của cơ quan nhà nước, của những người nắm giữ quyền lực nhà nước (họ không bán thì chẳng ai có thể mua được), chứ không phải từ phía người dân bình thường. Nói khác đi, hành vi nhận hối lộ là hành vi bán đứng quyền lực nhà nước, bán đứng nhân dân mà mình là đại diện. Người nhận hối lộ do đó đã phạm hai tội một lúc: bán thứ không được phép, và bán thứ không phải của mình. Tức là cùng lúc những người đó tham nhũng cả tiền bạc, luật lệ và đạo đức. Không công dân nào có thể sống ngay thẳng, minh bạch trong một môi trường mà những kẻ đại diện cho mình lại vô liêm sỉ như vậy. Và cách mà họ dùng tiền để loại bớt rủi ro bởi những kẻ đó gây ra, vẫn chưa phải là cách tiêu cực nhất.

Kết luận lại: đưa hối lộ hiển nhiên là một tội hình sự vì nó làm méo mó kỷ cương, gây phương hại cho xã hội và khuyến khích công dân phớt lờ những quy định pháp luật. Không có gì phải bàn cãi về điều đó khi phần lớn nhân loại đều quan niệm như vậy. Nhưng việc xử lý nó lúc này với hoàn cảnh nước ta (đặt ngang với việc xử lý tội nhận hối lộ, xét trên những gì chúng tôi vừa trình bày, là chưa thỏa đáng về cả lý và tình, cao hơn nữa là chưa đảm bảo tốt nhất lợi ích quốc gia nếu cùng nhất trí rằng, tham nhũng là tệ nạn xúc phạm nhân phẩm dân tộc, ngăn cản đà phát triển đất nước một cách nguy hiểm nhất hiện nay, cần phải bị diệt trừ khẩn cấp.

Đã đến lúc phải nói ra điều này, rằng pháp luật là những nguyên tắc, mang tính khuôn phép, nhưng trước hết nó cũng là nơi thể hiện rõ nhất khôn ngoan, linh hoạt của cộng đồng.



Thảm họa được báo trước!

Dự án treo là dự án đã được cơ quan chức năng phê duyệt quy hoạch, ban làm dự án đã nhận mặt bằng (qua một vụ thu hồi đất luôn luôn ở mức thảm khốc với người bị lấy đất, thậm chí vẫn đang là nguyên nhân nóng bỏng của những cuộc khiếu nại kéo dài, tác động trực tiếp đến hàng triệu người), nhưng sau đó thì cứ bỏ đấy, năm này qua năm khác cho cỏ mọc mà không triển khai tiếp, vì muôn vàn lý do. Con số những dự án như thế này không thể nào tính xuể. Đài Truyền hình Việt Nam, trong một chương trình phóng sự còn khá khiêm tốn, cũng đã đưa khán giả qua khắp Bắc-Trung-Nam để tận mắt thấy hàng trăm héc ta diện tích đất trồng lúa, trồng màu, trồng cây công nghiệp, diện tích bờ biển... bị bỏ hoang nhiều năm, vì những dự án treo! Nó là hậu quả của một chính sách quá bốc đồng, lạc quan tếu, lại còn dung dưỡng bởi lòng tham vô đáy của những con bạch tuộc coi tiền là tất cả. Địa phương nào cũng có quyền cho mở khu công nghiệp, phê duyệt các khu nghỉ dưỡng, sân golf... thì họ tội gì mà không làm. Thứ nhất được tiếng là nhay bén, mẫn cán trong công việc, có tầm nhìn xa, tu duy lớn khi tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, thu hút được nguồn vốn tư bản về địa phương mình, đi kèm là công ăn việc làm, cải thiện đời sống, tăng thu ngân sách... Nghĩa là bảng thành tích lãnh đạo sẽ dày lên. Tất nhiên những thứ đó hãy còn trên giấy và chưa cần biết khi nào thì nó thành hiện thực. Nhưng, thứ hai, có một thứ hiện ra ngay là tiền, rất nhiều tiền, gọi là tiền bôi trơn thủ tục mà các nhà đầu tư ném ra để chạy chọt. Tiền đó đương nhiên là chảy thẳng vào những cái túi cá nhân không đáy. Tiền đã vào túi rồi thì “sống chết mặc bay”. “Bay” ở đây là hàng ngàn hàng vạn gia đình mất đất ở, đất canh tác khiến sống dở chết dở, thậm chí nhiều gia đình vì thế mà tan cửa nát nhà, tha phương cầu thực! “Bay” ở đây còn chính là những nhà đầu tư. Họ phải dùng mọi thủ đoạn để “chiến đấu với đồng bào mình”, từ khung giá đến bù, tiến độ giải ngân, những lời hứa suông, đến không còn thiếu thủ đoạn nào để cầm mối định danh phần đất mà nhà nước địa phương giao cho họ. Cuộc chiến có lúc, có nơi không thiếu sự nóng bỏng, thậm chí từng có lửa cháy, máu chảy. Đất đai thì có hạn, cho nên phải nhanh chân xí phần. Vì thế, dù chưa có một đồng vốn, chưa biết làm việc gì, nhiều nhà đầu tư cứ vay tiền gom đất trước.

Vào thời hoàng kim của bất động sản, khu nghỉ dưỡng, xưởng chế xuất... nhiều dự án khổng lồ mọc lên ngay sau đó, tạo ra hiệu quả kinh tế nhất định, tức là việc thu hồi đất ít nhiều còn có hiệu quả thực và vì thế có lý do chính đáng. Nhưng không ít những dự án, sau cuộc tranh cướp đầy bi hài, tạo ra vô vàn hệ lụy pháp lý và tình cảm, thì lại bỏ hoang năm này sang năm khác như đã liệt kê. Phần lớn chúng chỉ được xây tường bao, để xác định ranh giới sau khi tước bỏ vĩnh viễn khả năng canh tác bằng việc cho vét đất mặt rồi thay thế bằng lớp cát sỏi hỗn hợp. Nghĩa là nếu những khu đất vốn là bờ xôi ruộng mật ấy mà không được sử dụng làm dự án, thì chỉ còn sử dụng duy nhất là bỏ hoang.

Sau đây là một vài con số:

Chỉ riêng một xã Tiến Xuân Hà Nội, đã có cả thảy 24 dự án treo (chiếm một nửa số dự án đã thu hồi đất). Số đất nông nghiệp của xã này biến mất trong thời gian qua là 900 ha!

Huyện Nhà Bè (TP.HCM) xã nào cũng có dự án “treo”.

Tại Đồng Nai trong hơn 9.200 ha đất KCN, vẫn còn 2.700 ha chưa được sử dụng...

Các điểm nóng dự án treo khác phải kể đến Bắc Ninh, Thái Nguyên, Nam Định, Hà Nam, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Cần Thơ...

Nói gọn lại thì hầu như tỉnh, thành phố nào trong cả nước cũng có dự án treo.

Theo Viện Phát triển bền vững Đông Nam Bộ, thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, trong hơn mười năm qua, diện tích đất nông nghiệp Đông Nam Bộ giảm 90 nghìn ha, từ 1,45 triệu ha (năm 2000) xuống còn 1,36 triệu ha (tính đến cuối năm 2011). Từ khi nghiên cứu này công bố, không biết “miếng da lừa” hẹp thêm lại bao nhiêu?

Nhưng những thông tin chỉ ấn tượng bởi con số, dù rằng đó là những con số khủng khiếp. Còn trên thực tế, bất cứ ai có điều kiện đi dọc từ Bắc vào Nam, len lỏi đến các vùng trung du Bắc Bộ, các tỉnh từng là vựa lúa, vựa ngô đều được chứng kiến những cánh đồng mệnh mông một thời, những cánh đồng không chỉ làm cho con người no ấm, tử tế, mà còn cho cuộc sống vẻ đẹp, niềm an bình, giờ biến thành những bãi đất chết, nhiễm độc từng ngày vì đủ loại phế thải, trở nên thù nghịch với chính chủ nhân một thời của nó. Về mặt quản lý quy hoạch, phát triển

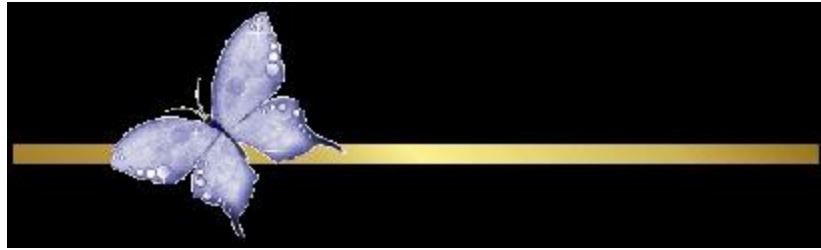
kinh tế thì đó là một sự yếu kém thậm hại; về mặt văn hóa thì đó là sự xúc phạm không thể tha thứ; còn về khía cạnh đạo đức thì nó chỉ cho thấy rõ hai điều: lòng tham vô đáy và thói ích kỷ của con người đã đến mức u tối.

Điều nghịch cảnh là trong khi đất canh tác bị lãng phí, thì hàng triệu nông dân mất việc làm, phải ly hương, ly nông, kiếm ăn trên các đường phố trong đói khát, bệnh tật, tai họa. Bản thân họ là nạn nhân. Nhưng rất nhiều trong số đó là nguyên nhân của các vụ án kinh hoàng với nhiều nạn nhân khác. Quá trình này đang tiến tới một giới hạn nguy hiểm, không thể kiểm soát được.

Chúng ta hay nói đến sự trả thù của thiên nhiên cho việc con người phung phí tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Nhưng còn có sự trả thù khác khốc liệt hơn mà chúng ta cứ vờ như không biết, đó là sự trả thù của tương lai. Điều đó đang hiện hữu ngay một rõ nét trong đời sống. Hàng triệu trẻ em, thanh niên nông thôn đang đối mặt với sự thực cay đắng mà họ không thể thoát kiếp nông dân nhưng lại mất cơ hội làm nông dân, chỉ vì không có đất! Con số gia nhập đội quân thất thế, đội quân thù nghịch vì tăng trưởng ấy vẫn đang tăng lên từng ngày!

Chúng ta đang hành động như những người thích đi ngược chiều: trong khi trên thế giới, chỉ những khu đất ít khả năng canh tác mới biến thành đất công nghiệp, đó là điều kiện mang tính pháp lý và đạo đức. Đi kèm với những khu chế xuất, khu công nghiệp... luôn luôn là hệ thống hạ tầng mới tinh, có khả năng văn minh hóa những khu vực xa xôi ấy – cũng trở thành một thứ điều kiện mang tính ràng buộc nghiêm khắc. Còn ở ta, hãy thử đi dọc đường cắt ngang qua những đồng bằng để thấy điều kiện trên kia bị đảo ngược như thế nào? Chỉ thấy rõ nhất biểu hiện của sự “cướp bóc”, trước hết là cướp bóc thịnh tình của thiên nhiên, sau đó là cướp bóc của chính con cháu mình. Chưa ai chịu khó bỏ công ngồi tính xem, khi hàng trăm ngàn héc ta đất nông nghiệp bị thu hồi rồi bị bỏ hoang, thất thoát tài sản cho xã hội là bao nhiêu, thất thoát kỷ cương là bao nhiêu, thất thoát niềm tin là bao nhiêu...? Nhưng chỉ cần một phép tính nhằm đơn giản, thì với số đất đó, khoảng hơn 2 triệu nông dân mất việc quanh năm. Với những người này, tăng trưởng kinh tế, tăng các lợi ích phúc lợi hầu như không có ý nghĩa gì với họ. Họ bị đẩy ra rìa, trở thành vật hi sinh cho sự giàu có của những người mà trước sau họ cũng căm ghét.

Trên lý thuyết và thực tế, điều đó đều là ẩn họa, mầm mống của những rối loạn, bạo loạn xã hội.



Một quốc gia nhỏ chỉ ăn rồi chơi

Có lẽ không quốc gia nào mà cuộc sống của giới công chức chứa nhiều điều nghịch lý như ở Việt Nam: lương không đủ sống nhưng lại thuộc thành phần khá giả của xã hội; đã vào biên chế là có thể nằm lì cho đến hết đời, ngang nhiên đòi hỏi mọi chế độ phúc lợi, ngay cả khi chẳng làm gì; là người làm thuê cho dân nhưng lại hành xử như ông chủ có quyền ban ơn; năng lực cũng như tinh thần trách nhiệm trước công việc phần lớn ở mức trung bình và thấp, nhưng cực kỳ có khả năng trong việc kinh doanh “quyền lực nhà nước” để tư lợi... Nhưng điều nghịch lý nhất là một nền hành chính công kênh, ì ạch, dôi dư cả triệu người như vậy lại vẫn cứ đang tiếp tục ngày một phình to?

Không phải là do tôi bịa ra hiện thực đó. Trong một hội nghị có đưa tin trên truyền hình và sau đó hầu như các báo đều đưa lại, phó thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nói thẳng ra rằng: “Trong bộ máy chúng ta có tới 30% số công chức không có cũng được, bởi họ làm việc theo kiểu sáng cắp ô đi, tối cắp về, không mang lại bất cứ thứ hiệu quả công việc nào.” Nói cách khác, cái số 30% công chức đo hoàn toàn không cần thiết, y như cái bướu trên cổ. Với 2,8 triệu công chức, chỉ cần làm phép tình nhẩm cũng ra ngay con số thuộc diện có cũng như không kia khoảng trên 800.000 người. Nghĩa là mỗi 100 người dân Việt Nam, phải nuôi không một ông (bà) vô công rồi nghề mang danh công chức! Vậy tại sao một nền dịch vụ công chỉ cần 2 triệu người, mà phải lương cho tận những gần ba triệu? Ai phải chịu trách nhiệm về vấn đề này? Trong khi chưa thể tìm ra câu trả lời, chúng tôi chỉ xin làm thứ công việc đơn giản hơn là giúp mọi người hình dung một phần gánh nặng vật chất và tinh thần mà cả xã hội đang ề lừng chịu đựng, để “công” gần một triệu công chức dư thừa đó.

Trước hết, 800.000 người lớn đến mức nào? Đó là số dân (hơn kém chút ít) của Cyprus, Bahrain, Bhutan, Qatar, Đông Timor... Hay nó có quy mô gấp đôi dân số Luxemburg, Brunei, Malta, Iceland...

Thứ hai, và đây là vấn đề chính, cần bao nhiêu tiền để nuôi cái đám công chức thừa thãi ấy? Chắc chắn là không ai có thể tính chính xác, vì có những công chức thuộc loại dư thừa, nhưng lại hưởng mức thu nhập nhiều người mơ ước. Hãng chỉ tính đơn giản thế này: mỗi người trong

số đó, vì họ là công chức, nên thuộc diện thu nhập trung bình khá (so với mức 1.000 USD trung bình) sẽ nhận của nhà nước khoảng 60 triệu đồng (gần 3.000 USD) một năm. Nghĩa là cần số tiền lên tới 50.000 tỉ đồng (2,5 tỷ USD) cho việc chi lương để ngày ngày 800.000 người ăn mặc sang trọng chỉ để “sáng vác ô đến cơ quan, tối vác ô về nhà” mà không làm bất cứ việc gì. Tuy nhiên, số tiền phải bỏ ra phục vụ việc ngồi chơi xơi nước của “một quốc gia nhỏ” ấy trên thực tế còn lớn hơn nhiều. Theo thông lệ thì số tiền lương cho công chức chỉ bằng hai phần ba số tiền phải chi ra để họ có thể làm việc, được tính vào khoản duy trì hoạt động của cơ quan nhà nước. Đó là tiền thuê nhà, tiền điện, tiền điện thoại, tiền khấu hao tài sản, tiền phúc lợi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chi phí đi lại và cơ man nào những thứ tiền khác được gọi bằng cái tên chung là văn phòng phí. Khiêm tốn tính gộp thì con số 50.000 tỉ đó phải cộng thêm khoảng 20.000 tỉ đồng. Giờ ta thử xem 70.000 tỉ đồng nhiều đến mức nào? Nó nhiều hơn toàn bộ số tiền thu được từ xuất khẩu gạo năm 2012; nó bằng khoảng 5-6 lần số tiền phí bảo trì đường bộ mà Bộ Giao thông Vận tải dự kiến thu được hằng năm từ ô tô, xe máy với giá phải trả là hứng chịu biết bao lời chì chiết của dư luận; nó bằng giá nửa số tiền 120.000 tỉ đồng cần để nâng cấp quốc lộ 1A lên thành đường bốn làn xe ô tô; nó giúp cho khoảng 7 triệu dân miền núi đủ gạo ăn trong một năm để không phá rừng. Nếu có ngần ấy số tiền, toàn bộ các xã nghèo miền núi có trường học, có chợ, có đường trải bê tông. Nó có thể mua được số bò giúp cho chương trình Lọc Lọc Vàng duy trì liên tục 150.000 buổi, với khoảng 900.000 gia đình nông dân thuộc dạng nghèo nhất nước có cơ hội đủ cơm ăn. Nó là con số dài tới mức mà không một nông dân bình thường nào đọc chính xác được.

Nhưng đấy mới chỉ tính về khoản vật chất, cho dù không hề nhỏ nhưng chắc chắn đã là lớn nhất. Tai họa của nạn biên chế tràn lan là nó khiến cho bộ máy hành chính công của chúng ta thuộc loại công kênh, kém hiệu quả và lạc hậu vào loại nhất khu vực. Nhân cư vi bất thiện. Vì không làm gì nên những ông, bà công chức thừa thãi trên trở thành những “con bệnh” của xã hội. Ta hãy xem họ làm gì mỗi ngày để tiêu hết 8 giờ vàng ngọc. Nếu là đàn ông thì phần lớn lướt web, chơi game online, xem phim sex, tìm cách vào nhà nghỉ với chính đồng nghiệp của mình. Thời gian còn lại ngồi nghĩ mưu kế tư lợi hoặc hại người khác. Còn với thành phần nữ giới thì mua sắm tối ngày, ăn uống, khoe của tối ngày, buôn dưa lê tối ngày... Nhiều người coi trụ sở cơ quan chẳng hơn gì cái bếp nhà

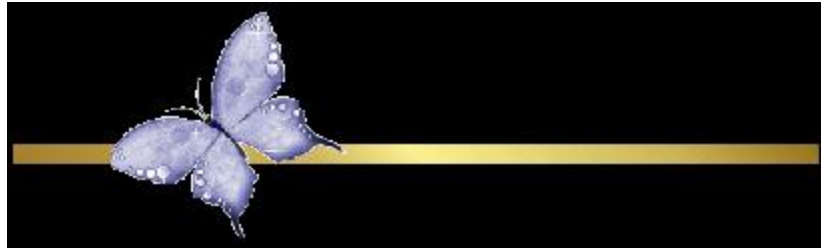
mình, tranh thủ tận dụng điện nước miễn phí để nấu nướng. Số còn lại, nếu không làm những việc như trên, thì làm chim bói cá, cứ thấy ở đâu có màu mỡ là đến. Cũng vì thừa dẫn đến lười, ích kỷ, đấu đá chen ép nhau thay vì thực thi công vụ. Có rất nhiều người cả một đời công chức chỉ chuyên kiện cáo, lao vào đấu đá vì những lợi ích cá nhân. Nhưng lương của họ thì vẫn cứ đến hẹn lại lên. Chức của họ thì cứ thăng tiến theo tuổi tác. Kèm với lương với chức là đủ thứ tiêu chuẩn ưu đãi khác. Những công bộc này, về nguyên tắc là những người giúp việc cho “ông chủ” Nhân dân, nhưng trên thực tế cũng là những người quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tham lam, làm khổ “ông chủ” vào loại nhất thế giới. Làm bất cứ việc gì thuộc phạm vi chức phận cũng đòi lót tay. Trong bất cứ nhiệm vụ nào cũng lồng lộng lợi ích của mình vào. Từ lái xe, nhân viên đóng dấu, nhân viên gác cổng... đến những người có tí chức, tí quyền đều là những kẻ thạo ăn tiền, vơ vĩnh, hạch sách... biến cửa công đường thành nơi nhếch nhác, bất tín, đáng sợ hơn cả hang hùm. Nền đạo đức xã hội xuống cấp, có phần đóng góp không nhỏ của những thành phần được gọi là công chức ấy.

Nhưng thiệt hại vẫn chưa dừng lại ở đó. Nạn chạy chức chạy quyền thì ai cũng biết. Nhưng nạn chạy chọt để được thành công chức nhà nước còn khốc liệt hơn và cũng bi hài hơn rất nhiều. Vì số người tham gia luôn rất đông, diễn ra trên một diện rộng, với sự tham gia của mọi thành phần. Nó làm hư hỏng cả người có quyền nhận và người được nhận. Người có quyền nhận thì một khi đã lấy tiền, đã nhúng chàm, làm sai còn dám yêu cầu cấp dưới phải nêu cao đạo đức, kỷ cương, nhân cách – ngoại trừ đó là một chuyện hài! Người được nhận vào làm công chức thì cậy tiền nên không cần học, không cần trau dồi chuyên môn, coi thường kỷ cương, phép tắc. Đó là chưa kể họ phải tìm cách ăn chặn, ăn bẩn, vơ vét bằng mọi cách để bù lại số vốn đã bỏ ra.

Nhưng những bệnh tật trên, dù rất trầm trọng, nếu quyết tâm ngăn ngừa, vẫn còn nhiều hy vọng chữa chạy, dù rất tốn kém. Song có một thứ bệnh do chạy công chức gây ra rất khó chữa, thuộc loại nan y, là bệnh ỷ lại, lười biếng và mất khả năng tự trọng. Căn bệnh thuộc loại lây nhiễm này có thể hủy hoại nhân cách cả một thế hệ, góp phần làm nghèo đất nước. Người ta cần một cái bằng đại học với bất cứ giá nào đôi khi không phải để sau đó làm việc, cống hiến, mà để có cơ hội gia nhập cái đội quân công chức vốn là thừa thãi kia. Với những người này,

cái điều đáng lẽ thành nỗi xấu hổ khi chả làm gì ngoài việc “sáng vắc ô đi, tối vắc ô về”, thì lại là mục tiêu phấn đấu, là sự nghiệp của đời họ.

Liệu có khác gì một thứ quốc nạn?



Loanh quanh chuyện lãi và lỗ

Một người không cần học chữ nào, không cần ra khỏi làng, vẫn có thể biết rõ lỗ và lãi liên quan đến chuyện gì. Buôn bán giờ đây đã trở thành một thứ bản năng sống. Vì thế mọi giải thích về lãi là gì, lỗ là gì sẽ thành thừa.

Tưởng đến thế thì mọi chuyện đều đã rõ như hai nhân năm bằng mười rằng, lỗ là làm ăn kém, hao vào vốn bỏ ra, còn lãi thì ngược lại. Lỗ thì hưởng ít đi, lỗ quá thì bán xối, còn lãi thì thu nhập rủng rỉnh. Vậy mà ở Việt Nam thì chuyện “đơn giản như đan rổ” ấy lại vẫn có nơi không phải vậy! Nhiều doanh nghiệp vốn nước ngoài, doanh nghiệp trong nước, đến cả các tập đoàn, tổng công ty khổng lồ dài dài nhưng chẳng ai phá sản, mà càng lỗ càng sống tốt, càng phát triển, lương sếp càng khủng. Và thế là chuyện về lãi và lỗ vẫn cứ làm nóng các trang báo, nóng tiết người dân, nóng cả nghị trường Quốc hội, nóng ra tận vỉa hè. Lạ nhất với mọi người là các doanh nghiệp cứ thi nhau báo lỗ, tức là không ngại khoe ra sự kém cỏi của mình. Doanh nghiệp liên doanh lỗ. Doanh nghiệp có một trăm phần trăm vốn nước ngoài, có chiến lược rõ ràng thì phải làm ăn ra trò nhưng rút cuộc vẫn... lỗ! Con số lỗ nhiều khi lên đến cả ngàn tỉ đồng. Ta hãy thử lướt qua một vài thông tin.

Trước hết là các ông lớn nước ngoài. Metro Cash&Carry (2009) lỗ to. Coca-Cola lỗ nhiều năm liền, ai cũng biết, trong khi người đồng hương khổng lồ PepsiCo cũng “méo mặt” vì lỗ. Rồi đến Adidas, Nestlé theo chân các đối tác ca bài ca cũ rích nhưng không bao giờ mệt là lỗ nặng! Mới đây là Keangnam Vina và Hualon... cũng thua lỗ. Hàng loạt doanh nghiệp tương tự ở Bình Dương quyết toán cuối năm lỗ dã man! Xem ra, làm ăn ở Việt Nam thời buổi này hay nhất là cứ tha hồ... lỗ lớn? Chuyện lạ có thật nhưng không khó hiểu. Bởi ngay sau đây có thể là một phần của câu trả lời tại sao các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài cứ lỗ triển miên, được thể hiện dưới tựa đề một số bài báo:

Ông lớn FDI chuyển giá: Không phải phạt tiền là xong; Vô địch chuyển giá, trắng trợn hơn cả Keangnam; Phi vụ chuyển giá ngàn tỉ bậc nhất của Keangnam; Danh sách đen chuyển giá: Lộ mặt hàng trăm doanh nghiệp ngoại; Doanh nghiệp Đài Loan chuyển giá trắng trợn tại Việt

Nam... Không thể liệt kê hết hàng trăm bài báo tố cáo thực trạng gian dối, thực ra là vi phạm pháp luật, lợi dụng hệ thống quản lý thủ công và sự kém hiểu biết của người Việt Nam.

Sẽ còn có người hỏi “chuyển giá” là thủ đoạn gì? Tạm lấy ngay trường hợp của doanh nghiệp Đài Loan vừa kể tên ở trên kia làm ví dụ. Doanh nghiệp này đầu tư sản xuất trà chất lượng cao. Tại Việt Nam, một ki lô gam trà Ô Long có giá 2-3 triệu đồng. Nhưng nếu tính giá ấy thì họ lãi lớn, tức là phải nộp nhiều thuế cho nước sở tại. Họ bèn nghĩ ra chiêu xuất khẩu cho công ty mẹ ở Đài Loan chỉ dưới 4USD/kg, tức là chưa đầy 100.000 VND. Thằng “con” bán cho thằng “bố” giá rẻ thế, dưới cả giá thành nhiều lần, làm gì chẳng lỗ?! Vì lỗ nên không phải nộp thuế doanh nghiệp và các khoản nghĩa vụ khác. Nhưng tiền của thằng “bố” với thằng “con” thì là một. Về Đài Loan chúng nó mới hú hí chia nhau và cười vào mũi người Việt, nhiều khi không chỉ do kém, mà còn do tham tiền nên mới tiếp tay cho bọn họ dễ thế. Chiêu trò này ở nhiều nước khác nhau trong khu vực đã cũ lắm rồi, giở ra là “ăn đòn” với họ nhưng lại vẫn cứ hiệu quả ở Việt Nam suốt hàng chục năm. Câu trả lời chỉ đơn giản là do chúng ta dốt, dễ dãi, mãi chạy theo lợi ích nhóm nên để tài sản quốc gia thất thoát quá đơn giản và đau lòng như vậy.

Thế còn các doanh nghiệp khủng trong nước, con cưng của ông bố mang tên là nhà nước thì sao? Quanh năm ngành điện kêu lỗ để lấy lý do tăng giá điện. Thậm chí có cảm giác tăng giá điện lên bao nhiêu cũng vẫn lỗ! Hóa ra họ chuyển lỗ vào sân golf, nhà nghỉ, lương khủng, thưởng lớn ô tô tiền tỉ... như thanh tra chính phủ moi ra. Công ty Petrolimex thì từ đầu năm đến cuối năm đều kêu lỗ, thậm chí họ còn tính cụ thể mỗi lít xăng bán ra lỗ bao nhiêu đồng, tùy theo từng thời kỳ. Kêu thế thì ai chẳng động lòng. Đã tận tâm tận lực phục vụ đồng bào, ngày nắng cũng như ngày mưa đều hết mình mà còn phải bỏ thêm tiền túi ra để bù lỗ! Có khác nào ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng. Nào ngờ, bụp một phát cuối năm tài chính cộng số lãi hơn 1.500 tỉ đồng, tiền còn nhiều hơn cả nước! Lãi thì phải chia nhau thôi, chuyện đã rồi, sang năm tính sau! Cái trò đánh úp này khiến dư luận chỉ vừa kịp trở tay thì mọi việc nội bộ đã giải quyết ok!

Ta hãy quan tâm thêm đến những thông tin khác (*Hoàn toàn trích từ nguồn báo chí chính thống trong nước*). Trong 2 năm 2011-2012, tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước có gần 20 vị chủ tịch, tổng giám đốc

hưởng thu nhập trên 1 tỷ đồng/năm. (Chưa tính đến hiện tượng lương đại khủng khiếp của mấy ông “tổng nhỏ” ở các công ty công ích thành phố Hồ Chí Minh như mọi người đã biết). Mức thu nhập này gấp 4-5 lần so với thu nhập bình quân chung của các lãnh đạo khối doanh nghiệp nhà nước và gấp vài chục lần so với lương của người lao động.

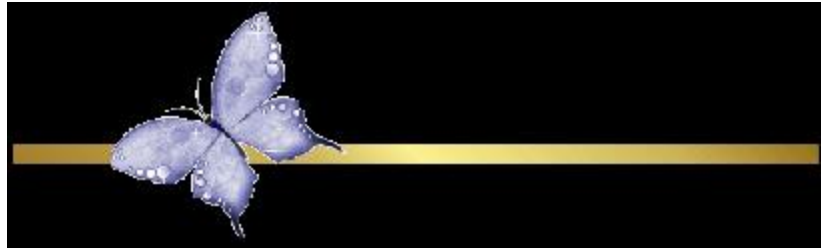
Tính đến cuối năm 2011, tổng các khoản lỗ lũy kế của 13 tập đoàn, tổng công ty nhà nước lên tới 48.988 tỉ đồng. Mức lỗ bình quân của các tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước cao gấp 12 lần các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Trong đó, tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) đóng góp 78% số lỗ này khi lỗ lũy kế tới 38.104 tỉ đồng.

Đây là một bài báo khác: vào cuối năm 2011, tổng số lỗ lũy kế của 13 tập đoàn, tổng công ty là 48.988 tỉ đồng. Trong đó, EVN vẫn là “quán quân” với khoản lỗ 38.104 tỉ đồng, tiếp theo là Vinalines, Petrolimex, Xăng dầu Quân đội... Thời gian gần đây, mỗi khi cơ quan kiểm toán “sờ gáy” dường như tập đoàn, tổng công ty nào cũng có vấn đề. Lãnh đạo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (vinachem) trong 2 năm qua đều đứng thứ 10-15 trong số những lãnh đạo tập đoàn thu nhập cao với con số “khoảng” 1-1,2 tỉ đồng năm. Riêng lương, thưởng của lãnh đạo năm 2012 tăng 14%-73%. (Hết trích).

Có khác nào những cái “hố đen” hút hết mọi năng lượng xung quanh rồi nhè ra một đồng rác tên là nợ xấu cho toàn dân gánh! Nợ nghĩa là làm ăn kém, quản lý kém, tham ô tham nhũng, lãng phí tràn lan, coi thường tiền thuế của dân, để thất thoát tài sản quốc gia. Có những khoản nợ chưa hẳn đã mất. Nhưng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI, phù phép để biến lãi thành lỗ, thực sự là một quá trình “tận bòn vét” của tư bản nước ngoài với các nguồn tài nguyên Việt Nam. Hệ lụy cuối cùng của cả hai hiện tượng vừa nêu trên là đất nước chúng ta sẽ cứ còn bì bệch. Xin đừng vội tự sướng với phần thưởng nghèo nàn là quốc gia thu nhập trung bình mà quay ra hưởng thụ theo kiểu “được thế là tốt rồi”.

Theo chỗ chúng tôi được biết từ con số mới nhất vừa công bố: khối doanh nghiệp nhà nước nợ 11,3 triệu tỉ đồng (tức khoảng 64 tỉ USD), gần bằng nửa tổng sản phẩm quốc nội hàng năm.

Liệu đây có phải là một phần câu trả lời trái khoáy nhất về chuyện lãi và lỗ, chỉ thấy ở Việt Nam?



Tiền, đất và người

Về nguyên nhân vụ xả súng ở Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, theo bản tin ngày 12 tháng 9 của VietNamNet: “Bởi khi triển khai dự án, Viết (Đặng Ngọc Viết) đồng ý phương án đền bù đất tái định cư nhưng sau lại đòi chuyển sang phương án nhận tiền mặt dẫn tới mâu thuẫn”.

Với nội dung trên, đây là bản tin cùng ngày của trang tin nhanh VnExpress: “Tuy nhiên, với trường hợp khu ruộng của gia đình Viết, ban đầu họ được cho là đã đồng ý lấy tiền đền bù, nhưng sau đó đổi ý, đòi lấy đất tái định cư”.

Hai thông tin trên có sự trái ngược nhau về yêu cầu ban đầu và yêu cầu sau cùng của kẻ sát nhân trong việc nhận đền bù mảnh đất của y, nhưng nó vẫn cùng một nội dung. Nội dung ấy gắn với tiền và đất. Như vậy, nếu thông tin báo chí là chính xác, thì có thể suy ra vấn đề thỏa thuận đền bù giữa gia đình Đặng Ngọc Viết với tỉnh Thái Bình đã hoàn tất. Mâu thuẫn chỉ còn lại ở hình thức trả đền bù: hoặc bằng tiền, hoặc bằng đất tái định cư. Bất cứ ai cũng thấy chuyện này quá dễ thực hiện, làm thỏa mãn cả hai phía. Vậy mà lại vẫn xảy ra thảm họa kinh hoàng! Đến giờ này, kể cả thủ phạm gây vụ xả súng, ít nhất đã có 2 người chết. Câu hỏi nhức nhối đặt ra là: liệu có đáng phải như vậy?

Tiền hay đất thì có gì mắc mớ. Không lấy đất (hay không lấy tiền) như ý ban đầu, thì Đặng Ngọc Viết hoàn toàn có thể đổi lại cơ. Nhà nước đâu có vì thế mà thiệt thòi gì hơn ngoài phải mất chút thời gian làm lại giấy tờ. Cá nhân đâu có vì thế mà thành ra quá đáng với chính quyền. Bản chất của mối quan hệ nhà nước – công dân là mọi việc đều có thể thỏa thuận hợp tình, hợp lý, thỏa mãn ở mức cho phép trên cái nền pháp luật hiện hành. Vả lại, cao hơn cả pháp lý còn là tình nghĩa đồng bào, tình cảm giữa con người với con người. Con người lúc nào, ở đâu cũng đều là thứ không có vật gì so sánh, đánh đổi được. Vậy tại sao lại phải tước đoạt mạng sống của người khác và của cả chính mình vì những thứ chắc chắn là kém xa con người về giá trị.

Ngược lại cũng có thể hỏi, tại sao vì những thứ kém xa con người mà lại cứ cay nghiệt đẩy nhau đến chỗ mất hết cả lý trí khiến không thể phân biệt cái gì quý giá, cái gì tầm thường như vậy? Không chỉ kẻ thủ ác

mà ngay cả những người đẩy hấn ta tới chỗ phạm tội đều phải nghiêm khắc tự vấn lương tâm, nếu còn có cơ hội.

Trở lại với sự việc đáng bị coi như một vụ thảm sát đang là đề tài của bài viết này, theo tôi mỗi người, kể cả những người hoàn toàn vô can, cần thật tỉnh táo để tự rút ra cho mình một bài học về phép đối nhân xử thế. Vì sao mọi chuyện đơn giản như những gì chúng ta biết, chỉ là quy từ đất sang tiền, hoặc ngược lại, mà lại thành chuyện giết người động trời? Theo phán đoán của chúng tôi, ở đây chỉ có thể (và nó cũng rất dễ) xảy ra các tình huống sau:

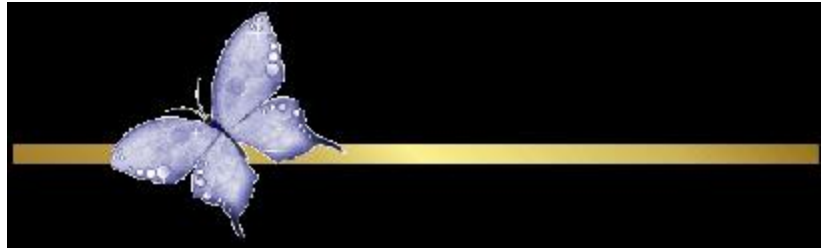
Thứ nhất: Đặng Ngọc Viết (mà từ nay chính thức là tên sát nhân, không thể biện hộ, dù chính hấn ta cũng đã chết và rõ ràng không phải do vô cớ) có thể chứa sẵn trong lòng những mối thù ghét với cuộc đời, với cộng đồng? Những khúc mắc xảy ra trong đền bù thu hồi đất chỉ là giọt nước cuối cùng dẫn đến hành động tội ác tất yếu của hấn. Nếu không vì chuyện đền bù tiền-đất, đất-tiền, có thể hấn chưa bị đẩy đến nấc thang cuối cùng của sự tàn bạo. Nhưng trước sau điều đó cũng diễn ra. Vì hấn mới chỉ có ngoài 40 tuổi, cuộc đời còn dài và chắc chắn rất khó tránh những va chạm kiểu như vừa xảy ra. Nếu đúng như vậy thì xã hội cần phải tìm xem lý do mà hấn bất mãn đến mức ấy là gì? Liệu có phải là do hấn ngày ngày chứng kiến tràn ngập cảnh bất công người ăn không hết, kẻ lẫn chẳng ra? Liệu có phải hấn bị cảm thấy mình ở ngoài lề của sự phát triển? Liệu có phải hấn bị quá tải bởi muôn vàn nỗi trố trêu xung quanh? Liệu có phải hấn bị coi thường, bị ép trong vấn đề thỏa thuận đền bù? Những câu hỏi này không hề là sự vẽ vời nếu chúng ta thực sự muốn tìm cách chống lại tội ác, tìm kiếm sự bình yên bền vững. Bởi vì ngoài Đặng Ngọc Viết, sẽ còn nhiều kẻ khác giống như hấn, hoặc bị đẩy vào hoàn cảnh giống như hấn.

Thứ hai: những người thi hành công vụ là đối tượng cho Đặng Ngọc Viết trút mối căm hờn (mà từ nay là những nạn nhân, người bị hại trong vụ xả súng) có thể thiếu nhạy cảm khi ứng xử với một công dân đang rất quẫn bách về lý trí. Việc không hiểu biết đối tượng ở ngưỡng nào về tâm lý, có thể chưa đáng chê trách. Nhưng việc không lường tới hậu quả của sự vụ (ngay cả ở mức thấp hơn rất nhiều những gì vừa xảy ra, giả dụ là một cuộc chửi bới, hành hung, ăn vạ, đập phá hay tự tử...) mà ai cũng biết trong hoàn cảnh hiện nay cần phải được quan tâm thích đáng, rõ ràng khó có thể thông cảm. Lý do của nó cũng là điều nên được

tìm kiểu kỹ càng. Đơn giản nhất là năng lực kém. Lý do này chỉ đáng tiếc chứ chưa đáng trách. Nhưng có thể còn lý do ỷ vào thế mình đại diện cho nhà nước, mình là chính quyền, mình là người thực thi công vụ... nên không thấy cần thiết phải “hạ mình” đối thoại với bất cứ cá nhân nào? Lý do này cũng vẫn dễ bỏ qua. Nó là tình trạng chung hiện nay chứ chẳng riêng gì mấy ông quản lý nhà đất. Nhưng từ tâm thế ấy, nó dễ dàng chuyển sang loại bệnh gọi chung là cửa quyền, hách dịch, nguyên tắc cứng nhắc mà thực chất là vô nguyên tắc, vô cảm với vấn đề an sinh xã hội. Chúng ta cần phải hỏi xem những yêu sách (có phần những nhiễu, gây rắc rối về thủ tục...) của Đặng Ngọc Viết (chuyển từ lấy tiền sang lấy đất – như bản tin của VietNamNet, hay từ lấy đất sang lấy tiền – như bản tin của VnExpress) có bị cá nhân nào làm khó dễ gì không, có bị hạch sách miệt thị gì không? Hay còn có thêm những uẩn khúc gì khác nữa mà chỉ những người đang gánh hậu quả mới biết? Với vụ việc cụ thể vừa xảy ra thì có thể không cần, vì mọi sự đều đã muộn khi thủ phạm đã xác định là hành động một mình. Nhưng nó đáng để tất cả cùng coi đó là bài học đau đớn trong việc xử lý những vấn đề liên quan đến lợi ích khi có từ hai bên trở lên.

Bài toán thu hồi đất và mức đền bù, thực chất là bài toán của phép tính lợi ích giữa cá nhân với nhóm người nào đó (ở đây đã loại bỏ yếu tố nhà nước, với tư cách đại diện vô tư cho lợi ích chung). Sở dĩ một bài toán đơn giản nhưng vẫn không tìm thấy kết quả khả dĩ bởi đơn vị của mỗi đáp số trong phép tính đó chỉ là tiền và đất. Tấc đất tấc vàng cơ mà. Tiền là Tiên là Phật cơ mà! Vì nó quan trọng như vậy nên mỗi bên (do chủ ý hoặc do thiếu cận, máy móc) đều tìm cách làm thay đổi các con số, tùy biến phép tính để đảm bảo sao cho có lợi tối đa và thiệt hại tối thiểu. Lịch sử nhân loại từng ghi nhận vô vàn kết quả đẫm máu khủng khiếp của cái phép tính thuộc loại man rợ ấy. Đáng lẽ là người đi sau, có cả một kinh nghiệm đắt tiền được cho không, chúng ta phải sớm tìm cách loại bỏ phép tính rùng rợn ấy thể hiện trong chính sách về đất đai. Hoàn toàn có thể chỉ cần duy nhất một phép tính cộng, nếu ngoài tiền và đất, còn có thứ quý gấp triệu lần là con người cũng có mặt trong đáp số của bài toán đó. Thậm chí con người phải là đơn vị duy nhất. Khi thực sự vì con người, cho con người thì có các lợi ích trở nên nhỏ bé hơn giá trị thuần túy con số duy lý (và nhiều lúc phi lý) của nó rất nhiều và người ta không tự làm rẻ chính mình khi tự nguyện biến thành vật thể chấp nhận thiệt hại.

Những gì xảy ra mới đây ở Thái Bình chỉ là khởi đầu (hoặc tiếp nối) của một dãy những thảm họa không thể nào lường hết, nếu mọi kết quả vẫn cứ chỉ là tiền và đất.



Trời nào im lặng mãi được

Khi báo chí loan tin mấy ông lãnh đạo ở mấy cái công ty công ích của thành phố Hồ Chí Minh mỗi tháng lĩnh từ 150-210 triệu đồng lương qua sổ sách, hầu như ai cũng thốt lên cùng một nội dung: “Làm gì mà hưởng lắm thế?” Chỉ là giám đốc, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng của loại công ty tí hon (so với quy mô khổng lồ của tập đoàn nhà nước) mà thu nhập tới 130.000 USD mỗi năm, thì đúng là chỉ có thể xảy ra ở một nước nghèo như Việt Nam! Số tiền đó, nếu quy ra sức mua, lớn hơn lương chính thức của bất cứ ông tổng thống, thủ tướng nào trên thế giới, cũng là những người hưởng lương từ ngân sách! Để hình dung hơn thì nó gấp đúng 100 lần thu nhập trung bình cả nước, gấp 7 lần mức lương trần dành cho lãnh đạo tập đoàn lớn do nhà nước quy định. Còn nếu đặt số tiền đó là tử số, với mẫu số là thu nhập thực của bất cứ ai trong số quá nửa số nông dân nghèo hiện nay, sẽ cho một kết quả vô hạn.

Nhưng con số 100 lần hay 1000 lần sẽ chẳng là gì, nếu như số tiền mà họ được hưởng không phải lấy từ ngân sách. Chắc chắn mấy vị lãnh đạo của mấy cái công ty “bị lộ” kia đều đã học qua chương trình cao cấp quản lý nhà nước. Nhưng phòng khi có vị nào không thuộc bài nên ở đây cứ nhắc lại cho các vị hiểu biết kiến thức sơ đẳng tiền ngân sách là tiền gì? Nó chủ yếu là tiền thuế của dân, dùng cho việc phục vụ lợi ích chung. Nó khác với tiền do các doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân làm ra, sau khi nộp thuế đàng hoàng, số còn lại là của riêng doanh nghiệp hoặc cá nhân đó. Vì thế, có ông chủ mỗi năm thu nhập chính đáng cả trăm tỉ đồng vẫn là chuyện bình thường và phải được coi là bình thường ngay cả trong một nước bình quân đầu người chưa đến 30 triệu đồng một năm.

Nhưng với tiền ngân sách thì không thể chi tiêu vô tội vạ, mà phải có quy định, có hạn chế, luôn phải bị kiểm soát, giám sát đến từng đồng. Đất nước nào trên thế giới này có nền tài chính minh bạch cũng đều như vậy. Một trong những quốc gia mà lương công chức cao ngất ngưởng như Singapore, họ bảo thẳng với nhân viên nhà nước là nếu muốn làm giàu thì đi làm kinh doanh, còn đã chấp nhận làm công chức thì vĩnh viễn chỉ ở mức trung lưu thôi. Nhà nước nói rõ là chỉ trả cho anh ngần ấy tiền,

không hơn một đồng nhưng cũng không kém một xu, chấp nhận thì làm, không ai cưỡng bức. Bất cứ công chức nào của Singapore mà không có của thừa kế, không trúng xổ số, không được giải thưởng, không bỗng dưng nhặt được vàng bạc, cổ vật từ vũ trụ rơi thẳng vào nhà (và đều phải chứng minh được là nó chính đáng)... mà giàu trên mức trung lưu, chắc chắn chỉ có tham nhũng.

Còn ở ta thì sao? Làm thuê cho nhà nước nhưng lại có thể tiêu tiền – nói chính xác là chia tiền – theo ý mình, như mấy vị giám đốc đang nhắc đến. Chia tiền lấy từ ngân sách, chia cả tiền cho thuê lại tài sản nhà nước, bị truy vấn thì giả ngố (một kiểu giả điên của tội phạm) để chối bỏ trách nhiệm, thử hỏi có nơi nào trên thế giới làm thuê lại nhiều quyền và sướng như vậy? Hay mấy vị lãnh đạo đó là những yếu nhân của đất nước, tài năng lỗi lạc, thiếu họ một ngày không được nên họ xứng đáng hưởng đậm như vậy? Dù trí tưởng tượng có nghèo nàn đến đâu đi nữa, thì bất cứ ai cũng dễ dàng hình dung ra một ông giám đốc điều hành hay ông chủ tịch hội đồng thành viên... của những cái công ty đó có công lệnh cỡ nào! Cỡ lớn nhất cũng chỉ là điều hành một cái tập thể lao động vài trăm người, toàn làm những việc thuộc loại đơn giản nhất. Nghĩa là chả cần phải bóp trán tìm công ăn việc làm, chả phải mất nửa nơ ron thần kinh cho việc quản lý, tuyển dụng, giữ chân người tài mở nắp cống mỗi khi có mưa, tắt mở đèn mỗi ngày, cắt cành cây theo mùa... vì những “nhân sự” ấy luôn “đuổi đi” không hết trong thời buổi thất nghiệp hàng đồng này; chả hề mất phút nào lẩn vào thời gian đi nhà hàng, vào sân golf để lặn lội tiếp thị, mở mang thị trường, cạnh tranh công việc vì nước mưa lúc nào chả có sẵn, luôn dư thừa. Cây thì ai đếm được, giả dụ mười cây chết chín thì cũng chỉ là cây chứ không phải mạng người mà có thể làm ầm lên. Nếu có chút động não thực sự có lẽ chỉ là tìm cách chi tiêu sao cho trong ấm ngoài êm cái cục tiền ngân sách to quá cỡ so với công sức bỏ ra. Trong khi đó mọi thứ, từ trụ sở đến các trang thiết bị đều được bao cấp từ chân tới răng. Còn thêm cái danh nghĩa nhà nước để thoát vô số áp lực khiến bức mình, tổn hại sức khỏe. Cứ chỉ việc ngày ngày đến cơ quan, thưởng thức những lời chào hỏi, vuốt ve sướng cái lỗ tai trước khi ngồi trong phòng điều hòa mát lịm, đầy đủ tiện nghi. Có phải đi đâu thì một bước lên xe xịn. Nếu muốn thì cơm bưng nước rót đến tận miệng... Mỗi năm có hẳn một khoản kếch sù tự do sử dụng, muốn cho ai ngân nào là do mình, thì nhiều người tự nguyện được hầu hạ, nâng niu chăm sóc lắm. Lễ đời luôn là vậy. Vua chúa xưa thì cũng chỉ

đến thế chứ mấy. Nhưng sướng nhất với mấy ông là mọi cái xấu, cái hỏng đều đã có sẵn một nơi rộng vô tận, mịt mù vô cùng để đổ lỗi, đó là trời. Ai tọc mạch muốn rõ thì bắc thang lên đấy mà hỏi.

Nói thẳng ra dù có hơi bạc miệng: đó là những thứ công việc mà bất cứ ai không bị thiếu năng trí tuệ đều có thể làm được, đầy khả năng làm được ở mức tốt hơn.

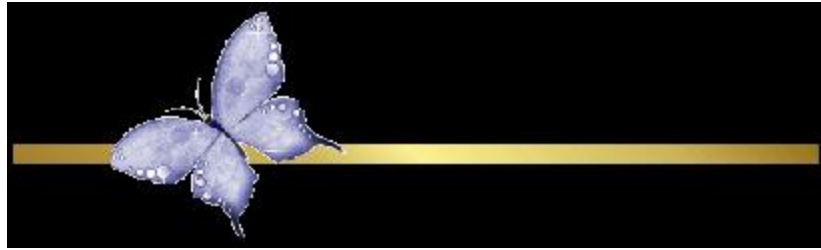
Thế mà lương nhà nước thuê họ thì ngay cả thủ tướng Đức cũng nằm mơ không thấy! Còn hơn vạn lần ngồi mát, ăn bát vàng! Trong khi thành phố cứ mưa là nước ngập tứ tung, có thể đánh cá trên đường nhựa và năm này qua năm khác mọi việc hầu như chẳng cải thiện bao nhiêu, trong khi cây xanh cứ gió to là đổ, gió hiu hiu cũng đổ, đè lên cả người đi đường; trong khi công viên thì bị xẻ thịt tứ tung, là nơi vớt kim tiêm, vỏ bao cao su; trong khi đèn chiếu sáng lúc cần thì tắt, lúc không cần thì lại cứ sáng đến phát bực... như một hiện thực sinh động và hài hước, thì các lãnh đạo của những cơ quan ấy mỗi ngày cứ mở mắt ra (ngày nghỉ cũng như ngày đi làm) là có từ 5 đến 7 triệu đồng cho vào ví, gấp đôi, gấp ba lương tháng của một thợ may, bằng thu nhập cả năm của nhiều người nông dân. Mà đấy mới chỉ là phần nhìn thấy. Còn phần chìm của tảng băng thì chỉ có... trời biết nó lớn nhường nào. Có cả trăm thứ góp làm nên cái phần chìm bí ẩn ấy mà ai cũng biết, chỉ nhà nước là không biết.

Nhà văn Nam Cao đã từng nói, hạnh phúc như tấm chăn hẹp, người này kéo phần hơn thì người khác đành chịu rét. Cũng có thể dùng cách ví von đó để nói về nỗi cơm ngán sách của chúng ta hiện nay. Nó quá nhỏ, quá hèo so với số người ngồi chật vòng trong vòng ngoài xung quanh đang rất cần được ăn để sống, để không kiệt sức. Chỉ cần người này vực mạnh tay một chút, là người khác nhịn đói, trẻ con, người già, những kẻ không may ngồi ngoài vòng ngoài thì chả còn tí cơ hội nào. Còn nếu ai đó úp cả nỗi vào bát mình, thì chả còn gì để mà nói, thì chỉ còn mỗi một việc phải làm là lập tức trói tay kẻ đó lại.

Nhưng chuyện đó sẽ bàn lúc khác. Điều đáng bàn ở đây và phải bị coi là vấn đề khẩn thiết không hẳn chỉ là thái độ vô tổ chức, lòng tham vô đáy, bất chấp nguyên tắc trong chi tiêu tiền của chung, mà là liệu những người như mấy ông lãnh đạo của mấy cái công ty kia – những người thể nào cũng nói không dưới vài ngàn lần, nói như đọc, trong các cuộc họp về đạo đức, nhân cách, sự liêm khiết... của công bộc nhân dân – có còn chút lương tâm, lòng tự trọng? Làm một, hưởng năm, hưởng

mười đã là quá đáng, là đã ăn vào đức của mình và con cháu mình. Đằng này các ông hưởng đến cả trăm, cả ngàn thì trời nào im lặng mãi được. Các ông đâu có nhận lương, mà tận dụng chút may mắn được vào vị trí béo bở, tận dụng cả sự khờ dại, cả tin của xã hội để chia nhau tiền dân.

Đến nước sông, nước biển, vỏ hến, vỏ đại cũng còn có hạn nữa là tiền dân. Mà tiền dân thời nào và ở đâu cũng có cả mồ hôi và máu nữa đấy!



Xăng dầu và câu chuyện minh bạch

Trong thời gian qua, những biến động gắn với mặt hàng xăng, dầu chủ yếu là những lần tăng, giảm giá bán của Tổng công ty Petrolimex, nhà nhập khẩu và phân phối chính. Cụ thể là phần đông khách hàng cảm thấy vô lý khi xăng tăng thì nhiều, còn giảm lại nhỏ giọt về số lần cũng như biên độ giá, tăng mà không rõ lý do... Với mỗi lần như vậy, ở những mức độ khác nhau, đều gây lên cơn bức xúc tập thể. Người tiêu dùng luôn hậm hực thấy mình thiệt thòi, bị bắt chẹt kể cả khi giá xăng tăng cũng như lúc giảm. Lý do của sự hậm hực đó là vì họ bị phụ thuộc toàn diện vào bên cung ứng mặc dù có thể thực tế không hoàn toàn như vậy.

Liệu cơn bức xúc tập thể này có chính đáng và bao giờ thì tình trạng ấy chấm dứt? Chúng ta sẽ cùng bình tĩnh làm rõ.

Theo dõi dư luận quanh chuyện tăng giảm giá xăng, có thể đưa ra mấy luồng ý kiến sau đây.

Với những người có thu nhập khá giả, sử dụng xăng vào mục đích sinh hoạt đơn thuần (chạy xe, thỉnh thoảng chạy máy phát điện cá nhân), lượng tiền phải bỏ thêm ra, dù bao nhiêu vẫn là nhỏ so với mức chi tiêu chung của họ, thì với họ tăng giảm giá xăng không đáng quan tâm. Vì thế, họ mặc nhiên thừa nhận thực tế mà không thể hiện quan điểm.

Luồng ý kiến thứ hai là các doanh nghiệp vận tải, hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp có sử dụng phương tiện cơ giới. Đây là đối tượng tiêu thụ nhiên liệu nhiều nhất, vì vậy, với mỗi lần tăng giảm giá xăng, dầu (đặc biệt là những lần tăng giá), họ đều bị tác động lớn nhất, ngay tức khắc. Về cơ bản các đối tượng này không chấp nhận tăng giá xăng, không chấp nhận việc giảm giá ít, không tin vào lời giải thích của nhà cung cấp. Họ nhất loạt phản đối với mỗi lần như vậy.

Luồng ý kiến thứ ba thuộc về những người công dân có thu nhập thấp, sinh viên, người làm nghề chạy xe ôm... Những người này luôn là đa số trong xã hội. Số tiền chi cho việc đi lại của họ luôn chiếm tỉ lệ cao so với tổng thu nhập, vì vậy việc giá xăng tăng luôn khiến họ lo lắng. Rất dễ hiểu nếu đối tượng này mong muốn giá xăng thật rẻ và đừng có bất cứ đợt tăng giá nào?

Luồng ý kiến nữa là của các chuyên gia, bình luận viên, nhà báo. Những người này về mặt hình thức cố giữ thái độ khách quan khi phân tích, góp ý, phản biện nhưng không giấu được sự “thiên vị” người tiêu dùng. Vì thế ý kiến của đối tượng này thực ra là rất có sức nặng. Nó có thể khiến cho bức xúc xã hội giảm nhanh hoặc tăng vọt với phát biểu của một vài nhân vật nào đó.

Cuối cùng là ý kiến của nhà phân phối, chủ yếu đưa ra lý do biện hộ cho việc tăng giá và lần nào thì cũng là do giá thị trường thế giới tăng.

Xem ra tất cả đều có lý, chỉ việc tăng giá xăng, dầu là vô lý! Sở dĩ có chuyện như vậy là do phần nào người dân đã quen với việc được nhà nước bao cấp, không được hiểu rõ cơ chế vận hành. Nhưng mặt khác còn do nhà cung cấp xăng dầu vẫn thiếu cạnh tranh, gây nghi ngờ cho người tiêu dùng về việc nhà phân phối lợi dụng vị thế độc quyền để bắt bớ họ. Chỉ cần giải tỏa minh bạch hai khúc mắc này là mọi chuyện sẽ trong ấm ngoài êm. Vấn đề đơn giản vậy nhưng chẳng hiểu sao nhiều năm qua chúng ta cứ để mọi chuyện lình xình, khiến quan hệ giữa khách hàng và nhà phân phối xăng dầu luôn ở thế đối đầu, gây bất ổn xã hội.

Trước hết phải nói rõ với người dân rằng, thời nhà nước trợ giá toàn diện đã qua lâu rồi. Việc trợ giá phần nào hiện còn duy trì chỉ mang tính tạo lộ trình tránh gây sốc. Cuối cùng thì giá xăng, như mọi thứ hàng hóa khác, sẽ phải theo giá thị trường. Vì thế, chuyện tăng, giảm giá, tăng nhiều hay ít, giảm ít hay nhiều... sẽ cứ còn tiếp tục, là chuyện cơm bữa, như một quy luật tất yếu. Những lý lẽ so sánh nước này nước khác có thu nhập cao nhưng giá xăng thấp ngang Việt Nam, không có cơ sở khoa học và kinh tế để tồn tại. Những nhà cung cấp của họ vẫn phải mua theo giá thế giới, có rẻ hơn hay đắt hơn chút ít là do quản lý, vận chuyển tốt. Mấu chốt khiến họ sung sướng là do họ có thu nhập cao, chứ không phải do được hưởng giá xăng rẻ so với thu nhập!

Chúng ta đang phấn đấu để trở thành nền kinh tế thị trường, thì không thể ủng hộ việc ép nhà nước cứ bao cấp mãi, dù là xăng, dầu, dù chỉ một phần, ngoại trừ đó là sự chủ động mang tính chiến lược quốc gia dựa trên những cân đối cụ thể nhằm tạo ổn định về an ninh. Tuy nhiên, cuối cùng vẫn cứ phải là thị trường. Bản chất của bao cấp là lấy của người này, của nhóm người này bù cho người kia, nhóm người kia. Chẳng hạn nếu cứ bù giá xăng, thì những người không dùng một giọt

xăng, dầu nào cũng phải chịu mất tiền vì giá xăng, dầu tăng! Chắc chắn là không công bằng. Chúng ta đã có công cụ thuế, thứ công cụ ít tạo ra thiên vị trong mục tiêu phân phối lại, chỉ cần điều tiết tốt bằng thứ công cụ này là đủ.

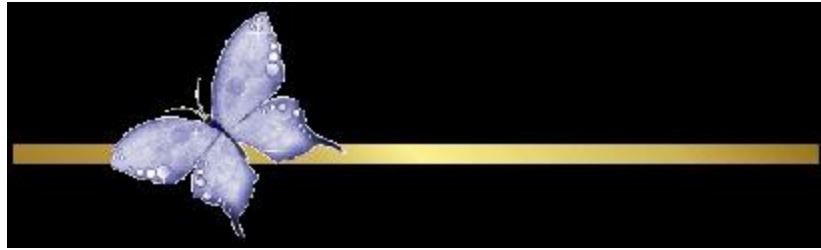
Nhưng có thể phần lớn người dân đã hiểu như vậy mà họ vẫn thấy có lý khi phản đối tăng giá xăng, chính là lỗi từ trách nhiệm về việc phân phối mặt hàng này. Nhà nước chưa cho xăng dầu cạnh tranh tự do, chưa thả nổi giá cũng phải giải thích rõ vì sao? Việc thành lập quỹ bình ổn giá, thực chất là ứng trước tiền của người tiêu dùng lúc giá xăng, dầu rẻ để không gây sốc cho họ mỗi khi giá xăng, dầu tăng cao bất thường. Vì là tiền của người tiêu dùng nên họ cần biết ai chịu trách nhiệm pháp luật trong việc giữ quỹ, quyết định chi tiêu, việc sử dụng quỹ như thế nào, mỗi đợt bình ổn phải chi ra là bao nhiêu, còn lại ngân nào...? Theo chúng tôi, những việc đơn giản như vậy hoàn toàn làm được nhất là khi Internet đến từng nhà như hiện nay.

Khi giá xăng thế giới tăng, quỹ bình ổn cạn kiệt, thì người tiêu dùng phải chấp nhận tăng giá (nếu không thì lấy tiền ở đâu bù vào?), nhưng căn cứ nào để tăng giá cũng như mức độ tăng, tăng vào thời điểm nào sẽ gây hậu quả xấu cho xã hội ít hơn... thì nhà phân phối luôn luôn ở trong tình trạng úp úp mở mở, không rành mạch, tùy hứng. Người dân cứ thấy ấm ức, như là mình bị đánh úp, bị lừa. Chúng tôi theo dõi thì thấy tình trạng sau: trước mỗi đợt giá xăng, dầu thế giới tăng, giá trong nước có nguy cơ cũng phải tăng, thay vì chuẩn bị tâm lý cho dân chúng về điều đó, thế nào cũng có tuyên bố ráo hoảnh theo kiểu trấn an từ cơ quan chức năng là sẽ chưa tăng giá. Nếu nói mà giữ được lời thì khỏi phải bàn. Nhưng hầu như chỉ sau đó vài ngày, thậm chí một hai ngày là giá xăng, dầu bất ngờ tăng. Việc gì chúng ta phải đánh lạc hướng dư luận như vậy và với mục đích gì? Chống buôn lậu? Chống gom hàng? Chống gian lận...? Hay vì cái gì to tát khác? Những thứ chống đó chưa thấy đâu nhưng kết quả là xã hội náo loạn cả lên vì vừa mất tiền vừa tổn thương do bị dặt mũi!

Nhưng nguy hiểm và tạo ra cảm giác bất minh hơn cả, chính là những sự khuất tất trong chuyện lỗ và lãi của đơn vị kinh doanh xăng dầu. Người dân có thể sẽ quen dần với sự lên xuống của thị trường, kể cả biên độ tuần. Nhưng họ sẽ không bao giờ quen được với việc nay nói thế này, mai nói thế khác. Họ cảm thông suốt cả một năm trước tình

trạng thua lỗ, lợi nhuận ít của các đơn vị đầu mối và đại lý xăng dầu để chấp nhận mua xăng, dầu với giá cao hơn. Nhưng sự thật thì lại không như vậy. Sự thật được phơi bày bởi con số lãi khổng lồ hơn 1.500 tỉ đồng chỉ do kinh doanh xăng, dầu (số liệu từ báo chí). Hóa ra người dân chi tiền để làm giàu cho một bộ phận nào đó và khi gặp khó thì họ bị bỏ rơi. Không người dân ở đâu trên thế giới này cam chịu mãi điều đó.

Vì thế, mấu chốt của việc giải quyết một vấn nạn tầm quốc gia chỉ tóm lại trong hai chữ: minh bạch. Phải khẩn cấp minh bạch hóa việc phân phối xăng, dầu, minh bạch toàn diện. Chừng nào còn chưa minh bạch, thì mọi bàn cãi, mọi lý luận chẳng có tác dụng gì trước lập luận đơn giản của người dân: tăng giá xăng là cách doanh nghiệp móc túi khách hàng?



Ô tô rồi, bao giờ đến nhà đất?

Thông tư 12 của Bộ Công an về sửa đổi bổ sung quy định đăng ký xe ô tô, đã tháo gỡ cơ bản những khó khăn trong việc hợp thức hóa giấy tờ để đăng ký chính chủ một chiếc xe ô tô cũ. Bản chất của thông tư này là nhằm khắc phục hàng loạt những chính sách trước đó vừa bất hợp lý, bất công và thiếu khả thi, gây khó khăn cho dân chúng được tích tụ suốt hàng chục năm nên làm phát sinh căn bệnh khó chữa là nạn lách qua luật để tồn tại. Trên thực tế, thông tư vừa dẫn ra ở trên là một hình thức “hợp pháp hóa” những tồn tại “có lý tự nhiên” của đời sống xã hội. Dư luận hoan nghênh và thở phào như cất được một gánh nặng không đáng có cứ phải đeo đẳng bao nhiêu năm.

Nhưng vẫn thấy tồn tại cảm giác tiếc. Rằng sao điều đó không đến sớm hơn, sao những quy định hợp tình hợp lý về thuế, về thủ tục hành chính khi chuyển nhượng một tài sản từ người này sang người khác cứ phải chờ đến khi xảy ra vướng mắc trong thi hành cả thời gian dài mới chỉnh sửa, làm hao tổn sinh lực xã hội? Nhưng thôi, muộn còn hơn không, việc này coi như xong. Ô tô coi như đã có lối thoát trong vấn đề định danh chủ sở hữu, giúp cho việc quản lý phương tiện, quản lý các tệ nạn có sự tham gia của ô tô, xe máy dễ dàng, khoa học hơn. Từ chuyện ô tô, lại lòi ra câu chuyện khác bức xúc hơn rất nhiều, cũng liên quan đến thủ tục làm giấy tờ chính chủ: nhà đất. Dư luận muốn biết bao giờ thì việc sang nhượng nhà đất giữa các công dân cũng gặp may như trường hợp ô tô cũ? So với ô tô, nhà đất luôn là tài sản quan trọng hơn rất nhiều, tác động đến an sinh, an ninh xã hội ở mức ghê gớm hơn vì nó bao trùm lên mọi người dân. Có thể sống mà không cần phải có ô tô, chứ không thể thiếu một nơi an cư. Nhưng cũng giống như ô tô, xe máy cũ, do có quá nhiều thủ tục rắc rối, phiền hà, quan liêu, thiếu khoa học mà nhà đất mua bán trao tay, không chuyển nhượng qua cơ quan pháp luật, đã trở thành thực tế xã hội phổ biến. Thậm chí thực trạng nhà, đất “không chính chủ” còn xảy ra sớm hơn phương tiện giao thông không chính chủ từ rất nhiều năm. Nó khiến nhà nước thì không thu được thuế, không quản lý được quá trình luân chuyển dân cư, không thể đánh giá chính xác thực trạng nhà ở và vì thế mất kiểm soát về an ninh xã hội, còn người dân thì luôn trong tình trạng chui lủi khi sử dụng hoặc thực hiện giao dịch dựa trên tài

sản 100% là của mình. Thực tế này tạo ra vô số hệ lụy cho cả nhà nước và công dân, gây lãng phí tài nguyên xã hội.

Phải thừa nhận rằng, trong những năm qua, nhà nước đã tìm nhiều cách để việc xác lập quyền sử dụng đất của các công dân trở nên đơn giản hơn rất nhiều. Tuy nhiên hiện tượng chủ nhà, đất hợp pháp vẫn không thể có “sổ đỏ” – một thứ quyền công dân chính đáng về tài sản – vẫn còn rất lớn, gây vô vàn khó khăn cho họ trong mưu sinh. Không kể hiện tượng nói một đằng, thực thi một nẻo vẫn khá phổ biến tại những cơ quan quản lý nhà đất, không kể thói quen vòi vĩnh, bắt chẹt người dân khi họ đến giao dịch thủ tục pháp lý liên quan đến nhà đất, của một bộ phận công chức thực thi nhiệm vụ trong lĩnh vực nhạy cảm đó, khiến nhà nước còn rất nhiều việc phải làm để tiếp tục giải tỏa ản Ức xã hội. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một mắc mớ đầy chất hài hước nhưng hậu quả thì cực kỳ nghiêm trọng. Mắc mớ này hoàn toàn mang tính dân sự nhưng lại có nguyên nhân từ phía nhà nước, trong giao dịch đất đai giữa các công dân, gây cản trở cho việc xác lập quyền sử dụng và sở hữu tài sản hợp pháp. Để diễn giải vấn đề một cách ngắn gọn, đơn giản, ai cũng hiểu, tôi xin dùng phương pháp kể chuyện minh họa.

Chị L. mua một căn nhà trên thửa đất 42 mét vuông, nghĩa là hoàn toàn đủ về mặt diện tích để có thể được cấp “sổ đỏ” theo quy định của nhà nước. Miếng đất của chị L. được cắt ra từ thửa đất 110 mét vuông, giấy tờ hợp lệ đứng tên bà M. Việc mua bán hoàn toàn là thỏa thuận tay đôi từ hàng chục năm trước nên có xác nhận của chính quyền cơ sở. Sau đó bà M. bán tiếp cho ông T. số đất là 35 mét vuông, cũng với cách thức như đã bán cho bà L. Thực tế bà M. chỉ còn 33 mét vuông. Nhưng suốt từ bấy đến nay, cả chị L. và ông T. đều không thể thực hiện quyền sang tên, đổi chủ làm “sổ đỏ” mảnh đất mình đang thực tế sử dụng. Mọi thủ tục giấy tờ với cơ quan nhà nước đều đầy đủ và cũng khá đơn giản. Nhưng công việc phải dừng lại vì không thể mượn được sổ đỏ gốc đã nát bươm, do bà M. giữ. Công dân bó tay. Cơ quan nhà nước cũng bó tay vì không ai có thể yêu cầu bà M. trình cái sổ gốc kia ra, nếu bà không muốn. Mà trong quy định của “nhà nước lớn” thì nhất định phải có sổ gốc để đối chiếu, mặc dù cũng chính “nhà nước nhỏ” đã ký xác nhận những vụ chuyển quyền sử dụng đất đã kể ở trên. Nhiều lần bà L. và ông T. đề nghị bà M. cho mượn sổ gốc, nhưng bà M. đều đưa ra cái giá quá cao,

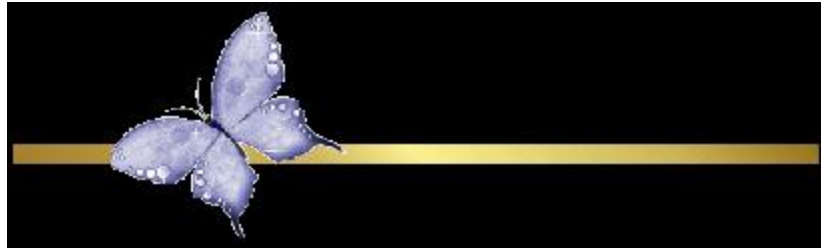
gấp nhiều lần số tiền bà L. và ông T. phải trả cách đây hơn chục năm để có căn nhà, mảnh đất, khiến cả hai không thể chấp nhận. Hiện tại chính quyền vẫn đứng ngoài nhưng giao dịch mà theo họ là mang tính “dân sự” như vậy. Họ lập luận rằng đó là thỏa thuận giữa các bên công dân, không gây phương hại cho các cá nhân, tổ chức khác?! Và nếu cứ thần nhiên vô trách nhiệm coi chuyện đó là hợp pháp, thì trong trường hợp này nhà nước, với những quy định lạc hậu, chậm cập nhật đã vô tình tiếp tay cho một hành vi phạm tội của một bộ phận công dân do mình quản lý. Bởi vì nếu xác định hành vi của bà M., trong bất cứ tình huống nào, cũng đều là hành vi tống tiền người khác, thì vấn đề rõ ràng là chẳng cần phải tranh cãi nhiều. Giả sử hành vi đó chưa cấu thành thứ tội phạm được quy định trong bộ luật hình sự, thì hoặc nó cần được bổ sung, hoặc phải quy về hành vi vô đạo trong giao dịch dân sự. Nó có thể thoát bị trừng phạt bởi pháp luật nhưng không thể thoát bị lên án. Hành vi bị lên án không thể lại cứ ngang nhiên có chỗ dựa để tồn tại trong xã hội.

Nhưng những gì đang xảy ra với bà L., ông T., cũng đang xảy ra với hàng triệu người khác. Không tin cứ thử làm một cuộc khảo sát sẽ thấy. Hàng vạn người vẫn công khai, lạnh lùng hành xử một cách đều giả như bà M. Kinh sợ nhất là chúng vẫn được cả nhà nước và dư luận mặc nhiên coi là chuyện bình thường. Cái sự thực to lù lù như núi kia chỉ nói rõ nhất một điều: hệ thống quản lý nhà nước về đất đai với hàng loạt quy định, đang trực trặc nghiêm trọng. Trên thực tế, hiện thực đáng xấu hổ về đạo đức ấy tiếp tục ngăn trở có hiệu lực quá trình sử dụng, sở hữu một cách công bằng, chính đáng về đất đai, nhà cửa của công dân. Hậu quả đi kèm là xảy ra biết bao thảm kịch đau lòng với những tội ác tày trời, vừa gây mất an ninh, mất đoàn kết, tạo môi trường cho tội phạm, vừa làm suy thoái đạo đức xã hội.

Có những giao dịch trong xã hội không được phép thỏa thuận, hoặc núp dưới danh nghĩa thỏa thuận. Nhà nước không (hoặc không được) công nhận những thỏa thuận như vậy, không cho phép những thỏa thuận có dấu hiệu phạm tội như vậy diễn ra. Vậy mà nguyên tắc pháp lý sơ đẳng này lại cứ bị “bỏ quên” trong những giao dịch liên quan đến đất đai, ngay trước mũi nhà nước và chưa biết đến bao giờ mới bị ngăn chặn.

Bất cứ một quy định pháp lý nào mà gây ra chỉ cần một trong những hậu quả như vừa nêu, đã bị coi là sai, bất hợp lý, thiếu khoa học và cần phải chỉnh sửa ngay tức khắc. Mà chỉnh sửa đâu có gì khó. Đã có tiền lệ

là thông tư 12 của Bộ Công an trong vấn đề xử lý xe không chính chủ đang gây hiệu ứng tích cực. Dự luật đang mong mỗi một thông tư tương tự như vậy để giải quyết dứt điểm tình trạng ách tắc việc sang tên đổi chủ với những giao dịch dân sự liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất trước đây.



Chúng ta đang rỗng kết

Để cho dễ hiểu, có thể ví ngân sách nhà nước giống như túi tiền của mỗi gia đình được chứa trong két. Nhiều nguồn thu thì két đầy. Ít nguồn thu thì két vơi. Nguồn thu nhiều mà chi tiêu phóng tay thì cũng khó mà giữ được két đầy. Ít nguồn thu mà quá nhiều khoản phải chi tiêu, thì không rỗng kết mới lạ. Tình trạng tài chính của nước ta hiện thời chính là ứng vào trường hợp sau cùng: nguồn thu nhỏ bé, èo uột, càng ngày càng thu hẹp nhưng mức độ chi tiêu thì phình to không thể kiểm soát được, ngày một để thêm nhiều khoản giời ời.

Bội chi ngân sách là thế nào? Là chi nhiều hơn thu. Nó chính là tình trạng rỗng kết, đơn giản vậy thôi. Két tiền của Bộ Tài chính đang dưới mức hết nhãn, nghĩa là âm. Vậy thì từ nay đến cuối năm còn bao nhiêu thứ phải chi tiêu, lấy tiền đâu? Chỉ còn cách đi vay. Bán trái phiếu chính phủ chính là đi vay. Vì thế, là người giữ két, bộ trưởng Bộ Tài chính phải kêu lên cho thiên hạ biết là điều hoàn toàn dễ hiểu. Hiện tại mức bội chi đã gần 6 tỉ USD. Chính phủ đang muốn Quốc hội duyệt cho bội chi thêm 1 tỉ USD nữa để giải quyết công việc từ nay đến cuối năm, đúng bằng mức tiền có được nếu giảm lương tối thiểu của cán bộ, công chức đi 100.000 đồng, giả dụ đề nghị của ông Đinh Tiến Dũng được chấp thuận.

Nhưng đến giờ này thì bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ còn cách kiếm tiền từ các nguồn vay khác. Chưa biết ông sẽ lấy ở đâu? Chúng ta, những công dân trong nhà nước cộng hòa, không thể bàng quan mặc kệ ông bộ trưởng. Bởi vì dù là giảm lương hay vay mượn, thì cuối cùng nợ nần cũng đổ vào đầu từng người dân. Chỉ là ăn trước trả sau hoặc ngược lại mà thôi. Mỗi người nên có trách nhiệm cùng nghĩ với ông bộ trưởng, tìm cách cân bằng những khoản thu chi ở mức cho phép, tức là ở giới hạn nền kinh tế có thể chịu đựng được để không sớm vỡ nợ như hàng loạt quốc gia đang mắc kẹt giữa chính hào quang giả tạo của mình.

Cá nhân tôi, sau nhiều ngày suy nghĩ, xin có vài mách nước cho ông Đinh Tiến Dũng thế này. Trước hết tôi cảm kích trước tấm lòng ưu lo của ông cho tình trạng nền tài chính đang lâm nạn của đất nước mà lỗi không phải ở ông. Việc cắt giảm lương như ông đề nghị không phải là thiếu căn cứ cả về lý và tình. Thu nhiều thì tăng lương, nay thu ít thì

giảm, cán bộ, công chức phải là người chia sẻ sớm nhất với khó khăn của nhà nước, cũng là chuyện bình thường. Phương án đó dễ làm, chỉ cần chính phủ gặt một cái là ok, nhưng chưa tối ưu vì hai lẽ. Thứ nhất ảnh hưởng đến an sinh, không kích thích được tiêu dùng khi hàng tồn kho quá nhiều. Thứ nữa, quan trọng hơn, không phải là liều thuốc cắt gốc căn bệnh lạm chi kinh niên của nền kinh tế. Ở đây tôi loại ra những khoản chi chính đáng, chi vì không thể không chi, chi để mưu cầu những khoản thu lớn hơn... những khoản chi đó không bàn. Trong khi nguồn thu không thể bới ra thêm, thì cách duy nhất để kết tiền không bị rỗng là tiết kiệm. Các cụ ta xưa nay dạy con cháu: buôn tàu bán bè, không bằng ăn dè hà tiện. Tôi thấy đúng cho cả trường hợp của quốc gia ta hiện nay.

Chẳng hạn hiện có rất nhiều khoản chi không cần thiết, những khoản chi giới ời đất hời, cần phải cắt thẳng tay, thậm chí cần phải truy thu ngay tức khắc nếu còn kịp. Chúng ta sẽ đi từ việc khó đến việc dễ, việc lớn đến việc nhỏ. Việc khó là ông bộ trưởng cần mạnh mẽ yêu cầu cắt giảm biên chế. Hiện tại bộ máy hành chính của chúng ta công kênh vào loại nhất thế giới. Theo ước tính khiêm tốn thì con số dư thừa là khoảng 30% (tôi nghĩ còn cao hơn). Mỗi năm chỉ riêng việc bỏ tiền nuôi cái đám này, kết của ông đã mất oan trên dưới 2 tỉ USD (đấy là tính khiêm tốn và chưa tính thiệt hại gián tiếp cũng rất lớn).

Ông thử cho rà soát xem số xe ô tô công (gần biển xanh), phục vụ từ ông, bà giám đốc bé tí tẹo chỉ việc lấy tiền nhà nước nuôi hai ba chục người cũng không xong, cùng với số lái xe, nhân viên đi kèm phục vụ họ, phục vụ vợ con họ... là bao nhiêu chiếc. Bộ Giao thông Vận tải có số liệu cụ thể đấy. Đó là chưa kể tiền khấu hao, tiền bến bãi, duy tu, sửa chữa, cầu đường, tiền bù trừ môi trường - trăm thứ - mỗi năm ngân của ngân sách bao nhiêu tiền? Ở các nước giàu có, sẽ có ba phần tư số những cán bộ đang oai vệ sử dụng xe riêng ở ta phải đi làm bằng xe bus. Mà tài, đức, cống hiến của họ có khi thua xa khối người đang ngày ngày đi làm bằng xe bus ông ạ. Chỉ cần ông cắt giảm được 30% số tiền phải chi mà tôi tin là có tới quá nửa là chi oan, chắc chắn ông không cần phải giảm một đồng lương nào của cán bộ công chức, kết vẫn không cạn kiệt như bây giờ.

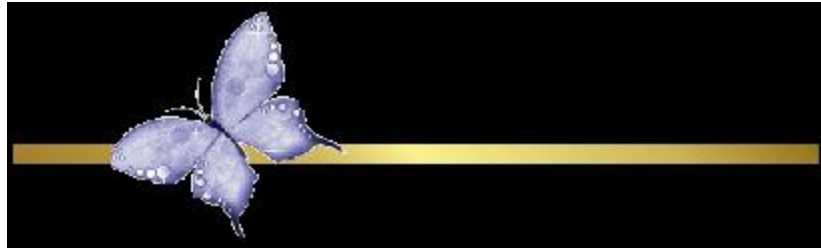
Ông thử cho tính toán xem số tiền ngân sách phải chi ra cho các cuộc hội họp, kỷ niệm ngày thành lập, ngày giải thể, ngày tái lập các huyện, tỉnh..., mỗi năm là bao nhiêu? Nhiều đấy. Nhà đã nghèo lại cứ hay

ăn cỗ! Rồi tiền chỉ cho các loại lễ khai trương, khởi công, đóng huân, huy chương ngày truyền thống... của toàn bộ khối cơ quan và các tỉnh huyện xã trong cả nước mỗi năm là bao nhiêu? Chắc chắn sẽ là một món khổng lồ. Không phải là tuần nữa, mà ngày chay nào cũng có nước mắt! Ở các nước, ngoài quốc lễ chi vào tiền ngân sách, còn lại tiền bỏ ra tổ chức các loại lễ lạc to nhỏ vừa kể ở trên phần lớn đều do các doanh nghiệp tư nhân tài trợ. Ở ta thì tất cả đều dễ dàng cấu vào tiền ngân sách. Thế thì tội gì mà không kỷ niệm càng hoành tráng càng tốt, tội gì không làm sân vận động khổng lồ để ngắm chơi và kiểm chác; tội gì không thi nhau xây trụ sở lớn để ăn hoa hồng lớn, đã thế lại được tiếng để đời có công xây dựng địa phương! Chúng ta nghèo đi một phần vì những trò đó. Nực cười và thất đức nhất là người ta đua nhau hộp báo công, tổng kết trong khách sạn 5 sao và cho rằng được như vậy là nhờ tài và đức của lãnh đạo. Nếu giả sử tiền đó không từ ngân sách, thì những bộ mặt đạo đức đầy tài năng sẽ rơi xuống lả tả còn hơn lá vàng.

Ông thử yêu cầu tính toán xem mỗi năm có bao nhiêu cán bộ, công chức đi nước ngoài, đi công tác trong nước bằng ngân sách? Họ đi làm gì? Ngoài những người đi vì công việc cần thiết, có bao nhiêu bám vào để đi chơi? Số tiền chi cho việc đó chắc cũng rất khủng khiếp và tôi tin rằng không ít người lấy tiền thuế của dân ra nước ngoài để làm xấu hình ảnh đất nước. Không cần chờ đến bao giờ?

Ông thử yêu cầu nhân viên của ông tính toán ang áng xem số tiền lãng phí do bỏ lại thức ăn, thức uống thừa từ những cuộc liên hoan tổng kết lớn nhỏ (không thể nào tính xuể) là bao nhiêu? Nếu giảm được một nửa sự thất thoát này thì có thêm hàng triệu người dân miền núi không cần phải cấp gạo cứu đói.

Lẽ dĩ nhiên tôi thừa biết một mình ông bộ trưởng rõ ràng là chả thể làm gì được trước những tệ nạn-thuộc căn bệnh chờ chết- mà tôi vừa nêu. Nhưng tại sao tôi lại nói với ông tất cả điều này? Vì ông là người giữ tiền của quốc gia và ông có thứ quyền hiến định là thẳng tay cắt bỏ những khoản chi không đem lại lợi ích cho dân, cho nước. Có thể ông sẽ bị sức ép ngàn cân bởi những lực lượng quen được bú móm từ bầu sữa ngân sách. Ông có thể sẽ gặp khó đấy. Nhưng phải có ai dám đứng ra làm chứ. Cứ liêm, trực, giữ ngay đạo lý, lòng sáng như trăng rằm thì quỷ sứ cũng chả làm gì được. Tôi luôn nghĩ và tin thế. Mong ông bộ trưởng cứ hiên ngang mà chấp nhận.



Dân mệt lắm rồi

Những ngày này trên nghị trường Quốc hội đang nóng bỏng bàn luận vấn đề lãng phí, thất thu ngân sách và tệ nạn tham nhũng. Phải ghi nhận rằng, chưa bao giờ xã hội chúng ta chấp nhận sự nói thẳng như hiện nay. Đây là một dấu hiệu tốt. Nhiều người nhân đó cứ thấy tiếc giá mà chính quyền tự tin sớm hơn, tin vào thành ý của công dân hơn, hẳn những tệ nạn mang tầm quốc nạn ấy đã ít hoành hành mạnh như bây giờ.

Là bốn phận một công dân, tôi tự thấy có nghĩa vụ phải cổ vũ các đại biểu quốc hội dũng cảm, bằng cách chỉ tiếp ra cho họ những tệ nạn mà họ đang đối mặt. Trước hết, tôi có liệt kê vài con số do tôi nhặt trên các bản tin tài chính thống.

-Một xã ở Thanh Hóa có tới 500 cán bộ lớn nhỏ.

-Khoảng 30% cán bộ công chức chỉ làm mỗi việc sáng vác ô đi, tối vác ô về, hoàn toàn vô dụng. Con số ước tính khoảng 800000 người.

-Ở một thành phố người ta xây cái cổng chào hết 40 tỉ, vừa dùng đã tả tơi (ngôn từ báo chí). Còn trên một đoạn đường chỉ khoảng 20 ki lô mét, có tới 5 cái cổng chào tiến sĩ, chỉ để chứng kiến cảnh làm ăn nhếch nhác của người dân.

-Một huyện xây sân vận động 200 triệu USD để... ngấm là chính!

-Hàng ngàn dự án treo, cùng với hàng triệu héc ta đất các loại bị bỏ hoang.

-Nhiều công trình tiền tỉ, chục tỉ chưa xây dựng xong đã xuống cấp, bỏ không sử dụng (không thể liệt kê hết). Để nói có sách, mách có chứng, chỉ xin dẫn ra tựa đề của số nhỏ những bài báo phản ánh về vấn nạn này: *(Gần 800 công trình nước sạch xuống cấp; khu tái định cư thủy điện Sêrêpôk 3 đang bị bỏ hoang; trường học tiền tỉ bị bỏ hoang giữa Thủ đô; Đắc Lắc: Nhiều công trình cấp nước tập trung bị bỏ hoang; Trạm y tế xã bỏ hoang; Công viên hòa bình Hàn-Việt bị bỏ hoang...)*

-Số tài sản nằm chết trong bất động sản bằng một nửa tổng sản phẩm quốc nội một năm.

-Hàng chục ngàn xe công véo vào ngân sách đang bị cá nhân lạm dụng ngày ngày.

-Ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh có cả những dãy phố sang trọng gắn với tên tỉnh nghèo, phần lớn chi tiêu đều nhờ ngân sách (do dân gian gọi), có địa chỉ hằn hoi và chúng thuộc sở hữu của những ông đầy tớ tài hèn đức mọn vào loại nhất nhì. Trong khi rất nhiều khu biệt thự, trang trại triệu đô của quan chức không ngớt mọc lên ở khắp nơi?

-Lực lượng cảnh sát điều tra đã thụ lý 371 vụ án, 847 bị can phạm tội về tham nhũng với tổng số thiệt hại khoảng 9.260 tỷ đồng; 51.000 lượng vàng SJC và 155.000 m² đất (Đây mới chỉ là con số bé tí so với thực tế).

Còn đây là lời chứng về tình hình tham nhũng đang diễn ra trên đất nước chúng ta:

Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Bây giờ ra khỏi nhà cái gì cũng phải tiền, không phải không trôi. Tham nhũng lớn cũng có, tham nhũng nhỏ cũng có, như ngửa, ghe, rất khó chịu”.

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang: “Một con sâu đã nguy hiểm rồi, một bầy sâu là chết cái đất nước này.”

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng: “Không tham nhũng họ lấy đâu tiền mà chạy chức này chức kia...?”

Thủ tướng chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: “Có cán bộ tham nhũng hàng triệu đô la để mua nhà cho bạn gái là điều rất đau xót”.

Phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Đoan:” Tôi càng đi càng thấy buồn, họ (các loại cán bộ) ăn của dân không từ một cái gì”.

Nghĩa là lãng phí, thất thoát tài sản, tham nhũng là những thứ đã ở mức tràn ngập lãnh thổ, được nêu công khai nhất hiện nay, không còn bất cứ một sự né tránh nào nữa. Vì thế cũng đừng ai phải e ngại mỗi khi động chạm tới. Những gì vừa liệt kê ở trên, có thể kiểm chứng chỉ bằng cú click chuột máy tính, phản ánh hai điều. Thứ nhất tài sản quốc gia (thuộc về người dân và luôn rất có hạn) đang bị hàng trăm hàng ngàn hàng triệu con đỉa, con bạch tuộc thò vòi hút ngày ngày, với lòng tham vô đáy và tàn ác không trời đất nào dung được. Thứ hai, nó cho thấy sự bất lực hiện nay trong việc chống lại căn bệnh kinh tế này khi mới chỉ số ít trong đó bị lôi ra ánh sáng.

Và đây liệu có phải là kết cục tất yếu:

-Mỗi người dân Việt Nam đang gánh chịu 432 loại thuế, phí, thuộc cao nhất thế giới.

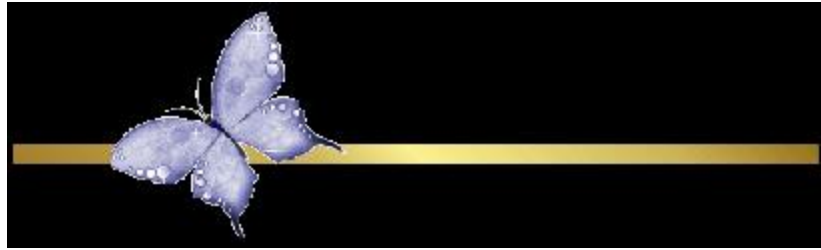
Phải nói thẳng ra rằng, không ngân sách nào chịu nổi một bộ máy công kênh, lười biếng, làm việc thiếu hiệu quả và tất yếu sinh ra đủ thứ tiêu cực như mua quan bán chức, đút lót, hối lộ, ăn cắp, tham nhũng, lãng phí... như chúng ta đang có. Khi tất cả cùng chôn vùi vào cấu vẹo, bòn rút kho bạc quốc gia, thì dẫn đến một tất yếu khác đau thương và nguy hiểm hơn: Không sức dân nào kham nổi. Sức dân chưa kiệt mới là lạ. Mà sức dân của chúng ta đâu chỉ có mỗi việc gồng gánh trách nhiệm làm ra của cải trong vô vàn điều kiện khắc nghiệt. Họ luôn phải dàn sức ra cho nào là chiến tranh, thiên tai, các loại nhân tai, dịch bệnh...

Vấn đề là vì sao lại tồn tại một hiện trạng ai cũng biết như vậy? Câu hỏi này không phải do tôi bức xúc nghĩ ra nó mà đang vang lên trên mọi diễn đàn, trong đó có diễn đàn lớn nhất là Quốc hội. Câu trả lời tạm thời thì có thể dùng ngay lời trần tình của ông Lê Như Tiến - Phó chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội. Ông Tiến bảo rằng, nhiều lãnh đạo các địa phương “vận động” đại biểu Quốc hội trước mỗi kỳ họp: “Có thể chất vấn, nói về bất cứ vấn đề gì, trừ tham nhũng ra, bởi việc đó chẳng khác nào vạch áo cho người xem lưng”. Lời của một dân biểu thì không thể nghi ngờ. Điều đó dẫn đến một câu hỏi khác, tại sao các lãnh đạo địa phương kia lại coi chất vấn chuyện tham nhũng là vạch áo cho người xem lưng? Tôi tìm trong từ điển thành ngữ để xem lời giải thích nghĩa của “vạch áo cho người xem lưng”, thì xem lời giải thích của “Vạch áo cho người xem lưng”, thì thấy ghi ngắn gọn thế này: “Ví hành động tự để lộ ra cái không tốt, không hay của mình hoặc trong nội bộ mình cho người ngoài biết”. Vậy là đã rõ. Nội bộ là đám quan tham nhũng, là chính những người đưa ra yêu cầu các đại biểu Quốc hội, vì thế người ngoài ở đây, không còn nghi ngờ gì nữa, chính là nhân dân.

Có lẽ chẳng cần thêm bất cứ một lời bình nào cho thêm tốn giấy, mà có thể kết luận ngay những tên quan mặt hạng nào đó đưa ra lời đề nghị kia là tội phạm quốc gia, là lũ vô liêm sỉ. Nhưng sở dĩ vẫn cứ phải có lời bàn, cho dù biết rồi, khổ lắm nói mãi, vì hóa ra cái lũ nội bộ sâu mọt ấy

vẫn còn có thể ngang nhiên nói như vậy với đại biểu Quốc hội mà chẳng làm sao?

Nói cho mấy ông quan tham biết rằng, dân có thể là người bên ngoài với số tài sản mà các vị đang ăn cắp, chia nhau và tìm cách ém nhẹm, coi như chuyện nội bộ. Họ có thể vì mải lao động, vì cả tin, vì khờ khạo mà không biết. Nhưng còn có trời, im lặng mà biết mọi chuyện, can dự vào mọi việc. Nếu trời đi vắng thì còn có tổ tiên anh minh từng sống chết với cái giang san này. Vì lo cho con cháu mà họ đã để lại cho hậu thế bài học giữ gìn xã tắc bền vững, và cũng dễ nhớ vì chỉ gói gọn trong bốn chữ: "Khoan thứ sức dân". Thế mà các vị đang khiến dân lao lực vì lòng tham vô đáy của các vị. Dân mệt lắm rồi các vị ạ. Dân mà mệt thì chẳng ai yên hưởng thái bình được đâu, cho dù của nả, bổng lộc đầy nhà.



Cháy nhà ra mặt... gì?

Cháy Trung tâm Thương mại Hải Dương, một cái tin còn thua xa mức độ chú ý của dư luận trong những phút đầu tiên, so với chuyện mua bánh trung thu phải xếp hàng. Có vẻ như vẫn là lý do vô cảm, bị nhiễu loạn cảm xúc, hay đơn giản chỉ là chuyện đó vẫn thường xảy ra? Khi những con số thiệt hại được nêu lên, khi những cảnh khóc ngất của đồng bào hiện trên màn hình ti vi, tầm mức tang thương của nó mới được định vị. Bấy giờ mới là đau xót, tức giận và kinh hãi.

Mô tả này không hề định bôi nhọ ai, bởi vì nếu thế thì không ai đủ sức. Nó chỉ nhằm tới một hiện thực là, chuyện cháy chợ, cháy khu dân cư, cháy nhà hàng, cháy xe, cháy rừng... những đại thảm họa cho cộng đồng, từ lâu lại thành chuyện thường ngày. Lý do là nó không hề hiếm gặp. Vừa mới cháy khu công nghiệp Fuen, vừa mới cháy kinh hoàng ở xưởng xếp Bắc Ninh, vừa mới cháy cây xăng phố Trần Hưng Đạo, vừa mới cháy khu nhà gỗ phố Hàng Hà, vừa mới cháy nhà hàng M.p, nhà hàng C.Q, vừa mới cháy khu vui chơi giải trí Mỹ Đình, vừa mới cháy hàng loạt khu dân cư... tất cả đều vừa mới đấy, với thiệt hại cũng không hề nhỏ tí nào.

Có vẻ như chuyện cháy cứ phải xảy ra, như là phải mệnh vạ. Không thấy ai bị quy trách nhiệm cụ thể. Rất ít nếu không muốn nói là chưa thấy phiên tòa nào (trong vài năm gần đây) xử những người phải chịu trách nhiệm liên quan đến cháy. Còn lý do của mỗi vụ cháy, chẳng cần phải chờ kết luận, bởi trước sau đều chỉ là do bất cẩn, do thiếu ý thức... Nếu ai đó muốn quan tâm sâu hơn rằng, tại sao một đám cháy lại không được cảnh báo sớm, khi xảy ra cháy sao không được hệ thống chữa cháy tự động loại trừ nhanh chóng, thì cũng đã có sẵn câu trả lời không bao giờ sợ sai: Do hệ thống vòi nước để lâu “không dùng” (ý là không cháy thường xuyên) nên bị tắc, bị hết nước... Thế còn lực lượng chữa cháy đã làm gì? Cũng luôn có câu trả lời đảm bảo chất lượng ở mức an toàn: họ đã làm hết khả năng nhưng vì quy mô cháy quá lớn so với năng lực chữa cháy. Do vị trí nơi xảy ra cháy bị cản trở, đường tiếp cận đám cháy quá nhỏ, không gần nguồn nước, thậm chí đã có lần lỗi là do người dân...

hiếu kỳ gây tắc đường xe cứu hỏa, gây vướng chân vướng tay lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp!

Đã đủ thỏa mãn người hỏi chưa? Nếu chưa đủ thì cũng vẫn còn nhiều câu trả lời dự trữ, ví dụ như xe cứu hỏa “mình đổ lửa/ bụng chứa nước đầy/ đang chạy như bay...” thì chết máy! Chả ai bắt lỗi được chiếc xe chết máy! Tóm lại, trăm phần trăm vụ cháy gây thiệt hại là do không may! Không may tức là do số trời rồi! Mà phải cái đoạn số xấu thì ráng mà chịu chứ kêu ai được bây giờ.

Với cái tâm lý thờ ơ, lạnh nhạt của xã hội như vậy đối với các vụ cháy, thì Trung tâm thương mại Hải Dương còn lâu mới là vụ cháy lớn cuối cùng. Lý do của nó đương nhiên vẫn cứ phải giống hết hàng trăm vụ cháy trước, do bất cẩn. Vì có muốn tìm ra lý do khác cũng khó. Tất nhiên hệ thống báo cháy và vòi phun nước tự động hỏng từ lâu rồi, có thể hỏng ngay khi Trung tâm được nghiệm thu và ai cũng ngầm biết như vậy. Chuyện quá bình thường! Đến hiện đại như chợ Đồng Xuân những thứ đó cũng còn tịt ngòi nữa là cái trung tâm thương mại tỉnh lẻ? Chỉ “rủi” cho những người muốn đổ lỗi tại trời, (hay tại quỷ sứ) là lần này “không may” vị trí cháy lại nằm ở một nơi vô cùng quang đăng, ba mặt đều có đường cho ô tô tấp vào tận nơi. Nghĩa là rất nhiều hướng tiếp cận thuận lợi. Trong khi đó bên cạnh, đằng trước đằng sau đều có sẵn hồ nước. Tức là hết bài bao biện. Nhưng nói thẳng ra thế dễ bị quy cho tội vu vạ, thiếu khách quan. Đến đoạn này chúng ta nên nghe trực tiếp từ các nhân chứng(dẫn từ bản tin của báo Dân Trí điện tử ngày 17-9-2013): “Đám cháy phát lửa tại gian hàng bán vải phía Đông của Trung tâm, lập tức những công nhân quét rác cùng người dân đã hô hoán và gọi PCCC, cảnh sát 113. Nhưng mãi đến hơn 3 giờ đội cứu cháy Hải Dương mới đến. Lúc tôi có mặt quầy hàng đồ điện của tôi vẫn chưa cháy. Phòng Cảnh sát PCCC cách Trung tâm thương mại có 1 km nhưng phải hơn 2 tiếng đồng hồ mới tới là sao? Các vị ấy không mở cửa, không phá kính để cho nước tiếp cận đám cháy mà chỉ đứng ngoài bê cái vòi nước bé tí phun vào kính một cách tắc trách. Tôi đau lòng quá, thiếu nước quỳ xuống van lạy: Các cháu ơi. Các cháu cứu dân với, đập kính, phá cửa để dân cùng tham gia cứu cháy. Hãy gọi các tỉnh bạn đi, gọi thêm xe, thêm nước đi, làm thế chỉ có tác dụng rửa kính thôi. Đáp lại lời tôi là câu nói đến lạnh lòng: “Bọn tôi chỉ thừa lệnh, chúng tôi không biết”.

Đây là lời của một nhân chứng khác (cũng dẫn từ nguồn trên): “Lực lượng bảo vệ ăn lương của tiểu thương ở đâu khi có cháy? Khi chúng tôi có mặt thì bốn bề trung tâm vẫn đóng im ỉm, tất cả các van nước tại đó đều không được mở. Đã thế khi cảnh sát PCCC điều hai cái xe chạy ề ề đến, một cái hết nước, một cái chết máy. Nếu cơ quan chức năng sống có trách nhiệm hơn thì bà con tiểu thương sẽ không đến mức khánh kiệt thế này”.

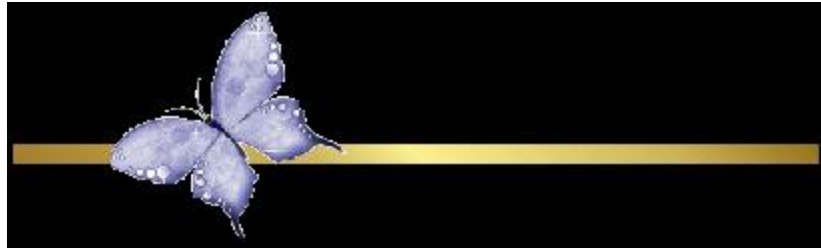
Hơn 2 tiếng là quãng thời gian dài bao nhiêu với một vụ hỏa hoạn? Không thể nào ước lượng được với loại công việc tính từng giây. Chỉ biết rằng, với khoảng thời gian đó, với thái độ của những người chữa cháy như chúng ta vừa nghe kể và với rất nhiều hàng hóa, vật liệu có khả năng cháy khủng khiếp như vải, cao su, giấy, chiếu, gỗ, đồ nhựa... thì Trung tâm Thương Mại Hải Dương đã đủ để báo tử chính thức sau thời gian đó, cần gì phải đợi những 11 tiếng đồng hồ sau là thời điểm ngọn lửa tạm thời được khống chế.

Mà sao cả một tỉnh to lớn, vào loại giàu có như Hải Dương, mà lại chỉ có... 2 cái xe cứu hỏa? Đúng là có muốn mắt nhắm mắt bịt tai cũng khó.

Dân gian có câu: “Cháy nhà, ra mặt chuột”, là dựa vào thực tế để ám chỉ một vấn đề liên quan đến con người. Thực tế đó là khi cháy nhà, lũ chuột, dù chui rúc ở đâu cũng không còn cách nào khác là phải chạy ra để thoát thân, vì vậy mà lộ mặt. Nhưng tôi đảm bảo, với sự khôn ngoan, thận trọng và đa nghi như lũ chuột hiện nay, chúng chẳng dại gì mà chọn những nơi như Trung tâm Thương mại Hải Dương - một nơi quá nguy hiểm - để làm nơi trú ẩn qua đêm. Bởi vì chúng biết, nếu chẳng may xảy ra hỏa hoạn thì chúng sẽ bị nướng chín ngay lập tức. Chúng biết rõ hơn bất cứ con người nào tại đó là chẳng có bất cứ vòi nước chữa cháy tự động nào được mở, hoặc có mở thì cũng chẳng có giọt nước nào vì chúng “chết” từ đời tám hoánh rồi; chẳng có lối nào thoát thân vì chúng được tận dụng tối đa để cho thuê chứa hàng thủ lợi từ lâu rồi... Với bà con tiểu thương thì họ còn mãi kiếm tiền, mãi đối phó với đủ loại móc túi, mãi lo hoàn vốn để bù cả số tiền bị ăn chặn, bỏ ra bơi trơn, mua sự yên phận của đám cai chợ nên đừng mong họ để tâm đến cháy nổ. Còn với lực lượng có trách nhiệm phòng cháy chữa cháy thì họ chỉ diễn là chính, diễn cho vui và cho thiên hạ biết là họ không hề ngời rồi (chả lẽ tiêu tiền dân lại không diễn ầm ĩ cho có vẻ như thật), thời gian còn lại thì

họ còn mài trà lá, bài bạc, lo tìm cách tư túi cùng đủ thứ việc linh tinh khác, trừ duy nhất việc chữa cháy. Bằng chứng là chiếc xe cứu hỏa không thể phun nước từ đời nào nhưng mà họ có biết đâu. Bọn chuột biết rõ thực tế đó. Vì vậy, đừng hi vọng thấy mặt chúng khi Trung tâm bị cháy.

Nhưng cứ kiểu quy trách nhiệm hòa cả làng như một thông lệ chỉ thấy ở Việt Nam sau mỗi vụ cháy, cũng đừng ai hy vọng tìm thấy mặt... con gì! Những cái mặt người đau buồn như chết nửa cuộc đời thì chỉ thời gian ngắn sau là khá nhiều số đó sẽ lẫn vào đám cùng khổ nhếch nhác, nhan nhản nơi bến xe, bãi rác, chả cần phải tìm cũng thấy. Còn những cái mặt đáng bị nhận diện thì lại đụng phải chuyện “tế nhị”. Những cái mặt khác nữa thì nhà cháy hay cháy bất cứ cái gì(!) cũng chả làm mất một sợi lông của họ, việc gì phải thò mặt ra cho thiên hạ thấy. Thôi, đừng có mất công vô ích ám ảnh trước một câu tục ngữ đã hết thời. Thay vì tìm thấy gì khi cháy nhà, cháy khu công nghiệp, cháy trung tâm thương mại (ngoài tro tàn)... hãy chuẩn bị tinh thần để đón thông tin về vụ cháy khác.



Xử lý án oan, hai chiều suy ngẫm

Trước hết phải khẳng định rằng, án oan luôn là một phần bi thương của lịch sử tư pháp thế giới. Phần sau đó có thể ví nó với việc trọng tài bắt sai trong điều khiển trận đấu, tức là bất khả kháng. Bởi vì mọi quan tòa, thông tuệ như vua Salomon, thì trước hết cũng đều là con người, với đầy đủ những hạn chế mang đặc tính chung là không bao giờ đạt đến độ hoàn hảo. Đạt đến hoàn hảo đã là thánh! Đó là chưa kể những yếu tố tác động từ bên ngoài làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Nếu ai có điều kiện theo dõi qua chương trình Discovery, với loạt điều tra về những vụ án để lọt tội phạm, kết án sai gây oan ức ở Mỹ, một quốc gia có nền tư pháp hàng đầu với các thiết bị kỹ thuật hỗ trợ quá trình điều tra thuộc loại siêu đẳng nhất thế giới, thì sẽ thấy những vụ việc giống như án ông Nguyễn Thanh Chấn thỉnh thoảng vẫn xảy ra. Chắc chắn không có quốc gia nào là ngoại lệ.

Tất nhiên một nền tư pháp thông minh, dựa trên các nguyên tắc dân chủ trong điều tra, xét hỏi, tranh tụng để án oan sai khó xảy ra hơn những nền tư pháp lạc hậu, bảo thủ và thiếu minh bạch. Điều đó không cần phải bàn cãi. Nhưng tuyệt đối chính xác thì không bao giờ có. Vì thế khá nhiều nước, người ta phòng xa cho việc đó bằng cách áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong xét xử. Giải thích ngắn gọn nhất về nguyên tắc này khi không thể chứng minh được bị cáo có tội dựa trên các bằng chứng, hoặc chỉ chứng minh được 50% có tội, trong khi đó lại có tới 50% khả năng họ vô tội, thì việc tuyên án phải nghiêng về phía có lỗi cho bị can. Trong đa số trường hợp, ở vào tình thế ấy, bị can được tuyên vô tội.

Như vậy là nguyên tắc suy đoán vô tội chấp nhận để lọt tội phạm (nếu có) còn hơn là kết án sai cho bị can. Việc không thể tuyệt đối tránh được án oan cũng là căn cứ để những người ủng hộ bỏ án tử hình vào và càng ngày càng nhận được sự ủng hộ rộng rãi trên thế giới. Châu Âu đã bỏ loại hình phạt này. Hầu hết các bang ở Hoa Kỳ đã không áp dụng hình phạt tử hình cho dù họ không công khai tuyên bố loại bỏ, trong khi nhiều nước khác hạn chế tới mức tối đa áp dụng hình phạt cao nhất.

Trở lại với vụ án Nguyễn Thanh Chấn, trước hết phải khẳng định, nếu ông Chấn thực sự không giết người thì đây là một thảm họa pháp lý.

Với các nguyên tắc tố tụng như chúng ta đang áp dụng, với thói quen đề cao thành tích, suy luận thay cho chứng minh, coi mọi thứ đều là nhiệm vụ chính trị, trọng dụng người không đúng năng lực, thì thẩm họa này không dễ trút bỏ trách nhiệm cho riêng ngành tòa án. Mọi thứ đã không còn nguyên dạng ngay từ khâu đầu tiên của quá trình điều tra. Nhưng chúng ta sẽ trở lại chủ đề trên vào dịp khác. Ở bài viết này, với những gì đang diễn ra sau cuộc trở về tạm thời của ông Chấn, chúng tôi muốn luận bàn từ hai chiều của vấn đề khắc phục hậu quả vụ án và hệ lụy mà nó có thể để lại.

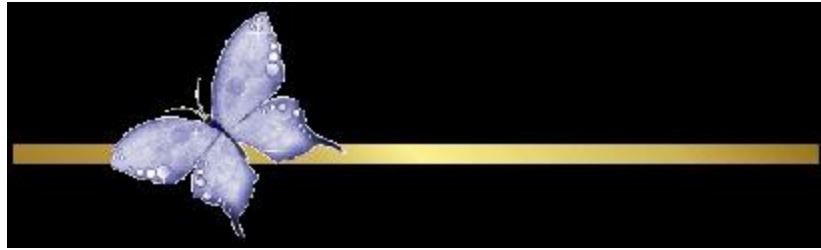
Chúng ta, trong hầu hết mọi lĩnh vực, do chưa thực sự chuyên nghiệp, nên thường dễ bị rơi vào tình trạng thái quá hay bất cập khi đưa ra các quyết định. Vội vã kết án ông Chấn khi chứng cứ chưa thật chắc chắn là hành động thái quá. Nhưng khi khắc phục được hậu quả thì lại có vẻ đang bất cập. Trước kia chưa chú ý đúng mức những cảnh báo của dư luận, bởi thái độ có phần tự tin đến mức tự phụ, thì giờ đây ai nói gì cũng nghe, với sự hoang mang của người đứng giữa ngã tư đường. Một cuộc điều tra lại vẫn còn chưa hoàn tất. “Hung thủ” cũng mới chỉ thể hiện việc phạm tội qua lời tự thú, về nguyên tắc chỉ có thể dùng là, căn cứ điều tra chứ chưa phải là bằng chứng cuối cùng. Vì thế ông Nguyễn Thanh Chấn oan thật hay không chưa được kết luận. Thật lòng thì tôi (và có lẽ nhiều người chưa thể hoàn toàn tin ông Nguyễn Thanh Chấn bị oan). Nhưng những niềm tin cá nhân hay cộng đồng thể hiện sự thương xót, chia sẻ với ông Chấn, dựa trên các thông tin báo chí tuy là chính đáng nhưng không thể được sử dụng như một lợi thế với ông Chấn khi đưa ra kết luận pháp lý. Tương tự như vậy, không thể chiều theo lòng căm thù ngàn ngút của đám đông nếu tới đây sẽ xét xử bị can Lý Nguyễn Chung. Thế mà có vẻ điều đó đang không chỉ chi phối dư luận mà còn chi phối cả chính những người thừa hành công vụ. Điều này vô cùng nguy hiểm.

Nói thẳng ra là mọi thứ chúng ta đang làm rất cảm tính, với mục đích giải tỏa áp lực của dư luận, thỏa mãn cơn bức xúc của đám đông, hơn là truy tìm công lý một cách khách quan, khoa học và công bằng. Không cẩn thận từ sai lầm này, do hấp tấp, thiếu bình tĩnh, chúng ta sẽ phạm phải sai lầm khác khó gỡ hơn. Tại sao không chờ đến khi tòa tái thẩm kết thúc, có kết luận pháp lý chắc chắn minh oan thực sự cho ông Chấn, hay đưa ra những quyết định liên quan khác?

Tuy vậy chúng tôi vẫn đánh giá cao thái độ thẳng thắn thừa nhận trách nhiệm của người đứng đầu ngành tòa án. Được biết tới đây sẽ có một cuộc tổng rà soát lại toàn bộ những vụ xét có mức án tử hình, chung thân, hoặc những án đã tuyên nhưng có đơn kêu oan. Chúng tôi hoan nghênh việc làm này. Chúng tôi tin là các ngành chức năng có thời gian và nhân lực để thể hiện điều đó một cách có trách nhiệm cao nhất. Nhưng chúng tôi cũng lại tin rằng, không cẩn thận, do bị áp lực, sẽ xảy ra sự rối loạn không thể kiểm soát theo hướng ngược lại, nghĩa là xuất hiện tình trạng mọi vụ án đã xử, dù to hay nhỏ, cũng thuộc diện “có nghi vấn”. Nếu để tình trạng đó xảy ra thì thiện ý giảm án oan sai chưa chắc đã có hiệu quả bởi mọi năng lực bị phân tán, trong khi thông tin thì bị nhiễu loạn.

Chấp nhận để lọt tội phạm trong trường hợp bất khả kháng như đã trình bày về nguyên tắc suy đoán vô tội, không hề giống với việc dễ dàng bỏ lọt tội phạm một cách vô nguyên tắc và tràn lan chỉ vì muốn chứng tỏ sự cầu thị! Việc kết án sai biến người vô tội thành người có tội, chắc chắn là thảm họa. Nhưng trong trường hợp ngược lại thì thảm họa cũng không hề kém. Chúng ta đau lòng, xấu hổ và thương xót khi một công dân lương thiện bị tù oan tới 10 năm và chỉ thoát chết nhờ may mắn. Nhưng sẽ thế nào nếu một kẻ giết người, phạm tội tày trời lại không bị trừng phạt, nhởn nhơ đi lại suốt 10 năm, thậm chí có thể tiếp tục gây ra các vụ trọng án khác?

Cả hai tình huống này, với hậu quả của nó cần phải được coi trọng trong công tác xét xử, trong việc tỉnh táo và khách quan khi tiếp nhận dư luận. Vì thế nó cần cả lòng chân thành, sự minh bạch, nguyên tắc thượng tôn sự thật và bản lĩnh nghề nghiệp. Một trái tim lương thiện thường nồng ấm, nóng bỏng, dễ xúc động, thậm chí có thể cho phép chút lấm lẩn. Nhưng một cái đầu lương thiện thì hoàn toàn ngược lại.



Đang rất có vấn đề

Xã hội không thể tồn tại bình yên nếu một ngày vắng bóng cảnh sát. Nhưng xã hội sẽ loạn lạc gấp bội nếu những đại diện này của pháp luật, thay vì thực thi công vụ một cách trong sáng, vô điều kiện, lại trở thành những người thị phạm cho công dân về cách giẫm lên luật pháp một cách đơn giản như thế nào.

Trước khi đi Nga vào năm ngoái, tôi được nghe qua bạn bè, cả những người đang làm ăn sinh sống tại “Thiên đường” một thuở, lẫn những người có việc phải đi đi về về, rằng cảnh sát Nga ngày nay thuộc thành phần hư hỏng nhất xã hội. Bệnh nan y của họ là ăn hối lộ. Bất cứ người thấp cổ bé họng nào, nhất là đám dân ngoại quốc ú ớ, cứ vào tay họ là phải “nôn” tiền ra, đúng cũng như sai.

Sự thật thì cũng có chuyện đó, nhiều vụ ở mức độ tàn bạo, như xác nhận của một số người Việt Nam làm ăn buôn bán tại Nga. Điều đó cho thấy vấn đề cảnh sát ăn hối lộ là vấn đề của thế giới rồi.

Nhưng suốt 10 ngày ở Nga, đi qua vài thành phố lớn điều tôi mong chờ nhất là ... được gặp mặt một cảnh sát Nga như người ta mô tả. Để xem họ mặt ngang mũi dọc ra sao. Nhưng việc đó hóa ra lại không dễ tí nào. Cứ như họ thấy chúng tôi thì biến đâu sạch. Cuối cùng thì tôi cũng toại nguyện khi xuống tàu điện ngầm. Nhận xét ban đầu là chưa biết phẩm chất họ thế nào nhưng, giống như cảnh sát Hoa Kỳ mà tôi từng có dịp chụp chung, ai cũng cao to, uy nghi khác người thường.

Tự dừng lại nhớ chuyện này không phải là vô cớ. Và vừa mới xảy ra một loại việc liên quan đến lực lượng cảnh sát giao thông Việt Nam khiến không chỉ tôi mà bất cứ ai cũng rất đau buồn. Một thời tôi nhớ để được làm việc trong ngành công an, phải đáp ứng rất nhiều tiêu chí. Trong đó có cả tiêu chí ngoại hình, thậm chí là tiêu chí khá nghiêm ngặt. Phải đủ chiều cao, cân nặng, hình thể cân đối, mặt dễ coi, thân thiện, không bị nói lắp. Hình ảnh người công an nhân dân hồi bấy giờ luôn được hình dung cùng với sự nghiêm trang, là khuôn phép về giao tiếp, ăn nói, đi đứng, hành xử... khiến kẻ xấu thì sợ hãi còn người yếu thì có thể an tâm dựa vào khi gặp nguy hiểm trên đường. Giờ đây không chỉ Nga

hay Mỹ, mà hầu hết như các nước họ vẫn làm chuyện này rất kỹ. Cứ nhìn qua Thái Lan, Singapore cũng đủ thấy.

Còn ở ta thì sao? Tôi không hiểu do thiếu người, do lực lượng này cần phải tăng gấp bội khiến không thể “khó tính” trong tuyển lựa, hay vì lý do nào khác mà ngày nay những tiêu chí rất quan trọng kia lại bị bỏ qua. Cứ ra đường là có thể thấy việc tuyển chọn đầu vào làm nghề công an qua loa, thiếu chuẩn mực như thế nào. Người thì cao vống lên, bệ vệ còn hơn cả Võ Tòng, người thì vừa thấp vừa gầy, trói gà không chặt, có người mà nếu bỏ bộ cảnh sát ra thì có thể thủ vai bất cứ kẻ bặm trợn nào khiến dân thường chết khiếp, trong khi đó không ít cảnh sát ngay cả giữ được nét nghiêm trang, thể hiện uy quyền của luật pháp cũng khó vì họ sinh ra để làm việc khác. (xin đừng nhầm lẫn giữa sự kỳ thị xã hội - dù dưới bất cứ hình thức nào - là thứ đáng bị lên án, với các tiêu chuẩn hình thức có tính đặc thù của nghề nghiệp công). Đây mới là vẻ bề ngoài, dù rất quan trọng nhưng chưa phải là quan trọng nhất. Vì thiếu lựa chọn, đào tạo quá dễ dãi mà nhiều cảnh sát giao thông của chúng ta ứng xử rất kém, trước hết kém ở thái độ, cách giao tiếp với người dân, sau đó là ở hành vi thể hiện quyền lực. Người dân không thấy sự sùng sùng, uy nghi, bất khả đũa của pháp luật đâu, mà chỉ thấy trùn lên họ cái bóng của người có công cụ pháp luật trong tay, với một bộ dạng khệnh khạng, thể hiện mình có quyền vô biên, không ai làm gì được. Vì thế mới sinh ra một thực tế nguy hiểm là công dân của chúng ta chỉ sợ khi đối mặt với công an, như một đối tượng đầy quyền lực cụ thể, chứ không phải là như đại diện của quyền lực với nhiệm vụ duy trì sự hiện hữu thường xuyên của luật pháp. Nếu cứ tình trạng này kéo dài thì dù cho có bao nhiêu cảnh sát đi nữa, cũng không thể khiến pháp luật được tôn trọng trên thực tế.

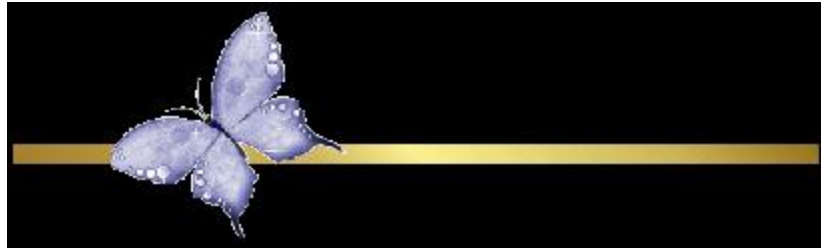
Nhưng đó là công việc to lớn không của riêng ngành công an. Chúng tôi chỉ muốn tiện thể nêu ra trước khi vào vấn đề nhỏ nhặt hơn là tư cách, phẩm chất của một cảnh sát, nhất là cảnh sát giao thông, là lực lượng va chạm thường xuyên với các thành phần xã hội và tác động rõ ràng nhất đến hình ảnh của nhà nước, của nền luật pháp. Tôi không hề thích thú khi kể tội người khác, vì nếu thiếu tỉnh táo sẽ thành từ không công bằng. Bởi vì mọi nghề nghiệp trong xã hội đều đang gặp vấn nạn tiêu cực, chứ chẳng riêng gì ngành nghề nào. Nhưng vì đang bàn đến lực lượng công an, nên phải có những ví dụ về họ. Một ông công an tên là

Luyện nào đó mỗi khi đi đánh chén, toàn thích những món cao lương ngũ vị nhưng ăn no say xong liền gọi doanh nghiệp đến “nhờ” thanh toán, đã thế lại bắt ép lái xe mua xăng ở những cây xăng mà mình có quyền lợi, thử hỏi còn gì là thể diện và làm sao luật không bị coi nhờn? Những cảnh sát ở đồn Suối Trê, Long Khánh, Đồng Nai đi hát karaoke, nốc bia rồi chửi bậy nhau trước bàn dân thiên hạ, sau đó xả súng bắn hạ nhau như trong phim hành động khiến dư luận kinh hoàng, còn lại gì cái hình ảnh uy nghi vốn phải có? Hay như chuyện nhóm cảnh sát bỏ mặc nạn nhân bị tai nạn không đưa đi cấp cứu mới đây ở Thăng Bình, Quảng Nam, thử hỏi họ đang làm gì dưới bộ cảnh phục? Mà đấy mới chỉ là vài vụ việc trên bề mặt của cái tầng băng vấn đề thất thoát đạo đức, nhân cách, văn hóa ứng xử, danh dự của người công an. Phần lớn còn chìm sâu dưới lớp bóng tối đầy ẩn khuất. Một người bình thường, không cần phải học hành gì thì cũng biết rằng mạng con người là quý nhất. Cứu người là việc đáng làm nhất, còn hơn cả cứu hỏa kia mà. Vậy không lý gì mà một công an (ở đây những ba người) lại không biết làm như vậy và không biết rằng, một người nào đó chỉ được coi là chết khi có kết luận mang tính pháp lý của bác sĩ? Không phải vô cớ mà ở nước ngoài ngay cả trong trường hợp nạn nhân bị cắt đôi người, bị giập nát toàn thân, họ vẫn phải được đưa vào bệnh viện. Bị cắt đôi người hay giập nát toàn thân vẫn có thể sống sót chỉ là một chuyện, vấn đề ở chỗ nếu không làm thế là phạm luật, thậm chí phạm tội ác và đáng sợ hơn bị coi là thất đức, cả cộng đồng sẽ lên án, trách móc, nguyên rủa, sống không yên suốt quãng đời còn lại.

Cảnh sát thì trước hết cũng là con người. Hãy đòi hỏi nghiêm khắc những phẩm chất con người ở họ trước khi yêu cầu thêm những phẩm chất của người thi hành công vụ đặc biệt. Không có cái trước thì đừng hy vọng vào cái sau. Vậy mà hiện tại cả hai đều không được đòi hỏi đúng mức cần thiết. Nói gọn lại là lực lượng cảnh sát giao thông của chúng ta đang rất có vấn đề. Rõ nhất, cũng thuộc diện nguy hiểm nhất, là vấn đề tụt dốc về đạo đức, văn hóa. Không thể dùng mỹ từ để nói khác được.

Cho dù còn nhiều chuyện khuất tất, phải khẳng định chúng ta đã đi những bước lớn trong việc minh bạch hóa thông tin. Khi vấn đề cảnh sát giao thông ăn hối lộ, một kiểu mãi lộ hợp pháp, thậm chí là thành phần ăn hối lộ nhiều nhất trong số các thành phần công quyền, được bung ra cho toàn dân biết, thì nó không chỉ phản ánh sự tiến bộ của báo chí, của

pháp luật, mà còn cho thấy lãnh đạo ngành công an đã bản lĩnh, cầu thị lên rất nhiều. Chúng ta phải ghi nhận điều quan trọng này. Họ chấp nhận đối mặt với thực tế đen tối đó, ở một bộ phận cần rất nhiều, thậm chí là nhiều nhất những phẩm chất trong sáng. Họ chấp nhận đặt công việc của họ trước sự phán xét mạnh mẽ của dư luận. Theo tôi đó là dấu hiệu có thể dẫn tới hy vọng. Và tôi nghĩ. Đây cũng là phương thuốc khả dĩ nhất hiện nay để ngành công an loại bỏ dần những tiêu cực. Vấn đề là có thể duy trì nguyên tắc minh bạch hóa đó đến đâu, đến cấp nào, đến tận đối tượng nào. Nếu vẫn còn những vùng cấm, những cái tên mà mỗi khi nhắc tới giống như phạm vào sự húy kỵ, những vụ việc bị quy là nhạy cảm cần phải khoanh lại và nếu vấn đề cao cách thức bảo vệ nội bộ như một công cụ không của riêng ngành công an, thì mọi công lao của ai đó, bộ phận nào đó chỉ là làm cái việc đã tròng xe cát mà thôi.



Khi quyền lực bị thả nổi

Quyền lực luôn gắn với những công cụ pháp lý, tác động lên toàn bộ đời sống, vì thế nó phải được quản lý cực kỳ chặt chẽ và phải được sử dụng đúng nơi, đúng chỗ, một cách chính đáng. Bởi vì quyền lực luôn là con dao hai lưỡi: vừa để bình ổn xã hội, duy trì sự an toàn cho con người, trừng phạt và ngăn ngừa cái ác nhưng nếu bị lợi dụng, bị chiếm đoạt bất hợp pháp, nó chính là nguồn gốc của cái ác, đầu mối của mọi thảm họa.

Chẳng phải đợi đến khi sự việc chấn động dư luận xảy ra tại phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố đánh trọng thương một thanh niên bán hàng rong, xã hội mới bức xúc và phẫn nộ về nhiều hành động quá đáng của lực lượng này. Trước hết chúng ta hãy thử tìm hiểu xem lực lượng này thuộc tổ chức nào và quyền hạn của họ đến đâu dù có thể nhiều người đã biết.

Theo tìm hiểu của chúng tôi thì hóa ra *Dân phòng* chủ yếu được quy định tại Luật phòng cháy chữa cháy (PCCC): *Bảo vệ dân phố* được quy định tại Nghị định 38 của Chính phủ; còn nhiệm vụ của *Dân quân tự vệ* được quy định tại Luật Dân quân tự vệ. Cũng theo những văn bản pháp quy đã nêu, thì các thành phần trên không phải là công chức, viên chức, mà là các lực lượng quần chúng, được hình thành và hoạt động ngay tại địa phương nơi họ cư trú, trong đó quy định rất rõ quyền hạn của từng bộ phận: *Dân phòng* chủ yếu tham gia PCCC; *Bảo vệ dân phố* tham gia giữ gìn an ninh trật tự; *Dân quân tự vệ* tham gia chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước. Tất cả các lực lượng này đều không được dùng phương tiện giao thông, kiểm tra giấy tờ người và phương tiện. Trong trường hợp khẩn cấp, trong những tình huống cụ thể có quy định, họ được phép hỗ trợ các lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ, bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự...

Dân phòng, Bảo vệ dân phố không có quyền bắt người, không có quyền khám xét, trừ trường hợp bắt người phạm tội quả tang hoặc đối tượng bị truy nã.

Nếu đối chiếu với quy định đã dẫn, so với phần lớn việc làm mà các bộ phận vừa kể vẫn đang “hồn nhiên” tiến hành trên mọi con đường, khu phố ở các thành phố, thị xã... có thể thấy rất rõ một điều nguy hiểm: quyền lực đang bị thả nổi, bị hiểu sai và bị lạm dụng dưới danh nghĩa duy trì trật tự công cộng. Cũng còn may khi đây chỉ là thứ quyền lực “vụn vặt”. Nhiều ông dân phòng, bảo vệ khu phố có lẽ từ lâu tưởng mình là một thứ “công an quần chúng”. Nhiều nơi họ tự cho mình quyền làm thay công việc của cảnh sát. Chuyện này vẫn xảy ra ngày ngày khi dân phòng cũng vung gậy dừng xe vi phạm, kiểm tra giấy tờ, áp giải chủ và xe vào lề đường, mà không biết làm thế là chính họ đang vi phạm pháp luật trước. Nhưng chán hơn cả là cảnh những ông mặc áo dân phòng lấp ló trong các góc ngách rình rập, rồi bất ngờ xõ ra túm chiếc xe máy nào đó, túm cổ áo một ai đó ngay giữa đường giữa chợ, vừa gây phản cảm, vừa cho ấn tượng về một xã hội đầy bất an, mặc dù mục đích tổ chức ra các lực lượng này là để tăng cường an ninh trật tự! Cứ thử quan sát mà xem, cùng là “dân” với nhau, nhưng phần lớn những ông “dân phòng” luôn nhìn đám “dân thường” như những kẻ đối địch, toàn gây cảnh ngửa mặt, là nguyên nhân của mọi sự lộn xộn! Trước khi anh Trần Xuân Tình bị đánh hội đồng, đã có hàng trăm, hàng ngàn người khác bị hành hung, đe dọa ở những mức độ khác nhau. Hậu quả cũng đã nhãn tiền với hàng loạt vụ người dân phản ứng lại bằng các cuộc ẩu đả, có cả đổ máu, thương tích nặng.

Thực trạng đó chỉ là do việc lạm quyền, vượt quá chức trách khi làm nhiệm vụ mà gây nên, hay còn có nguyên nhân sâu xa nào khác? Nếu chỉ lạm quyền, vượt quyền thì chấn chỉnh là xong. Nhưng thực tế, đã có hẳn cả một thông tư nhắc nhở các lực lượng này, về loại công việc họ được làm và không được làm, nhưng tình hình “lạm quyền, vượt quyền” vẫn không giảm là mấy. Theo chúng tôi, nguyên nhân sâu xa của hiện tượng đang bàn tới nằm ở chỗ khác. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu.

Chúng tôi, ở bài viết trước của mình, đã chân thành chỉ ra đang có sự dễ dãi trong việc tuyển lựa đầu vào khi đào tạo công an, nhất là lực lượng công an giao thông. Còn với lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố thì tuyển lựa là một khái niệm xa xỉ và xa lạ, vì hầu như không có bất cứ sự tuyển lựa nào đúng nghĩa. Chúng tôi không hề phủ nhận vai trò tích cực của lực lượng này trong một số hoạt động mang tính tự quản. Khá nhiều trong số đó là những người có phẩm chất tốt, hiểu rõ nhiệm vụ và

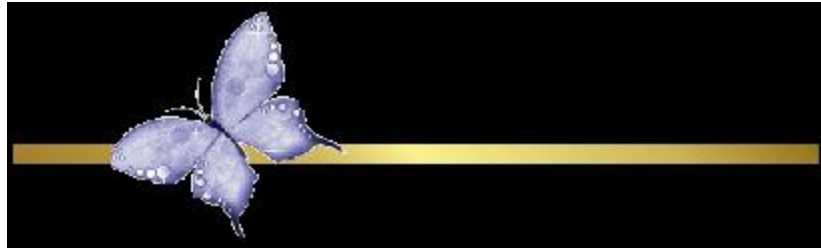
trách nhiệm của mình khi nhận gánh vác công việc dân phòng, bảo vệ khu phố. Nhưng mặt sáng đó không át nổi cảm giác chung về một lực lượng thiếu tổ chức, thiếu hiểu biết pháp luật và thiếu lòng bao dung cần thiết với đời sống dân sinh.

Có lẽ sai sót đầu tiên là từ khâu tuyển dụng. Ở nhiều nơi, người ta chủ động tuyển lựa những người có tướng mạo dữ dằn, có khả năng đánh đấm, phồng mang trợn mắt, quát lác, với quan niệm thô thiển rằng chỉ những người như vậy mới làm cho người dân sợ mà chấp hành trật tự! Một số ông dân phòng, bảo vệ vốn từng là dân võ biển, quen hành xử bằng tay chân, nay như tìm lại được đất để thỏa mãn thói ưa bạo lực. Trước kia, mọi hành động bạo lực của họ đều phải chịu trách nhiệm cá nhân. Còn giờ đây, cũng với hành động đó, lại được khoác danh nghĩa thực thi công vụ thì không chỉ vừa sang, vừa oai mà còn vừa yên tâm về mặt luật pháp! Với lực lượng công an thì kỷ luật, điều lệnh, sự hiểu biết pháp luật do được đào tạo... chi phối hành động thực thi công vụ của họ. Còn với lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố được “nhặt” lên từ khắp nơi, nhiều người đọc còn chưa thông, thì vấn đề hoàn toàn khác. Họ luôn có xu hướng phóng đại vai trò vốn là hạn chế của mình, bởi thói sĩ diện, bởi sự thiếu hiểu biết và do không chịu bất cứ chế tài trực tiếp nào. Với không ít người, ngày ngày được nghênh ngang đi qua các khu phố, được thể hiện quyền lực với đám đông và chứng kiến cảnh dân tình khiếp sợ, là khoái cảm lớn nhất của họ. Vì thế, một khi có quyền lực, dù là thứ quyền lực tép riu, họ cũng tìm cách sử dụng triệt để ở mức tối đa. Không những thế, họ còn luôn muốn vượt ra ngoài chức phận, vì vô số lý do, trong đó có cả sự thả nổi vô lối từ những người quản lý quyền lực, cụ thể là do sự vô trách nhiệm của lãnh đạo phường, quận. Đó là lý do vì sao ông chủ tịch phường 25, quận Bình Thạnh, cứ cố sống cố chết khẳng định không hề có chuyện anh Trần Xuân Tình bị đánh hội đồng?

Bản thân người viết bài này đã từng thấy xấu hổ và tổn thương sâu sắc khi chứng kiến một ông trật tự khu phố, mặt như đâm lê, lạnh lùng đá tung gánh cá quả của một bà già nông thôn ngay tại vỉa hè của phố Tô Hiến Thành, Hà Nội. Những con cá quả bắn tung trên mặt đường khiến bà già xót của phải nằm bò ra để ngăn chúng khỏi lao xuống rãnh thoát nước, bất chấp bị kẻ “bảo vệ mình” đập thêm cho mấy cái vào mạng sườn. Không biết khi hành động như vậy, ông trật tự kia đang nghĩ gì

trong đầu? Trước mắt ông ta là người dân lành, khổn khổ kiếm sống và vì thế mà mắc lỗi hay là kẻ thù nguy hiểm, chỉ đáng bị trừng phạt?

Sự nhầm lẫn về cảm giác này không hề là chuyện hiếm nếu chúng ta chịu khó để ý thái độ và cách hành xử của khá nhiều dân phòng, trật tự khu phố. Nó thể hiện đặc sắc, đầy tai tiếng và đáng xấu hổ trong vụ việc vừa xảy ra tại phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Những hành động như vậy không chỉ đơn thuần là do lạm quyền, mà chủ yếu nó được chi phối bởi thứ tâm lý bệnh hoạn và đáng nguyền rủa: tao có quyền và tao được quyền làm như vậy.



Luật có rồi, giờ phải làm gì?

Luật phòng chống tác hại thuốc lá, trong đó quy định cấm hút thuốc ở những nơi đông người, là một bước tiến pháp lý trong việc đảm bảo quyền không phải tiếp xúc với khói thuốc của người dân. Đáng lẽ luật này nên có sớm hơn. Nhiều người tiếc rẻ như vậy khi họ biết có những quốc gia ban hành luật hạn chế hút thuốc lá từ 40 năm trước, với những hình phạt không ai muốn mình là người dính vào. Cứ nghĩ đến đủ thứ bệnh gây ra từ khói thuốc mà kinh. Nghe nói Việt Nam thuộc nhóm 15 nước hút thuốc nhiều nhất thế giới. Lại cũng nghe nói, nếu cứ giữ mức “tăng trưởng” khói thuốc lá như hiện nay, đến năm 2030, cứ 10 người dân Việt thì có 1 người chết đau đớn bởi các bệnh liên quan đến hút thuốc. Nói theo ngôn ngữ đời mới thì không gì “đỡ” được cho thói quen hút thuốc!

Nhưng vấn đề mà chúng tôi bàn đến không phải là những chế tài trong luật vừa ban, mà áp dụng chế tài đó như thế nào. Ngay cái tên luật đã thiếu ấn tượng. Tại sao không cho nó một cái tên thể hiện thái độ mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt hơn. Chúng ta không được phép kỳ thị với người nghiện thuốc lá, nhưng có quyền và cần phải thể hiện sự kỳ thị rõ ràng, không bàn luận với thuốc lá. Một cái tên chung chung như vậy khiến dễ gây nhờn luật ngay từ khi tiếp xúc trên văn bản hoặc nghe tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông. Cứ có cảm giác luật còn phải vòng vèo đi rất xa trước khi tới người dân. Có lẽ vì vậy mà Luật phòng chống tác hại thuốc lá, khi ban hành ít gây chú ý nhất so với các luật khác. Ngoài các phương tiện truyền thông, hầu như không thấy bất cứ xôn xao nào từ phía người dân. Thậm chí không ít người khi nghe đến tên của cái luật đó còn công khai thể hiện sự cười cợt.

Để tránh hiểu lầm, chúng tôi khẳng định một lần nữa là tuyệt đối ủng hộ Luật phòng chống tác hại thuốc lá. Chỉ có điều là ngay từ khi bộ luật đó chưa ra đời, đã có không ít người hoài nghi về tính khả thi của việc áp dụng trong thực tế. Chế tài cơ bản mới chỉ là phạt tiền. Người bị áp dụng chế tài thì rõ rồi, rất rõ là đằng khác. Đó là những người cố tình hút thuốc ở những địa điểm công cộng bị luật cấm. Đó là những kẻ hám lợi, bất chấp tất cả khi bán thuốc cho trẻ em... Nhưng ai là người sẽ

thực hiện việc phạt ấy và sẽ phạt bằng cách nào thì mới chỉ dừng lại trên những quy định lý thuyết. Những người làm luật đã bỏ qua một thực tế đời sống là ở Việt Nam, người ta chỉ xằng xái thi hành luật khi nó có lợi nhân tiền hoặc nhờ thi hành luật mà không gây thiệt hại. Sở dĩ người dân quan tâm và chấp hành luật giao thông vì nếu vi phạm, họ sẽ bị tổn thất tức khắc về tiền bạc (chưa nói đến mạng sống). Tính khả thi của việc thực hiện luật được quyết định bởi cái tài sản mà họ sở hữu. Tài sản càng lớn, ý thức luật pháp càng cao. Vì thế người đi phương tiện ô tô là chấp hành luật nghiêm túc hơn cả, vì không thể đem giấu cái tài sản to kềch sù ấy vào đâu. Cảnh sát giao thông cũng “nhàn” nhất khi áp luật với chủ của những chiếc ô tô có sai phạm. Chưa thấy ai phản ứng lại theo kiểu vút bẻng phương tiện cho công an như rất nhiều người đi xe máy, xe đạp đã làm, khiến nhiều cảnh sát vì ngại phải quản lý cái phương tiện không khác gì một thứ “của nợ” ấy mà bỏ qua cho những vi phạm giao thông. Ấy là chưa nói đến sự “hứng thú” của phía người thi hành luật. Chặn một chiếc xe chạy sai luật, truy tìm một kẻ buôn lậu, trốn thuế, rình bắt cơ sở sản xuất nào đó làm ăn lậu, hay thải chất độc ra môi trường, xây dựng trái phép... đều là những việc không chỉ thể hiện sức mạnh của luật pháp, mà còn của cả bản thân. Chưa kể những việc làm ấy luôn đầy “tiềm năng” tăng thu nhập (bét nhất thì cũng có thưởng chính thức). Ngay cả khi không đem lại tiền bạc, thì cũng thể hiện được uy lực. Sự sợ hãi, cầu cạnh của người vi phạm luôn là một giá trị mang tính tâm lý, tạo vị thế với người thực thi luật pháp. Không ai khuyến khích điều này nhưng không ai bác bỏ được thực tế này.

Trong khi đó với Luật phòng chống tác hại thuốc lá thì những thứ “hấp dẫn” vừa kể hầu như đều bằng không. Người vi phạm thì chả có gì để mất mà phải sợ. Luật quy định mức phạt tiền lên đến hàng trăm ngàn đồng cho mỗi vi phạm, nhưng lại không chỉ ra cách sẽ thu số tiền phạt ấy như thế nào. Giữ tài sản họ mang theo trên người thì không được phép. Giữ người lại càng không được. Giấy tờ tùy thân cũng không dễ hạch hỏi. Tất cả đều không, không toàn phần, trừ sự vi phạm luật như một thói quen và những chế tài luật không thể thực hiện. Trong khi đó người thực thi nhiệm vụ vừa đơn độc, vừa thiếu sức mạnh thực tế để áp dụng luật. Thậm chí không cẩn thận, gặp một kẻ nào đó “hậu duệ của cụ cố Chí Phèo”, một kẻ nào đó đúng vào lúc chán sống, một kẻ nào đó đang mang virus bệnh AIDS, một kẻ nào đó thích thể hiện bản tính cùn...

thì còn rắc rối vào thân, nhiều phen oan gia. Có khác gì mình muốn làm phúc mà phải gánh tội. Thôi thì lơ đi cho nó nhẹ nợ.

Nhưng kể cả khi không kể đến các khó khăn chồng chất trên, thì vẫn còn một câu hỏi vô cùng đơn giản nhưng chắc chắn chưa người thông thái nào trong bộ máy nhà nước có thể trả lời: ai sẽ đứng ra làm điều đó và phải cần tới bao nhiêu người mới đủ? Dân ta vẫn có thói quen chỉ chấp hành khi có lệnh của công an. Các thành phần khác như thanh tra y tế, bảo vệ các cơ quan... còn lâu mới thể hiện được quyền lực pháp lý với họ.

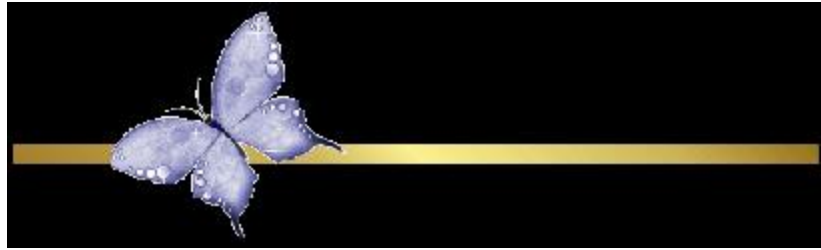
Trong khi đó số người “vi phạm” luật phòng chống tác hại thuốc lá luôn là hàng triệu? Giả sử khi soạn thảo, những người làm luật đặt ra trước mắt ngấn ấỵ vấn đề và cái câu hỏi không thể trả lời kia, hẳn luật phòng chống tác hại thuốc lá sẽ không đơn thương độc mã, bị nhạo báng (bằng cả hành động và lời nói) từ phía những người vi phạm như hiện trạng. Bằng chứng cho điều này là luật đã có hiệu lực gần nửa tháng nhưng chưa thấy bất cứ dấu hiệu nào cho thấy là nó đang tồn tại. Ở những nơi bị cấm hút thuốc, người ta vẫn thản nhiên nhả khói mù mịt vào mặt người khác. Khi bị nhắc nhở thì cười cợt, chế nhạo, giở thói côn đồ đe dọa lại. Vào các quán bia, nhà hàng, vẫn thấy thuốc lá được quảng cáo công khai bằng những em tiếp thị váy hơi bị quá ngắn, mắt xanh mỗ đỏ, lả lướt đi từng bàn mời mua thuốc, với đủ chiêu trò khuyến mãi. Trong khi đó thuốc lá bán trên hè phố, trong bệnh viện, cổng trường học, cổng cơ quan... còn nhiều hơn cả rau, bất kể ai cũng có thể mua, mua bao nhiêu cũng được và không hề đắt so với mua các nhu yếu phẩm khác, như đáng ra nó phải vậy. Luật phòng chống tác hại thuốc lá đứng trước nguy cơ chỉ để có cho vui. Bởi vì muốn cái luật đó khả thi, nó cần rất nhiều sự trợ giúp pháp lý khác, những trợ giúp đã không được tính đến.

Một bộ luật nào đó, dù được làm công phu đến đâu đi nữa nhưng không thể áp dụng hiệu quả vào đời sống (ngay tức khắc hoặc về lâu dài), thì không chỉ gây lãng phí, mà còn tạo ra tác dụng phụ là “làm loãng” ý thức chấp hành luật, trầm trọng thêm căn bệnh nhờn luật pháp của dân chúng.

Theo chúng tôi, nên áp dụng luật có lộ trình. Trước mắt cần phân loại những đối tượng áp dụng luật. Có những bộ phận dân cư trong xã hội áp dụng luật được ngay. Đó là 3 triệu công chức nhà nước, đó là sinh viên các trường đại học, các trường dạy nghề, học sinh các trường trung

học phổ thông... Trước mắt hãy áp dụng luật có hiệu quả với những đối tượng này và tận dụng cơ hội để tạo dư luận trong xã hội về việc hút thuốc có thể vi phạm luật. Còn với các đối tượng khác, cần cho họ lối thoát để không tìm cách chống lại luật. Lối thoát đó là xây những phòng hút thuốc có thu phí ở những nơi bị cấm hút thuốc. Tại những phòng hút thuốc đó dán các cảnh cáo nguy hại của thuốc lá và những quy định dễ thuộc, tác động đến nhiều người nhất của Luật phòng chống tác hại thuốc lá. Song song với việc đó, cần mạnh tay đánh thuế cao, lũy tiến với thuốc lá, phạt nặng những người bán thuốc không phép, bán thuốc sai quy định, thậm chí có thể truy tố hình sự (phạt những đối tượng này dễ dàng hơn phạt những người hút thuốc nhiều lần mà hiệu quả lại căn bản hơn).

Ngoài mấy thiển ý trên, thành thật thì tôi cũng chỉ còn biết tò mò chờ xem Luật phòng chống tác hại thuốc lá sẽ sống tiếp như thế nào?



Tang tóc giữa thời bình

Có những cái chết trong chiến tranh thì đành phải chấp nhận, còn trong thời bình thì không thể bào chữa. Bởi vì giá trị lớn nhất của thời bình là tính mạng từng con người được coi trọng, có đủ điều kiện để bảo vệ tối đa và hơn hết, họ có quyền được sống an toàn như thụ hưởng một giá trị cao nhất. Vì thế, để xảy ra cảnh tang tóc giữa thời bình như vụ nổ kho pháo hoa thành phẩm ở nhà máy Z121 hôm 12 tháng 10 năm 2013 khiến 26 người chết, hàng trăm người bị thương (con số chính thức tại thời điểm này) là không thể chấp nhận được dù với bất cứ lý do gì. Đau thương nhất là hàng chục người chết thảm khi làm cái công việc với mục đích đem lại niềm vui xa xỉ cho cuộc đời. Mọi chia sẻ của nhà nước và cộng đồng, cho dù lớn bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ có thể làm dịu đi phần rất nhỏ nỗi mất mát không tiền bạc nào bù đắp được. Tuy thế, tôi vẫn cứ mạnh dạn đề nghị nhà nước nên tuyên bố quốc tang và lấy một ngày nào đó trong tháng 10 này làm ngày đau buồn để toàn dân tưởng niệm, cầu nguyện cho những người xấu số. Việc làm đó chắc chắn hợp về đạo lý và truyền thống văn hóa. Nhưng điều quan trọng hơn, nó là dịp để người sống ghi nhớ tấn thảm kịch rất dễ lặp lại cho chính bản thân họ mà nhắc nhau phòng tránh.

Tai nạn gây ra bởi sản xuất pháo hoa cũng đã từng xảy ra ở đâu đó trên thế giới. Vì thế, nó không phải là ngoại lệ với Việt Nam. Sau thảm kịch, khá nhiều ý kiến vội vã kể tội việc sản xuất pháo hoa, coi đó là nguyên nhân tiềm ẩn nhiều hiểm họa khôn lường. Những người giữ quan điểm này muốn khai tử pháo hoa khỏi đời sống, như chúng ta đã từng làm thế với pháo nổ mỗi dịp Tết! Tôi thì nghĩ khác. Pháo hoa là văn hóa toàn cầu, được kiểm soát trực tiếp bởi các nhà nước (Không ở đâu trên thế giới này người ta cho phép cá nhân tàng trữ hoặc tự do bán pháo hoa) và bản thân nó không phải là hiểm họa, không hề có tội, thậm chí trong đa số nền văn hóa, pháo hoa còn là biểu tượng cho cuộc sống hòa bình. Hiểm họa ở đây hoàn toàn thuộc về con người. Nếu thiếu trách nhiệm thì không chỉ pháo hoa mà còn nhiều thứ khác cũng luôn là ẩn họa. Sản xuất rượu, sản xuất nước giải khát, sản xuất ô tô, máy bay... đều có thể gây nên những tai nạn lớn chứ chẳng riêng gì pháo hoa. Vì thế cần phải bình tĩnh mà xem xét.

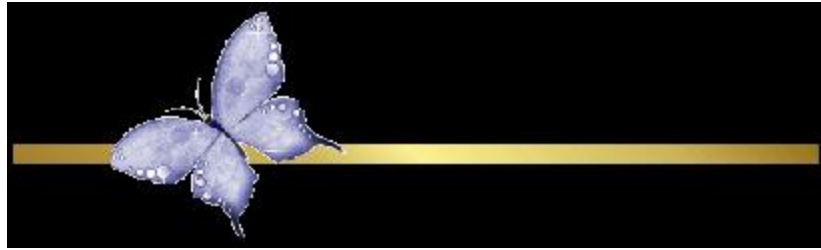
Nhưng pháo hoa là một sản phẩm tiềm tàng nguy hiểm. Điều đó là chắc chắn. Vì thế mới cần một quy trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng tuân thủ kỷ luật tuyệt đối về an toàn và phải được luật hóa bằng những điều khoản, cho phép trừng phạt các vi phạm một cách cực kỳ nghiêm khắc. Nó đòi hỏi từ kế hoạch sản xuất, đến công nghệ áp dụng, nguyên liệu, số lượng thành phẩm, số lượng phế liệu, phế phẩm... đều phải được kiểm soát chi tiết. Phải lường trước mọi khả năng xảy ra thảm họa và có trước nhiều phương án loại trừ hoặc khắc phục. Chẳng hạn như khả năng sơ tán dân cư, khả năng khoanh vùng nguy hiểm khi có sự cố để đảm bảo thiệt hại tối thiểu, khả năng khống chế nổ dây chuyền... Vì thế phần lớn những nhà máy sản xuất pháo hoa của các nước tiên tiến đều đặt tại những vị trí rất xa khu dân cư, thường là trong những lòng chảo thung lũng cách biệt với bên ngoài, có bức tường thành tự nhiên là đồi núi che đỡ, với hệ thống cứu hộ được chuẩn bị kỹ lưỡng. Điều đó đã thành nguyên tắc bất di bất dịch.

Thử xem chúng ta đã thực thi nguyên tắc đó như thế nào? Qua vụ nổ, khi hàng ngàn nóc nhà bị hư hại nặng, mọi người mới giật mình nhận ra rằng, hàng chục năm nay, có một quả "bom" khổng lồ, với sức công phá khủng khiếp đến mức trong vòng bán kính 7 km vẫn có thể gây đổ nhà - như báo chí mô tả - lại vẫn bình thản nằm lọt giữa một vùng cư dân đông đúc đang đô thị hóa từng ngày. Còn hơn là nằm trên thùng thuốc nổ khổng lồ! Người dân, vì sinh nhai có thể bất chấp theo kiểu "điếc không sợ súng" khi cứ bám quanh khu vực nhà máy. Nhưng những người có trách nhiệm (bao gồm cả chính quyền địa phương các cấp) thì không thể lấy lý do đó để rũ bỏ trách nhiệm không thể chối cãi của họ khi để xảy ra tình trạng như vậy. Con số người chết và thương vong như báo chí nêu rõ ràng là thảm họa nhưng xét ra vẫn còn là ít so với khả năng mà vụ cháy nổ có thể gây ra. Nghĩa là vẫn còn có yếu tố may mắn. Cụ thể là tại thời điểm xảy ra thảm họa đa số người dân đã ra khỏi nhà hoặc ra ngoài phạm vi vụ nổ có thể gây nguy hiểm. Nếu vụ nổ xảy ra vào ban đêm, giờ tan tầm hay vào hôm vùng quê đó có lễ hội thì mức độ thiệt hại không biết còn kinh khủng đến đâu?

Nhưng mọi nuối tiếc, than khóc giờ đây đều đã muộn. Phải có ai đó chịu trách nhiệm về thảm họa tang tóc vừa xảy ra để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp, sự công bằng trước những nạn nhân xấu số và để tai nạn tương tự không có nguy cơ lặp lại. Việc có thể làm ngay là

nhANH chóng đƯA RA kẾT LUẬN khoa học về nguyên nhân của vụ cháy nổ. Sự minh bạch lúc này không chỉ là đòi hỏi của công lý, mà còn ở mức độ cao hơn, là đòi hỏi của đạo lý làm người. Không có lý do gì để trì hoãn việc đó? Nguyên nhân thực sự, nguyên nhân cuối cùng của thảm họa là do đâu? Nếu là do mưa nhiều gây đột khiến thuốc nổ phân hủy rồi gây cháy như kết luận ban đầu, thì tại sao lại để kho chứa pháo hoa bị đột? Việc chống đột khó đến mức bất khả kháng như vậy sao? Cứ cho là nó có thật đi thì đột xảy ra từ bao giờ, đã có hướng gì để khắc phục và ai là người phải chịu trách nhiệm? Còn nếu vụ cháy nổ kinh thiên động địa là do "sự cố kỹ thuật" thì hoàn toàn có thể nói rõ nó là sự cố kỹ thuật gì, chứ không thể chỉ nêu chung chung như vậy. Nêu chung chung như vậy là sự xúc phạm có chủ ý (chẳng hạn ở khía cạnh coi thường) đến vong linh những người đã mất, đến hàng trăm người đang quần quai đau đớn trên giường bệnh và đến cả xã hội vẫn chưa hết bàng hoàng. Việc minh bạch thông tin không chỉ để truy vấn trách nhiệm đến cùng, mà quan trọng hơn là chỉ khi tìm ra nguyên nhân mới có hướng để loại trừ những thảm họa tương tự.

Xem ra vấn đề tưởng như mặc nhiên phải thế lại đang bị ai đó làm cho phức tạp một cách rất khó hiểu. Nói thẳng ra thì chúng ta vẫn chưa thoát khỏi một thói quen rất xấu là tự cho mình quyền không phải nói thật, vì đủ thứ danh nghĩa lợi ích hão huyền. Bài quen thuộc để thoái thác sự minh bạch là nói thật ra lúc này không có lợi? Không có lợi cho ai? Cho nhân dân hay cho những kẻ vô trách nhiệm, bất tài và thiếu lương tâm tối thiểu? Thực chất thì đây là kết quả tích tụ của cả một giai đoạn dài lợi dụng danh nghĩa lợi ích quốc gia để bỏ qua những yêu cầu về thông tin của người dân. Khi bất cứ tài liệu nào cũng có thể đóng dấu mật, phổ biến nội bộ (mặc dù sau đó bất cứ ai cũng có thể tìm thấy chúng ở chỗ những bà buôn bán giấy vụn), khi bất cứ vụ việc nào cũng cứ phải úp úp mở mở, thông tin cầm chừng như một thủ đoạn khôn ngoan (mặc dù toàn thiên hạ đều biết tổng) thì tất yếu nó sẽ bị những kẻ còn xấu xa hơn cả kẻ địch lợi dụng, để làm những việc nguy hiểm hơn cả việc để lộ bí mật quốc gia (nếu điều đó là có thật)! Và đó mới thực sự là nguyên nhân của vô vàn ẩn họa khó lường nhất mà vụ nổ pháo hoa chỉ là một.



Chuyện bi hài mang tên xe biển xanh

Năm nào chuyện cán bộ các cấp sử dụng xe công đi hội hè, lễ lạt cũng được nói đến sau mỗi dịp Tết. Nhưng năm nào chuyện này lại vẫn xảy ra. Chỉ riêng việc cứ phải nói đi nói lại, nói tái nói hồi, dùng đủ mọi loại hình phạt để dọa dẫm mà hầu như chẳng thay đổi được gì, mọi việc đâu vẫn hoàn đấy, xe công - xe biển xanh - vẫn cứ tràn ngập trong các lễ hội, nơi cửa chùa, cửa đền, cửa phủ, phục vụ người được hưởng chế độ xe công, phục vụ luôn cả vợ con, cha mẹ, người thân, bạn bè của họ - đã cho thấy vấn đề quản lý tài sản công, cụ thể ở đây là xe công, đang gặp trục trặc từ gốc. Về nguyên tắc, xe công, mọi người quen gọi theo màu biển: **xe biển xanh**, là xe dùng cho công vụ, chỉ được sử dụng vì việc chung. Mỗi khi cái tài sản không hề nhỏ ấy được đem ra sử dụng, phải qua biết bao là thủ tục hành chính. Từ việc lên kế hoạch, điều động, bố trí nhân lực, dự toán chi phí xăng dầu, cầu phà, bến bãi... đến việc phải bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa... và cuối cùng là mọi khoản chi ấy đều tìm đến một địa điểm duy nhất là kho bạc nhà nước, tức là tiền lấy từ túi dân. Phàm thì ai chi tiền, người ấy phải có quyền quyết định mục đích, hiệu quả của việc chi tiền đó, đồng thời giám sát xem cái mục đích ấy có được thực hiện đúng nguyên tắc hay không? Nghe thì thấy vừa khoa học, vừa có tình, có lý, lại rất chặt chẽ. Bởi vì không gì lọt qua được tai mắt nhân dân! Nhưng trên thực tế, chỉ có một cá nhân quyết định tất cả, đó là người hưởng thụ sự phục vụ của tài sản công đó. Ông ta, bà ta đi đâu, làm gì, sử dụng xe vào việc công hay việc riêng, là hoàn toàn tự ý. Tự chi, tự dùng, tự thanh toán và luôn ở mức dư thừa. Ông (hay bà) ta đi đâu, lái xe phải đưa đến đó, không được phép từ chối phục vụ, không được phép ho he nửa lời thắc mắc xem việc đang làm của thủ trưởng là công hay tư, đắt hay rẻ, hiệu quả hay không. Hối thế thì hôm sau ra đứng đường! Thử xem anh, chị cán bộ điều động nào, anh, chị cán bộ quản lý nào, anh, chị chánh văn phòng nào, ông, bà kế toán nào to gan lớn mật đến đâu để... dám chen vào碌 vấn, từ chối hay gây ách tắc việc phục vụ, chỉ vì chưa rõ một vấn đề nào đó. Anh ta hay chị ta cũng sẽ lập tức bị quy tội cản trở thủ trưởng thi hành công vụ. Chỉ riêng tội đó đã đủ mất việc, mà toàn là việc thơm tho, béo bở cả. Ấy là khi vấn đề còn ở mức đơn giản. Trong trường hợp “nâng quan điểm” thành vấn đề nghiêm trọng, thì mất việc

có khi chưa phải là rủi nhất. Chẳng hạn vì việc ngăn trở đó mà gây thiệt hại, gây mất an ninh... thì ôi thôi, thà cứ bảo sao nghe vậy, răm rắp như máy cho nó... bình an!

Nói như vậy để thấy, cách thức quản lý xe công như hiện nay mà đòi hỏi chúng - những chiếc xe ấy - phải được tận tụy sử dụng vào việc công, cấm không được dùng để phục vụ mục đích cá nhân, là hoàn toàn không khả thi. Mà đã không khả thi thì dù có dùng trăm ngàn cách thức để hạn chế nó bị lạm dụng, cũng sẽ là việc vô ích, chỉ làm cho vấn đề thêm bí hại. Nếu không tin ai đó cứ đến các khu đền, chùa, phủ, quán ăn, nhà hàng mà xem. Tại đó luôn có sẵn từ vài đến hàng chục người “rỗi việc”, hoặc bỏ việc nhà, tự cho mình cái quyền xót của công, mật phục bằng đủ kiểu hoá trang, chỉ để hể thấy có cái xe *biển xanh* nào xuất hiện, vào bên đỗ, là nhanh chóng chụp ảnh lấy cái biển số xe đó rồi gấp gáp đưa cho các phương tiện thông tin. Việc này giống như “vác tù và hàng tổng”, nghĩa là chẳng ai khiến, vì thế cũng chẳng có ai trả công. Phần lớn số họ là những cán bộ cao tuổi đã về hưu. Nay thấy cán bộ con em mới nức mắt về tuổi mà cứ nghênh ngang soán soạt rút tiền công để làm việc riêng thì không chịu nổi, quyết phải làm cho rõ, ít ra là cũng thấy chúng nó bị mình tố cáo, còn tác dụng của việc tố cáo ấy tới đâu, thì lại không thuộc quyền các cụ được biết. Nhưng chỉ cần thế thôi, các cụ đã có thể quên ăn, quên ngủ, kiên nhẫn như du kích xưa kia nằm, ngồi chờ “giặc” đến.

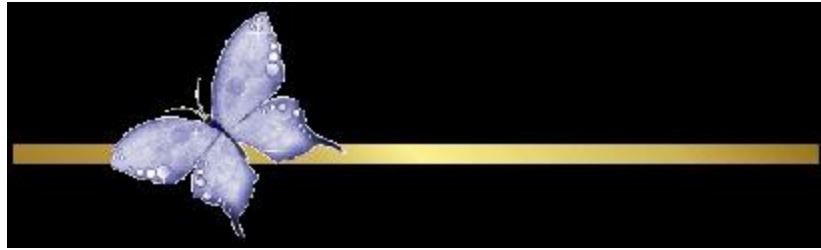
Và thế là cái câu cửa miệng: “*Cẩn thận kẻo các cụ chụp ảnh biển số*” đã thành câu nhắc nhở không thể thiếu của bất cứ ông thủ trưởng nào với lái xe của mình mỗi khi vào đền, chùa hay quán xá. Nhiệm vụ của lái xe - và điều này được thủ trưởng tính vào phần năng lực phục vụ - là phải khôn ngoan, xuất quỷ nhập thần, qua mắt các cụ, bằng mọi giá không được để biển số xe lọt tầm ngắm và sau đó lên công báo vào ngày hôm sau. Trong trường hợp bất đắc dĩ, đường cùng thì phải biết che biển số xe, thậm chí bỏ chạy tạm thời... Cho nên, những đền, chùa, nhà hàng hay có quan chức lui tới (nếu là đền chùa thì tiền công đức thế nào cũng nhiều, còn nếu nhà hàng thì hoá đơn thanh toán luôn ở mức cao và trong cả hai trường hợp - vào đền chùa hay quán xá, xe biển xanh đều đáng được chủ các cơ sở đó biệt đãi) lập tức ở đó, ngoài việc thường trực những nhân viên nhanh nhẹn, giỏi ứng biến, còn luôn có sẵn những miếng vải che biển số xe. Người ta bảo vải thưa không che được mắt thánh là hoàn toàn sai trong trường hợp này. Máy ảnh có khả năng xuyên

thấu đến đâu, hơn cả mắt thánh, thì cũng không thể thấy rõ những tấm biển số xe đã được che, dù bằng vải xô màn! Việc làm của các cụ là bí mật, nên chẳng ai lại gỡ vải che ra để chụp ảnh. Thế là có thể nói, đang xảy ra một cuộc chiến dai dẳng, bi hài, hoàn toàn chỉ có giá trị mua vui giữa các bộ phận dân cư vì vấn đề xe biển xanh. Một bên thì phải sử dụng bằng được - tội gì không sử dụng, vả lại dù không sử dụng cũng chẳng ai chứng cho sự thanh liêm ấy! - còn một bên thì quyết phải bêu riếu việc sử dụng ấy bằng được, nhân danh sự công bằng! Cuộc chiến này hoàn toàn không cân sức, bởi một bên có tất cả, còn bên kia thì chỉ có lòng căm tức.

Giờ thì bạn đọc đã thấy, vì sao vấn đề này, vấn đề sử dụng xe công vào việc riêng - mà ở đây mới chỉ tính đến việc đi lễ lạt, hội hè, với tần suất sử dụng vô cùng nhỏ so với tổng số việc riêng khác trong một năm cần đến xe công - đã không thể giải quyết được, đã bị biến thành vô số chuyện cười ra nước mắt. Kết quả là xe công vẫn đi chùa, đi hội, đi nhà hàng và báo chí vẫn sa sả lên tiếng, các biện pháp đe dọa trừng phạt vẫn liên tiếp được đưa ra, nhưng hiệu quả thì hầu như là con số không!

Vì vậy, vấn đề cốt lõi ở đây là phải nhanh chóng đưa ra một hình thức quản lý khác, nhất là với những tài sản rất khó rạch ròi giữa việc dùng cho công vụ hay cho tư vụ như xe ô tô. Theo thiển ý của tôi, chúng ta chả cần phải nghĩ thêm ra sáng kiến, mà cứ lấy luôn cách thức của những nước khác. Tại đó, chỉ từ cấp quan chức nào đó, chẳng hạn như bộ trưởng trở lên, là có xe công vụ, còn lại tất cả đều phải dưới dạng xe cá nhân. Không thì đi xe bus, như quan chức nước Thụy Sĩ giàu có. Nhà nước sẽ chi trả cho anh một khoản dùng vào việc thuê phương tiện, thuê lái xe, thuê bến bãi đỗ để phục vụ việc công. Nếu anh không dùng tới, hoặc dùng các phương tiện rẻ tiền, thì coi như anh tiết kiệm được một khoản, vừa ích nước, vừa lợi nhà, mà lại công khai, đàng hoàng, không phải chui lủi, lén lút. Những xe ấy khi ra đường cũng bình đẳng về chế tài như bất cứ xe tư nhân nào. Chứ cứ như hiện nay thì vấn đề sử dụng xe biển xanh đi lễ lạt, hội hè là vấn đề nhỏ hơn rất nhiều việc những chiếc xe ấy, cạy là xe công vụ, tha hồ góp phần làm tan nát luật giao thông - cũng tức là luật pháp vậy - mỗi khi chạy ngoài đường.

Nếu không sớm nhìn ra và xử lý từ gốc của vấn đề, chỉ cứ chăm chú hè nhau tóm lấy phần ngọn, thì chuyện mang tên *Xe biển xanh* cứ mãi là câu chuyện bi hài không có hồi kết.



Dựa vào đâu bây giờ?

Cần phải nói ngay rằng hiện tượng người **chống tiêu cực** bị trù dập đang xảy ra ở hầu hết mọi nơi. Những vụ “âm ỉ” dư luận, chỉ là số nhỏ, thậm chí rất nhỏ so với những vụ diễn ra âm thầm, chả mấy người biết, hoặc có biết nhưng không thành sự kiện báo chí, nên cũng coi như không. Giờ đây khi chuyện động trời ở bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức, Hà Nội bị phơi bày ra ánh sáng, thì mọi người mới biết có những cán bộ suýt nữa tàn đời chỉ vì dám nói lên sự thật. Giả sử bọn người phạm tội có bàn tay đủ to để che đèn công lý, đủ dài để luôn lách vào mọi góc ngách thao túng quyền lực biến phải thành trái, đổi trắng thay đen... thì những người như chị Hoàng Thị Nguyệt chỉ còn duy nhất con đường bán xối đi chỗ khác, thậm chí phải bỏ nghề.

Nổi tiếng hơn cả vụ “nhân bản” kết quả xét nghiệm, xảy ra từ mấy năm trước, là vụ gian lận thi cử ở xã Vân Tảo huyện Thường Tín, gần với ông thầy “dại dột” Đỗ Việt Khoa. Chỉ vì không nỡ nhìn thấy danh dự nhà giáo bị làm cho vấy bẩn theo kiểu chợ giời, thầy Khoa gặp bao nhiêu là sự khốn đốn, cô độc ngay tại ngôi trường của mình. Thế lực hắc ám rất mạnh, câu kết với nhau thành một sức mạnh ghê gớm, trong khi những người chân chính thì chưa biết cách làm theo lời của đại văn hào Nga Lép Tônxtôi “Cũng phải liên kết lại y như vậy”.

Nói vậy để thấy vụ “trù dập vì dám *chống tiêu cực*” đang làm nhiều báo chí phải vào cuộc, dư luận phân tâm, xảy ra ở Sở Y tế tỉnh Bình Phước cũng chỉ là “chuyện thường ngày” ở đất nước này, rất thường ngày trong ngành y tế đang khủng hoảng y đức và y luật trầm trọng. Trần Thị Kiều Oanh hoàn toàn có thể yên tâm chị không phải là nạn nhân đơn độc (nếu chị thực sự là nạn nhân). Nếu không tin chị cứ thử vào Google, đánh cột lốc hai chữ: “trù dập” thôi, cũng đủ cho ra một lô vụ việc mà nạn nhân giống như hoàn cảnh của chị, xảy ra trên khắp các tỉnh thành.

Nhưng trường hợp của chị Trần Thị Kiều Oanh vẫn có chỗ đặc biệt hơn người: ấy là khá nhiều cơ quan biết rõ chị chống tiêu cực và vì thế mà bị trù dập, cả trong nội bộ tỉnh lẫn bên ngoài. Với Bình Phước ít nhất có hai cơ quan đưa ra kết luận bênh chị: từ bé tí là Phòng Tổ chức

Sở Y tế Bình Phước, đến cơ quan lớn hơn là Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ khối Cơ quan dân chính Đảng tỉnh Bình Phước. Có không dưới chục tờ báo đưa tin về trường hợp của chị, cũng với ý bênh vực, bảo vệ. Nhỏ là những trang báo điện tử chuyên ngành, lớn hơn là các báo giấy phát hành cả chục vạn tờ, những tờ báo mạng có lượng truy cập khủng mỗi ngày. Lớn hơn nữa, thuộc loại mạnh nhất hiện nay về sức lan toả và quyền lực dư luận, chính là Đài truyền hình Việt Nam. Ngoài ra thái độ chia sẻ của hàng vạn cá nhân.

Nhưng chị Trần Thị Kiều Oanh vẫn không thoát thân phận của kẻ thấp cổ bé họng, vẫn bị đui việc như thường.

Chưa phải đến đây là tính chất đặc biệt trong vụ việc của chị Oanh chịu đựng lại. Tuy chỉ là chuyện một dược trình viên hai lần không được vào biên chế, bị buộc thôi việc, mà khiến liên lụy cả đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước vốn trăm công ngàn việc lo cho đời sống dân lành. Chưa xong. Hai lần Thủ tướng chính phủ phải đưa ra yêu cầu lãnh đạo tỉnh trả lời. Có nghĩa là ngay cả Thủ tướng cũng không yên tâm tin vào cấp dưới của mình. Nhưng, với kết luận dựa trên báo cáo của Sở Y tế, lãnh đạo tỉnh Bình Phước cả hai lần đều đã quyết tâm đứng về phía ông Đoàn Đức Loát, cấp trên trực tiếp của chị Oanh, cũng chính là người bị chị Oanh tố cáo đã mắc dăm bảy tiêu cực, trong đó có tội những nhiều, nhận hối lộ, chi sai nguyên tắc tài chính... (Toàn những tội đáng đi tù và việc ông Loát sống chết bảo vệ mình là điều hoàn toàn bình thường).

Vậy là theo lãnh đạo tỉnh thì ông Loát đúng, chị Oanh sai. Lãnh đạo tỉnh đương nhiên là to nhất, to hơn mấy cái cơ quan đứng về phía chị Oanh. Vì thế, đâu là sự thật, lãnh đạo tỉnh Bình Phước đáng tin hay Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ khối cơ quan dân chính tỉnh đáng tin, là điều nên tiếp tục được làm rõ bởi một cơ quan cao hơn? Việc này cũng dễ thôi mà. Chả lẽ lại không tìm đâu ra những người vô tư, liêm chính? Mong chị Oanh cứ tiếp tục bình tĩnh. Chúng ta, những khán giả, độc giả, thính giả cũng không nên để cho tình cảm đơn thuần chi phối mà oan cho người ngay, lọt tội kẻ gian. Bản thân tôi khi viết những bình luận này, quả thật cũng chưa đủ sự thuyết phục về chứng lý để tin hẳn vào bên nào.

Nhưng có một việc tôi nhất định đứng về phía nguyên đơn Trần Thị Kiều Oanh: đó là quyết định của lãnh đạo Sở Y tế Bình Phước giao quyền xử lý kỷ luật chị cho ông Đoàn Đức Loát, người bị chính chị tố cáo? Liệu đây có phải là chuyện đùa theo kiểu tiểu lâm! Nếu không phải

chuyện đùa thì cần lập tức xem lại một cách nghiêm túc và nghiêm khắc cái quyết định vô nguyên tắc đó. Bởi vì nếu chị Oanh đặt điều, tố cáo sai, thì người đưa ra phán xét chị phải là toà án, hoặc một cấp có thẩm quyền khác, chứ không phải ông Đoàn Đức Loát. Bất kỳ là ai trong trường hợp ông Đoàn Đức Loát thì cũng sẽ “xuống tay” thẳng thừng cho thoả cơn căm hận như ông đã làm với chị Oanh. Thậm chí, trong trường hợp ấy mà ông Loát chỉ đui việc nhân viên cấp dưới tố cáo mình, thì ông cũng còn đức độ chán! Phải người khác mà có cơ hội to lớn quý giá như vậy, với một danh nghĩa công nhiên như vậy, được “chống lưng” chắc chắn như vậy thì chưa chắc chị Oanh đã “ngon lành” như bây giờ, tức là chỉ bị mất chức! Cuộc đời chị có thể đã bầm dập, khốn nạn hơn nhiều. Tôi nhắc lại là tôi chưa đủ chứng cứ để khẳng định lẽ phải thuộc về chị Oanh hay ông Loát. Việc này chắc chắn còn phải chờ thêm. Nhưng tôi không cần bất cứ bằng chứng nào cũng có thể kết luận chị Oanh bị đối xử một cách sai trái, cả về pháp lý và đạo lý, thậm chí có thể nói chị đã bị xử ác, bị hại ngầm, bị trả thù cũng không có gì quá đáng.

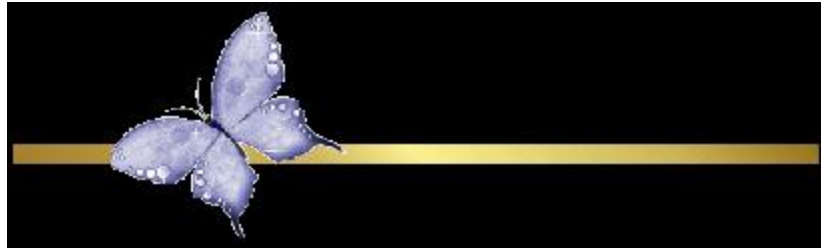
Có ba câu hỏi lớn nảy ra trong vụ việc này.

Câu hỏi thứ nhất: gần ấy cơ quan, với biết bao nhiêu con người khoác đủ thứ áo sang trọng, bao gồm cả những nhân vật có nghĩa vụ phải đóng vai chuẩn mực về sự ngay thẳng, công chính đã vào cuộc giải quyết một sự vụ bé tí, nhưng đến giờ này chúng ta có thể tin vào ai bây giờ? Tin chị Oanh hay ông Loát? Tin hơn chục tờ báo, linh cảm của dư luận hay tin vào nội dung bản thông báo (cũng là bản kết luận) của trưởng phòng Giám định y khoa, Sở Y tế Bình Phước? Tin vào cơ quan dân chính Đảng hay lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh? Bởi vì tin vào bên này thì có nghĩa là bên kia không đáng tin? Bên này đúng, thuộc về phía tử tế, thì bên kia nhất định là bất nhân, bất nghĩa, bất tín, đều giả.

Câu hỏi thứ hai: với cách hành xử như những gì đang xảy ra trong vụ mất việc của chị Trần Thị Kiều Oanh, những người dám đứng lên chống tiêu cực còn có thể dựa vào đâu bây giờ để không bị trao lại “làm mồi”, làm “vật hiến tế” cho chính kẻ mà mình tố cáo?

Và câu hỏi thứ ba: liệu những gì đang diễn ra có phải là thông điệp của chính quyền tỉnh Bình Phước gửi đến những ai sắp sửa theo chân chị Trần Thị Kiều Oanh?

Những câu hỏi như vậy nhất định phải có câu trả lời thỏa đáng, vì quyền lợi của công dân, vì sự công chính và cũng còn vì cái nguyên tắc đạo đức tối thiểu: cần phải bảo vệ sự tử tế ở đời, bằng mọi giá, khỏi nanh vuốt của cái ác, để nó không bị biến mất vì bất cứ lý do gì.



Đại gia và nỗi khổ siêu xe

Các cụ ta xưa có câu: “Y phục xứng kỳ đức”. Hiếu nô nà là vẻ bề ngoài phải tương xứng với phẩm hạnh bên trong của mình. Vẻ bề ngoài càng cao trọng, thì phẩm hạnh phải càng lớn. Liệu triết lý này có còn đúng với quan niệm của nhiều đại gia nước nhà khi họ đua nhau cho thấy vẻ bề ngoài phải tương xứng với số tiền mình có.

Tôi là người đam mê tìm hiểu về xe ô tô. Chính nhờ thế mà tôi biết rằng, bất cứ ai đang sở hữu siêu xe (loại xe đua thể thao tốc độ cao) và xe siêu sang (Như xe Rolls-Royce của đại gia Thạch vừa gây tai nạn chẳng hạn) đều là những người vô cùng giàu có. Phải bỏ ra số tiền từ dăm bảy đến hơn vài chục tỉ đồng chỉ để có một phương tiện đi lại, ít nhất người ta phải có tài sản gấp hàng chục hàng trăm số đó. Trên thế giới số người như vậy cũng luôn không nhiều. Còn số người có cả bộ sưu tập tới vài chiếc siêu xe, thì nói luôn là chỉ phải dùng đến phép đếm khi thống kê. Điều kinh ngạc với thế giới là một nước nghèo như Việt Nam, lại nằm trong danh sách vùng lãnh thổ tụ tập của siêu xe và xe siêu sang.

Gia đình **xe siêu sang** không hề đông đúc, có thể điểm mặt trong vài phút. Riêng với loại xe mà đại gia Thạch của chúng ta đang sở hữu thì muốn biết nó ở tầm mức nào, chỉ cần đọc mô tả sau đây: *“Trong 100 năm tồn tại của hãng xe Anh quốc này, có khoảng 100 ngàn chiếc xe Rolls-Royce được ra đời và trên 60 phần trăm số đó vẫn đang lưu hành”*. Nghe mà choáng. Riêng phiên bản Rolls-Royce Rong thì toàn thế giới chỉ có 33 chiếc. Mỗi ông chủ của nó xứng đáng là một phần lịch sử của hãng trước khi là ngôi sao trên bầu trời ô tô toàn cầu.

Thế giới những người sở hữu siêu xe tốc độ và xe siêu sang luôn nằm ở tâm điểm quan tâm của dư luận. Chiếc xe của họ không còn chỉ là chiếc xe để đi, mà là biểu tượng của sự thành đạt, giàu có và quyền lực. Không chỉ công an của chúng ta ngại phạt vi phạm luật giao thông đối với những chiếc xe đó, mà bất cứ quốc gia nào cũng có hiện tượng như vậy. Dùng một siêu xe đang oai vệ lao vun vút, khoá bánh của nó, đưa nó về bãi tập kết cùng với những cái xe vi phạm khác luôn là việc làm phải cân nhắc rất kỹ. Có vô số hệ lụy đi kèm không thể nào lường hết. Bởi vì

bản thân chiếc xe đã rất át vía, những ông chủ của chúng còn kinh gấp bội, luôn thuộc hàng đại gia, mới là đối tượng đáng ngại.

Làm đại gia thật là sướng. Cứ xem cách đối xử của dư luận và các bộ phận thi hành pháp luật trong vụ tai nạn xảy ra ở Nam Đàn, Nghệ An, gây ra bởi siêu xe Rolls-Royce Phantom phiên bản Rong, thì đủ thấy. Mọi lời ăn tiếng nói đều rất có mức độ. Nhiều báo chỉ đưa tên viết tắt của tài xế khủng gây tai nạn. Chiếc xe thì nhanh chóng được đưa về đỗ trong gara có bảo vệ, được phủ bạt kín để che vết dẫm, che biển số đại phát, che luôn cả sự tò mò vốn rất không có lợi cho chủ nhân. Liệu những cái xe loại phổ thông khác có được đối xử “ga lăng” như vậy? Cũng chưa thấy ai dám đưa ra kết luận gì về người lái. Thậm chí nhiều ý kiến còn công khai “bênh” chiếc xe siêu sang, cho rằng nó không thể dễ dàng gây tai nạn vì những thiết bị cảnh báo siêu cao cấp của nó. Tức là có ý quy lỗi cho nạn nhân. Tất nhiên, một xã hội đề cao pháp quyền thì ai gây nên lỗi, người đó phải chịu, kể cả khi họ đã chết. Tôi hoàn toàn không có ý kiến gì trái với nguyên tắc đó.

Nhưng vì sao những chiếc xe hoàn hảo như vậy lại vẫn cứ gây tai nạn, vụ nào cũng đều ở mức kinh hoàng, kéo theo biết bao là sức lực và tâm trí xã hội, là điều nên được lý giải. Theo quan sát của chúng tôi, trong số gần chục vụ tai nạn gần đây, gây ra bởi siêu xe, 100% lái xe chính là ông chủ của siêu xe đó. Đáng chú ý là một nửa vụ trong số đó xảy ra vào lúc đường phố vắng vẻ nhất.

Những chuyện đó có lý do sâu xa của nó.

Đã là ông chủ giàu có, thuê bao nhiêu lái xe chẳng được, tại sao phải cầm lái? Tôi nói ra điều đó với một “trung gia”, tài sản cỡ trăm tỉ, lặn lội sang tận châu Âu đặt một con Bentley có nội thất theo ý mình, thì anh bảo: “Mua siêu xe mà thuê người lái thì mua cho nó phí tiền, chưa kể rất khó yên tâm”. Ngẫm thấy có lý. Biết bao người (trong đó có mình) sẵn sàng bỏ ra tiền triệu chỉ để được ôm vô lăng đưa toà nhà di động ấy chạy một đoạn còn chưa được. Vì thế, cho dù là đại gia, lái xe không bao giờ là một công việc tương xứng, nhưng họ vẫn cứ phải ngồi sau vô lăng. Nhưng không giống các lái xe bình thường - luôn nơm nớp cả chục nỗi lo mỗi khi ra đường: lo đi sai luật bị công an phạt, thu bằng, giam xe hoặc chẳng may va vào người phải đền ốm, đụng vào xe máy vừa hỏng xe vừa rất hay bị ăn vạ... khiến họ luôn rất rón rén, thận trọng trong mọi động tác xử lý - đại gia lái siêu xe không phải lo bất cứ điều gì. Tiền cho

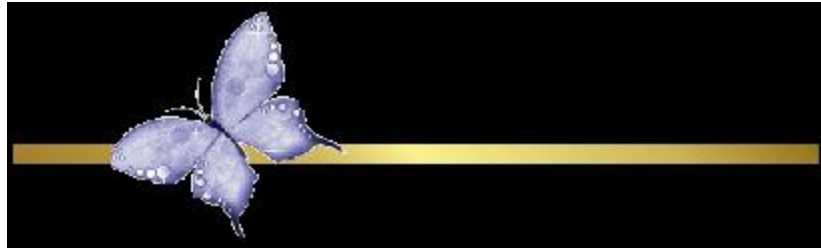
họ tâm lý đó. Họ tin rằng, mọi chuyện xảy ra đều có thể lo được bằng tiền. Vì thế bất cứ chiếc siêu xe nào chạy trên đường phố cũng có cái ung dung tự tại rất riêng mà chỉ những tín đồ của ô tô mới nhận ra. Có cảm giác không gì gây khó được cho họ, kể cả nhiều khi phải rẽ người ra mới thấy mặt đường.

Bỏ ra hàng đồng tiền mà cũng chỉ lưu hành như những chiếc xe cà tàng thì thật là... phí! Có khác nào áo gấm đi đêm! Nhưng đường xá ở Việt Nam, tốc độ cao nhất mới chỉ là 100 km trên giờ. Chả bỏ nhẩn ga! Còn đường ở các đô thị thì siêu xe với xe công nông cũng chả khác gì nhau. Đều phải bò như rùa, phải luồn lách, phải tìm cách thoát khỏi đám xe máy luôn bu kín. Thật là mục hạ vô nhân! Đó là lý do những người sở hữu siêu xe luôn cứ phải tổ chức những tua dã ngoại. Mỗi tua như vậy thường là một sự kiện âm ỉ dư luận do nó luôn đi kèm với đủ các sự cố. Nhưng cho dù có xảy ra điều gì, thì đó vẫn luôn là ngày hội của các đại gia sở hữu siêu xe. Thứ nhất là để có dịp thể hiện đẳng cấp, là dịp để khoe xe, nhưng quan trọng hơn có lẽ là để giải cơn bức xúc về tốc độ. Những người không có cơ hội làm điều đó (vì không có thời gian, không tiện phô mình ra cho thiên hạ biết...) thì tìm cách gián đơn hơn là chọn lúc đường phố vắng người nhất để thỏa cơn ấm ức. Liệu ngoài việc đó ra, có ông đại gia nào chấp nhận vất vả như vậy? Vụ siêu xe Porsche chạy như tên lửa rồi lao lên vỉa hè làm gãy tan hàng loạt cột, trụ ở khu vực Hồ Hoàn Kiếm mấy năm trước, cũng như vụ chiếc Mercedes mất lái làm vỡ vụn một bồn cây bằng xi măng sau khi đã đâm đổ cả dây hàng rào, làm nghiêng một cột điện, hất văng chị hàng cá và xe máy của chị ta ra đường ở vòng cua lên cầu Chương Dương, đều vào lúc 2 giờ sáng, đều chạy với tốc độ như hoá rồng, đều do những đại gia cầm vô lăng... chỉ là hai trong nhiều ví dụ. Đó là chưa kể phần lớn những tai nạn không gây hậu quả cho người khác trong các trường hợp tương tự đều được bịt kín ngay tức khắc và chỉ có những người sở hữu siêu xe mới có thể làm nổi chuyện đó.

Vậy là, chính những ưu thế tuyệt đối về kỹ thuật và thứ hạng xã hội của siêu xe, tâm lý tôn thờ vị thế tuyệt đối của tiền bạc cộng với thói quen trưởng giả thấm vào máu người Việt... là những nguyên nhân đưa khá nhiều ông chủ giàu có đến chỗ khốn nạn, thậm chí thân bại danh liệt. Vậy là trong rất nhiều trường hợp, sở hữu một chiếc siêu xe, nổi

thèm khát khôn nguôi của hàng triệu người, lại là bằng chứng đầu tiên về nỗi khổ không có hồi kết của nhiều đại gia Việt.

Chung quy lại, chỉ có thể nói vắn tắt là bộ điều khiển văn hoá của chúng ta thực sự đang có vấn đề về nhận dạng hành vi. Khi thay tiền vào vị trí của phẩm hạnh thì chuyện gì chẳng có thể xảy ra.



Khi các "Tay to" ôm vô lăng

Chú thích trước về một biệt danh: “Tay to” là cách mà dân tình dùng để gọi chung những người có quyền lực (do chức vụ, tiền tài hoặc vị thế đem lại) và luôn thích thú với việc thể hiện nó theo ý mình, bằng thứ luật lệ mà mình tự đặt ra. Biệt danh này khá phổ biến – dựa trên tần suất sử dụng - ở các thành thị, đặc biệt trong giới làm ăn có dính đến chuyện thường xuyên phải đi cửa sau hoặc lách luật.

Việc ông phó giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (VH-TT&DL) thành phố Hồ Chí Minh gây **tai nạn** liên hoàn xảy ra ngày 30-3-2013 trở thành tin nóng giãy trong suốt mấy ngày qua không chỉ vì kịch tính của sự việc và hậu quả nghiêm trọng mà nó gây ra, mà còn vì ông là Phó giám đốc một cơ quan nhà nước. Những lời giải thích của ông cũng góp thêm độ nóng cho câu chuyện, khiến chỉ cần vào trang tìm kiếm Google, đánh dòng chữ “phó giám đốc lái xe gây tai nạn”, sau 0,23 giây, cho ra tới hơn một triệu kết quả. Đến thế thì là chuyện nóng thật rồi. Nhưng hoá ra ông phó giám đốc không phải là trường hợp “Tay to” - thôi thì ta cũng cứ gọi theo dân gian cho tiện - đầu tiên lái xe rồi gây **tai nạn**. Chẳng cần mất quá nhiều công sức, cũng dễ dàng tìm thấy hàng loạt vụ tai nạn tương tự, nghĩa là do các loại quan chức lái xe gây ra, mỗi người một kiểu. Sau đây là một vài cái tí in đậm mà độc giả có thể kích chuột tìm đọc bài chi tiết:

- Phó giám đốc lái xe tông chết người
- Giám đốc gây tai nạn rồi dùng súng bắn người
- Giám đốc lái ô tô gây tai nạn, 5 người nhập viện
- Phó công an huyện “xỉn rượu” lái xe gây tai nạn
- Phó tổng biên tập tạp chí HTV say rượu lái xe gây tai nạn
- Chủ tịch thị xã lái xe công gây tai nạn nghiêm trọng
- Chủ tịch xã lái xe đâm trọng thương ông già
- Ô tô nguyên phó chủ tịch xã gây tai nạn, 4 người tử nạn

...

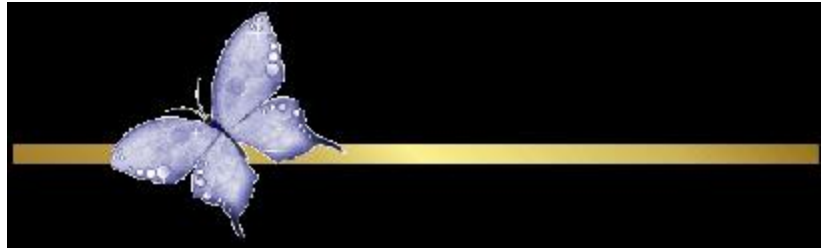
Đây mới chỉ là phần nhỏ vụ việc tương tự được báo chí và dư luận công khai danh tính. Nếu đem so với số vụ xảy ra trên thực tế nhưng bị dùng mọi cách để bịt thông tin, thì con số còn lớn hơn rất nhiều. Có cả trăm tình huống dẫn đến tai nạn mà lái xe là “Tay to”. Rất nhiều trường hợp do “Tay to” bỗng nhiên “rùng mỡ” muốn thể hiện mình có quyền làm bất cứ việc gì, muốn cho thấy mình còn phong độ, thuộc tít người mạnh mẽ. Thế là đang từ ghế ông chủ, nhảy lên gạt lái xe ra đòi ôm vô lăng, mặc dù mới chỉ cầm lái chơi vài lần. Không ít trường hợp khác do “Tay to” muốn “cải thiện” tí em út, ngại có người thứ ba vốn luôn tiềm ẩn tai họa, tự lái xe cho tiện. Hoặc có “Tay to” sau các cuộc nhậu, khi rượu Tây đã ngốn cả chai, máu iêng hùng nổi lên, thế là coi trời bằng cái vung!

Cũng là gây tai nạn giao thông, nhưng để ý kỹ, tai nạn do các “Tay to” ôm vô lăng gây ra luôn khác đời. Hoặc là nó rất thảm khốc, nếu không thì cũng đầy chất bi hài. Nguyên nhân chính là ở tay nghề kém, vì có “Tay to” nào lại là lái xe chuyên nghiệp, nhưng nguyên nhân tiềm ẩn sâu xa hơn lại chính là ở vị thế của họ trong xã hội. Các ông quan nhà nước hay các ông chủ này, bất cứ cỡ nào, cũng muốn chứng tỏ mình đầy quyền lực. Chính vì cậy mình có quyền, có vai vế, có nhiều mối quen biết nên sẵn sàng coi thường hoặc bất chấp luật lệ giao thông. Say rượu nhưng vẫn lái xe, vừa biết lái đã muốn chứng tỏ mình không sợ ai, ý thế mình có quyền, nếu chẳng may xảy chuyện thì mọi việc đều lo được... Đó mới đích thực là những nguyên nhân gây tai nạn của các “Tay to” khi họ ôm vô lăng. Chỉ có điều, các tài xế “Tay to” kém xa cánh tài “Tay nhỏ” về mặt trọng danh dự. Khi xảy ra tai nạn, việc đầu tiên họ nghĩ tới là nguy cơ lung lay của chiếc ghế đang ngồi, chứ không phải lo giải quyết hậu quả mà họ gây ra! Họ sẵn sàng “hèn hạ”, tìm trăm phương ngàn kế, kể cả những kế sách thâm hiểm nhất để thoát tội. Kế thông thường là nói dối. Nói dối ráo hoảnh, bịa một cách trơ trẽn, không biết ngượng. Thà mang tiếng là hèn, là mất phẩm giá còn hơn mất ghế. Sau cả tiếng đồng hồ, lượng cồn trong hơi thở vẫn còn tới 0,2 ml mà vẫn nhem nhem cãi là không biết uống rượu, chỉ “nhấp” qua môi! Cứ như là ông “Tay to” này đang nói với nhân viên của ông vậy! Thế rồi nào là vì công việc, vì có cuộc họp quan trọng, vì người thân gặp tai nạn, vì bức xúc, vì lo lắng cho cơ quan, vì hoa mắt chóng mặt bất thường... Nghĩa là vì rất nhiều thứ, chỉ trừ tính mạng và tài sản của người đi đường!

Với những trường hợp gây hậu quả nặng, có nguy cơ đối mặt với toà án, thì việc quan trọng đầu tiên là phải “vô can hoá, ngoại phạm hoá” bằng mọi cách. Nhưng chiếc xe không phải là cái bao diêm có thể đốt bénng vào túi rồi cài xoá. Vì thế phải có ngay nhân vật “đóng thế”. Tức là ai đó sẽ đứng ra nhận tội thay cho sếp. Kẻ đóng thế có thể là chính lái xe, là người nhà nhưng vô sùng vô sọ, hoặc là bất cứ ai chấp nhận đánh đổi danh dự để lấy tiền... như trường hợp xảy ra tại một con phố nổi tiếng ở Hà Nội mấy năm trước. Khi một chiếc xe ô tô bốn chỗ chạy như phát rồ rồi chồm lên vỉa hè, đâm gãy cột biển báo, làm bị thương người đi đường, trước con mắt bàn dân thiên hạ, thay vì lái xe lao ra cứu người, ông ta nhanh chóng rút máy điện thoại gọi và lát sau một thanh niên xuất hiện. Lái xe thật nhanh chóng biến mất, còn anh thanh niên thần nhiên nhận mình là kẻ gây tai nạn. Vụ việc, đúng như kịch bản chuẩn không cần chỉnh, lập tức chỉ còn là vụ tai nạn thông thường. Những đồng tiền sẽ làm nốt phần việc còn lại. Tiền bỏ ra thì rồi sẽ lại thu về, một khi còn giữ chắc được ghế.

Hoá ra lặn lội, mai phục, đối chác bằng mọi giá để được trở thành “Tay to” quả cũng không uống. Chưa nói đến vô số quyền lực, chưa nói đến những món bổng lộc, chưa nói đến những thứ danh giá mà xã hội cứ mặc nhiên dành cho... mà hăng chỉ tính riêng việc có thể chả cần bằng lái, chả cần tốn một xu, chả cần biết một điều luật, chả cần phải nhịn uống hàng chai rượu, cứ thích là có thể thoải mái điều khiển cả con xe to lù lù, chạy ầm ầm trên đường, như đi vào chỗ không người, đứa nào không muốn chết, không muốn người và xe nát bét thì tránh trước ông ra. Đấy, không tin thì mở to mắt mà nhìn: gây cảnh tượng tan hoang ngang một vụ thảm sát như trường hợp của ông phó giám đốc Sở VH-TT&DL thành phố Hồ Chí Minh mà cũng chỉ cần quăng toẹt ra 5 triệu đồng nộp phạt là yên chuyện. Năm triệu, mười!

Có lẽ chuyện này chỉ bình thường ở Việt Nam? Ở nước ngoài (Lấy ngay ví dụ Singapore, Malaysia, Hàn Quốc cho gần), nơi tay to tay nhỏ đều vừa khuôn cái còng chỉ duy nhất một kích cỡ (trong trường hợp họ phải tra vào), thì những chuyện gây tai nạn như vừa kể cực kỳ to chuyện. Mất chức là nhẹ nhất. Mất tiền, rất nhiều tiền, có thể mất một phần cơ nghiệp vẫn còn nhẹ lắm. Thậm chí nếu chả may phải cải tạo lao động, vào tù ngồi bóc lịch, cũng chưa là hình phạt nặng nhất...



Thương... cho gậy vào đầu

Mặc dù có vô số chuyện đau lòng do bão lụt, tai nạn, cháy nổ, bắn giết nhau nhưng tháng 9 năm 2013 xã hội xứng đáng được hưởng một cú xả stress ngoạn mục trước thông tin chỉ có 1% công chức là không hoàn thành nhiệm vụ. Đáng thờ phào quá đi chứ. Vấn đề luôn bức xúc dư luận nhất bao nhiêu năm qua là chúng ta nuôi một bộ máy quá công kênh, thừa tới 30% công chức, tức có khoảng 700-800 ngàn cán bộ ăn lương ngân sách nhưng chỉ đến cơ quan để lảng cháng, hoá ra chỉ là tin thất thiệt! Đồng bào cứ yên tâm mà đóng thuế, coi như chỉ có gần 1% tiền chi cho dịch vụ công là thất thoát thôi. Với tỉ lệ đó thì ngay cả Châu Âu hay Singapore cũng phải cắt sách đến mà học nhé!

Nhưng đúng là thời buổi này kiếm được một niềm vui trọn vẹn quả là quá khó. Chưa kịp hân hoan ăn mừng cho bỏ bao năm ầm ỨC thừa, thì đã lại có vụ việc nhức đầu xiên ngang vào, làm mất hết cả hứng. Vẫn chuyện đánh đấm nhưng lần này không phải gây ra bởi đám côn đồ đầu đường xó chợ hay lũ thanh niên đầu xanh đầu đỏ, mà gắn với đại gia Nguyễn Đức Sơn, chủ tịch-tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội? Thông tin lấy từ biên bản của Ban quản lý sân golf Tam Đảo, được vài báo nhanh nhẩu đưa lại thì trong một cơn cáu giận do chơi golf kém, ông Sơn nện một gậy putt vào đầu caddy Trương Tiến Công, khiến anh này ngất đi, đổ vật xuống, phải nhập viện. Còn theo giải thích của ông Sơn thì đó là cách ông đứng vai cha chú dạy bảo con cháu theo kiểu “thương thì cho roi cho vọt”. Vì ông không kiểm soát được cử tay nên mới xảy ra như vậy. Nghe cũng mũi lòng đấy chứ. Để gì được một người như ông Nguyễn Đức Sơn coi là con cháu trong nhà. Còn hơn lời đảm bảo cả đời no ấm!

Xin tất cả hãy bình tĩnh, kéo oan cho người có tấm lòng Bồ Tát. Cái gì cũng phải tỉnh táo mà xem xét. Trước hết ta hãy ngó qua chiếc “roi” mà ông Nguyễn Đức Sơn dùng để “bày tỏ lòng yêu thương” với anh Trương Tiến Công - như lời ông trần tình - có gì đặc biệt (bởi roi của đại gia không thể bình thường), nó có giống như loại roi các cụ ta vẫn dùng để dạy con cháu và có đúng với định nghĩa của từ điển về thứ được gọi là “roi” hay không? (Tiện đây xin trích tự điển tiếng Việt, giải thích vẫn

tắt về “roi” như sau: một loại que rêu, thường vót từ nan tre, sợi mây... dùng để đánh). Nó, chiếc roi của ông Sơn, là một chiếc gậy putt. Gậy putt là thứ gì thì cũng lần đầu tiên trong đời tôi biết về nó. Đó là một dụng cụ thể thao đắt tiền, sáng loáng màu kim loại. Putt là loại gậy được dùng nhiều nhất trong sân golf, trong một trận golf. Bạn đọc có thể vào google, phần hình ảnh, để mục sở thị “chân dung” của nó. Phần dùng để gạt quả bóng vào lỗ, cũng chính là phần tiếp xúc với đầu anh Công sau cú ra đòn của ông Sơn, to như cái đế giày. Là gậy thì trông nó khá ngộ nghĩnh. Nhưng nếu dùng để làm roi thì có thể so với cây Thiết bổng của Tôn Đại Thánh một đập tan thân mọi yêu quái. Thực sự với cái dụng cụ hầm hố đó, hoàn toàn có thể dùng để giết người.

Đến đây chắc hẳn có nhiều người giống tôi, rất tò mò muốn biết ông Nguyễn Đức Sơn là ai mà có sở thích dùng roi kỳ dị và ấn tượng như vậy, để dạy bảo người mà ông coi như con. (Tất nhiên là sau khi người được dạy bảo chết ngất, còn trước đó thì anh Công chỉ là một caddy, kẻ phục vụ, đừng có mơ thấy người sang bắt quàng làm họ.) Bản thân tôi cũng rất muốn biết thực sự ông ta là ai mà những dòng tin đầu tiên về sự cố đánh người trên sân Tam Đảo chỉ có tờ *Dân Trí* onlie là đưa đầy đủ, còn khá nhiều tờ báo điện tử khác có ý né (để còn nghe ngóng xem có nguy hiểm không), chỉ nêu tên, chức vụ người “xuất chiêu” nhưng không nêu tên công ty mà ông Sơn đang làm chủ tịch kiêm tổng giám đốc. Một nhân vật như vậy không nhiều quyền thì cũng nhiều lực? Về quyền thì chúng ta chỉ biết ông phụ trách một công ty. Còn về lực thì nó gắn với tiền. Chúng ta sẽ không bao giờ biết ông Sơn giàu cỡ nào nhưng có thể suy đoán mức độ giàu có của ông từ cách mà ông tiêu tiền. Muốn có cái thẻ hội viên tại sân golf Tam Đảo, ông phải chi ra ít nhất là 800 triệu đồng. Người ít tiền thì quên khấn trương. Thêm vào đó là 17 triệu đồng mỗi năm cho phí bảo trì sân golf. Nhưng để có thể chơi golf, còn cần đến bộ dụng cụ, giày, áo, mũ... tùy mức mà có thể lên tới từ vài chục đến vài trăm triệu đồng, thậm chí hàng tỉ. Nhưng những chi phí ban đầu đó chỉ là muối so với số tiền phải bỏ ra trong quá trình chơi golf. Mỗi lần vào sân, như loại 18 lỗ ở Tam Đảo, rẻ cũng mất ngót nghét 2 triệu, đắt có thể gấp đôi. Người đã dám vào sân golf thường là những người chịu ăn ngon, chịu chơi sang, chịu chiều người đẹp đi cùng, chịu ngủ nghỉ ở những khách sạn sang trọng và số tiền cho những việc ấy không thể tính đếm theo kiểu thủ công được. Tóm lại, lương kịch kim 36 triệu đồng (hoặc 50

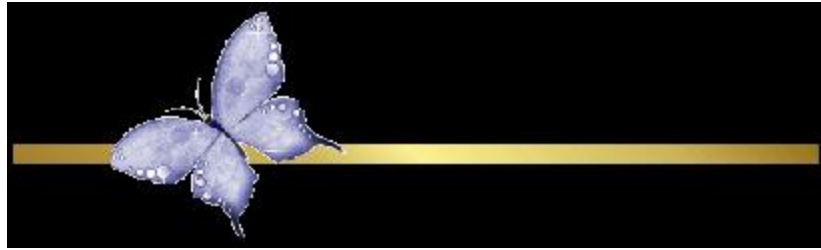
triệu đồng sau khi nhân hệ số tối đa) mỗi tháng cũng xin mời đứng ngoài sân golf mà ngó vào.

Ông Nguyễn Đức Sơn có bao nhiêu tiền, chảy vào túi ông từ nguồn nào không phải là vấn đề quan tâm của bài viết này bởi có thể chính ông cũng không biết hết. Nhưng hẳn ông phải biết mình là ai, đang sống giữa thời buổi nào? Đơn giản hơn, ông phải biết rất rõ cái đầu người luôn khác xa với bất cứ vật gì? Thế mà ông lại hành động nhằm vào cái đầu y hệt như khi ông nhằm vào quả bóng golf? Đã vậy ông còn bao biện, nói dối trơn tru là xuất phát từ ý muốn dạy bảo? Ông định dạy bảo điều gì thông qua hành động man rợ ấy? Hay ông quen tay hành xử theo cách của người có quá nhiều quyền lực trên thực tế? Làm chủ tịch, kiêm tổng giám đốc một tổng công ty nhà nước trong lĩnh vực nhà ở, ông có thể ban phát cho rất nhiều đối tượng, đủ sức thay đổi cuộc đời của rất nhiều thành phần, quen được nghe cầu cạnh, được thấy cấp dưới phục tùng vô điều kiện, quen được người khác coi ý mình là ý giời... không có nghĩa là ông thích làm gì với người khác cũng được, kể cả với con cái ông. Đánh bằng cây gậy putt vào đầu một con mèo, cũng đáng bị coi là hành động dã man, kinh dị, huống hồ đây là đầu một người tận tụy phục dịch ông thoải mái tối đa thú tiêu khiển cao cấp.

Ngay cả khi nạn nhân tha thứ cho kẻ hành hung mình thì liệu dư luận có thể thông cảm phần nào với thói vũ phu của ông Nguyễn Đức Sơn? Điều này không còn phụ thuộc vào sự độ lượng, lòng bao dung, mà sẽ được quyết định bởi sự có cần thiết hay không cái nguyên tắc sống văn minh mà chúng ta đang nỗ lực thiết lập. Nếu chúng ta có thể bỏ qua được nguyên tắc tôn trọng tuyệt đối quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác, đứng đầu trong thang bảng nhân quyền, một quyền to lớn nhất của con người, nó to lớn đến nỗi cả dân tộc đã từng phải đổi bằng máu để giành lại từ tay ngoại bang, thì cứ việc xuê xoa. Nếu chúng ta không định đòi hỏi công dân của mình phải thượng tôn luật pháp trong mọi hoàn cảnh; nếu chúng ta không định coi trọng các tiêu chuẩn đạo đức, tiêu chuẩn văn hoá mang tính bắt buộc với đội ngũ công chức và nếu chúng ta bỏ mặc cho sự lộng hành thoải sức có đất vùng vẫy, thì có thể bỏ qua cho hành động của ông Nguyễn Đức Sơn.

Tôi thì dứt khoát nói không. Tôi muốn thấy lãnh đạo thành phố Hà Nội chứng tỏ họ linh cảm được một tai họa tiềm tàng, thuộc loại nguy hiểm, từ vụ việc vừa rồi của nhân viên do họ quản lý. Bởi vì có những

nguyên tắc mà nếu xã hội bỏ qua dù chỉ một lần, là mọi giá trị tử tế thiết lập một cách vất vả hàng chục năm sẽ bị phá hỏng theo kiểu Domino ngay tức khắc.



Giáo dục và chuyện đứa con bị bỏ rơi

Khi tôi học lớp năm thì Mỹ quay trở lại bắn phá miền Bắc lần thứ hai. Do nằm trong vành đai bảo vệ Hà Nội, nên quê tôi rất dễ là mục tiêu oanh kích. Để an toàn, chúng tôi không đến lớp mà học tại nhà. Tôi còn nhớ cô giáo chủ nhiệm tên là Hương, người Thạch Thất, ở trọ trong một gia đình nông dân, ngày nào cũng phải đi bộ hàng chục ki lô mét, đến tất cả các nhóm học ở các làng để giao bài cho học trò và kiểm tra xem chúng tôi học hành ra sao. Cô ăn mặc như một phụ nữ nông thôn, nghĩa là rất mộc mạc. Có bận cô vừa xuất hiện thì cũng là lúc máy bay Mỹ âm âm hú hét trên bầu trời. Thế là cô nhanh chóng trở thành người chỉ huy để chúng tôi xuống hầm trú ẩn có trật tự và nhanh nhất. Khi không còn đứa nào trên mặt đất, cô mới chui vào sau cùng và ngồi chần ngoài cửa hầm. Mặc dù tiếng gầm rú của máy bay, tiếng tên lửa tầm thấp, tiếng đạn pháo thỉnh thoảng khiến cô giật mình, nhưng cô luôn giữ được một nụ cười trên miệng cùng với lời động viên: “*Các em đừng sợ*”. Chúng tôi hoàn toàn phó thác tính mạng mình cho cô. Không hiểu sao, dù ngồi trong căn hầm ộp ộp, nhưng chúng tôi cùng tin rằng chẳng thể có bom đạn nào, dù khủng khiếp đến mấy, làm gì nổi chúng tôi. Còn lâu sắt thép mới có thể chạm vào được chúng tôi khi có cô ngồi chần ở cửa hầm. Và cô giáo chủ nhiệm không chỉ khiến chúng tôi trở nên can đảm, mà còn truyền cho mỗi chúng tôi tình yêu thương lớn lao, thứ tình cảm không sách vở nào dạy được.

Tôi lên học lớp tám đúng vào năm kinh tế đất nước quẩn bách nhất. Hầu như vào mùa đông không đứa nào có đủ áo ấm. Trong khi đó lớp học lại ở ngay cạnh cánh đồng, cửa sổ thông thoáng. Những hôm gió bắc tràn về chúng tôi đều co ro vì lạnh. Một hôm như thế đúng vào giờ học toán. Cô giáo dạy toán của chúng tôi tên là Hạnh, nổi tiếng là nghiêm khắc. Cô đặt ra những yêu cầu rất ngặt nghèo về tác phong cho học sinh. Ngáp hay ho thì phải che tay lên miệng. Vào lớp không được đội mũ, không được nói chuyện, không được gõ bàn... Nếu ai đó vi phạm cô sẽ mời bằng được ra ngoài, cho tới khi hết giờ của cô. Tất cả chúng tôi đều đã quen với điều đó, vì thế, cho dù rét thấu xương, không đứa nào dám đội mũ, không đứa nào dám xuýt xoa.

Nhưng hôm đó, vừa bước vào lớp, cô Hạnh phát hiện ngay ra điều đó. Cô cảm nhận được từng thớ thịt của chúng tôi đang co lại. Cô lướt nhìn khắp lớp một lượt rồi nói bằng thứ giọng xúc động: *“Từ giờ trở đi, những hôm rét, vào giờ của tôi, các em có thể đội mũ. Nào, những ai có mũ thì đội cho cô xem”*.

Cô lặng lẽ nhìn học sinh lôi mũ từ trong cặp, trong ngăn bàn. Rồi bỗng cô quay ra, đi rất nhanh về phía phòng ở. Lát sau cô quay lại với một chồng báo khá nặng mà cô tích cóp được. Cô nhanh chóng chia cho chúng tôi, bảo chúng tôi độn báo vào trong lớp áo.

Chúng tôi đã vượt qua những mùa đông đói, rét... theo cách đó của cô giáo dạy toán. Và cho dù đã hơn bốn mươi năm, chưa bao giờ tôi quên hình ảnh cô Hương chắn trước cửa hầm những hôm bom đạn đầy trời; chưa bao giờ tôi quên nét mặt tràn ngập niềm cảm thông của cô Hạnh khi cho chúng tôi những tờ báo thay áo ấm. Có lẽ so với những gì mà con tôi đang nhận từ nhà trường bây giờ, thì chúng tôi quá thiệt thòi. Nhưng chẳng hiểu sao trong mỗi việc sáng láng tôi làm, trong mỗi suy nghĩ của tôi hướng tới điều tử tế, lòng danh dự và trách nhiệm xã hội, đều mang dấu ấn của những gì mình được truyền dạy từ tấm lòng của thầy cô hồi đó.

Giờ đây khi nền **giáo dục** nước nhà, nền giáo dục luôn mơ một giấc mơ lớn, đang phải đối mặt với vô số thách thức, mà một trong số đó, thuộc về điều quan trọng nhất, là thái độ lạnh lùng, ích kỷ, thậm chí độc ác của học sinh đến mức đáng sợ mà chưa có cách nào khắc phục được, tôi chợt thấy tiếc cho những gì đã từng có dưới mỗi mái trường thực sự yên bình mấy chục năm trước.

Nguyên nhân của tình trạng đáng sợ này, cần phải nói thẳng, một phần to lớn thuộc về thái độ hành xử thực dụng của thầy cô bây giờ. Khi triết lý “tiên trao cháo múc” được công khai hoá trong những dịch vụ dạy ép, học ép, đầy sự dối trá, lừa lọc, thì tất yếu không còn chỗ cho lòng kính trọng, những tình cảm thiêng liêng. Khi một đứa trẻ chưa hề biết nửa chữ đã phải “lọc lõi” đối phó với tệ nạn tiền bạc, biết rõ rằng chúng còn lâu mới được vào học nếu bố mẹ không có tiền, làm sao chúng không lạnh lùng trước tuổi. Phải làm quen với những ngôn ngữ mặc cả chợ búa, chứng kiến những hành vi chỉ có thể xảy ra ở bến xe, nhà hàng... thì một tâm hồn trong trắng không tổn thương, vẫn đục mới là lạ. Thay vì nhớ đến thầy cô như những bậc cha mẹ tinh thần, cầm tay giúp chúng vẽ

những nét đầu tiên về tương lai, thì ký ức của học trò giờ đây chỉ còn đơn giản là, chúng đã từng phải trải qua một thời rất đáng sợ, một thời kinh hãi mang tên trường học!

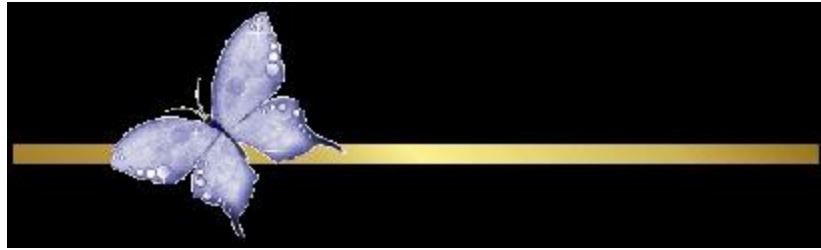
Nguyên nhân tiếp theo chắc chắn thuộc về gia đình, xã hội. Những gì đang xảy ra ngày ngày, từ hành động đến lời nói, từ cử chỉ đến ánh mắt, thậm chí từ cả những ý nghĩ không hình hài, được chi phối bởi thói ích kỷ, tham lam, vụ lợi của người lớn, đã cho ra thứ văn hoá bị ô nhiễm nặng bao vây bọn trẻ. Những bài học mang tính thị phạm ấy, đáng lẽ phải cực kỳ tinh tế, thì chưa bao giờ lại thô lậu và đáng sợ như bây giờ. Ngay trong chính căn nhà của mình, bọn trẻ cũng không có nổi một góc trong sạch để mơ ước, thì còn có thể tìm thấy thứ đó ở đâu? Tất cả những yếu tố đó tạo thành môi trường phản sư phạm đến từng xăng ti mét. Nó biến thứ đầu tiên thành vô nghĩa, hoặc chí ít cũng dị dạng, đó là giáo dục.

Sự phân cấp giàu, nghèo quá nhanh, quá dễ, với khoảng cách ngày một xa thường để ra nhiều tệ nạn khó kiểm soát như bạo loạn, sự kỳ thị, thái độ thù hận... Quốc gia nào cũng đã, đang và còn phải đối mặt với vấn nạn này. Nền giáo dục sẽ giúp làm dịu đi các mối xung đột, hàn gắn những tổn thương xã hội, trước hết bằng việc xác lập sự công bằng, tình yêu thương không phân biệt trong đối xử ngay trên mỗi giảng đường. Vì thế nhiều nước ưu tiên đầu tư vào nền giáo dục, chọn lựa kỹ càng những người làm thầy, ngoài việc nhắm đến mục tiêu dài hạn là sự phát triển, còn như một sự chuộc lại lỗi lầm không thể khắc phục ở các lĩnh vực khác. Bọn trẻ cần phải cảm nhận được sự bình đẳng về phẩm giá, quyền sống, học tập... và chúng không thể tìm thấy những điều đó ở nơi đâu hơn được tại trường học.

Nhưng đáng tiếc thay, vì sự hạn hẹp trong tầm nhìn và vì những lý do nào khác, điều quan trọng này không nằm trong triết lý giáo dục Việt Nam, nếu xét ở các hiện tượng. Hoặc nếu có cũng chỉ là vỏ bề ngoài, với sự sơn quét hào nhoáng. Trên thực tế, nền giáo dục của chúng ta bị bỏ rơi ngay từ những người chịu trách nhiệm thiết kế, tạo tác và nuôi dưỡng nó. Họ đã biết ngay từ đầu về chất lượng kém của cái sản phẩm có tên là giáo dục. Nó được dành cho những người khác, chứ không phải con cháu họ. Họ có thừa tiền đưa con cái cháu chắt họ đến những trường học hàng đầu ở nước ngoài để học tập nên người.

Không gì tệ hơn sự cố suýt cho một sản phẩm mà mình biết là sẽ không dùng. Vì thế, trước khi định thắp lên những giấc mơ xa xôi về nền giáo dục nước nhà, hãy trả lời thật minh bạch câu hỏi: nền giáo dục này là để cho ai?

Bậc “Vạn thế sư biểu” Khổng Tử từng dạy học trò, đại ý rằng: *“Mang thứ mình không thích cho người khác, ấy là tiểu nhân vậy”*. Chẳng biết có còn ai trong số các vị mũ cao áo dài nhớ điều này?



Sĩ tử thời công nghệ cao

Trong tác phẩm *Lều Chông*, nhà văn Ngô Tất Tố cho hậu sinh biết hình ảnh của sĩ tử thời xưa khi lai kinh ứng thí, với nào lều, chông, ống quyển, đủ cho một gánh lôi thôi. Cũng nhờ nhà văn mà chúng ta biết cái không khí trường thi vừa náo nhiệt bởi tiếng thét lác, vừa trang nghiêm hồi hộp như thế nào. Còn Tú Xương thì gói những mô tả đó trong một câu: “*Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ*”.

Đó cũng là hình ảnh đặc sắc của một xã hội khoa cử, đi kèm với nó là cầu danh, lợi, chen vai thích cánh xếp hàng làm quan và do đó... cứ luôn thuộc hàng kém phát triển! Nhưng dù thế nào thì muốn học hành đỗ đạt thời ấy, người ta phải dùi mài kinh sử thật sự. Học lơ mơ đừng có mơ đỗ đạt. Chính Tú Xương cũng từng thi mãi không đỗ. Ngoài chuyện ông Tú hỏng thi vì nông chữ, nó cũng gián tiếp cho thấy trường quy ngày trước nghiêm ngặt như thế nào về luật lệ. Chỉ cần phạm một lỗi nhỏ cũng bị đánh trượt, về quê học lại.

Tất nhiên chả hay ho gì cái thứ học hành cử tử ấy. Nhưng học bát nháo, thi bát nháo như ngày nay thì cũng thật khó đỡ. Cứ mỗi năm đến mùa thi, là lại có biết bao chuyện đau lòng, chuyện nực cười về cảnh thi cử để báo chí xài mãi không hết. Tình trạng phổ biến nhất là tệ mở sách, gian dối bằng quay cóp bài, làm phao, ném bài thi... mà cả thầy giám thị cũng là thủ phạm.

Tôi đã từng phải đi coi thi đại học nên không lạ gì những chuyện như vậy, vì nó diễn ra ngay trước mắt. Sau mỗi buổi thi, từ trong sân trường đến các con đường gần đó đều trắng xoá phao thi, đủ loại, đủ kích cỡ, đủ chất liệu, như hiện thân của điều đáng xấu hổ nhất trong giáo dục hiện nay. Các sĩ tử xả chúng ra từ cặp quần, từ trong lần áo lót, từ khuỷu tay, khoeo chân, thậm chí còn từ những nơi mà nếu giám thị tự ý chạm vào là mắc tội. Một nền giáo dục, thi cử như vậy thử hỏi lấy đâu ra nhân tài, lấy đâu ra sự công bằng trong tuyển chọn và đào tạo đại học.

Ấy thế mà những trò gian lận kinh người như vừa kể ở trên sắp chỉ còn lại trong ký ức bởi nó quá “lạc hậu”. Gian lận trường thi ngày nay đã được “kỹ thuật số” ở mức tối đa bởi sự trợ giúp của phương tiện thông tin công nghệ cao.

Trước kia những phương tiện như vậy bị cấm đem vào phòng thi. Giờ đây, xuất phát từ những tiêu cực do chính phía giám thị gây ra (như trường hợp quân hồi vô phùng ở Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội hay Đồi Ngô, Lục Nam, Bắc Giang...), ngành giáo dục quyết chứng tỏ thái độ chống tiêu cực trong thi cử bằng cách cho các sĩ tử được phép đem một số phương tiện công nghệ cao vào phòng thi. Vậy là nền giáo dục Việt Nam đã cố gắng hiến cho nhân loại một hiện thực sư phạm đặc sắc: học trò tham gia giám sát hành vi và giáo dục nhân cách cho các thầy! Theo tôi, cho dù thế nào thì động cơ đó cũng đáng nhận được sự hoan nghênh trong khi cả xã hội cứ luẩn quẩn mãi chưa tìm ra cách nào hay hơn.

Nhưng “chuột” chưa chết có thể “bình” đã vỡ, là điều rất dễ xảy ra trong trường hợp vừa nêu. Bởi vì, với nhiều sĩ tử ngày nay suốt ngày lêu têu chơi bời, học hành thì chểnh mảng, mọi loại kiến thức phổ thông cơ bản đều rỗng tuếch, thậm chí lên đến đại học vẫn không thể kể nổi tên các tỉnh của Việt Nam có biên giới chung với Trung Quốc, không mắc nổi cái bóng điện... nhưng trình độ sử dụng dụng cụ công nghệ cao thì vào hàng thượng thừa! Nói thẳng ra rằng, ở lĩnh vực đó, phần lớn các thầy giám thị chỉ đáng là học trò của rất nhiều sĩ tử! Liệu các thầy có thể kiểm soát được thí sinh một khi chúng quyết phải đỗ đại học bằng được và vì thế chúng sẽ dùng những chiêu tinh vi nhất về công nghệ để qua mặt trong quay cóp? Hậu quả là mục tiêu giảm thiểu tiêu cực phòng thi để bớt đi sự bất công trong thi cử rất có thể sẽ đạt được kết quả ngược lại. Nghĩa là gian lận không giảm, thậm chí còn tăng lên, với một tầm mức tinh vi hơn, vì thế cũng nguy hiểm hơn rất nhiều về mặt đạo đức. Khi đó những sĩ tử học thật, những sĩ tử từ các vùng nông thôn, miền núi... kém hiểu biết về công nghệ, khó lòng mà “đấu” được với những sĩ tử chỉ việc chép bài với sự trợ giúp của đủ loại máy móc!

Thế là, thay vì lều, chõng, cơm niêu nước lọ, thay vì cả gánh sách vở, sĩ tử ngày nay chỉ cần đúng một con chip bằng cái khay áo, hoặc một cái bút viết mực không màu, một cái máy ghi âm dưới dạng khuyên tai, một cái đồng hồ có chức năng ảo thuật, một dụng cụ sao chép giống như cục tẩy, thậm chí chỉ là một cuộn băng dính trong suốt... Họ bước vào phòng thi và cũng bước qua luôn cả mọi quy định về kỷ luật thi cử, dù chúng có nghiêm ngặt đến đâu. Phải nói ngay rằng, không có cách nào khả dĩ loại được gian lận thi cử trong thời buổi công nghệ cao này. Càng những năm sau, khi phương tiện càng tinh vi, thì khả năng chống gian lận

càng khó gấp bội! Vì thế không biết trong số những người sau đây hãnh diện bước vào cổng trường đại học, có bao nhiêu phần trăm chỉ giỏi mỗi một thứ là sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để quay cóp!

Đó là một thực tế không thể né tránh và đừng ai tự ái.

Vậy thì vấn đề đặt ra là: thi cử, tuyển chọn nhân tài bằng ứng thí như hiện nay liệu còn có ý nghĩa gì! Nó kéo theo câu hỏi đáng phải trả lời hơn: còn có ý nghĩa gì những lời giáo dục đạo đức về tính thật thà, sự ngay thẳng, những hành động mang tính phẩm giá... chỉ bởi vì những thứ đó đồng nghĩa với đại dột và thất bại?

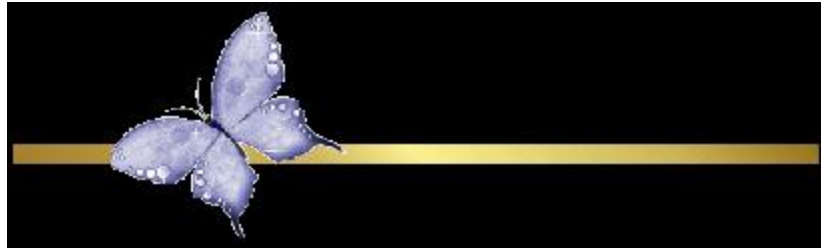
Khi những người có thực tài bị loại chỉ vì họ không biết gian dối, thì lẽ công bằng giống như một thứ mỹ từ chỉ có tác dụng nhạo báng. Những tâm hồn còn chưa vẩn đục ấy sẽ khó mà không vẩn đục gấp bội để trả thù cho sự trong trắng ngu ngốc của mình. Điều đó đặt cho nền giáo dục nước nhà một câu hỏi cấp thiết: Liệu có cần một kỳ thi tuyển đại học ngày càng rơi sâu vào hình thức, là cơ hội để sự gian dối được dịp phô diễn khả năng vô tận của nó nhờ thành tựu của khoa học kỹ thuật?

Trở trêu ở chỗ, thứ chỉ có được nhờ trí tuệ, sự nghiêm túc trong học hành lại trở thành công cụ đắc lực cho quá trình lên ngôi của dốt nát và giả trá? Không ai có lương tâm, có trách nhiệm với tương lai đất nước được quyền coi mình vô can trong vấn nạn này. Nhưng trách nhiệm đầu tiên thuộc về các chuyên gia, những nhà quản lý giáo dục.

Một việc làm chỉ còn mang tính hình thức, hiệu quả thực tế thấp, chi phí cao, tổn thất niềm tin càng ngày càng lớn thì có nên lười biếng mặc cho nó tiếp tục tồn tại để đổi lấy sự an toàn cho bản thân, hay phải dũng cảm thay đổi, tìm cách khác, cho dù phải trả giá trước mắt?

Ngành giáo dục, với nguồn chi phí khổng lồ, ngày càng khổng lồ so với tổng ngân sách, thừa sức để mua vé máy bay, cử chuyên gia sang những nước đã bỏ thi đại học và đều thuộc top có nền giáo dục hàng đầu, thành tâm tham khảo cách họ làm rồi đưa ra câu trả lời. Không việc gì phải sĩ diện nếu phải đóng vai học trò nhỏ của họ. Chỉ xin đừng lợi dụng tiền nhà nước đi ăn chơi, hưởng thụ rồi khi trở về, một mặt nhanh nhanh đưa con em đi du học, mặt khác tìm mọi cách nói dối, chứng minh ráo hoảnh về “tính ưu việt của nền giáo dục nước nhà” chỉ để quyết tâm

thể hiện lập trường, và do đó vạ lợi trên lưng nhân dân, một cách đáng xấu hổ.



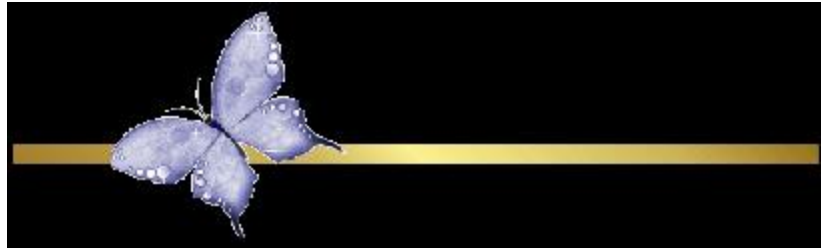
Bi hài chiếc bằng đại học

Học để thành tài, từ cổ xưa đến nay vẫn là ước muốn đáng trân trọng của những người trẻ tuổi. “Nhân bất học bất chi tồn”, triết lý cay nghiệt này phản ánh tầm quan trọng của nghiệp đèn sách với đời con người và với cộng đồng. Xưa đã thế, nay, trong thời đại kinh tế tri thức thì học vấn, lập nghiệp, lập danh bằng sự học càng nóng bỏng hơn bao giờ hết. Nói cho cùng thì quốc gia nào mà nền giáo dục tạo được nhiều nhà phát minh, sáng chế, chuyên gia, quản lý, nhà kinh tế giỏi thì quốc gia đó hoàn toàn có thể vững tin vào tương lai tươi sáng của mình.

Đất nước ta, sau nhiều thập niên chất xám bị coi rẻ như bèo do những nguyên nhân mang tính số phận, cuối cùng cũng đã bừng tỉnh mà nhận ra rằng đó là sự lãng phí kinh khủng nhất, gây nhiều hậu quả nhất. Hình như để bù lại, chưa bao giờ học thức “có giá ngất ngưởng” như hiện nay. Từ chỗ một kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, nhà báo, luật sư... mài mòn quần, rụng hết cả tóc vì học mà khi đi làm thu nhập kém xa một lái xe, một thợ sửa chữa, thậm chí một bảo vệ, thì nay tình hình đang có chiều cực đoan ngược lại. Giờ đây, một nhận thức mang tính toàn dân, với sự đồng thuận tự nhiên rất cao là cứ phải có cái **bằng đại học** trong tay mới mong thoát kiếp nghèo khổ triền miên! Mới mở mày mở mặt với thiên hạ. Mới có hy vọng leo lên các nấc thang phía trên để được trọng vọng. Và thế là lao động trí óc được phóng đại quá mức trong nhận thức chung. Chính người lớn khiến cho giới trẻ chỉ thấy còn duy nhất một con đường đi đến ấm no, cao sang, đẳng cấp hơn người là phải vào được đại học. Phàm ở đời cái gì bị đẩy quá lên đều dẫn đến thảm trạng. *Bằng đại học* trở thành tấm vé hạng sang vào tương lai giàu có, một thứ đạo bùa vạn năng có thể mở mọi cánh cửa kho đụn chứa đầy của cải! Chẳng có lý gì mà không đoạt lấy bằng mọi giá. Thế là các bậc phụ huynh, từ nông thôn đến thành thị, từ đồng bằng đến miền núi... đều bất chấp thực tế, bất chấp hoàn cảnh, bất cần biết khả năng, học lực của con mình đến đâu, một mực bắt nó hướng vào cổng các trường đại học, như hướng về miền đất hứa luôn ở tình trạng sắp hết chỗ. Phải vào đại học bằng được nếu không sẽ đi ăn mày! Lời đe dọa này ngấm vào con em chúng ta ngay từ khi chúng còn để chỏm, run rẩy bước chân vào lớp một, y như lời đe dọa về một dịch bệnh khiến chúng đi học mà như đi đặt cược số phận

mình. Chưa biết chữ nào đã lao đi tìm thầy phụ đạo. Suốt 12 năm phổ thông chúng bị nung chảy mình trong những cái lò bát quái được gọi mỹ miều và lừa mị là “học thêm”. Có thể nói thẳng ra rằng, đó cũng là những cái lò “sát sinh” tuổi thơ của con em chúng ta. Rất nhiều trẻ em - nhất là ở khu vực thành thị - có lý do để căm thù việc học bởi chúng bị biến thành con mồi, thành một thứ “cửu vạn” công trên lưng cả trái núi áp lực, thành vật thế chấp cho những cuộc mặc cả lạnh lùng, bị thăm giữa thầy cô và gia đình. Đánh vật mãi, cuối cùng cái ngày tốt nghiệp cũng đến. Không ít trường hợp, vì quẫn bách do không chịu nổi sức ép của gia đình mà cái ngày đáng lẽ phải rất nhiều cảm xúc ấy cũng là ngày kết thúc cuộc đời ngắn ngủi nhưng khổ ải của chúng. Với đa số còn lại thì những kỷ niệm học đường đầy mơ mộng chưa kịp lắng xuống đã phải ùn ùn kéo nhau đi học thêm, luyện thi, làm phao... để lao vào cuộc đua sinh tử cuối cùng: quyết một phen “sống mái với... đại học”! Bởi vì chúng sắp phải đối mặt với cuộc cạnh tranh mang màu sắc may rủi của trò đỏ đen: chỉ một số ít qua được cổng những trường đại học “danh giá”, phần lớn còn lại sẽ chỉ đứng bên ngoài hoặc trở thành sản phẩm vét của những trường “đại tiểu học” xuất hiện khắp mọi xó xỉnh - theo đúng nghĩa của từ đó (thực tế có nhiều trường mang danh là đại học nhưng chỉ có một hai khoa, lèo tèo học trò, lèo tèo thầy cô, phải thuê những khu nhà ổ chuột nhếch nhác làm giảng đường). Có cầu ắt có cung. Các lò luyện thi đại học theo kiểu học đại mọc lên như nấm, biến các sĩ tử tương lai thành những vật tế thần. Trong khi đó các trường đại học dân lập mở cửa hết cỡ, chế biến ra trăm loại hình đại học để nhử mồi. Họ biết những con cá nào sẽ cắn câu. Đó là những ông bố, bà mẹ sỹ diện, hám danh và lệch lạc trong quan niệm về chiếc bằng đại học. Nhiều gia đình từ đây lâm vào cảnh táng gia bại sản. Học gạo, dạy gạo đã đưa nhau hạ chất lượng xuống. Trượt vào đại học thì nhiều chứ chả mấy ai trượt tốt nghiệp đại học? Lại còn cả điều bi hài này nữa: nhiều gia đình giàu có tổng được con - những nghịch tử vô tích sự - vào đại học, chẳng khác nào thoát một gánh tội. Giữ được thể diện là mục tiêu thứ nhất, nhưng cái chính là đánh lừa được mình, ít nhất cũng trong 4-5 năm. Các ông cử, bà cử tương lai ấy học thì ít, đàn đúm thì nhiều. Nhưng có tiền mua tiền còn được, nữa là điểm các môn, là thứ sẵn nhất và xét ra cũng thuộc loại rẻ nhất hiện nay, nếu đem so với việc người ta dùng cái bằng để ăn trên ngồi trốc sau này. Chưa bao giờ câu thành ngữ “sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi” lại dễ lấy ví dụ như trong buổi tao loạn việc học này. Cứ tiền trao, là cháo múc,

giá cả tùy thuộc tầm quan trọng của môn học, tùy thuộc mức độ hư hỏng, dốt nát của sinh viên. Thầy và lái buôn chả có chỗ nào khác nhau! Tiền vào khiến các loại bằng điểm đẹp hơn tô son Hàn Quốc! Cuối cùng, chỉ cần 50 ngàn là có thể mua cái luận án phó tô có sẵn bán nhan nhản tại các quầy tạp hóa dày đặc quanh các trường đại học, về thuê “chế” lại thành luận án đầy ắp kiến thức của mình. Thuộc hàng “thiếu gia” thì quẳng toẹt vài chục triệu rồi tha hồ đi chơi, khi trở về mọi thứ đâu đã vào đấy. Luôn có những người kiếm ăn bằng nghề làm luận án thuê, đáp ứng mọi nhu cầu của khách. Từ một sinh viên chỉ quen ăn chơi, rỗng tuếch về kiến thức, trở thành một cử nhân “hiền tài quốc gia” còn đơn giản hơn học thi lấy cái bằng lái xe. Nhưng cái bằng lái xe thì chỉ để có quyền lái xe. Còn cái bằng cử nhân thì có quyền lái tiền, lái nhân phẩm, thậm chí lái quyền lực, biến thứ công cụ nhạy cảm ấy thành cỗ máy gây họa cho cộng đồng! Chưa ai thử tính áng xem trong bảng thống kê bầu “nguyên khí” quốc gia, có bao nhiêu phần trăm là ám khí, uế khí? Nhưng thực tế này thì không cần phải thống kê cũng biết kết quả: đất nước đang dư thừa kỹ sư chưa qua trình độ phổ thông, thừa người làm việc trí óc ăn bám, thừa những trí thức rỗng, thừa kẻ dốt nát có bằng cấp, thừa ở mức độ nhan nhản... nhưng lại thiếu người làm thợ trực tiếp, thợ lành nghề, thiếu người tự trọng sống bằng chính năng lực của mình. Một cuộc khủng hoảng thừa - thiếu nguồn lực - nhân phẩm con người song song tồn tại, chính là kết quả nhãn tiền của cách dạy, cách học, cách hướng nghiệp lạc hậu, vụ lợi hiện nay. Đặc biệt chua xót là quá trình đào tạo đại học ồ ạt, đua nhau chạy theo số lượng đã khiến đất nước thiếu những trí thức giỏi, có thể ngang ngửa với khu vực và thế giới, đồng thời tạo ra sự thỏa mãn giả tạo về một mặt bằng dân trí cao, cao hơn cả mặt bằng khu vực... nhưng không có thật.



Tình thầy trò và gương mặt của nền giáo dục

Từ cổ sử, mối quan hệ thầy trò đã là một trong ba mối quan hệ lớn, thiêng liêng nhất của con người, đặc biệt được đề cao trong xã hội trọng lễ giáo phương Đông. Giờ đây nhiều tiêu chí đạo đức đã thay đổi, vì thế quan hệ thầy trò cũng mang một hình thức và nội dung khác xưa. Nhưng dù có “khác” thế nào thì cốt lõi của nó vẫn là sự kính trọng và yêu thương.

Có thể coi mối quan hệ thầy trò như một chỉ số phản ánh chất lượng của nền giáo dục. Bởi vì đây là mối quan hệ thiết lập trên nền tảng của học vấn và nhân cách, nhằm tạo ra học vấn và nhân cách. Nó đòi hỏi một bên thì hy sinh vô bờ bến, một bên thì tu dưỡng bản thân không ngừng. Mối quan hệ này nhất định phải là thuần túy tinh thần.

Một thời chúng ta nghèo nhưng sống thật đẹp, đến mức trong quan hệ thầy trò mà nhắc đến tiền thì thấy rất xấu hổ. Tất nhiên trong sạch mà nghèo khó thì cũng chẳng hay ho gì. Nói khác đi, cứ bám lấy lý do giữ trong sạch để cố vũ sự nghèo khó là nhẩn tâm. Thế nhưng từ nghèo khó, từ cái chỗ nhắc đến tiền là đỏ mặt, từ cái chỗ giáo dục trẻ con ghét đồng tiền, cho đến chỗ mở miệng là nói đến tiền, mắt sáng lên khi nhìn thấy tiền, coi tiền là tất cả, tiền là chìa khóa vạn năng, tiền là tiêu chí để đánh giá sự thành đạt... thì lại là chuyện khác.

Nói thẳng ra, đó là một sự xuống cấp thảm hại và nguy hiểm. Trước kia học trò đi ngoài đường, gặp thầy là phải chỉnh sửa lại áo xống, đầu tóc; nếu đang đi xe thì phải xuống từ rất xa, chờ thầy đến chào xong mới lại dám lên xe đi tiếp. Còn giờ đây, chuyện lễ giáo này kể lại sẽ bị chính bọn học trò cười cho thối mũi, trong khi thầy cũng không quan tâm từ lâu!

Và tất nhiên, cái gì cũng có cái giá của nó. Những hành động như học trò tạt a xít, đánh trọng thương hoặc dọa giết thầy... xảy ra khắp nơi. Ngược lại, chuyện thầy cô hành hạ, nhục mạ, xâm hại học trò cũng không còn là chuyện hiếm. Thậm chí nhiều chuyện đáng xấu hổ đã thành phổ biến mà ai nói ra thì chính người ấy thấy ngượng trước. Cả hai cách hành xử như vậy, mang tính nhân quả, đang song song tồn tại, cho thấy

nhà trường hiện nay đã đánh mất vai trò như là một thánh đường đạo đức.

Chuyện gì cũng có nguyên nhân của nó. Nếu ví nền giáo dục như một cái cây, thì cái cây đó từ nhiều năm không còn được vun trồng theo đúng nghĩa trong sáng nhất của từ đó. Vun trồng luôn là một hành vi tuyệt đẹp. Nó cần những tấm lòng tuyệt đẹp, những trái tim cao cả, những tâm hồn trong sạch. Nhưng mà những tấm lòng như vậy cứ hiếm dần, rất hiếm, biết tìm ở đâu bây giờ? Khi điều tốt đẹp cứ vắng bóng, thì sự tồi tệ sẽ ngự trị. Chúa không đến thì quỷ Satan có mặt.

Đáng lẽ mọi không gian mà bọn trẻ học tập đều phải đầy ắp trong đó những yếu tố giáo dục. Quyết định điều này là các thầy, cô. Tiếc thay, chẳng còn mấy ai dành mối ưu tư cho điều đó. Ở thành phố thì thầy cô mãi dạy thêm để kiếm tiền làm giàu. Còn ở nông thôn, miền núi thì các thầy cô kiệt sức vì kiếm sống. Những ai không bị đẩy vào hai tình thế kể trên thì hoặc chán nản, hoặc cảm thấy vô vọng. Kết quả là môi trường giáo dục của chúng ta có quá nhiều góc ngách để cái xấu ẩn nấp, có quá nhiều khu vực sẵn sàng che chở cho cái xấu khiến nó luôn an toàn.

Đành rằng quy hết trách nhiệm cho riêng nền giáo dục, cho các thầy cô về sự nảy nở những thói xấu của bọn trẻ thì rõ ràng là không công bằng. Khi xã hội trở nên vụ lợi, tham lam, thực dụng, tàn nhẫn; khi những giá trị thiêng liêng không còn được đề cao nữa, khi những lời nói dối trở nên được coi là bảo bối để tiến thân, thì mọi thứ đều rẻ rúng chứ đâu chỉ tình thầy trò.

Nhưng nhà trường, thầy cô cũng không thể được biện hộ bởi những lý do đó. Bởi nhà trường, thầy cô luôn được hưởng những siêu giá trị tinh thần từ cộng đồng và toàn xã hội. Còn gì thiêng liêng hơn sứ mệnh ươm mầm và che chở cho tương lai và không phải ai cũng được tôn vinh như vậy? Tiếc thay, nền giáo dục trong đó thầy cô là đại diện, chưa bao giờ kém tin tưởng như hiện nay.

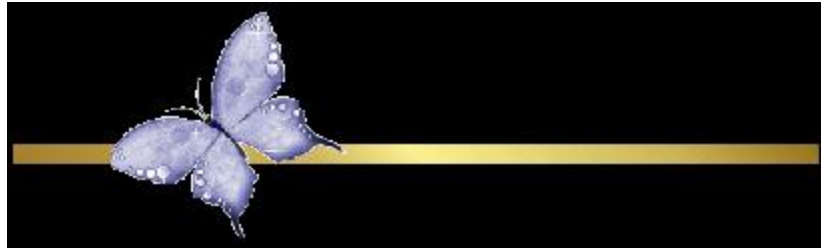
Thêm vào đó là quá trình con buôn hóa học đường (Từ chuyện chạy trường chạy lớp, mua điểm, đến việc cưỡng bức học thêm) diễn ra ở khắp nơi, nhất là tại các thành phố lớn. Khi những đứa trẻ phải làm quen với nghệ thuật đút lót, nói dối từ bé, kéo dài suốt năm này qua năm khác, suốt một đời học trò thì khi lớn nên nó không khô cần, nuôi mối thù hận, lạnh lùng, thực dụng mới là chuyện lạ. Nhưng hậu quả chắc chắn không

dừng lại ở đó. Và hiển nhiên bắt những đứa trẻ ấy phải kính trọng thầy cô, coi như những bậc cha mẹ tinh thần, thật cũng khó mà công bằng.

Nói ra điều này, tôi phải thành thật xin lỗi trước những thầy cô đang vắt kiệt mình cho mỗi trang giáo án bằng lương tâm lớn lao của người làm thầy: nếu cứ tiếp tục dạy trẻ con nói dối, tạo ra một thế hệ mang ơn giả vờ thì chẳng khác nào chúng ta đang đào huyệt chôn tương lai của mình. Khi một đứa trẻ con hồn nhiên cầm cái đinh vạch thẳng lên vỏ chiếc ô tô đất tiền, phá hủy tài sản người khác, phá hủy một cách rất thích thú; khi một đứa trẻ vị thành niên sẵn sàng đâm vào mặt người già, bạn gái, bốc đầu xe máy, thở cả khói thuốc vào phụ nữ, chửi lại thầy cô, bố mẹ... thì không thể bảo nó là đứa vô giáo dục, mà là xã hội, nhà trường không trang bị cho nó những thứ có thể tạo ra hàng rào ngăn cản cái phản văn hoá, không dạy cho nó (bằng những lời chân thành, bằng làm gương của chính mình) rằng những việc làm như thế là đáng xấu hổ, thậm chí đáng bị nguyền rủa.

Càng ngày càng ít người còn can đảm, sự trong sạch và trách nhiệm để kiên nhẫn làm điều đó một cách không vụ lợi? Thậm chí ai làm thế bị coi là lạc lõng. Tất cả buông tay bỏ mặc cho cỗ xe giáo dục không phanh lao thẳng xuống vực thẳm đầy bóng tối. Và như vậy, thay vì có thể hy vọng vào những điều tốt đẹp ở phía trước, chúng ta cũng đang đẩy nhau đến chỗ phải *đối mặt với tương lai* – với tất cả ý nghĩa cay đắng của cụm từ đó.

Trở lại với câu chuyện về tình thầy trò, tôi chỉ có thể nói làm thầy khó lắm. Nếu mà hiểu đúng chữ Thầy thì làm thầy còn khó hơn là làm cha. Số tiền mà cha mẹ học sinh phải bỏ ra cho những lễ nghĩa trá hình như vừa nêu ở trên – thực chất là trả thù lao miễn cưỡng cho thầy – suy cho cùng, không phải quá lớn so với nhiều khoản chi khác của họ. Số tiền thầy, cô nhận được cũng không ghê gớm gì so với thu nhập của nhiều đối tượng khác. Nhưng tất cả chúng ta, trong đó có các thầy cô, phải trả thù lao rất đắt, đắt gấp ngàn lần, cho việc học lại cái điều đơn giản nhất: làm một người tử tế.



Kính thưa các trẻ con

Không ai phủ nhận một thực tế đau buồn là cuộc sống giờ đây vô cùng bất an. Ngay cả cứ ở yên trong nhà cũng không thoát bị tai ương rình rập. Còn khi đã bước chân ra ngoài đường, nghĩa là bạn phải đối mặt với rất nhiều rủi ro không thể nào lường trước: tai nạn giao thông, tụt chân xuống hố ga, mất cắp, bị bắt nạt... Nhưng có lẽ rủi ro lớn nhất, thứ rủi ro không chừa bất kỳ ai chính là sự vô cảm của mỗi thành viên xã hội, sau đó là của cả đám đông. Bi thảm nhất là cái gốc ác tính của sự tha hóa này cắm sâu trong tâm hồn mỗi cá nhân, có khả năng di căn và làm biến dạng nhân cách họ. Những người mắc loại bệnh này sẽ mất dần mối quan tâm, như một bản năng sống lương thiện, trước những rủi ro có thể xảy ra, hoặc bất hạnh đang diễn ra, với người khác.

Chưa ai thử làm một nghiên cứu nghiêm túc xem thói vô cảm của người Việt như hiện nay bắt đầu từ khi nào và vì sao nó lại cứ mỗi ngày thêm trầm trọng. Công bằng mà nói, chính sự thiếu nghiêm minh của luật pháp cũng đáng bị coi là một phần nguyên nhân. Vẫn xảy ra nhiều chuyện “oan gia” theo kiểu “làm phúc phải tội”, vô tình bào chữa cho thói vô cảm. Còn lại, người ta bám vào cả trăm ngàn lý do để biện minh. Đa số dễ dàng đổ lỗi cho mặt trái của nền kinh tế thị trường. Đó là cách phũ tay rẻ tiền nhất trước một hiện trạng đạo đức đáng xấu hổ mà mình cũng phải chịu trách nhiệm. Bởi vì nhiều nước có nền kinh tế thị trường từ hàng trăm năm nay, như nước Nhật chẳng hạn, người ta có đốn mặt thế đâu. Nhiều người rung mình khi giả định một sự cố kiểu như trận động đất kèm sóng thần tại Fukushima chẳng may xảy ra ở Việt Nam, thì không biết sự thế sẽ ra sao? Sẽ là một sự hoảng loạn lớn trước khi mạnh ai nấy lo, mạnh ai nấy hôi của, mạnh ai nấy đi đường ngang ngõ tắt, đi đêm đi hôm để được ưu tiên trong cứu trợ, để thấy mình khôn ngoan, giỏi xoay chuyển hơn người, “tỉnh” hơn người như đã từng thấy qua các trận lũ lụt. Sẽ chẳng có mấy ai tự vấn liệu làm như vậy có đều, có khôn nạn hơn người? Bởi vì chỉ cần một chút liêm sỉ cũng đủ ngăn người ta không ăn chặn tiền cứu trợ, không khai khống nạn nhân để lấy tiền đút túi, không bỏ mặc cảnh đồng bào ngập lặn giữa biển nước để đi chè chén trong nhà hàng, quán karaoke bằng tiền ngân sách... Nó cho thấy

rõ nhất một điều, từ thói vô cảm tất yếu đẻ ra sự hèn nhát, giả dối, cơ hội, ngụy biện, gian manh, đố kỵ và cuối cùng là tội ác.

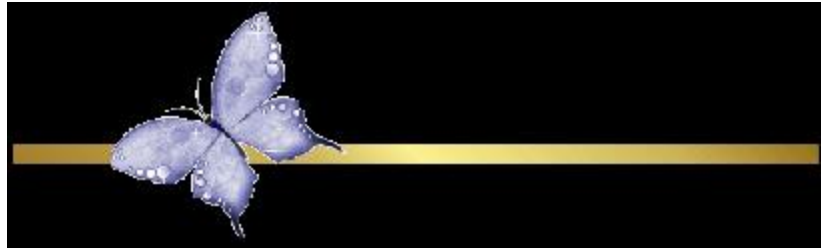
Sống trong một xã hội vô cảm nguy hiểm như thế nào? Vì nghĩ rằng không ai xả thân cho mình, bạn cũng sẽ lựa chọn cách hành xử tương tự với người khác, như sự báo thù và như một khôn ngoan. Đến lượt người khác, người khác nữa cũng sẽ làm như vậy. Không cần phải giàu trí tưởng tượng cũng hình dung được những gì sẽ xảy ra trong cái cộng đồng ấy. Khi không thể trông mong vào sự giúp đỡ của người khác, khi hàng trăm người dừng dừng đi qua trước một nạn nhân quằn quại nằm trên đường; khi đám đông bỏ mặc kẻ yếu đuối nào đó bị hành hung, bị truy bức, bị kẻ khác trấn lột; khi phụ nữ, người già, trẻ em... không là đối tượng phải nhường nhịn, ... thì bước ra đường cũng đồng nghĩa là việc bạn đang lao vào chốn nguy hiểm, nguy hiểm hơn cả đi một mình trong rừng rậm đối mặt với bóng đêm và các loại thú dữ.

Thú thật, tôi rất kinh sợ một cuộc sống như vậy vì nó chẳng khác gì gửi thân vào chốn sa mạc! Nhưng rất may cho tôi (và có thể cho cả bạn) là vẫn còn có những đứa trẻ chưa kịp thành người lớn mà tôi sắp nêu tên sau đây, cùng với bạn bè của chúng mà tôi không thể nào biết hết, đã hành động theo cách tạo ra hy vọng. Chúng thật đáng kính xét theo mọi tiêu chí thang bậc. Các trẻ con nhân cách lớn ấy thực sự đã dạy cho lũ người lớn nhân cách bé bài học đơn giản nhất về tinh thần xả thân. Giả dụ khi lao xuống dòng nước cứu các em nhỏ, Nguyễn Văn Nam (lớp 12T7 xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An) chỉ cần lóe lên ý nghĩ – như đa số người lớn sẽ nghĩ – rằng, nếu chẳng may em bị nước cuốn trôi, sẽ chẳng có ai cứu và nếu em nhát vì em vẫn là trẻ con, thì 4 đứa bé đã không còn cơ hội sống trên đời. Đó thực sự là hành vi anh hùng và tôi muốn Nguyễn Văn Nam sớm có tên trong bản danh sách những người Việt anh hùng!

Chắc chắn không người lớn nào trong số chúng ta đủ lòng yêu thương một cách vô tư để có thể ròng rà công bạn đến trường suốt 3 năm, 5 năm, 9 năm... như em Nguyễn Thị Định ở thôn Hội Phú, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, Phú Yên; hoặc như em Nguyễn Thị Lân, học sinh lớp 11B8, Trường THPT Lê Văn Hữu, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa và hàng trăm em khác trên cả nước. Đó là thứ công việc thuộc loại khó nhất trên cõi đời này. Chỉ cần gợn lên chút tính toán thiệt hơn là không ai còn đủ sức để làm. Nào có kém gì việc đời non lấp biển. Khác chẳng,

một đằng chỉ là cách nói văn vẻ, còn một đằng là hành động thật. Không hiểu sao khi vào Google gõ cụm từ “công bạn đến trường”, chỉ mất 30 giây đã cho ra khoảng 1.400.000 kết quả, tôi vừa mừng vừa cảm thấy xấu hổ. Mừng vì cái kết quả ấy giống như bản thông báo rằng, vẫn còn nhiều hy vọng ở tương lai; xấu hổ vì nếu thay những đứa trẻ ấy bằng những người lớn, như bản thân mình chẳng hạn, liệu có được cái kết quả đơn giản mà kỳ diệu ấy không? Chắc chắn là không. Nếu tôi – gã người lớn – rơi vào hoàn cảnh của Thang Thị Cử, học sinh lớp 6C, THCS Mường Lai, Yên Bái – liệu tôi có đủ can đảm và sự trong sạch để trả lại 40 triệu đồng nhặt được? Một số tiền bằng cả cơ nghiệp của vùng quê nghèo như nơi em Thang Thị Cử sinh sống. Gã người lớn là tôi có đủ lý do để không làm điều “dại dột” đó. Tôi đang rất cần tiền, người thân của tôi đang rất cần tiền, trong khi tôi không hề ăn cắp; có lẽ trời thương tôi nên hướng mắt tôi về phía cái ví; có thể số tiền đó của một người rất giàu, thậm chí là tiền mà ông ta hay bà ta lấy cắp của công quỹ... Tóm lại, không còn số tiền đó, ông bà nào kia cũng chẳng làm sao, nhưng có số tiền đó, cuộc đời tôi sẽ thay đổi, bố mẹ tôi bớt vất vả, bạn bè đỡ nhìn tôi thương hại... Khi đã tính toán bằng những ý nghĩ đen tối nhiều đến như vậy thì sự hèn hạ có thừa thời gian để lên vào, làm tổ trong tim óc, tự ý đưa ra quyết định theo cách của nó. Còn với em Thang Thị Cử, em chỉ nghĩ đơn giản, số tiền đó là của người khác, một người đang có nguy cơ trở thành bất hạnh và em không thể sung sướng trên nỗi bất hạnh của họ. Tiêu tiền không phải của mình là việc làm đáng xấu hổ. Em nghĩ đơn giản, bởi với em mọi sự đều minh bạch, rõ ràng, dễ phân biệt như đen và trắng. Tương tự như thế trong trường hợp em bé Nguyễn Ngọc Khang, 6 tuổi, học sinh lớp 1, Trường tiểu học Trần Quốc Toản, thuộc xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, Đồng Nai, khi em dứt khoát từ chối sự cám dỗ để bạn em không trở thành nạn nhân của hành động xấu xa bỉ ổi. Những người lớn chúng ta sẽ còn mất nhiều thời gian cho câu hỏi: tại sao em bé mới sáu tuổi đã có hành động tức khắc đầy lý trí và đạo đức như vậy? Trong khi chưa thể tìm ra câu trả lời, chúng ta hãy cùng cầu nguyện cho sự trong trắng ấy mãi mãi ở lại với em và bạn bè của em.

Xin những người lớn đừng sốc nếu đến lúc nào đó, mỗi khi mở miệng trước bọn trẻ, thay vì cao đạo răn dạy, chúng ta phải nói: kính thưa các trẻ con!



Tình yêu, tình dục và clip sex

Quan niệm duy tình thần thì cho rằng, tình yêu là thứ tình cảm siêu đẳng, thoát tục, không bợn chút phàm trần, gắn với tinh thần xả thân, hy sinh, dâng hiến vô điều kiện. Nó lý tưởng hóa đối tượng, với sự sùng bái tuyệt đối người mình yêu. Người được yêu hiện ra trước người yêu nó trong thứ ánh sáng đẹp lạ thường mà những người ngoài cuộc không thể nhìn thấy. Vì thế, tình yêu thật sự chỉ có khi không gắn với thể xác, tức là không tình dục. Nói khác đi, khi nào tình cảm trai gái dẫn đến quan hệ thân xác, thì khi đó tình yêu chấm dứt, chỉ còn lại sự vụ lợi lẫn nhau giữa hai cá thể khác giới để đạt được những thỏa mãn tầm thường. Vì thế, hành vi tình dục chỉ được coi là cách duy trì nòi giống.

Ở hướng ngược lại thì tình dục được đề cao như là động lực duy nhất khiến tình cảm yêu đương trai gái nảy nở và có sức hấp dẫn đặc biệt. Bản thân được tuyệt đối hóa. Mọi lời tán tỉnh hoa mỹ chỉ là sự che đậy những ham muốn bị chi phối bởi thân xác. Không có sự ham muốn ấy thì mọi tình cảm say đắm chỉ là giả vờ, bệnh hoạn hoặc bịa tạc. Những người đề cao tình dục đã tạo ra cả một cuộc cách mạng trong thế kỷ 20, đòi quyền được thỏa mãn tình dục mà không bị kỳ thị.

Phàm mà cái gì bị tuyệt đối hóa ở cõi đời này, đều thiếu thực tế và đẻ ra những phản ứng cực đoan. Khi tình dục bị cấm kỵ, nó đẻ ra sự lén lút, giấu giếm, tìm nơi ẩn nấp là những không gian mờ ám. Nhưng khi nó được giải phóng, được đề cao, được công khai hóa, bị lạm dụng trong việc diễn giải những quyền hạn của con người, thì nó đẻ ra vô số biến thái méo mó cả về hành vi và thái độ sống. Ví dụ trước đây, ai mà nói đến tên các cơ quan sinh dục, thuốc tránh thai, thuốc cường dương, tình trùng, dương vật, âm hộ, các tư thế làm tình, điểm G... có thể bị xem là thấp kém về học thức, hoặc truyền bá văn hóa độc hại, cổ vũ lối sống trác táng, trụy lạc. Còn ngày nay có thể gặp những quảng cáo về tình dục ở bất cứ đâu. Thậm chí quảng cáo tình dục, dưới mọi hình thức, thuộc loại nhiều và rầm rộ nhất hiện nay. Cứ như là ngoài tình dục ra, ngoài tận hưởng niềm vui do thân xác mang lại, cuộc sống chẳng còn gì đáng quan tâm hơn.

Điều đó ảnh hưởng trước hết đến nhận thức, sự hoàn thiện thể xác và tinh thần của lớp trẻ, đối tượng chính của bài viết này. Hiện tượng quan hệ tình dục sớm, coi thường hậu quả hay tệ hơn, tổ chức làm tình hoặc cưỡng hiếp tập thể, quan hệ nam nữ rồi quay thành clip... xảy ra ở khắp nơi, từ thành thị đến những vùng nông thôn hẻo lánh. Các hành vi ấy biểu hiện sự lệch chuẩn về văn hóa, nhân cách là điều ai cũng dễ dàng công nhận. Nhưng ít người thấy và dám đối diện với sự thật sau: những lệch lạc đó không phải bắt đầu từ bọn trẻ và hậu quả cũng không kết thúc ở chúng. Bọn trẻ chỉ công khai hóa những gì người lớn che đậy, lấp liếm và vì thế, như một sự trừng phạt, bắt họ phải chịu trách nhiệm cuối cùng do những hành vi đó gây ra.

Khi một đứa trẻ bắt đầu thủ dâm mà vẫn không hình dung ra người ta quan hệ, sinh đẻ thế nào như cách đây vài chục năm, rõ ràng là chẳng hay ho gì, phản ánh sự phiến diện của giáo dục. Chắc chắn nó để lại hậu quả xấu. Nhưng cũng đứa trẻ ấy, mới ở cấp tiểu học đã thành thạo chuyện làm tình khác giới, có thể thoải mái chứng kiến tận mắt qua ảnh và phim sex, rồi ngày ngày phải nghe ra rả quảng cáo về đủ thứ liên quan đến tình dục, nghe các bậc phụ huynh nói oang oang chuyện phòng the, thì tâm hồn nó không vẫn đục sớm và bản thân nó không thành hiểm họa mới là chuyện lạ. Cơ thể nó bị cưỡng bách phải lớn vượt lên so với sự phát triển tuần tự của học vấn, tinh thần. Tình dục không còn là tò mò giới tính, như tò mò một trong những bí ẩn nhất của con người, mà trở thành trò chơi thể hiện bản thân, có thể thực hiện ở bất cứ đâu. Nó dẫn đến căn bệnh gọi là sự trơ trẽn hóa. Clip sex (và việc lạm dụng nó) là thể hiện rõ nhất của căn bệnh đó. (Còn khi clip sex bị lợi dụng, thì đã là tội ác, không phải là chủ đề bàn tán ở đây). Với clip sex, mà để có nó phải phơi cơ thể trần truồng ra trước ống kính, thì những phản ứng xấu hổ (khiến người ta đỏ mặt hoặc lúng túng) trong các cử chỉ yêu đương, vẫn tồn tại hàng ngàn năm, như một bảo chứng của sự thiêng liêng trở thành buồn cười, vô nghĩa, chỉ đáng thương hại.

Giờ đây rõ ràng là chẳng ai mất công tranh cãi tình yêu có cần sex hay không cần sex. Nhưng trong hầu hết các xã hội văn minh, kể cả những xã hội tôn thờ tự do cá nhân, thì đều đề cao sự che đậy kín đáo mọi hoạt động gần với tình dục, chẳng hạn quan hệ trai gái, hay những bộ phận sinh dục, những cơ quan nhạy cảm trên thân thể có thể kích thích sự ham muốn... như là biểu hiện của văn hóa, thậm chí là của đạo đức. Ai cũng

biết khi một người nam và người nữ nằm chung chăn gối, thì nhất định họ sẽ quan hệ tình dục. Hàng ngày bọn trẻ vị thành niên đều biết rất rõ ràng, bố mẹ chúng không chỉ ngủ chung với nhau trên giường, mà còn làm những việc khác nữa, thậm chí chúng biết tường tận cả những thao tác mà họ sẽ thực hiện. Nhưng biết rõ trong đầu là một chuyện, thấy tận mắt là cả một vấn đề rất lớn về thẩm mỹ, đụng chạm cả đến phát triển nhân cách. Làm tình không phải là việc xấu. Nhưng phô phang chuyện quan hệ cho mọi người thấy, thì chưa ở đâu trên thế giới này người ta chấp nhận. Trong rất nhiều trường hợp nó khiến tâm hồn con người bị tổn thương sâu sắc, thậm chí tạo ra những tình cảm căm thù và ý hướng phá phách.

Vấn đề này luôn vượt khỏi mọi khả năng kiểm soát và phán xét của xã hội. Nó ở giữa ranh giới của tự do và cấm đoán, giữa cấm tù và giải phóng tinh thần, giữa quyền cá nhân và giới hạn luân lý cũng như nghĩa vụ với cộng đồng, vì thế không đơn giản cứ luật hóa là có thể giải quyết.

Vì thế, mọi xã hội, phát triển hay còn lạc hậu, như một bản năng sinh tồn và đạo đức, đều có những quy ước về cách thức bảo vệ bọn trẻ trước sự cám dỗ thân xác. Chẳng hạn hành vi bày cảnh sex ra trước mắt bọn trẻ chưa trưởng thành là không thể chấp nhận được. Những bộ phim có cảnh làm tình, những quầy sách báo có tranh ảnh khỏa thân, đều ghi cảnh báo yêu cầu đối tượng là trẻ con, trẻ vị thành niên không được xem. Cha mẹ và xã hội có trách nhiệm giám sát con cái mình thực hiện những quy ước đó. Dần dần chúng hình thành nên thói quen văn hóa cho toàn xã hội và cho các công dân. Người ta không vi phạm không phải do bị luật cấm, mà do cảm thấy làm thế là đáng nguyên rủa. Nghĩa là từ nỗi lo bị trừng phạt bởi các điều luật, chuyển thành nỗi lo bị lên án bởi xã hội, nỗi lo bị coi là vô trách nhiệm với tương lai, là thấp kém về văn hóa, thẩm mỹ, nhân cách... Chỉ đến khi đó mới hy vọng thiết lập được hành lang an toàn cho bọn trẻ trước mặt đen tối của tình dục.

Quá trình chuyển “từ lượng thành chất” đó có thể mất nhiều thời gian. Nhưng khái niệm độ dài thời gian chỉ tồn tại khi có sự bắt đầu nào đó. Còn khi không ai làm gì cả, bỏ mặc bọn trẻ phát triển tự nhiên, thì hôm nay hay ngày mai, thập kỷ sau... chả có chút ý nghĩa nào.

Đáng buồn và đáng lo ngại thay, chính chúng ta đang trong tình trạng này. Trẻ con của chúng ta đang bị cưỡng hiếp tinh thần ngày ngày,

ở khắp mọi nơi, ngay từ gia đình, trong sự thiếu cảm giác về thảm họa của người lớn. Vì thế câu chuyện tình yêu, tình dục, hội chứng clip sex của bọn trẻ và hậu quả xã hội tiêu cực không thể lường hết của những hành vi ấy và ảnh hưởng của nó đến tương lai giống nòi, thậm chí đến sự phát triển của dân tộc, vẫn cứ còn là câu chuyện phải bàn rất dài.



Trẻ con nhà nghèo gửi ở đâu?

Trẻ em của các gia đình trung lưu, gia đình khá giả, thì luôn có sẵn những cơ sở nuôi dạy trẻ để họ lựa chọn vì họ được quyền chọn nơi mình muốn để sống, làm việc. Còn với những gia đình giàu có, con cháu của các quan chức thì vấn đề không phải là gửi ở đâu, mà gửi ở đâu thì được chăm sóc tốt nhất. Bởi vì xét cho cùng thứ khó nhất là phải có nhiều tiền thì với họ lại là việc quá đơn giản.

Nhưng những đứa trẻ may mắn nằm trong số vừa kể chỉ chiếm phần nhỏ trẻ em của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đang ở độ tuổi gửi trẻ hoặc mẫu giáo. Số đông còn lại thuộc con em của những gia đình chỉ đủ ăn, có bố, mẹ là công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc nhà máy, nhân viên hành chính ba cọc ba đồng... Ngoài ra còn một số lượng không hề nhỏ những đứa trẻ con nhà nghèo, hoặc nghèo ở mức cùng cực, hiện diện khắp nơi, trong mọi thành phần dân cư thì dù có thương xót chúng đến đâu đi chăng nữa, cũng không thể bàn gì về chuyện chúng sẽ được nuôi dạy ở đâu trong độ tuổi chưa đi học?

Hóa ra khoảng cách giàu nghèo ngày nay thấy rõ nhất ở mức mà bọn trẻ được thụ hưởng sự quan tâm và những phúc lợi xã hội.

Điều đáng phải suy nghĩ là trong các đạo luật liên quan đến trẻ em, trong Công ước quốc tế về quyền của trẻ em mà Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới đặt bút ký cách nay hơn 20 năm, thì mọi trẻ em đều có quyền được chăm sóc sức khỏe, y tế, giáo dục ở mức tốt nhất mà xã hội có. Chỉ xin phép dẫn ra đây một số nội dung liên quan.

Trong phần II của “Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em” năm 2004, có tới 10 điều quy định các quyền cho trẻ em. (Bạn đọc nhớ cho đây là bộ luật, chứ không phải là văn bản quy định). Điều 12: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Điều 16: Quyền được học tập, cũng ghi rất chi tiết: trẻ em có quyền được học tập. Trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải trả học phí.

Còn đây là các quyền ghi trong Công ước quốc tế mà chúng tôi đã dẫn. Quyền được sống: bao gồm quyền của trẻ em được sống cuộc sống

bình thường và được đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất để tồn tại và phát triển thể chất. Đó là mức sống đủ, có nơi ở, ăn uống đủ chất, được chăm sóc sức khỏe. Quyền được phát triển: gồm những điều kiện để trẻ em có thể phát triển đầy đủ nhất về cả tinh thần và đạo đức, bao gồm việc học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động văn hóa, tiếp nhận thông tin, tự do tư tưởng, tự do để có thể phát triển hài hòa. Quyền được bảo vệ: bao gồm những quy định như trẻ em phải được bảo vệ chống tất cả các hình thức bóc lột lao động, bóc lột và xâm hại tình dục, lạm dụng ma túy, sao nhãng và bị bỏ rơi, bị bắt cóc và buôn bán.

Như vậy là đã rất rõ ràng, rằng, mọi trẻ em, không bị phân biệt, đều được thụ hưởng những quyền lợi vật chất, tinh thần mà xã hội có trách nhiệm dành cho chúng và nhà nước phải đảm bảo để quyền đó được thực hiện.

Nhưng đúng là giữa lý thuyết và thực tế luôn cách xa nhau một trời một vực. Để bạn đọc không bị phân tán, chúng tôi tạm thời chỉ giới hạn đối tượng được bàn ở đây là trẻ em đang trong độ tuổi gửi trẻ, mẫu giáo, nghĩa là hoàn toàn thụ động, phụ thuộc 100% vào người lớn nên cũng dễ bị tổn thương nhất. Chúng ta hãy cùng tìm xem những đứa trẻ ấy ngày ngày được gửi nuôi dạy, chăm sóc ở đâu?

Ở các vùng nông thôn xa xôi, miền núi, miền biển... thì chúng tự thích nghi là chính. Còn tại các thành phố, khu chế xuất, khu công nghiệp chúng đang được phó mặc cho đủ loại cơ sở trông trẻ tư nhân, đa số là tự phát, thiếu mọi tiêu chuẩn tối thiểu về vệ sinh, an toàn cũng như nghiệp vụ chăm sóc. Bố mẹ chúng, khi gửi con tại những cơ sở ấy, hoàn toàn biết rõ như vậy nhưng họ không có bất cứ lựa chọn nào khác cho con mình. Ở nhà trông con thì mất việc. Gửi con thì không có nhà trẻ hoặc không đủ tiền lo một suất nhà trẻ công lập. Nuôi người giúp việc thì quá sức về tiền bạc và càng không an tâm. Thôi thì méo mó có hơn không, đành nhắm mắt đưa chân phó mặc con cho sự may rủi, vớt vại con mình vào những nơi ghi là nhận trông trẻ, kể cả biết rằng có thể mình đang gửi trứng cho ác.

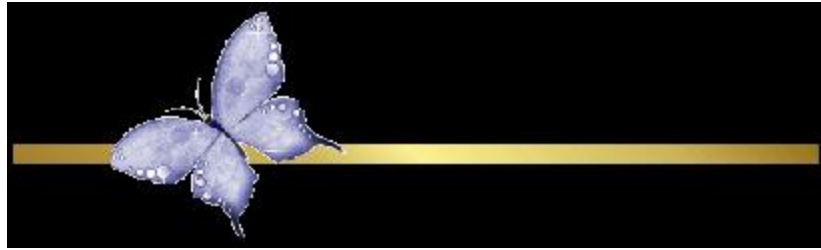
Thử xem điều gì đang xảy ra với bọn trẻ ấy? Chỉ cần lướt qua báo chí đã đủ rùng mình và xấu hổ. Thôi thì có đủ kiểu hành hạ mà chúng phải hứng chịu từ những bảo mẫu máu lạnh. Thêm vào đó là hàng trăm, hàng ngàn tai họa rình rập chúng ngày ngày, từ gãy chân, què tay, thủng

đầu... do ngã, rồi ngộ độc thực phẩm, bị người lớn đánh đập đến chết, bị bỏ đói, bị bắt cóc...

Và cũng luôn có cả trăm ngàn lý do người ta viện ra để bào chữa cho thực trạng này. Một trong những lý do được nhắc đến nhiều nhất là nhà nước không đủ tiền để mở trường nuôi dạy trẻ. Chuyện đó thì nhàm rồi, ai chả biết, mặc dù không phải lúc nào và ở đâu cũng thông cảm được. Nhiều nơi người ta chỉ quan tâm xây trụ sở to như cung điện, xây sân vận động hoành tráng, xây nhà văn hóa cầu kỳ... kể cả xong bỏ hoang để lấy oai, lấy thành tích và để ăn chia tiền hoa hồng. Có nơi chính quyền chỉ ưu ái cho những dự án thương mại trong việc cấp đất, huy động nguồn lực. Việc xây trường nuôi dạy trẻ luôn ở chót cùng của thứ tự ưu tiên. Sự tăm tối theo kiểu béc ngấn cần dài này, đáng buồn thay, lại vẫn cứ được cổ vũ ngấm từ những lời ban khen vô lối, vô cảm, thiếu suy nghĩ, cốt làm đẹp lòng nhau. Chưa thấy có ai bị kỷ luật, cách chức vì tội phớt lờ quyền lợi của trẻ con? Những nơi như vậy không thể bảo là thiếu tiền, mà nói thẳng ra là thiếu lương tâm và thiếu tầm nhìn.

Nhưng kể cả khi bất khả kháng về tiền bạc, thì không có nghĩa là chúng ta có quyền bỏ mặc, bỏ rơi bọn trẻ. Luật đặt ra không phải để đùa. Nếu không sẵn lòng tốt, thì hãy thực thi nghĩa vụ. Nếu ý thức tôn trọng luật pháp luôn thường trực trong đầu các cấp lãnh đạo, nếu quyền của trẻ em được họ coi trọng, nếu tình thương của họ với thế hệ tương lai không phải là vờ vịt, đạo đức giả, thì chúng vẫn có thể được quan tâm thấu đáo ngay cả khi chính quyền không có tiền. Khi đó quyền lợi của bọn trẻ sẽ được tính đến tại mọi dự án kinh tế, mọi ý tưởng về phát triển. Chẳng hạn để một khu công nghiệp, một cơ sở sản xuất, kinh doanh được phép hoạt động; để một khu đô thị mới được phê duyệt xây dựng, điều kiện bắt buộc phải có nhà gửi trẻ, trường học cho trẻ em... với quy mô tương đương, lượng nhân lực hay dân số mà nó sẽ đón nhận, liệu có ông chủ doanh nghiệp nào dám bỏ qua quyền lợi để có thể phớt lờ? Đừng chờ lòng tốt từ những con cá mập quanh năm đói khát, thèm cần xé! Còn với các xã, phường, thôn bản... chính quyền cấp trên hoàn toàn có thể đặt ra điều kiện là cơ sở giáo dục, nuôi dạy trẻ phải là thứ có trước mọi công trình mang tính công cộng và việc đó phải được coi là tiêu chí hàng đầu khi đánh giá năng lực, phẩm chất và tầm nhìn của bất cứ ông lãnh đạo lớn bé nào.

Chúng ta đã quá quen với khẩu hiệu: hãy dành những gì tốt nhất cho trẻ em. Một khẩu hiệu rất hay và thời thượng. Nhưng xin hãy thể hiện sự tốt đẹp của mình bằng hành động nghiêm túc, từ trên xuống dưới, chứ không nên chỉ trên lời nói.



Nhờ dư luận

Nếu có ai đó kỳ công ngồi cộng trừ các vấn đề tiêu cực được nêu ra qua vài kỳ họp Quốc hội, rồi so sánh với việc chúng được khắc phục, sửa chữa, loại bỏ đến đâu, sẽ phải tiếc cho sự nhiệt tâm của mình đã bị vô hiệu hóa đơn giản như thế nào. Dù sao thì việc đó còn có thể làm được. Nhưng việc tính đếm, cộng trừ thiệt hại, tổn thất mà toàn xã hội phải gánh chịu do đầu tư trí tuệ, công sức, thời gian, lòng chân thành và lòng tin không đúng chỗ, thì không phép tính tự nhiên nào thực hiện được đầy đủ.

Tôi không nói chỉ để chơi.

Trong cuốn từ điển Đào Duy Anh xuất bản bởi Minh Tân năm 1950, từ “dư”, ngoài những nghĩa khác, còn được giải thích là “công chúng”, từ “luận” là bàn bạc, suy xét, phê bình. Vì thế từ ghép “dư luận” có thể hiểu là bàn bạc của công chúng, suy xét của công chúng hay phê bình của công chúng đều được cả, đều nhằm nói lên cái nghĩa mà mọi người đang hiểu là “tiếng nói của số đông”. Cụ thể hơn thì “dư luận” là tiếng nói mang tính nhận định của nhiều người, của cộng đồng về một vấn đề nào đó ít nhiều liên quan đến họ. (Mọi người bàn thảo, bình phẩm, cổ vũ hay lên án...) Vì là tiếng nói, quan điểm của nhiều người nên dư luận không bao giờ thống nhất về cách nhìn nhận, cách đánh giá vấn đề đang được xã hội quan tâm. Nhưng chính vì thế mà dư luận luôn là một sức mạnh. Thậm chí với đời sống bình thường, ở xã hội dân sự, dư luận đóng vai trò chủ đạo trong điều tiết các loại hành vi của tổ chức hay cá nhân. Không ai, không lực lượng nào có thể bất chấp mãi được dư luận, kể cả khi họ có trong tay binh hùng tướng mạnh hay tiềm lực kinh tế khổng lồ.

Phạm vi nhỏ là dư luận trong một tổ chức, cộng đồng. Lớn chút nữa là quốc gia, khu vực. Lớn nhất là dư luận thế giới. Dù lớn hay nhỏ, cách tác động của dư luận vẫn theo một cách duy nhất là tạo áp lực tinh thần. Dư luận thực chất là thể hiện gián tiếp ý chí của đám đông.

Xã hội càng văn minh thì càng cởi mở về thông tin, tức là càng coi trọng dư luận, trước hết bởi vai trò gây sức ép của nó. Một sự kiện, một lời nói, một việc làm nào đó... nhờ Internet, sẽ nhanh chóng lan truyền ra

cả cộng đồng, bị đặt dưới mối quan tâm của hàng triệu người. Hàng triệu người ấy lập tức tỏ thái độ, đưa ra những bình phẩm, phán xét... để cuối cùng sự kiện, lời nói, việc làm nào đó đáng được cổ vũ hay cần phải bị lên án. Sức mạnh tinh thần nhanh chóng biến thành sức mạnh vật chất dưới mọi biểu hiện. Nếu chỉ là vấn đề đạo đức, thẩm mỹ, thuần phong mỹ tục... thì nó gây sức ép để thay đổi theo hướng mà số đông muốn. Còn nếu liên quan đến pháp luật thì dư luận can dự vào những quyết định hình sự.

Vì thế dư luận là một lực lượng xã hội không ai được coi thường. Một vụ xả thải của công ty Vedan, sự kiện chôn thuốc bảo vệ thực vật của Nicotex, những vụ bạo hành trẻ em, hàng trăm vụ tham nhũng lớn nhỏ, hàng chục vụ cá lớn nuốt cá bé trong kinh doanh vi phạm đạo đức nghề nghiệp và luật cạnh tranh, những tranh chấp dân sự về nhà cửa đất đai... tất tần tật đều nhờ dư luận mà không thể thoái thác trách nhiệm giải quyết. Nếu chỉ các bên liên quan biết với nhau, nếu thông tin bị bưng bít, chắc chắn sẽ rất nhiều trong số những vụ đó rơi vào im lặng, thỏa thuận ngầm, đi đêm để qua mặt luật pháp, thậm chí mất hút ngay khi vừa xảy ra.

Điều đó cho thấy, sợ dư luận là một thái độ còn lành mạnh về đạo đức. Sợ dư luận không chỉ sợ mang tai mang tiếng, mà còn sợ bị lạc đường. Vì sợ dư luận mà người ta biết dừng lại khi đứng trước ranh giới của tội ác. Vì biết sợ dư luận mà người ta điều chỉnh hành vi ngay khi nó mới còn trong dự định, để không bị lên án. Vì biết sợ dư luận mà kẻ mạnh không thể áp đặt những tiêu chuẩn phi lý cho kẻ yếu hơn mình. Tức là dư luận góp vào việc tạo ra công lý, thậm chí tạo ra sự công bằng.

Nhưng có vẻ như những biểu hiện ấy đang dần trở thành quá vãng, ít nhất là trong xã hội ta. Nếu như trước đây việc làm sai trái nào đó bị đưa lên mặt báo, là cả một trách nhiệm, thì giờ đây điều đó chỉ còn cái vẻ hình thức bên ngoài. Báo chí có thể cứ tha hồ nói, tha hồ phê phán, tha hồ gây áp lực... tạo nên những cơn sóng thần dư luận, nhưng đối tượng bị chỉ trích chỉ giả vờ run sợ. Thực chất họ chẳng coi ra gì. Họ chỉ cần duy nhất môn võ lì là hóa giải tất cả. Nói mãi thì rồi cũng phải mệt. Mọi người có thể bị thu hút lúc đầu, nhưng chẳng ai đủ kiên nhẫn để theo dõi cả một quá trình mà họ biết sẽ rất dài. Trong khi xã hội thì sự kiện nóng nảy chưa kịp nguội, đã lại có những sự kiện nóng hơn, đáng quan tâm

hơn, hấp dẫn hơn về mặt nội dung. Dư luận luôn mệt mỏi, bỏ cuộc trước khi vấn đề, do chính đòi hỏi của dư luận, phải đi đến ngã ngũ.

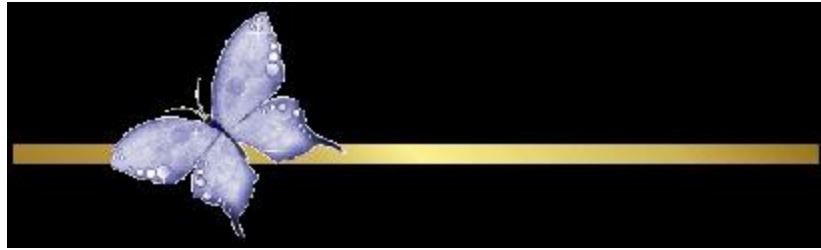
Hiện tượng này tạm gọi là nhờn dư luận. Chúng ta chỉ cần quan sát quá trình chất vấn và trả lời chất vấn trên diễn đàn Quốc hội cũng đã đủ thấy. Dăm bảy năm trước, thậm chí vài ba năm trước, bất cứ vấn đề nóng nào của đất nước đều khiến không chỉ các đại biểu chú ý, những người có trách nhiệm giải trình quan tâm bằng nỗi lo lắng có thật, mà cử tri cũng kiên nhẫn theo dõi. Còn giờ đây, chỉ người đưa ra câu hỏi và cử tri sốt sắng, còn phần lớn nhân vật chính là người phải trả lời thì đã kịp tìm ra phương thuốc kháng lại rất hiệu quả là trả lời mà như không trả lời. (Tôi nói phần lớn vì vẫn còn những người dám đối mặt một cách trung thực và không ngại nhận trách nhiệm).

Phương thuốc đó chỉ đơn giản là câu giờ. Câu giờ có nhiều cách. Hoàn việc trả lời, với đủ lý do, nào là còn tổng hợp, nào là quên văn bản, tìm cách thay việc phải trả lời thẳng trên nghị trường cho cả nước nghe, bằng cách trả lời riêng theo đường công văn, thực chất là không trả lời gì cả, kịp cho đến khi vấn đề tự nguội; không thoái thác được thì trả lời vòng vo, giải thích dài dòng để phân tán sự chú ý, chiếm hết quỹ thời gian và làm mất kiên nhẫn đối tượng theo dõi. Nhưng cách mà các vị này hay dùng nhất là cứ trả lời, hỏi gì đáp nấy ở mức có kiểm soát; cứ hứa: hứa to hứa nhỏ đều rất thành khẩn; cứ nhận thiếu sót... thậm chí rất thống thiết, bởi thiếu sót thì thánh thần cũng khó tránh. Nhận thiếu sót cũng dễ làm mũi lòng người quan tâm. Nhưng điểm quan trọng nhất là thực hiện lời hứa, thực hiện việc sửa chữa, sửa sai, khắc phục yếu kém, tức là phải trả lời đến cùng vấn đề dư luận nêu ra, thì họ lờ tịt đi một cách có chủ ý, bằng thái độ thi gan với một sự lì lợm đầy bản lĩnh. Họ biết rõ không ai đủ sức lì lợm được như họ, bởi còn biết bao vấn đề khác phải quan tâm. Và thế là bao nhiêu công sức dư luận bỏ ra để tìm vấn đề, xới vấn đề, hâm nóng vấn đề; bao nhiêu sự chú ý mang tính chính trị, gây áp lực xã hội, cuối cùng không cần phải tốn thêm chút sức nào cũng tự tan, tự nguội đi hoặc biến mất. Khoảng cách giữa hai lần họp Quốc hội, khoảng cách của những sự kiện luôn vừa đủ để cho mọi người lại có vô khối vấn đề để quan tâm mà quên những vấn đề trước đây.

Điều đó cho thấy bệnh nhờn dư luận, tưởng chỉ là phép tu từ ngôn ngữ, thực chất là một căn bệnh đã hiện hình, có triệu chứng lâm sàng, có biểu hiện bệnh lý rõ ràng và có sức hủy hoại rất khủng khiếp. Tức là

ngoài nạn tham nhũng của cải dưới dạng vật chất đang ngày một trầm trọng, làm suy kiệt nguồn lực quốc gia, chúng ta cũng đang phải đối mặt với nạn tham nhũng lòng tin, làm nản chí mọi thiện ý với đất nước.

Của cải mất có thể tìm lại được, làm bù được. Nhưng một khi lòng tin đã mất thì vô phương cứu chữa.



Sống với thế giới ảo

Không ai có thể hình dung nổi, chỉ mất có vài chục năm, nhân loại đã tạo ra thêm cho mình một thế giới không thua kém gì thế giới mà Chúa Trời tạo ra về mức độ phức tạp, đa dạng, bí ẩn và hấp dẫn, không có giới hạn địa lý, gọi là thế giới ảo. Nhưng sẽ còn khó hình dung hơn nếu ngày nào đó cái thế giới ấy biến mất.

Cứ thử giả định ngay ngày mai cái thế giới ảo, sản phẩm hoàn toàn nhân tạo ấy bị xóa sổ, không biết chuyện gì sẽ xảy ra với trái đất này? Một sự rối loạn khổng lồ trên toàn cầu là điều có thể thấy trước? Theo đó sản xuất ngừng trệ do thiếu ý tưởng, tắc nghẽn thông tin và do hàng hóa ứ đọng, hàng triệu chuyến bay bị hoãn lại, con người bị cắt đứt phần lớn sự giao lưu. Những tai họa không thể kiểm soát được diễn ra khắp các châu lục. Do thông tin bị đình đốn dẫn đến vô số hiểu lầm giữa các quốc gia. Những hiểu lầm ấy có thể chỉ trong vài giây khởi động một cuộc hủy diệt trái đất. Và thế là chấm hết luôn cái thế giới thực phải mất mấy tỉ năm mới có bộ mặt như ngày hôm nay.

Liệu những mô tả về ngày tận thế có đáng sợ hơn?

Sự thật thì con người không thể nào thiếu thứ gọi là thế giới ảo được nữa. Thậm chí, họ đang dần chuyển đời sống thực của mình vào thế giới ấy. Ngay cả lịch sử cũng sẽ cư trú ở đó dưới dạng số hóa cho đến khi thế giới thực biến mất. Có thể nói, nó là phiên bản thứ hai của thế giới này. Vì thế, mọi nỗ lực ngăn cản thế giới ảo phát triển sẽ bị coi là phản động. Và, một điều tưởng như nghịch lý đang xảy ra: không gì thực hơn cuộc sống trong thế giới ảo!

Việt Nam chúng ta còn nhiều thứ lạc hậu so với khu vực, nhưng riêng trong lĩnh vực kiến tạo một quốc gia ảo thì chúng ta đang ở top đầu về tốc độ phát triển. Một phần ba dân số thực có sổ hộ tịch ảo. Rất nhiều trong số đó trở thành lãnh chúa về mặt tài lực và quyền lực, có thể chi phối nhiều đối tượng dân cư, trên cả một diện rộng dư luận. (Những người sở hữu tài sản trên sàn chứng khoán, tài sản thương mại ảo, những cá nhân nổi tiếng...) Cũng không ai quăng chục năm trước hình dung ra điều này, thậm chí ngay cả khái niệm công dân mạng đã rất quen thuộc hiện nay. Vì thế, giống như một xã hội phát triển quá nóng,

chúng ta đang có một quốc gia ảo không có quy hoạch về hạ tầng, vô cùng lộn xộn trong sinh hoạt, đặc biệt rất thiếu luật lệ. Cũng có nghĩa là chúng ta đang đối mặt với một vấn đề cực kỳ hệ trọng của quốc gia.

Thực ra tình trạng đó không chỉ xảy ra với riêng Việt Nam. Bằng chứng là những tổ chức ngăn chặn tội phạm từ xã hội ảo trên thế giới cũng ra đời rất muộn, khi hàng trăm ngàn thảm họa đã xảy ra. Khái niệm an ninh mạng chỉ mới trở thành quen thuộc và được luật hóa với rất nhiều quốc gia. An ninh mạng thực chất là thiết lập một trật tự luật pháp trong thế giới ảo. Tức là đưa những tiêu chuẩn văn minh thực áp dụng vào cuộc sống ảo. Nhưng vì nó không hiện hình cho nên kiểm soát cái thế giới ấy, tạo cho nó một nền an ninh trật tự là vô cùng khó.

Điều này lẽ dĩ nhiên là càng rất khó với Việt Nam, nơi mà các nguồn lực còn rất hạn hẹp và nhiều sự phát triển thiếu tương xứng. Những vụ tội phạm mạng do người nước ngoài tiến hành ở Việt Nam trong thời gian qua, nói rất rõ một điều là chúng ta đang trở thành địa điểm còn nhiều an toàn cho chúng. Tức là “Việt Nam ảo” còn rất nhiều khoảng trống về an ninh. Nhưng đó là cả một vấn đề lớn chúng tôi không dám lạm bàn. Điều chúng tôi quan tâm mang tính thiết thực với đời sống hằng ngày: đó là cảnh báo về những tai họa hiện thực một cách trần trụi, có nguồn gốc từ thế giới ảo.

Bất cứ ai chỉ cần mỗi ngày click vài cú chuột, cũng phải đối mặt với những thông tin tội phạm có nguyên nhân từ mạng Internet xuất hiện dày đặc. Mà chúng cũng chưa phải là tất cả. Có cả trăm ngàn hình thức gây tội ác đang được thực hiện vô tình hay cố ý. Chỉ cần một tin nhắn vu vơ trên mạng, xuất phát từ một cảm hứng thiếu văn hóa nào đó, đã có thể giết chết một hoặc nhiều mạng người. Chỉ cần một lời gièm pha cay độc, gia đình nào đó đã tan nát tất cả những gì gây dựng nhiều chục năm; chỉ cần vài lời tố tình vu vơ, cuộc đời cô bé cả tin nào đó bị ném xuống địa ngục; chỉ vì bắt chước hành động diễn ra trong trò chơi, cậu bé nào đó thần nhiên chặt đứt cổ ông nội... cùng hàng trăm vụ việc đau lòng khác đều từ thế giới ảo. Những tên cướp nhà băng ngày nay không cần đến vũ khí đầy mình, xe tốc độ cao để gây án, mà chỉ cần vài cái máy tính, vài bộ thiết bị trong một căn phòng hơn chục mét vuông, có điều hòa, có camera cảnh báo, có tủ đựng rượu và thức ăn ngon, có bồn tắm mát xa... nghĩa là điều kiện gây tội ác dựa vào thế giới ảo tiện lợi hơn rất nhiều những gì vẫn diễn ra một cách cổ điển. Điều nguy hiểm ở đây

là nhiều khi kẻ thủ ác hoàn toàn không biết mình phạm tội, không nhìn thấy nạn nhân do mình gây ra vì thế không bị ám ảnh bởi tội ác, không bị sức ép truy lùng từ phía luật pháp. Điều đó còn có tác dụng kích thích ham muốn thể hiện bản thân, ở những vùng tăm tối của con người. Tức là phương diện phạm tội thực hiện thông qua thế giới ảo sẵn và khó nhận dạng hơn cả trăm ngàn lần hung khí thật. Trong khi đó nơi ẩn nấp của tội phạm lại có ở khắp nơi và cực kỳ an toàn.

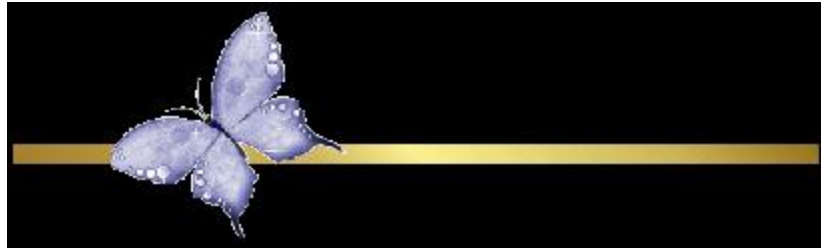
Không thể nào dẫn ra hết một phần những vụ việc đau lòng xuất phát từ thế giới ảo và người viết bài này cũng không định làm cái việc vô công rồi nghề ấy. Điều đáng bàn hơn là làm sao để chúng ta có thể sống an bình trong và bên cạnh cái thế giới ảo mù mịt, vô cùng khó lường nhưng đã là một phần hiện thực của cuộc sống này. Sống được và khai thác, tận dụng tối đa những điều tuyệt vời mà nó tạo ra hoặc đem lại. Quan trọng hơn là không để xảy ra tình trạng bị thảm có những bộ phận dân cư, vì từng là nạn nhân mà nuôi mối thù nghịch thế giới ảo, dùng mọi cách chống lại nó như cối xay gió.

Theo chúng tôi, khác với xã hội thực, cuộc sống thế giới ảo không thể chỉ cần duy trì nghiêm luật pháp là đủ đảm bảo trật tự. Bởi vì trong thế giới ảo không còn khái niệm chủ quyền quốc gia hiểu theo nghĩa về lãnh thổ, không còn biên giới, không còn sở hữu tuyệt đối. Mọi thứ đều nhanh chóng tự ý co giãn theo ý thích của từng cá nhân. Không thể quản họ bằng những chế tài thông thường bởi đa số đều ở ngoài tầm với của những công cụ pháp luật hiện thời. Trên thực tế, chống lại tội phạm mạng là chống lại sự xâm nhập của những sản phẩm trí tuệ rác rưởi. Vì thế, an ninh của thế giới ảo cần nhất ở thái độ sống, tinh thần trách nhiệm và khả năng liên kết của những người tử tế lập thành phòng tuyến dư luận. Đơn vị chiến đấu hữu hiệu nhất chính là gia đình. Có một lời khuyên không bao giờ cũ là mỗi bậc phụ huynh hãy để mắt đến con em mình khi chúng lang thang vào thế giới ảo, nếu còn muốn chúng nguyên lành trong thế giới thực.

Về phương diện quản lý xã hội ảo thì một thứ khế ước văn hóa được sự hậu thuẫn có hiệu quả bởi các luật lệ không khoan nhượng, như kiểu những trang mạng xã hội đang làm rất có hiệu quả, là gợi ý tốt cho chúng ta.

Những nhiệm vụ nêu ở trên cần phải được coi như những đại sự, nếu nhà nước và toàn xã hội ý thức được rằng sự tồn tại của thế giới ảo

không còn chỉ là nhu cầu về một thứ công cụ tiện dụng ngoại nhập, mà đã ở mức một không gian sinh tồn khác của quốc gia.



Thiên thần và quỷ dữ

Khi hung tin cháu bé 18 tháng tuổi bị bảo mẫu đánh chết một cách dã man lan truyền trên các trang mạng, tôi hỏi con trai tôi trong bữa ăn rằng có biết chuyện đó không, thì nó cúi mặt trả lời: “Con có biết nhưng mới chỉ dám đọc cái tựa đề, còn nội dung cụ thể thế nào thì con không đủ sức để đọc.” Tôi hỏi tiếp: “Tại sao?” Đáp: “Vì con cứ mong đó chỉ là tin đồn hoặc người viết rút rút để câu khách, chứ thực sự thì đứa bé không bị chết”. Rồi nó đưa ngón tay lên chấm vào hai bên khóe mắt. Mãi một lúc sau cậu con trai tôi mới hỏi: “Sao lại có thể xảy ra những chuyện như vậy hả bố?”

Lẽ dĩ nhiên là tôi tạm chỉ biết im lặng. Bởi vì chính tôi cũng đang muốn đặt câu hỏi đó, mong có được câu trả lời, chỉ khác là tôi chưa tìm thấy đối tượng để trao câu hỏi. Chắc chắn cũng là câu hỏi của nhiều người khác và mong được trả lời. Vậy rút cục thì vì sao sự tàn ác lại đã đến mức kinh khủng như vậy? Theo dòng thời gian, chúng ta hãy cùng nhớ lại những vụ bạo hành trong đó đối tượng bị hại là những đứa trẻ còn ở tuổi mẫu giáo, mà theo cách quan niệm chung thì chúng đang ở giai đoạn vô tội tuyệt đối.

Vào cuối năm 2007, bảo mẫu Lê Thị Lê Vy tại một trường mầm non tư thục ở quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh đã lấy cuộn băng keo, cắt một đoạn, dán ngang miệng cháu Đỗ Ngọc Bảo Trân 18 tháng tuổi để cho bé không khóc. Kết quả là bé gái tội nghiệp đã tử vong sau đó vài ngày.

Năm 2008, một đoạn clip ghi lại hình ảnh bảo mẫu Quảng Thị Kim ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã “thương yêu, chăm sóc thể hệ tương lai” theo lối của ác quỷ như thế nào. Trong lúc cho các cháu ăn, bà bảo mẫu ác ôn này đã liên tục quát mắng, dọa nạt, dùng tay túm tóc, giật ngửa mặt từng bé để trút cơn vào miệng chúng. Chưa thỏa cơn rồ đòn, bà Hoa còn dùng thước, tay đánh tới tấp vào mặt bọn trẻ mặc dù hầu hết chúng chỉ mới 1- 3 tuổi, biến bữa ăn của các cháu thành những cuộc tra tấn man rợ.

Khi đó mọi người đều uất nghẹn với câu hỏi: “Không biết khi đánh thẳng vào mặt bọn trẻ, bà Hoa nghĩ gì trong đầu?”

Câu hỏi còn chưa có lời đáp thì năm sau, vào tháng 5 năm 2009, màn “tắm đôn” rùng rợn của bảo mẫu hung thần Trần Thị Phụng bị phơi bày. Lại có người úp tay vào mặt không dám nhìn khi cảnh thiên thần trần như nhộng bị đè xuống nền gạch bởi bàn chân ác quỷ, giầy giụa, gào thét kinh hãi trước từng gáo nước to tướng dội thẳng xuống đầu, vào mặt.

Cả xã hội lại lên cơn sốc nặng.

Nhưng ai sốc thì cứ sốc, tháng 10 năm 2010, bảo mẫu Trần Thị Xuân Nữ lại trở thành chủ nhân của một kiểu bạo hành mới: nhốt cháu bé ba tuổi vào thang máy vận chuyển thức ăn và thần nhiên bấm nút, mặc cho cháu bé gào khóc. Kết quả toàn thân bé chảy máu, gây ra chấn thương với mức thương tật vĩnh viễn lên đến 38%.

Nhưng bàng hoàng hơn cả chính là vụ bảo mẫu Hồ Ngọc Nhờ đánh đập và giẫm chết bé gái 18 tháng tuổi, đang gây hoảng loạn cho mọi bà mẹ có con ở tuổi mẫu giáo.

Một câu hỏi đặt ra là: những vụ việc tàn ác vừa nêu liệu đã đủ để xã hội chú tâm nghiêm túc vào lĩnh vực đang tiềm ẩn vô vàn tai họa cho con em của chúng ta hiện nay? Nếu chỉ dừng lại ở những tranh cãi, phỏng đoán và quy kết dựa trên hành vi của cá nhân, sẽ chẳng thể nào cắt được gốc của căn bệnh. Chúng tôi được biết, tất cả những bảo mẫu có tên nêu ở đầu bài viết này, cuối cùng (hoặc sắp tới) đều phải vào tù, chịu hình phạt nghiêm khắc. Rồi đây, khi mãn hạn, họ sẽ còn tiếp tục chịu một hình phạt dài hơn nhiều lần là sự ghê tởm, xa lánh, nguyên rủa của mọi người. Công lý không thể nào khác được. Nhưng những bài học đắt giá như vậy xem ra không nhiều người thuộc hoặc chẳng thuộc được lâu. Mức độ bạo hành con trẻ vẫn diễn ra ở khắp nơi, ngày càng tàn độc hơn.

Chúng ta thử quay lại với vụ đập chết trẻ, do Hồ Ngọc Nhờ là thủ phạm, để làm rõ thêm khía cạnh hành vi cá nhân. Nhờ đang nuôi con nhỏ và lại đang có mang 2 tháng (thông tin từ báo chí). Theo logic thông thường thì bản tính mẹ trong cô ta phải rất mạnh. Bản tính mẹ là tình yêu thương, bao dung, nhẫn nhịn, chịu đựng, cẩn trọng, sự dịu dàng. Vậy tại sao cô ta lại có thể dùng chân đập lên một bé có lẽ vừa lẫm chẫm biết đi, giống như con mình, sau khi chính cô ta để nó rơi xuống đất? Hành động thuận theo tình người (ở đây còn có thêm tình mẹ) phải là sợ hãi, hối hận, tìm mọi cách sửa chữa sự sơ suất cho dù trước đó có bức

xúc đến đâu đi nữa. Nhưng thay vì làm như vậy, cô ta cũng cố chắc chắn thêm cho hành động tàn bạo của mình bằng cách đẩy đến cùng sự man rợ. Phải là người nuôi mối thù hận ghê gớm thế nào thì mới có thể hành động như vậy? Trong trường hợp này đứa trẻ đóng vai trò kẻ bị vạ oan. Câu hỏi đặt ra là, Hồ Ngọc Nhờ thù hận ai, vì sao mà cô ta thù hận?

Chúng ta sẽ phải trả lời được câu hỏi này, trước khi tìm ra giải pháp loại bỏ tệ nạn chứ không chỉ dừng lại ở mức giải quyết hậu quả. Chúng tôi không đủ tự tin để đưa ra bất cứ nhận định vội vã nào, mà chỉ dám nêu ra các giả thuyết sau đây như một gợi ý.

Điều chắc chắn là một người có giáo dục tốt, có kiến thức sẽ không hành động như vậy. Bản năng nhân tính và ý thức về văn hóa, pháp luật (kết quả của giáo dục) sẽ ngăn họ lại.

Một người được đào tạo bài bản về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, ở những trường dạy nghề nghiêm túc, có những bậc thầy giàu lòng yêu thương con người, sẽ không dễ hành động như vậy.

Một người không bị đối mặt với sự cùng quẫn về cơm áo gạo tiền, không bị miệt thị về nghèo đói, không bị xua đuổi do không có chỗ ở ổn định, không bị kỳ thị vị thế xã hội... sẽ không dễ hành động như vậy. Bởi hơn ai hết, họ cần phải bảo vệ hạnh phúc của họ. Mà cái hạnh phúc ấy chỉ bền vững khi nó được bắt đầu hoặc là khởi nguồn từ hạnh phúc của người khác.

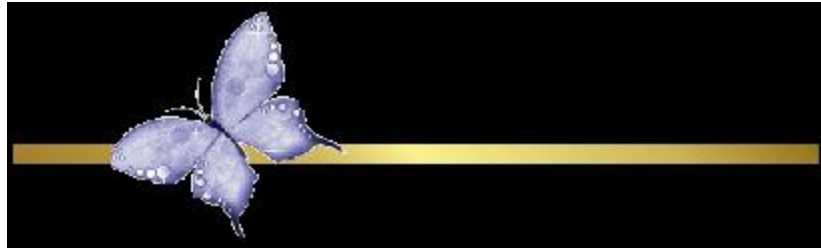
Một người được chọn lựa kỹ lưỡng bằng những thủ thuật sư phạm trước khi đào tạo họ thành bảo mẫu, sẽ hạn chế những hành động xúc phạm thân thể và nhân cách trẻ. Bởi phần lớn những kẻ có dấu hiệu như vậy đã bị loại bỏ trước.

Chúng tôi không quy kết trách nhiệm cho ai khi để những cơ sở nuôi dạy trẻ mọc lên lan tràn, tạm bợ, bất chấp quy chuẩn về không gian, vệ sinh, sự an toàn, với vô số những giáo viên thiếu phẩm hạnh làm thầy, được đào tạo qua loa về nghề... (bởi với cách tổ chức của xã hội ta, việc đó là rất khó và dễ gây bất công) nhưng hậu quả của nó (như chúng ta biết) thì chắc chắn có nguyên nhân từ đó.

Điều cuối cùng tôi muốn nêu lên, như một ngạc nhiên đầy tiếc nuối, là chúng ta có những bài học sống về chăm sóc và thương yêu con người đáng lẽ phải được nghiên cứu nghiêm túc, nhân rộng, quảng bá, làm gương để học theo nhưng không hiểu sao lại ít được chú ý (vì những

lý do vớ vẩn nào đấy!): đó là tấm lòng nhân hậu của các bà xơ trong những trại phong. Vì sao sự tận tụy lại có thể tràn ngập ở bất cứ góc ngách nào tại cái nơi chỉ bao gồm những kẻ bệnh hoạn bị cách ly và sự tuyệt vọng? Phải chăng vì ở đó chỉ còn lại tình thương yêu vô bờ bến của con người, với một sứ mệnh đạo đức mà việc thực hiện nó không cần phải có bất cứ điều kiện nào?

Chả lẽ đó không phải là điều hướng tới của giáo dục để các nhà chuyên môn dày công tìm hiểu?



Hoa hồng và axit

Không biết suốt quãng thời gian cầm a xít trong tay ngồi rình chờ người mình yêu đơn phương đi qua để hất thẳng vào mặt, khuôn mặt từng khiến anh ta mất ăn mất ngủ suốt bao nhiêu đêm – như chính lời anh ta thú nhận – kẻ thủ ác tên là Nguyễn Văn Dũng nghĩ gì trong đầu? Giá kể biết rõ từng ý nghĩ của anh ta lúc ấy, hẳn ngành tội phạm học lại có thêm việc thú vị để làm còn xã hội thì biết trước mà cảnh giác với những loại người như vậy.

Có thể sẽ còn rất nhiều suy đoán, nhưng một điều chắc chắn là những ý nghĩ ấy sẽ rất lạnh lùng, thẳng băng như một kẻ chỉ dẫn một lèo đến hành động đê hèn, khác xa với một tâm hồn đang yêu thực sự, thường mặc cảm, hồi hộp, lo sợ, luôn bối rối, không rõ ràng về trạng thái cảm xúc. Nhưng đấy chỉ là do tôi đoán thế, dựa trên một vài hiểu biết, bởi rất có thể trong đầu của kẻ phạm tội kia chẳng có nhiều thứ như ta đang hình dung, ngoài một cục đất sét.

Nguyễn Văn Dũng không phải là trường hợp duy nhất hất a xít vào người mình yêu do không được đáp lại. Chuyện đó đã từng xảy ra. Bản thân tôi đã gặp vài đối tượng trong những vụ tương tự, cả phía bị hại và phía gây tội ác. Tôi gặp họ khi mọi sự đã an bài, vì thế tự thấy có cơ hội để tò mò khám phá điều gì xảy ra với họ sau thảm kịch. Và tôi có thể đưa ra vài nhận xét như thế này: nạn nhân thường là bị biến dạng khuôn mặt, trở nên xấu xí, mặc cảm, tuyệt vọng, khép mình, đau khổ có thể cả thù hận nữa, nhưng không ai trong số những người tôi gặp cho thấy họ hối hận vì hành động từ chối tình yêu của mình với đối tượng và vì thế mà bị hại. Còn với những kẻ gây án, sau khi nhận sự trừng phạt, bị nguyên rủa, xa lánh, cũng có phần khép mình, mặc cảm nhưng phần lớn trong số đó (ít nhất cũng là những người tôi biết) không cảm thấy (hoặc không thể hiện ra bên ngoài) sự hối lỗi về hành vi của mình. Đây là điểm dị biệt đáng chú ý với các loại tội ác khác. Thậm chí họ còn ngấm thỏa mãn khi mục đích của mình coi như đã đạt được. Một vẻ đẹp không thuộc về họ đã bị phá nát, bị hủy hoại vĩnh viễn. Từ nay dù nó có thuộc về ai nữa cũng không còn gì để tiếc. Với hành động ấy, coi như họ đã giải tỏa được nỗi ghen tuông có thể kéo dài đến hết đời.

Lẽ tất nhiên những trường hợp cụ thể tôi vừa nêu chưa đủ để khái quát thành một kết luận mang tính khoa học. Nhưng chỉ như vậy cũng đáng để tôi suy ngẫm về hiện tượng nguy hiểm này. Và tôi thiết nghĩ, xã hội cần phải có sự chú tâm thích đáng với hành động tàn ác nhân danh tình yêu, rất khó phán xét, rất khó loại bỏ nếu chỉ đứng dưới góc độ tội phạm học. Nhiều người gọi đơn giản đây là căn bệnh cuồng yêu. Tôi không hoàn toàn nghĩ như vậy. Cuồng yêu, như một thứ tình cảm u mê, có thể gây sự lố bịch, khó chịu, đáng thương trước mắt người mình yêu và người xung quanh. Nhưng nó cũng có nét đáng để trân trọng. “Yêu là chết ở trong lòng một ít” – như lời Xuân Diệu than thở là lời của kẻ cuồng yêu. Yêu đến mức khi bị từ chối, người ta ở vậy cho đến khi chết già, đó là cuồng yêu. Yêu đến mức chỉ nhìn thấy đối tượng xuất hiện trên ti vi cũng khóc rưng rức, đập đầu vào thành giường như nhiều trường hợp tôi chứng kiến, là cuồng yêu. Yêu và không được đáp lại bèn nằm lên đường ray cho tàu cán đứt đôi, là cuồng yêu. Chính tôi đã từng thấy một cô gái hét lên giữa đám đông rồi khóc hu hu khi ai đó nói xấu thân tượng của cô ta, đó là cuồng yêu. Một điều chắc chắn là, với những kẻ như tôi vừa nêu, họ có thể đáng thương, thậm chí đáng giận, đáng cười nhưng không đáng sợ. Thứ nguy hiểm nhất phải lường ở họ là nguy cơ họ tự hủy hoại bản thân.

Còn trường hợp như chuyện đau lòng vừa xảy ra, kẻ cũng được gọi là “cuồng yêu” đã cầm cả a xít mà hấn ta kỳ công mua về, rình người mình yêu hàng tiếng đồng hồ, bình tĩnh xác định chính xác mục tiêu rồi hất thẳng vào mặt, thực hiện hành vi tội ác đến cùng ngay cả khi đã bị ngăn chặn; (hoặc những trường hợp tương tự, tắm xăng đốt bạn tình, hạ thủ bằng thuốc kịch độc, buộc chân tay ném xuống nước cho chết ngạt ngay trước mắt...) thì biết rất rõ việc mình làm, không thể bảo là mất khả năng kiểm soát lý trí. Kẻ mất kiểm soát lý trí thường rơi vào trạng thái điên loạn. Còn trong những trường hợp vừa nêu, tội ác mà họ thực hiện đều đã qua quá trình tính toán kỹ, với hình dung đầy đủ về thảm họa mà hành động gây ra.

Vậy nguồn gốc của tội phạm ở đây là gì? Liệu có thể coi đó như một thứ tội ác nhân danh tình yêu?

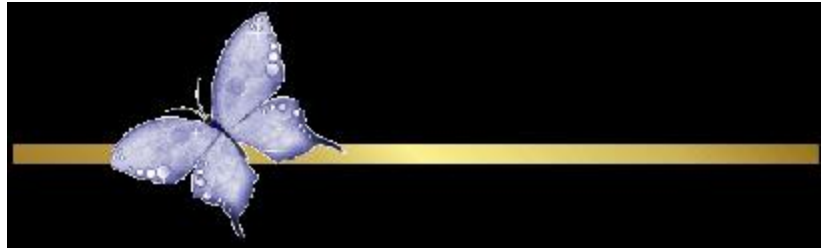
Viết đến đây thì chính tôi cũng thấy bí khi muốn định danh bản chất của một hành động man rợ. May thay tôi có trong tay cuốn *Từ điển Biểu tượng Văn hóa thế giới*, tập hợp gần như đầy đủ quan niệm của

nhân loại, dưới dạng biểu tượng, về những vấn đề gắn với văn hóa. Tôi bèn tra mục Tình yêu để xem nó có những biểu hiện gì, được biểu tượng như thế nào ở các dân tộc khác nhau. Hóa ra, từ nhiều ngàn năm trước, so với bây giờ, có không biết bao nhiêu thứ thay đổi, nhưng tình yêu thì không. Thứ tình cảm này mãi mãi cổ điển. hầu như tất cả đều có chung quan niệm tình yêu là sự dâng hiến, hy sinh, quên bản thân; tình yêu là cho đi, là hòa nhập vào với người khác, là nung chảy bản thân mình để làm vật liệu xây nên hạnh phúc trong một tâm hồn khác biệt. Tổng cộng có khoảng một trăm định nghĩa tiêu biểu. Tôi hồi hộp đọc tiếp và cuối cùng cũng thấy những lời giải thích cho kiểu hành động như tạt a xít của Nguyễn Văn Dũng:

“Tình yêu là một nguồn lực bản thể của sự đi lên, chừng nào nó quá là một sự hòa hợp chứ không chỉ là sự chiếm hữu. Khi bị *suy đồi* thì thay vì sự cho là trung tâm hòa hợp được tìm kiếm, nó trở thành một nguyên lý của sự phân rã và sự chết. *Sự suy đồi của tình yêu* biểu hiện ở mọi sự triệt hạ giá trị của người khác hòng bắt nó làm nô lệ cho mình một cách ích kỷ. Sai lầm cơ bản trong tình yêu là khi một bộ phận tự xem là tất cả”.

Gốc rễ của vấn đề chính là ở hai chữ duy đôi.

Không biết có bao nhiêu bạn trẻ đang yêu, sắp yêu đọc được những dòng này, để suy ngẫm trước khi có bất cứ hành động nào liên quan đến tình yêu? Nhưng đó không phải là đòi hỏi bắt buộc. Họ không đọc những lời ấy cũng không sao, bởi tình yêu, với tất cả những biểu hiện tình cảm cao thượng nhất mà con người đạt được qua quá trình trưởng thành, cũng là một sản phẩm văn hóa mang tính thừa kế. Vấn đề chính là các thế hệ đi trước quan tâm đến quá trình thừa kế của con em mình như thế nào. Nếu như tất cả cùng có mối lo lắng rằng, vô vàn bài học đẹp đẽ về tình yêu, về đạo lý yêu đương, thể hiện trong kho tàng văn hóa, trong thơ ca, âm nhạc, hội họa, ngôn ngữ đời sống, trong chính sự phong phú và đầy thiện tính của tự nhiên hay trong những tấm gương của các bậc phụ huynh... vẫn luôn không đủ đảm bảo cho một đứa trẻ đang lớn có thể tự lập về mặt tình cảm, tự đưa ra quyết định sáng suốt khi thất bại trong tình trường, thì không thể bỏ mặc chúng với bất cứ lý do gì, nhất là trong những tình huống quẩn bách nhất, khi chúng ở giữa hoa hồng và a xít.



Hội chứng hành hạ trẻ con

Tạm thời tôi chỉ xin giới hạn đối tượng bị chính những người ruột thịt của mình hành hạ là bọn trẻ con, để vấn đề đỡ bị loang to quá khuôn khổ của một trang báo. Trước hết tôi muốn làm rõ hai khái niệm: hành hạ và bạo hành. Bạo hành chủ yếu là dùng nhục hình làm đau đớn, thương tật người khác. Bạo hành gắn chặt với bạo lực, cụ thể ở đây là đánh đập bằng chân tay hoặc vũ khí, tra tấn bằng những công cụ gây thương tích. Còn hành hạ thì không chỉ có bạo hành, mà còn là chửi bới, nhiếc móc, làm nhục, làm tổn thương tinh thần, hành động lặp đi lặp lại khiến nạn nhân có thể phát điên hoặc tự tử. Bạo hành đôi khi mang tính bột phát, còn hành hạ là hành vi có chủ ý, được tính toán. Bạo hành, đành rằng là đã man nhưng chưa hẳn đã hết lòng yêu thương, còn hành hạ thì lòng yêu thương cạn đến đáy, chỉ còn trơ lại niềm thù hận.

Vì thế, những gì đang xảy ra mà chúng ta vẫn gọi chung là bạo hành, thì đa số đã ở mức hành hạ, tức là mức tội ác, mức nguy hiểm hơn. Sở dĩ phải là cho rõ ra như vậy vì nếu không sẽ dẫn đến những nhầm lẫn tai hại khác trong hành xử của xã hội và pháp luật với kẻ mắc vào những tội trên.

Có hai dấu hiệu đáng để chúng ta suy nghĩ trong câu chuyện đau xót này. Thứ nhất, đa số đối tượng bị hành hạ bởi người thân của chúng là trẻ con, vị thành niên, người tàn tật,... những người hoàn toàn phụ thuộc về mặt nuôi dưỡng, tức là không dám, không có khả năng chống lại hoặc tố cáo hành vi kẻ hành hạ chúng. Thứ hai, hình như càng ở những xã hội, vùng cư dân phát triển cao về đời sống, phương tiện vật chất, thì tệ nạn trên càng có đất tốt để phát triển ở mức man rợ. Có điều gì trái ngược ở đây? Bởi vì theo logic thông thường thì xã hội càng văn minh, người ta càng nhân văn, tinh tế hơn khi ứng xử với trẻ con, người già và phụ nữ. Thậm chí đó có thể xem là những tiêu chuẩn để đánh giá mức độ văn hóa cao hay thấp của một cộng đồng. Vì thế thực tế vừa nêu, cũng là thực tế vẫn làm nhức nhối dư luận, đang nói lên điều gì? Không thể cứ mãi chỉ là câu hỏi, mà phải có bộ phận nào đó của xã hội được giao nhiệm vụ làm sáng tỏ nghịch lý ấy.

Theo quan sát và suy ngẫm từ bản thân, tôi thử đưa ra mấy lý giải sau. Trước hết, liên quan đến vấn đề thứ hai nêu ở trên, tôi xin kể một câu chuyện. Lần đầu tiên tôi ăn bữa cơm tại một gia đình người Tây cách nay khoảng 20 năm. Hôm đó có thịt gà. Trước khi ngồi xuống mâm, tôi được bạn giật áo nhắc khẽ: đừng có động đũa vào hai cái đùi và hai cái còng cánh nhé. Bấy giờ tôi mới để ý đến những thứ bạn tôi vừa gọi tên, được bày riêng trên một cái đĩa nhỏ (nếu thịt nhiều con gà hay vịt thì số còng cứ thế mà nhân lên). Suốt cả bữa ăn, chúng cứ nguyên như vậy. Rồi người nhà dọn cất đi. Về sau tôi mới biết, những thứ đó chỉ dành cho trẻ con trong nhà. Quả là gia đình ấy có một đứa trẻ, nhưng nó mới hơn một tuổi, làm sao ăn được hết 4 cái còng to tướng kia. Thấy kệ, nó không ăn thì ai đó ăn, hay chẳng ai ăn cả, miễn quan tâm, nhưng người khách có văn hóa là không động vào, không ăn của trẻ con.

Về Hà Nội tôi kể chuyện này với giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, nói cả việc trong kho tàng ngôn ngữ của người Tây và các dân tộc thiểu số khác, không có những từ người Kinh vẫn dùng để chửi trẻ con. Với họ, chửi trẻ con bằng thứ ngôn từ độc ác, chuyển tài diêm gở là không thể tha thứ. Nghe xong, giáo sư Hoàng Ngọc Hiến trầm ngâm giây lát rồi nói: vì họ còn lành mạnh. Có thể diễn giải ý của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến theo cách khác là họ còn chưa kịp nhiễm những căn bệnh của nền văn minh. Mà thời điểm ấy còn chưa loạn chuyện hành hạ trẻ em như bây giờ. Nếu giáo sư Hoàng Ngọc Hiến sống lại và nghe được những chuyện kinh tởm báo chí ngày nào cũng đưa tin, hẳn ông sẽ không lịch lãm về ngôn từ được như khi nói câu nhận xét mà tôi vừa nêu.

Nhưng tại sao lại như vậy, tại sao càng phát triển về mặt vật chất, thì lại càng có dấu hiệu bệnh hoạn trong thái độ ứng xử? Khi tra tấn, hành hạ một đứa trẻ, đẩy nó ra đường, biến nó thành phương tiện kiếm tiền, bắt nó phải ăn uống như súc vật, thậm chí giết hại chúng... thì đây đâu phải là hành vi của con người. Nhưng những kẻ thực hiện điều đó thì rõ ràng cũng không phải là loài vật. Thậm chí đôi ba người trong số đó còn đội trên đầu chiếc mũ trí thức mỹ miều nữa.

Chuyện gì kinh khủng đang xảy ra ở đây?

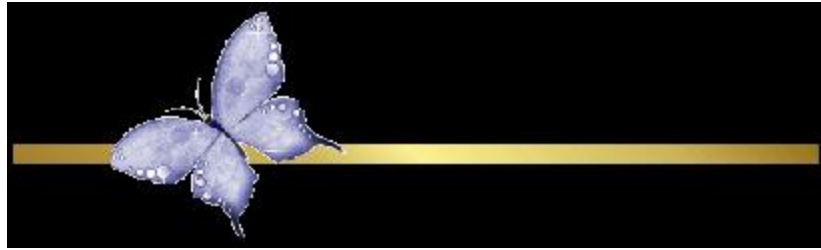
Theo hàng loạt báo cáo, trả lời phỏng vấn của những chuyên gia, nhà quản lý, thì những nguyên nhân của tệ nạn hành hạ trẻ em chủ yếu nhấn mạnh đến tác động từ phía xã hội. Ví dụ vì phân hóa giàu nghèo khiến trẻ em bỏ nhà đi lang thang, vô tình trở thành con mồi trong các vụ

lợi dụng dẫn đến ngược đãi; rồi do pháp luật chưa nghiêm, chưa cập nhật các hành vi bị khép tội hoặc do nhận thức công dân còn kém, quản lý xã hội lỏng lẻo, thậm chí do công tác thanh, kiểm tra còn hạn chế... tức là toàn những nguyên nhân mang tính kỹ thuật.

Có thể những “lỗi” quản lý đó là có thật, nhưng chắc chắn là rất không đủ khi dùng để giải thích, thậm chí giải mã một loại hành vi như kiểu hành hạ trẻ em. Chúng ta luôn phải nhớ rằng, đối tượng hành hạ và bị hành hạ phần lớn có quan hệ huyết thống gần gũi. Nhiều trong số đó là những đứa con mà kẻ hành hạ rút ruột đẻ ra. Không phải lúc nào luật pháp, quản lý xã hội, nhận thức công dân... cũng là cần thiết với mối quan hệ gia đình bền chặt cả về huyết thống và quyền lợi như vậy. Vì thế cần phải có thêm những cái nhìn khác. Một trong những cách tiếp cận ấy là xem tệ nạn trên như hậu quả tất yếu của tư tưởng duy lợi. Trong lịch sử nhân loại, tư tưởng duy lợi nảy sinh và chi phối mạnh mẽ cái xã hội đề cao tính thực dụng và dùng tiền bạc làm thước đo các giá trị, coi việc kiếm tiền là mục đích tối thượng. Tương ứng với nó là thời kỳ chủ nghĩa tư bản man rợ. Theo đó, chỉ còn mục tiêu lợi ích là có ý nghĩa, đóng vai trò thống soái, mọi thứ khác đều là thứ cấp, bị biến thành phương tiện. Đa số những trận đòn ác hơn cả dành cho kẻ thù trút lên đứa trẻ nào đó, được thực hiện bởi chính người thân của nó, phản ánh rõ nhất sự thất bại trước hết về mặt kinh tế của gã phụ huynh - kẻ chủ mưu mù quáng. Sự biến dạng nhân cách của họ là thứ đến sau và nó về hòa với tội ác, khiến cho tội ác lạnh lùng hơn, ít cảm thấy bị cắn rứt lương tâm hơn. Bởi cái lý mà kẻ chủ mưu đưa ra là chẳng ai thương họ thì việc gì họ phải thương người khác, kể cả ruột thịt!

Rõ ràng đó là lý lẽ của những kẻ đáng ghê tởm. Nhưng điều đó không có nghĩa là họ không là thứ nạn nhân đáng thương nào đó. Giờ là lúc chúng tôi quay về với vế thứ nhất của bài viết vẫn còn bị bỏ lại: tại sao đối tượng bị hành hạ thường là những đứa trẻ bị ràng buộc bởi kinh tế, không thể, hoặc mất hoàn toàn khả năng tự vệ? Đơn giản là vì, kẻ hành hạ chúng cũng là những kẻ bị chèn ép, lép vế, thua thiệt, yếu đuối trước sự găm ghieếc của quyền lực được tạo nên bởi tiền bạc. Bọn trẻ khi đó không chỉ bị ghét bỏ bởi nó không hề sinh lợi hay tệ hơn, là vật cản đường cho việc kiếm lợi, mà còn là nơi để kẻ hành hạ nó toàn quyền tự do giải tỏa những ẩn ức bệnh hoạn tích tụ lâu ngày.

Nếu không vì người lớn, thì chẳng đứa trẻ nào trên đời này muốn sinh ra. Đó không chỉ là câu cách ngôn đậm tính triết học, mà là một sự thật có thể chứng nghiệm. Bất cứ ai cũng có thể cảm nhận được rằng: người lớn sinh ra bọn trẻ, nuôi dạy chúng trước hết là vì chính họ, cả trên phương diện sinh học lẫn tinh thần. Vì thế, hành hạ trẻ em là phạm tội với cả trời và đất, cả với quá khứ và tương lai.



Phác thảo một địa ngục

Đây là một ngày bình thường trong gia đình tôi (và cũng có thể nó hao hao như những gì xảy ra trong gia đình của bạn, hay của ai đó khác nữa nhưng vì là đàn ông, nên bạn cũng như tôi, chẳng mấy khi để ý). Tệ hơn – hy vọng điều này bạn khác tôi – vì là đàn ông, là chồng, là gia trưởng nên tôi luôn cho đây là điều mặc nhiên phải vậy.

Điều mặc nhiên thứ nhất: tôi muốn dậy lúc nào là do tôi, nhưng bất kể là khi nào thì lúc tôi từ trên giường xuống, từ nhà vệ sinh ra, đã phải có cho tôi phích nước sôi. Không phải sáng nào tôi cũng uống trà, uống cà phê, nhưng thiếu phích nước sôi là không ổn.

Điều mặc nhiên thứ hai: các con tôi phải được ăn sáng tử tế trước khi đến trường, cặp sách của nó, quần áo nó mặc phải được kiểm tra trước khi nó ra khỏi cổng. Để nó đói, ăn qua quýt, đồ dùng học tập thiếu, áo quần lôi thôi là không ổn.

Điều mặc nhiên thứ ba: tôi có thể ở lại cơ quan bất cứ lúc nào sau giờ làm, bù khú với bạn bè mà không cần gọi điện về nhà, không cần biết bữa tối, vì thiếu tôi, có đầm ấm vui vẻ hay không, con cái về nhà ra sao, có được bình an, ăn uống chu đáo hay không. Nhưng nếu vợ tôi cũng hành xử như vậy, thì, với bất kể lý do gì, đều không xong với tôi.

Điều mặc nhiên thứ tư: tôi chỉ biết khi muốn thay quần áo, diện bộ đi hội họp, hể mở tủ ra là phải có quần áo sạch sẽ, phẳng phiu, thơm tho, được treo vào mắc cẩn thận chứ không phải cứ vo tròn như khi tôi trút ra rồi bỏ ở đầu cầu thang với mùi chua loét. Nếu không như vậy, tôi nghĩ ngay gia đình mình đang có điều gì đó không ổn, chắc chắn lỗi ở vợ tôi và tôi sẽ không để yên.

Điều mặc nhiên thứ năm: trở về nhà sau một ngày, tôi có vài việc được lựa chọn: đi đánh cờ tướng với ông hàng xóm, tản bộ ra phố tán phét chuyện trên trời dưới đất ở quán nước với mấy ông thích hóng hớt, hoặc co chân lên ghế ngồi uống trà xem chương trình ti vi *Cuộc sống thường ngày*, trước khi vào bữa tối. Và bữa tối, bữa cơm duy nhất có mặt đầy đủ các thành viên trong gia đình nên phải thơm tất, nóng sốt và

không được lặp lại các món của hôm trước. Tôi đã yêu cầu như vậy và nhất định phải như vậy, khác ý tôi là không tôn trọng tôi.

Điều mặc nhiên thứ sáu: tôi cần xem chương trình thời sự quan trọng nhất trong ngày, để biết tình hình xung quanh, vì thế tôi sẽ ra phòng khách sau khi rời bàn ăn. Tại đó tôi luôn cần có sẵn phích nước sôi, bộ ấm chén sạch bong, vì tôi khá khó tính khi uống trà. Tôi sẽ thấy bất ổn nếu những yêu cầu đó không được đáp ứng đầy đủ và vô điều kiện.

Điều mặc nhiên thứ bảy: trước khi con cái lên giường, phải đảm bảo chúng đã đánh răng, màn đã buông, quần áo chúng mặc vào sáng hôm sau đã để sẵn ra ngoài, ở chỗ dễ thấy nhất, để hôm sau không phải mất thời gian tìm có thể khiến muộn học. Tôi không chấp nhất những quy định ấy bị bỏ qua hoặc bị đảo lộn.

Điều mặc nhiên thứ tám: tôi sẽ từ phòng làm việc vào thẳng phòng ngủ (mặc dù có thể tôi vào phòng làm việc để chat chit, hoặc nghĩ linh tinh đến người phụ nữ khác với những tưởng tượng lãng nhãng), đó là thói quen của tôi, vì thế những việc khác như kiểm tra cửa, tắt điện, khóa van bếp ga, chuẩn bị bữa sáng hôm sau cho con nhất định không được trông chờ vào tôi. Bất cứ sơ suất nào với tôi cũng là không ổn.

...

Còn vô số điều mặc nhiên khác nữa, phát sinh, thay đổi mỗi ngày, mỗi thời kỳ đến ngay bản thân tôi, người đưa ra quy định, cũng không thể nhớ hết. Nhưng mọi yêu cầu của tôi đều phải được ghi nhớ để thực hiện răm rắp. Vì tôi là đàn ông, nên tôi có quyền như vậy, tôi có quyền đặt ra luật lệ không bao gồm áp dụng cho mình.

Làm đàn ông thật là sướng. Tôi (và có thể cả bạn, những gã đàn ông đã làm chồng, làm cha) quen với sự ích kỷ, bất công ấy nhanh tới mức, nếu giả dụ vợ tôi (hay vợ bạn) có bất cứ phản ứng nào cưỡng lại, đôi khi chỉ là những lời phàn nàn, lập tức họ bị quy kết là làm trái bốn phận, phải gánh chịu những hình phạt.

Nhẹ là trách cứ, lạnh nhạt.

Nặng hơn một chút là mắng mỏ.

Nặng hơn chút nữa là chửi rủa, đánh đập, bạo hành...

Ấy là tôi đã tránh không liệt kê những hành vi dã man hơn kẻ thù, hơn cầm thú, của những gã làm chồng trút lên “một nửa cuộc đời” của

mình, bằng sự ác độc không thể kể lại, khiến hẳn ta phạm tội trời không dung đất không tha (vì báo chí đã làm việc này).

Tôi – và có thể cả bạn – lấy gì đảm bảo để không mắc vào tội tà trời ấy – mà mọi sự dẫn dắt đều bắt đầu từ những “mặc nhiên” lỗi thời như tôi đã kể.

Bởi vì đã bao giờ chúng ta, những gã đàn ông tự hỏi, chúng ta là ai mà có quyền đưa ra những yêu cầu như vậy?

Đã bao giờ chúng ta, những kẻ vẫn huênh hoang là phái mạnh sinh ra để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ mọi sự yếu đuối trước tội ác tự hỏi: đàn áp, nhục mạ, hành hạ một người đàn bà, bất kể người ấy là gì với mình, có xứng đáng về mặt văn hóa và đạo đức?

Đáng xấu hổ hơn, những người bị chúng ta đối xử bất công, luôn được coi là những người thân yêu nhất, người, mà nếu thiếu họ chúng ta vĩnh viễn bị lưu đày trong thế giới như một lũ vô tích sự và chẳng có chút tư cách đàn ông nào.

Nhưng thôi, hãy gác lại những kể lể đau lòng và đáng xấu hổ này, vì nó không xứng đáng tồn tại trong bất cứ xã hội văn minh nào. Hôm nay, bạn hãy nghe tôi nói điều sau đây, điều không còn bất cứ chút bí mật nhỏ: những người đàn bà trên thế gian, những người sinh ra trước hết để làm đàn bà, làm mẹ, làm vợ, làm biểu tượng cho vẻ đẹp và niềm đam mê vĩnh cửu... là may mắn, là quà tặng lớn nhất nhưng vô cùng dễ mở và Chúa ban cho những người đàn ông chúng ta. Món quà đó dễ vỡ đến nỗi chúng ta sẽ phải quý xuống mà đón nhận, bằng tất cả sự cẩn trọng. Bởi vì chỉ cần sẩy tay, bạn sẽ mất tất.

Hãy thử làm theo tôi (vì nó vô cùng đơn giản) là tự đặt vấn mình một cách thành thật, nghiêm túc bằng vài câu hỏi:

- Tại sao bạn có quyền đưa ra vô số những đòi hỏi với vợ mình, mà không nghĩ vợ mình cũng hoàn toàn có cái quyền ấy với bạn?

- Những gì bạn muốn, những gì bạn làm, có gì đảm bảo là vợ bạn không thể muốn và không thể làm, đôi khi chỉ để đáp lại hành động của bạn?

Đây là những câu hỏi rất khó vì nó đòi hỏi bạn phải đi đến tận cùng sự thật. Nếu câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất cho thấy vợ bạn *hoàn toàn có quyền*, chỉ cần bằng nửa bạn thôi, và câu trả lời cho câu hỏi thứ

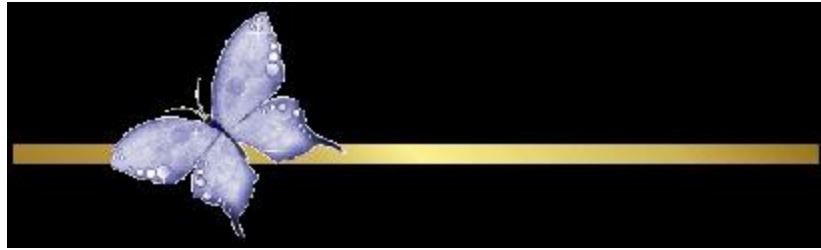
hai là vợ bạn *hoàn toàn có thể*, thì bạn có thêm câu hỏi thứ ba: “Vậy khi đó sự thể sẽ ra sao? Bạn sẽ ra sao? Cuộc sống của bạn sẽ ra sao?”

Hãy tự trả lời bạn, vì điều đó còn đơn giản hơn cả nội dung câu hỏi.

Đáp án mà tôi tìm ra cho riêng mình trong trường hợp tương tự chỉ đơn giản gồm hai từ: Địa Ngục.

Vâng, khi ấy (nếu những gì tôi đang kể không phải là giả định) gia đình tôi sẽ là một địa ngục và tôi thì luôn mang theo bên mình một địa ngục.

Còn bạn, gã đàn ông, bạn hãy lựa chọn. Nhưng tôi báo trước: lần này **chả** có bất cứ điều **mặc** nhiên nào dành riêng cho bạn cả, cho dù bạn vẫn cứ là đàn ông. Tôi chỉ có một lời khuyên cho bạn: đừng tự vẽ ra địa ngục cho mình!



Gà rác

Hẹn nhau từ trước Tết nhưng vì nhiều lý do nên tôi và ông bạn làm ở ngành ngân hàng không sao gặp nhau được. Sang mồng 8 Tết, thấy không khí xuân đã nhạt, không tiện mời về nhà nên chúng tôi rủ nhau đi đánh chén ngoài nhà hàng. Chúng tôi quyết định chọn món lẩu. Sau Tết, ăn lẩu, húp xì xụp thứ nước thơm mùi thảo mộc là thượng sách. Tôi bèn nhanh nhẩu hiến kế là gần cơ quan tôi có món lẩu sụn gà ác rất lạ mà cũng rất hợp với không khí sau Tết. Bạn tôi vừa nghe đến đó thì rùng mình xua tay:

- Chớ, chớ, tôi chưa muốn chết sớm đâu.
- Sao ông lại nói vậy? Ăn lẩu chứ có phải ăn thuốc độc đâu!
- Lẩu đúng là món tôi khoái khẩu, vì nó nóng sốt, nhiều rau, lại không ngấy. Nhưng lẩu gà thì tôi không duyệt, trừ do vợ tôi làm.
- Tôi biết là ông yêu vợ rồi, nhưng nếu vậy thì lại phiền đến các bà ấy...
- Tôi chưa nói hết. Lẩu vợ tôi làm chắc khó mà đủ vị như lẩu nhà hàng, nhưng thịt gà thì chắc chắn là sạch, chứ thịt gà làm lẩu ở quán thì dễ là loại gà... rác lắm!
- Gà rác? Ông có nói sai không đấy? Ý ông muốn chỉ loại gà ác đang mốt hiện nay, toàn thân đen như bồ hóng, mang từ miền Tây Bắc về?
- Gà đó thì nói làm gì, vừa bổ vừa lành. Nhưng đầu năm ai ăn gà đen? Tôi nói gà... rác chứ đâu có nói gà ác.
- Lại có cả loại gà đó nữa, tôi chưa nghe bao giờ.
- Vậy thì để tôi kể cho ông nghe, mặc dù có thể ông cũng biết rồi nhưng không để ý đấy thôi.

Và anh bạn kể cho tôi về xuất xứ của loại gà... rác mà anh sợ như sợ một thứ dịch bệnh mỗi khi nhắc tên.

Hóa ra chuyện bạn tôi kể y hệt như những gì tôi xem trên đài truyền hình. Đó là tệ nạn buôn gà lậu có xuất xứ từ Trung Quốc qua biên

giới. Từng đoàn người vượt qua đồi, qua sông, cõng theo những bu gà dài chấm đất, nối đuôi nhau như đàn kiến tha mồi, khi gặp sự truy đuổi của nhà chức trách thì bỏ chạy thực mạng... khiến giống như cảnh trong phim hài! Sau đó những con gà lậu được tập kết rồi được tống lên những chiếc xe đủ loại, với đủ kiểu ngụy trang, với đủ mảnh khỏe lách luhn... chạy vùn vụt trên đường Lạng Sơn – Hà Nội để về xuôi.

- Nhưng ông có biết cuộc hành trình của những con gà ấy dừng lại ở đâu không? – Bạn tôi bất ngờ hỏi và khi thấy tôi có vẻ ngơ ngác thì anh tự trả lời luôn: Đích đến cuối cùng của những con gà ấy là cái dạ dày của hàng triệu người Việt mình. Người Việt mình cho nhau xài món... rác ông ạ.

Vậy là đã rõ vì sao anh kinh hãi món lẩu gà. Bởi anh không chắc chắn món thịt gà ăn kèm không phải là rác! Xét kỹ lý lịch của những con gà ngoại quốc ấy thì thấy hóa ra bạn tôi lo xa rất chính đáng. Ở Trung Quốc chúng được nuôi theo kiểu công nghiệp để sản sinh ra trứng. Chúng phải đẻ hết công suất. Nghĩa là có bao nhiêu sức lực đều bị vắt kiệt, chỉ trong vòng vài năm. Người ta cho chúng ăn những loại thuốc kích dể, tiêm vào thân thể chúng đủ thứ kháng sinh. Vì thế khi bị đẩy ra khỏi chuồng trại, con nào con ấy xác xơ, bệnh tật đầy mình. Thông thường chúng được những chủ cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thu gom với giá chỉ tương đương 10 ngàn đồng Việt Nam một ki lô gam, rẻ y như thu mua rác công nghiệp. Trên thực tế thì chúng đúng là một loại rác, hoặc đỡ ác khẩu hơn thì cũng phải gọi đích danh là một loại phế liệu sống.

Quá trình trên vẫn diễn ra trên đất Trung Quốc nhiều năm qua. Cho đến khi xuất hiện đám người từ Việt Nam sang thu mua loại “gà rác” đó. Thế là đáng lẽ ra khỏi chuồng trại, những con gà ấy vào thẳng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, thì nay chúng được tập trung lại, vỗ béo, trang điểm cho giống như gà thịt rồi đóng lồng để đưa qua biên giới, sang Việt Nam, với cái tên mới là “gà xuất khẩu”. Vốn chỉ để làm thức ăn cho gia súc, nay lại thành thức ăn cho người, nên giá của nó cũng phải tương xứng! Những chủ chăn Trung Quốc đúng là ngủ mơ gặp tiên giữa ban ngày! Họ vừa bán được thứ phế thải sống với giá hời, vừa đỡ công vận chuyển. Họ chỉ cần tống được hàng ngàn tấn rác ấy qua khỏi biên giới, còn sang bên kia người ta làm gì họ không cần quan tâm. Trong khi đó ở phía “bên kia” – tức là phía Việt Nam – đám “gà rác” ấy nhanh chóng

được phân loại: những con còn khỏe thì cho hồi sức rồi trà trộn vào đám gà sạch bản địa để bán với giá gấp hàng chục lần giá thu mua, đánh lừa người tiêu dùng từ gốc. Còn những con ngấp ngoải hoặc chết, thậm chí đã có mùi thì được chế biến, tẩy bằng thuốc ướp xác, bằng lưu huỳnh, bằng pin thối.... thành những con gà vàng ươm, béo căng bày trên các sạp thực phẩm ở siêu thị, hệ thống các chợ cóc, các nhà hàng... để rồi chúng thành món gà rán, gà nướng, gà hầm thuốc bắc, gà xé phay nộm muối tiêu cay, gà rang gừng, gà hầm sâm, lẩu gà (tôi chợt thấy rùng mình!)... không thể liệt kê được hết các món. Người dân Việt cứ thế mà ngốn ngấu món gà rác, tấm tắc khen ngon mà không biết rằng mình đang thành cái máy nghiền rác thải và nạp vào cơ thể cơ man nào là thuốc độc!

Kể đến đây bạn tôi chưa chát nhận xét:

- Lợi nhuận khiến người ta bất chấp tất cả: luật pháp, sự nguy hiểm cho sức khỏe, dư luận...; vì miếng ăn người ta có thể bằng dè, lợi suốt, bất chấp tính mạng có thể bị mất bất cứ lúc nào; những cái đó, đành rằng là sai, là dốt nát nhưng phần nào vẫn có thể thông cảm, tha thứ được. Tiền thì ai chả ham. Đói thì đầu gối phải bò. Lợi nhuận gấp hai, gấp ba, thậm chí gấp năm gấp bảy... ai chả lác mắt! Nhảy vào lửa cũng sẵn sàng kia mà! Ở đâu trên thế gian này cũng đều có thể xảy ra chuyện như vậy.

Nhưng gieo rắc sự nhục nhã thì không thể tha thứ. Nhục nhã nhất là khi chúng ta cho nhau ăn thứ thiên hạ thải ra, còn đâu là quốc sỉ! Nó đích thị là một sự đầu độc ở diện rộng, cả trên khía cạnh y tế và văn hóa! Liệu tiền nào đổi được sự an toàn của nòi giống. Tiền nào chuộc lại được danh dự. Mà cũng liên quan đến họ và con cháu họ cả đấy chứ.

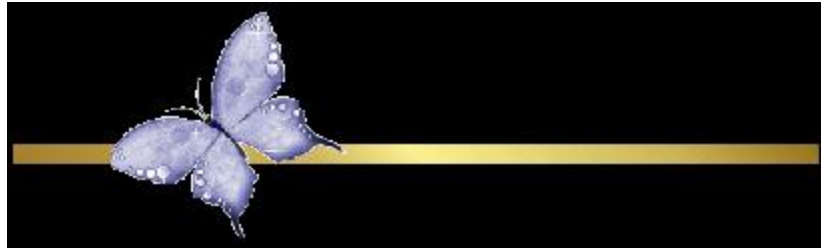
Bạn tôi dừng lại một lúc, nét mặt vụt trở nên u uất:

- Tôi là người đa cảm, dễ mủi lòng nhưng khi nhìn bọn người nhếch nhác chở gà lậu mà thấy khinh bỉ, trong khi đáng lẽ phải là sự thương hại, cảm thông. Bởi vì có những thứ không được chạm tới giới hạn, với bất cứ lý do nào: trường hợp cụ thể này là danh dự quốc gia và sự an toàn của đồng bào. Vậy mà họ thì ngày ngày giẫm đạp lên. Họ làm mình cũng thấy xấu hổ lây. Trời ạ, người mình đã đến nỗi nào đâu mà đi ăn cả... rác của thiên hạ như vậy cơ chứ?

Chợt anh quát lên:

- Nhiệm vụ của những người như ông là phải nói cho mọi người biết về những điều hệ trọng ấy. Rằng, họ có thể tránh được luật pháp, trốn được dư luận, nhưng không thể trốn thoát chính bản thân mình khi ngày ngày phải đối mặt với những hậu quả mà họ gieo rắc lên cộng đồng. Họ làm gì thì làm nhưng phải có một tí ti lương tâm để biết đến đâu thì dừng lại.

Chúng tôi quyết định không ăn lẩu gà, mà cũng chẳng thể ăn được bất cứ món gì khi tâm trạng kẻ thì bức tức, đứa thì rùng mình như vừa thoát nạn chết tập thể. Tôi hứa với bạn tôi là ngay sau khi chia tay, tôi sẽ ngồi xuống bàn để viết về điều kinh khủng mà anh vừa kể và vận động dư luận chính thức định danh những con gà thải loại nhập lậu qua biên giới Việt-Trung là gà rác (giống như tên **lợn gạo** hay **thịt bò điên!**), để bất cứ ai có ý định nghĩ đến chúng cũng sẽ phải rùng mình như chúng tôi!



Rượu độc, thực phẩm bẩn và giống nòi Việt

Tôi sinh ra và lớn lên ở vào thời kỳ rượu bị coi là hàng quốc cấm. Hồi đó có cả một khẩu hiệu đầy tính tuyên chiến như thế này: “Uống rượu là uống máu của đồng bào!” Vì thế những ai dám to gan nấu rượu lậu trong nhà, có thể đối mặt với án tù và sự xa lánh của cộng đồng. Việc vận chuyển rượu cũng bị săn lùng gắt gao. Chỉ những dịp tết nhất, lễ lạt mới được nhà nước bán cho số lượng rất ít rượu mùi. Rượu mạnh sản xuất tại những nhà máy đa phần từ phụ phẩm nông nghiệp như cám gạo, tấm... Ngoài vấn đề khan hiếm lương thực, kinh tế khó khăn, việc hạn chế uống rượu có lẽ còn vì sức khỏe của cộng đồng.

Lẽ dĩ nhiên chẳng ai thích quay lại cái thời đời sống tẻ nhạt và nghèo nàn ngày ấy, đến ngay cả uống một chén rượu cũng phải lén lút. Và lại cấm rượu không phải là biện pháp hữu hiệu loại trừ những tác hại của nó như thế giới đã từng cho thấy. Nhưng nếu giờ đây có ai về vùng quê tôi (hoặc bất cứ vùng quê nào khác trên khắp đất nước, nhất là vùng núi cao), sẽ có một tâm trạng trái ngược thế này: chẳng ai thích bị kiểm soát đến cả bữa ăn, nhưng chắc chắn không ai muốn một cuộc sống bữa bãi, nhếch nhác, rượu chè tràn lan suốt sớm tối như đang ngày ngày diễn ra. Kèm theo đó là biết bao tệ nạn. Trước hết nó biến tất cả thành một bãi rác ngay trong mỗi gia đình.

Có nhiều lý do để người ta tìm đến rượu và kỳ lạ thay nó vẫn luôn được biện hộ bởi chính cộng đồng. Thêm nữa, từ lâu, do thói trường giả học làm sang, rượu đã trở thành thứ đồ uống mang tính nghi lễ trong các cuộc tiếp xúc làm ăn, ký cá hợp đồng, móc ngoặc chia chác... Nhưng rượu ngoại, với tiêu chuẩn gắt gao về độ an toàn, chỉ dành riêng cho khoảng vài phần trăm những đệ tử của Lưu Linh lắm tiền, nhiều quyền. Số đông thảo dân nghèo khổ còn lại đều uống loại rượu nấu thủ công, có mặt ở khắp nơi, độ an toàn cực kỳ thấp do không có bất cứ sự kiểm soát chất lượng nào với loại rượu này.

Có thể nói mà không sợ sai: rượu là thứ dễ tìm và dễ mua, đồng thời cũng thuộc thứ hàng hóa rẻ nhất ở Việt Nam ngày nay. Rẻ hơn cả nước lã đóng chai! Chỉ cần vài ngàn, chỉ cần bước chân ra khỏi ngõ, thậm chí thò tay qua rặng rào, là có ngay một chai rượu. Bất cứ hàng nước chè

nào, trên vỉa hè giữa thanh thiên bạch nhật ngoài thành phố, hay tại những xó xỉnh tối tăm cũng đều là nơi có bán rượu. Vào bất cứ chợ to nhỏ nào cũng có cả một góc chỉ dành cho việc mua bán, thưởng thức rượu. Mặc dù luật pháp cấm quảng cáo rượu, nhưng ai từng một lần đi ăn nhậu đều cho nhận xét, cái điều luật kia sinh ra chỉ để... chơi! Tại đó luôn có những cô gái ăn mặc thiếu vải, miệng tươi cười như hoa mời chào khách mua rượu của hãng này hãng khác.

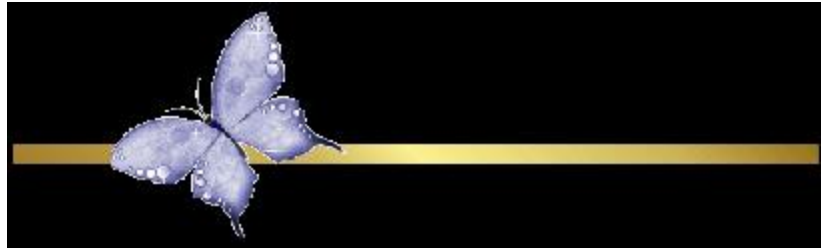
Vì thế nếu chỉ căn cứ vào riêng chuyện tự do mua, bán, uống rượu, thì có lẽ Việt Nam là nhất thế giới luôn. Tại các nước phát triển, ngoài việc phạt cho sợ đến hết đời những người uống rượu mà vẫn lái xe, uống trong giờ làm việc, bán rượu cho trẻ em... việc kiểm soát thức uống gây kích thích này cũng nằm trong khuôn khổ các điều luật. Ở Hoa Kỳ, khi tôi vào một quán bia và hỏi mua chai rượu mạnh, liền được nghe lời từ chối có phần bức mình, cứ như tôi vừa chọc tức họ vậy. Hóa ra bán rượu phải có giấy phép, không thì bán sồi luôn bởi luật pháp kiểm soát rất gắt gao. Tìm hiểu thì thấy hóa ra Hoa Kỳ từng có tới 13 năm (từ 1920-1933) cấm rượu ở mức độ hiến pháp, nghĩa là cấm toàn phần, từ sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ đến sử dụng. Nguyên nhân của nó một phần do hậu quả tệ hại mà rượu gây ra cho sức khỏe và nhân cách cộng đồng. Nó y như chúng ta cấm ma túy bây giờ. Lẽ dĩ nhiên việc cấm rượu đó hay hay dở thì chính người Hoa Kỳ đã kịp nhận ra để sửa chữa. Kể lại để thấy, rượu là một thứ thức uống tiềm tàng sự nguy hiểm lớn như thế nào.

Những người bạn của tôi kể rằng, tại Anh Quốc, xứ sở của những mác rượu nổi tiếng, mua một chai rượu mạnh không hề rẻ như mọi người tưởng. Vì thế không phải ai cũng sẵn tiền để uống hết chai này sang chai khác. Còn nếu bạn đã từng sống ở Nga, chứng kiến cảnh nhiều người dân Nga ướm sừng vì rượu, bạn sẽ cảm thông với lệnh cấm bất khả thi của ông Gorbachev vào những năm 80 của thế kỷ trước. Có thể nói nếu nước Nga chậm phát triển, dân số suy thoái, một phần là do tệ nghiện rượu. Ở bất cứ đâu cũng dễ dàng gặp cảnh tượng đàn ông, đàn bà nát rượu nằm vật vờ trong giá lạnh, bước loạng quạng, lơ đãng, mất kiểm soát, mất khả năng làm việc, mất luôn cả khả năng duy trì nòi giống... Liệu một quốc gia như vậy có dám mạnh mẽ tin vào tương lai của mình?

Trông người mà ngẫm đến ta. Những gì mà nước Nga phải rầu rầu rầu gan đối mặt bao nhiêu năm qua như một vấn nạn chưa có lối thoát, thì giờ đây đang rầm rộ diễn ra trên đất nước của chúng ta ở mức độ còn thâm trọng và khó kiểm soát hơn nhiều. Thâm trọng hơn vì người Việt thuộc giống người dễ dãi trong ăn uống, cực kỳ dễ dãi. Mặc mọi cảnh báo về virus cúm gà, sán lợn, với đủ hình ảnh rùng rợn minh họa ngày ngày chiếu trên ti vi, người ta vẫn cứ nhòe nhoẹt tổng vào bụng những bát tiết canh sống sít, nhiễm bẩn và đầy độc tố. Dù biết rõ chân gà từng bị thối, tắm cả thuốc ướp xác, được cảnh báo rộng rãi cũng không khiến những trai thanh gái lịch ngồi lê la trên vỉa hè thưởng thức chúng một cách ngon lành. Cứ như họ tranh thủ ăn lấy được cho kịp ngày tận thế! Chẳng thấy ở đâu mà dạ dày lợn đã bị thối, sách bò bốc mùi, cùng các loại nội tạng không rõ nguồn gốc khác lại vẫn có thể dễ dàng thượng lên những mâm cỗ thuộc hàng phong lưu của người Việt! Chẳng thấy ở đâu khi không cần biết rượu nấu theo quy trình nào, có hợp vệ sinh và hàm lượng độc tố nằm trong ngưỡng cho phép hay không, cứ có mùi men là nốc đấy! Không chỉ là chuyện ảnh hưởng đến sức khỏe, mà còn có điều gì đó rất không ổn, thậm chí là đáng xấu hổ về văn hóa. Chúng ta có còn đói khát, thèm nhạt nữa đâu để bào chữa cho hành vi cái gì cũng có thể tổng vào miệng. Chẳng lẽ mọi người đã quên rằng cái chết vì miếng ăn là cái chết vô nghĩa nhất.

Chính vì cái thói phàm ăn mà mọi tuyên truyền về an toàn thực phẩm hiện nay đang giống như nước đổ đầu vịt. Tâm lý ai đó chết chứ không phải mình, hoặc có chết cũng chưa thể chết ngay vẫn tìm được sự a dua để tồn tại. Nó che lấp một thực tế là người Việt đang ngày ngày bị đầu độc trên diện rộng. Nó không còn chỉ là một cảnh báo, mà đã hiện ra lù lù như một tai họa ở tầm quốc gia. Tệ nạn này nguy hiểm ở chỗ nó cứ âm thầm làm cạn kiệt sức lực và trí tuệ của lực lượng lao động chính trong xã hội, dẫn tới suy kiệt sức dân do bệnh tật. Chúng ta mới chỉ tìm cách thống kê những tệ nạn do rượu gây ra trong đời sống, như tai nạn giao thông, những vụ gây rối trật tự... mà chưa để ý đúng mức và khẩn cấp đến sự ngấm độc cả một đất nước đang diễn ra, không ngừng nghỉ, ở mọi nơi, mọi lúc. Sự ngấm độc này sẽ tác oai tác quái đến tận các thế hệ sau.

Điều thấy trước là rượu và thực phẩm bẩn đang tham gia tích cực vào quá trình làm suy thoái giống nòi Việt. Đừng ai nghi ngờ điều này!



ĐỪNG TỰ LÀM CHUỘT BẠCH

Khi câu chuyện mất mạng vì “biệt được” ở Tây Nguyên rộ lên trên các phương tiện thông tin đại chúng, dư luận mới nhảy bổ vào phê phán sự liều lĩnh do thiếu hiểu biết của người chết, mà không thấy ai nghĩ chính xã hội đã khuyến khích hành vi đó từ rất lâu rồi. Cách nay 30 năm, tại một công trường xây dựng lớn của cả nước thời điểm ấy, có một nhân vật bỗng dưng cực kỳ nổi tiếng cũng nhờ hành động liều lĩnh. Chẳng công trường cần gấp một số thiết bị vào loại siêu trọng. Muốn đưa vào chân công trình thì xe chở, loại xe có trọng tải lớn, phải qua một cây cầu bê tông cỡ nhỏ. Tải trọng tổng cộng của xe và thiết bị gấp vài lần tải trọng thiết kế tối đa của cây cầu. Các kỹ sư đề nghị tìm phương án khác vì vẫn có cơ hội cho điều đó. Nhưng như thế sẽ phải mất thêm thời gian, có nguy cơ ảnh hưởng thành tích. Tranh cãi nổ ra. Nhân vật mà chúng tôi vừa nhắc đến tại thời điểm đó là một vị lãnh đạo cỡ công ty, đề nghị cứ “làm đại” đi, nếu cầu sập thì ông xin chịu trách nhiệm! Để chứng tỏ cái “trách nhiệm” đó của mình, ông sẽ đứng dưới gầm cầu khi xe chở thiết bị đi qua. Tức là ông lấy tính mạng mình ra chứng minh... cầu không thể sập! Mọi chuyện sau đó may mắn diễn ra tốt đẹp, mặc dù không chỉ những lái xe, mà hàng trăm nhà chuyên môn, những người chỉ có kiến thức mà không có quyền, đều bị một phen thót tim! Nhưng họ đã thua... sự liều mạng.

Dư luận lập tức tung hô rầm rộ việc làm được cho là quả cảm của ông lãnh đạo kia (tên ông xuất hiện trên nhiều báo và cả một vài cuốn sách), đồng nghĩa với việc các kỹ sư bị coi khinh là những người thiếu bản lĩnh!

Hành vi vừa nêu rõ ràng là có chất của... người hùng! Nếu có xảy ra trong điều kiện chiến tranh, không có sự lựa chọn mà cần khích lệ binh sĩ như là phương án cuối cùng tốt nhất, thì chẳng còn gì phải bàn cãi. Nhưng trong điều kiện có mọi sự lựa chọn, thì hành vi phản kỹ thuật, phản lý trí đó chắc chắn là do dốt nát! Chẳng hạn nếu hôm đó chiếc cầu bị sập (ngay cả với xác suất một trên một ngàn), khiến hàng chục người bỏ mạng thì sẽ thế nào? Ông lãnh đạo kia lấy tư cách gì để thế chấp vay mượn mạng sống của hàng chục người khác?

Nhưng cho kẹo cũng không ai dám nói thẳng ra như vậy. Và nghiêm nhiên loại hành vi kiểu đó được khích lệ, được tưởng thưởng trong xã hội của chúng ta, ngang với hành vi anh hùng! Nó đẻ ra một thứ tư duy còn nguy hiểm và tai hại gấp bội: đề cao sự liều mạng vô căn cứ, đánh đồng nó với tinh thần yêu nước, phẩm hạnh và trách nhiệm cao?

Lẽ dĩ nhiên, về ý nghĩa, mục đích và giá trị thực của hành động thì việc đứng dưới gầm chiếc cầu yếu để bác bỏ các cảnh báo kỹ thuật, khác xa với việc chết vì “biệt dược” vừa xảy ra ở Nam Ban, Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Một đằng dù sao vẫn còn vì công việc chung, còn một đằng chỉ thuần túy vì cái dạ dày. Nhưng bản chất của vấn đề thì hoàn toàn giống nhau: cùng có chung cội nguồn “điếc không sợ súng”. Nó còn phản ánh một thói quen xấu của người Việt là tính qua loa, đại khái, tào lao, bất chấp các quy luật. Bản tính này thực ra vẫn đang ngày càng chi phối dày đặc trong đời sống. Mặc cho những cảnh báo về sự nguy hiểm của virus H5N1, mặc cho tỉ vi chiếu không biết mặt hình ảnh những bệnh nhân đen thui chết do bệnh nhiễm khuẩn cầu lợn, nhiễm sán dây... người ta vẫn nhồm nhoàm ăn những bát tiết canh sống sít, ngay bên cạnh những cống rãnh hôi thối đầy lông gà lông vịt và phân lợn. Thậm chí họ còn “chúng khẫu” bài bác những cảnh báo khoa học kia một cách thích thú. Khi một người cắt ngang đầu xe ô tô lúc nó đang chạy, khi ai đó vượt qua rào chắn tàu hỏa, khi hàng chục người trèo lên những con đò đã chật kín, mấp mé nước mà không hề có áo phao, khi nhân viên giao hàng làm đẹp hồ sơ thế chấp để cho vay vì thế mà sinh nợ xấu, khi một giám đốc bé tí dám lĩnh lương khủng... chính là bị học được cổ vũ ngầm của cộng đồng về thói liều lĩnh, thói quen tào lao vô nguyên tắc, một sự cổ vũ vô thức nhưng không hề vô căn!

Song có lẽ thói quen tào lao của người Việt thể hiện rõ nhất trong việc ăn uống và dùng thuốc chữa bệnh. Ở các nước văn minh thuốc chữa bệnh là thứ sản phẩm đặc biệt, bị giám sát nghiêm ngặt nhất. Quy trình thử nghiệm của nó vô cùng kỹ càng, cẩn trọng, tỉ mỉ, huy động nhiều ngành khoa học cùng tham gia. Sau khi thử nghiệm trên động vật chán chê, theo dõi chán chê rồi mới dùng hạn chế ở người để theo dõi tiếp trước khi cho phép sản xuất đại trà. Còn ở ta, với rất nhiều người, toàn bộ cái quy trình dài dằng dặc đó được đơn giản tối đa chỉ bằng duy nhất một động tác là cho vào miệng, nuốt xuống dạ dày và “lắng nghe cơ thể mình” nếu may mắn còn có cơ hội. Trước khi xảy ra án mạng do uống loại rượu ngâm

thứ cây được đồn đại là biết được như vừa nêu, có vô số những vụ ngộ độc vì nuốt mật cá trắm, mật cóc... Hình như bất cứ thứ gì tin là bổ béo, tác dụng kéo dài tuổi thọ, kéo dài đời sống tình dục; hoặc cứ thấy ghi thuốc bổ, rượu bổ, nước tăng lực, khỏi cần biết nó được đảm bảo bằng cái gì... người Việt đều háo hức đưa ngay vào miệng, không cần quan tâm tác dụng thực của nó có thể giết người.

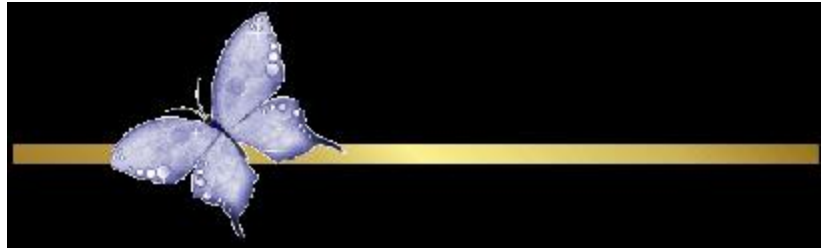
Nếu căn cứ trên cái thực tế đó thì thấy hóa ra người Việt cũng ham sống đấy chứ, ham sống đến nỗi bất chấp việc có thể phải đổi chính mạng sống, trái ngược hoàn toàn với phỏng đoán căn cứ trên sự liều lĩnh! Những nghịch lý này phản ánh điều gì, cần có sự nghiên cứu công phu, duy khoa học và bằng tinh thần nghiêm túc. Với cá nhân tôi, thì đó là hậu quả của một xã hội thiếu vắng quá lâu các chuẩn mực. Vì thiếu chuẩn mực, với tư cách là vật hoa tiêu hướng dẫn, cái neo định vị các giá trị cho cộng đồng, nên người ta sẵn sàng bịa ra chuẩn mực cho riêng mình hoặc theo ý mình. Và thế là từ việc thiếu chuẩn mực, chúng ta bị đẩy đến chỗ loạn chuẩn mực. Tình trạng này mới thực sự nguy hiểm, không chỉ cho riêng lĩnh vực nào. “Cởi” để thành sao, nói dối để thành sao, “diễn” để thành sao, chạy vạy chí chết để vào hội nọ hội kia, mua giải thưởng này giải thưởng khác chỉ với mục tiêu phải có cái danh hào... chính là những biểu hiện sinh động của tình trạng loạn chuẩn mực. Tiến trình tất yếu của nó chính là phi chuẩn mực. Phi chuẩn mực nên người ta phải dùng đến scandal (bê bối) cho mọi khởi đầu thành công, cho mọi sự nổi tiếng. Phi chuẩn mực đến nỗi một người nào đó đánh cháu nội đến trọng thương chỉ vì nó làm mất mấy cái vật chứng ghi nhận thứ danh hào huyền mà không biết đó là hành vi đáng phỉ nhổ. Cũng vì phi chuẩn nên trong một chương trình quảng cáo trên phương tiện thông tin lớn với mục đích nêu bật sự tuyệt vời của bảo hiểm nào đó, mới có cái nội dung hồn nhiên thế này: khi chưa mua bảo hiểm, người mẹ luôn dặn dò con đi đường phải cẩn thận. Còn sau khi đã mua bảo hiểm, cũng chính bà mẹ đó bảo với con bằng thứ giọng vô cùng âu yếm: “Mẹ mua bảo hiểm thân thể cho con rồi, thế là từ nay con thoải mái ra đường mà không lo gì nữa cả.”

Theo lẽ tự nhiên và theo chuẩn mực đạo đức tối thiểu, không bà mẹ nào lại đi dặn con những điều “ngu xuẩn” và vô tâm như vậy. Nhưng vì không có ngay cả cái chuẩn tối thiểu đó, mà những lời nói ấy của một

bà mẹ, lại được chấp nhận bình thường! Bình thường đến nỗi giờ này nó vẫn thoải mái ra rả nói vào tai mọi người mỗi ngày.

Không biết từ bao giờ người Việt lấy tên của một loài chuột: chuột bạch, để chỉ chung cho thứ gì đó bị đem ra dùng làm vật hy sinh. Họ dựa trên một căn cứ có thật là chuột bạch thường được các nhà khoa học dùng để tiến hành các thử nghiệm y khoa. Ngoài những đặc điểm sinh học đặc biệt mà các biểu hiện sinh lý, lâm sàng sau thí nghiệm có thể suy luận sang con người theo kiểu “tương đương”, ngoài những tập quán sống, tập quán sinh hoạt phù hợp cho công việc, điều kiện tiên quyết để chuột bạch được lựa chọn chính vì nó là CON VẬT.

Điều tưởng như đơn giản đến mức nhắc lại sẽ thành buồn cười, buồn cười gấp ngàn lần câu “Biết rồi khổ lắm, nói mãi” này, hóa ra lại vẫn còn nhiều người Việt mình chưa biết. Đáng tiếc hay là đáng xấu hổ lắm thay!



Ném tất cả xuống sông

Khi vụ việc kinh hoàng xảy ra ở thẩm mỹ viện Cát Tường, nhờ sự nhanh chóng tìm cách đổ lỗi, chối bỏ trách nhiệm của các cơ quan y tế mà người dân lần đầu tiên mới biết chính xác rằng, các thủ thuật hút mỡ bụng, nâng ngực... bị tuyệt đối cấm tại các trung tâm thẩm mỹ viện. Chúng chỉ được thực hiện tại các bệnh viện lớn, có đầy đủ phương tiện hiện đại và có khả năng cấp cứu khi chẳng may xảy ra sự cố. Hóa ra suốt bao nhiêu năm qua, người dân bị lừa trắng trợn mà không hề biết. Người dân có thể không biết nhưng lẽ nào các cơ quan truyền thông, có hẳn cả một bộ phận chuyên về pháp chế cũng không biết, khi cứ hờn nhiên quảng cáo ngày này sang ngày khác, với nội dung hoàn toàn trái pháp luật về loại dịch vụ trên, được tiến hành ở hàng chục, hàng trăm thẩm mỹ viện trên toàn quốc.

Thôi, cứ cho là các cơ quan truyền thông, vì không nắm được các quy định chưa bao giờ công khai rộng rãi của ngành y tế, lại cả tin và cũng còn vì có chút máu tham mà bị qua mặt dễ dàng, chứ chả lẽ các cơ quan của ngành y tế dự phòng, đến sở, đến bộ... cũng lại không biết? Chả lẽ không ai trong số họ vào mạng, đọc báo, xem ti vi... để giật mình kêu lên rằng, chết thật, sao cái dịch vụ chỉ bệnh viện lớn mới được làm, lại xuất hiện ở mọi nơi, để rồi sau đó báo cáo lãnh đạo, hoặc yêu cầu cấp dưới kiểm tra.

Nhưng đây là giả định mọi thứ ở cuộc đời này còn trong sáng, chứ tôi tin rằng, những người chịu trách nhiệm quản lý loại dịch vụ ở các loại thẩm mỹ viện đều biết hết tại đây họ làm gì. Trẻ con còn biết – do chúng đọc trên bảng hiệu điện tử - nữa là các loại cán bộ bằng cấp đầy mình, tiếng Tây, tiếng Tàu đều có thể đánh vần được. Giả dụ chưa xảy ra vụ “Cát Tường” thì hẳn giờ này vẫn chả có vấn đề gì liên quan đến việc làm trái quy định của các thẩm mỹ viện. Các loại cán bộ liên quan vẫn ung dung với thành tích tinh thần trách nhiệm cao của mình.

Ngay bây giờ vào mạng Google, đánh dòng chữ “dịch vụ hút mỡ bụng, dịch vụ nâng ngực” sẽ thấy cả vạn kết quả, hiện lên địa chỉ cả trăm cơ sở, mọi thứ đều ghi rõ ràng, từ giá cả công khai, đến những lời mời chào cực kỳ hấp dẫn. Mỉa mai nhất là trong số đó, có cả lời quảng

cáo của thẩm mỹ viện Cát Tường, mà theo đó có thể lần ra hàng chục tờ báo lớn đã “dính” vào. Sau đây là lời tư vấn của chính ông bác sĩ vừa ném xác nạn nhân xuống sông Hồng mà chúng tôi đã lược bỏ phần lớn:

“Với công nghệ Laser Lipo việc hút mỡ bụng có thể loại bỏ từ 90-95% lượng mỡ dư thừa vùng bụng, tuyệt đối an toàn, không đau, thời gian điều trị hút mỡ nhanh chóng, không mất thời gian nghỉ dưỡng.

Tại thẩm mỹ viện Cát Tường, giá hút mỡ bụng khoảng 25 triệu đồng. Đây là toàn bộ chi phí gồm cả thuốc uống.

Hút mỡ không phẫu thuật bằng Laser Lipo tại thẩm mỹ viện Cát Tường là phương pháp đem lại hiệu quả tích cực và lâu dài nhất trên thị trường thẩm mỹ hiện nay.

Bạn có thể đến trực tiếp thẩm mỹ viện Cát Tường để được Ths.Bs Nguyễn Mạnh Tường – hiện đang công tác tại bệnh viện Bạch Mai kiểm tra và tư vấn trực tiếp. Hoặc bạn có thể liên hệ theo số 0965 65 6669 để được tư vấn và đặt lịch cụ thể.”

Thẩm mỹ viện Cát Tường nằm ngay trên mặt đường Giải Phóng, chỉ cách cổng bệnh viện Bạch Mai vài chục số nhà ở về phía đối diện, với tấm biển hiệu lớn, ghi đủ những dịch vụ vốn là bị cấm, như đập vào mắt thiên hạ, vậy mà ngay cả lãnh đạo bệnh viện cũng bảo là không biết? Có thể ông không có trách nhiệm quản lý nhưng còn có thứ trách nhiệm lớn hơn là bốn phận của người thầy thuốc. Nực cười nhất là lời biện hộ của phòng y tế quận Hai Bà Trưng. Xem ra lý do “lỗi đánh máy” đã bị vài ba bộ và cơ quan khác nhanh chân khai thác trước mất rồi, không còn thời thượng nữa. Trong cơn quẫn trí không nghĩ được gì hơn, họ bèn đổ diệt cho mạng Internet bị hỏng nên không cập nhật được tình hình thực tế hàng ngày? Thử tra xem công ty nào cấp dịch vụ Internet cho phòng y tế quận Hai Bà Trưng mà lại tặc trách đến thế? Bởi cứ theo như lời phân bua đầy bức xúc của lãnh đạo ở đây thì chắc không phải mạng Internet chỉ hỏng một vài ngày, mà hỏng suốt cả 6 tháng trời, trong thời gian thẩm mỹ viện Cát Tường rầm rộ đi vào hoạt động.

Đúng là, như lời dân gian, nói cho ma nó nghe! Nhưng quân nào thì tướng ấy, đến lượt Sở Y tế Hà Nội cũng lại ráo hoảnh bảo là vì họ chưa cấp phép cho Cát Tường nên không có cơ sở để rà soát, kiểm tra? Ô hay, sao bỗng dưng lại minh bạch, rõ ràng, đậm tinh thần thực thi pháp luật đến thế. Ý ông ta muốn nói là những gì không liên quan đến mình (do

chưa chịu trách nhiệm), chưa có phận sự thì không dám tự tiện xông vào kiểm tra! Giá kể trong mọi việc khác, ở các lĩnh vực khác mà cán bộ nhà nước cũng “trong sáng” như ông lãnh đạo kia thì hẳn các doanh nghiệp được nhờ, ít nhất cũng không bị những nhiễu, quấy rầy, vôi vĩnh vừa mất thì giờ, mất tiền và cạn hứng thú làm ăn.

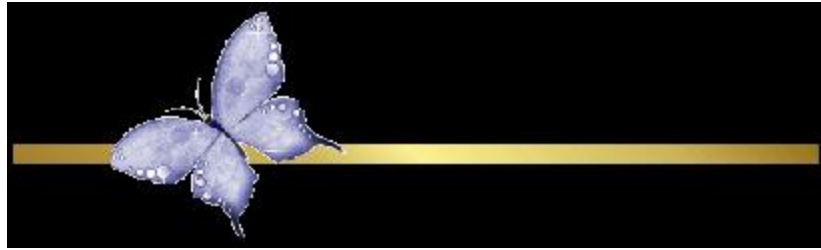
Nhưng thưa ông lãnh đạo Sở Y tế Hà Nội, việc này không dễ phủi tay thế đâu ông ạ. Hàng ngày các ông làm gì suốt từ sáng đến chiều? Là cơ quan quản lý nhà nước về y tế địa phương, lại ở một thành phố lớn, mọi hoạt động y tế đều có ảnh hưởng đến sinh mạng ngày ngày của hàng triệu người, ông không thể nói là không biết, không được báo cáo về những cơ sở thẩm mỹ viện nguy hiểm như kiểu Cát Tường. Chắc chắn ở đâu có hội họp, tổng kết, nhận huân chương, khởi công, khánh thành, ra mắt cơ sở y tế mới... ông đều biết trước từ vài ngày. Cứ thử cơ sở nào không mời ông xem! Thà ông cứ nói rằng, vì thiếu trách nhiệm, vì quen thói quan liêu, lười nhác nên không sâu sát, vì chủ quan, kém cỏi về chuyên môn nên không lường hết hậu quả; vì cả tin cấp dưới, vì mãi lo đấu đá nội bộ, vì còn dành thời gian, tâm trí cho việc đánh quả kiếm chác thêm... có khi còn dễ thông cảm hơn.

Mà tại sao nói thật ở xã hội ta lại khó đến thế? Với bất cứ sự cố nào, dù lớn dù nhỏ, nhất định cứ phải tìm cách quanh co, bao biện, đổ lỗi cho đủ loại lý do mặc dù mọi thứ bàn dân thiên hạ đều biết hết, biết chân tơ kẽ tóc. Nói dối mà hiểu rõ rằng mọi người biết mình đang nói dối, chẳng xấu hổ lắm sao? Bởi vì ngay cả đứa học sinh cấp ba cũng biết lý do tại sao cứ tồn tại những cơ sở y tế, cơ sở thẩm mỹ viện tư nhân trái phép hiện nay? Nói thẳng toẹt ra là chúng đều được bảo kê bằng tiền. Không lo lót, phong bao phong bì thường xuyên, thì chẳng phải chờ đến khi cơ sở quảng cáo ầm ầm trên đủ các phương tiện thông tin, mà chỉ cần ai đó mới có ý định, cấp quản lý – với rất nhiều xúc tu sẵn mồi – đã phát hiện thấy từ rất xa! Luôn sẵn sàng những loại cán bộ của chúng ta (không chỉ của riêng ngành nào) chuyên môn thì dốt đặc, đạo đức thì thấp kém nhưng lại có năng khiếu đánh hơi mùi tiền vào loại thừng thừa.

Thế là tương kế tựu kế, thay vì thực hiện các nghĩa vụ pháp lý vốn rất chặt chẽ về thủ tục, chủ những cơ sở kiểu như Cát Tường chỉ phải bỏ tiền mua đứt, vừa nhanh vừa rẻ nếu tính tổng thể (lẽ dĩ nhiên, nếu tính thiệt hại mà nhà nước và nhân dân trước sau cũng phải gánh chịu, thì

đó là cái giá đắt khủng khiếp). Đây chính là mấu chốt của toàn bộ câu chuyện chưa nhìn thấy hồi kết mà chúng ta vẫn biết dưới cái tên “thảm họa y tế”.

Với hành động ghê tởm tới cùng vừa rồi, ông bác sĩ hung thần Nguyễn Mạnh Tường không chỉ thực hiện hành vi phi tang hèn hạ, mà chính ông ta đã ném toàn bộ ngành y tế xuống sông Hồng.



Tiền có là tất cả

Thế là lại có thêm một vụ sản phụ chưa đẻ đã chết, ngay trong bệnh viện, lần này là cả hai mẹ con đều thiệt mạng. Không hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra với ngành y tế nữa. Việc sinh nở đâu có phải là chuyện gì ghê gớm mà sao lại thành nguy hiểm như vậy? Sẽ còn vô vàn dấu chấm hỏi lơ lửng với mỗi vụ tương tự, xoáy vào nguyên nhân của sự việc. Từng trải nghiệm việc khám chữa bệnh qua nhiều nơi, trực tiếp chứng kiến nhiều cảnh ngộ thương tâm nơi bệnh viện, tôi có kết luận của riêng mình về nguyên nhân các trường hợp tử vong như kiểu mẹ con chị Nguyễn Thị Vinh: phần lớn là do thái độ vô cảm của thầy thuốc. Từ vô cảm sẽ dẫn thẳng tới vô trách nhiệm, thành vô lương tâm, là con đường rất ngắn. Rõ ràng đó là căn bệnh mang tính xã hội, chứ không riêng gì của ngành y tế. Nhưng người bình thường, người làm ở những ngành nghề khác vô cảm, khác với một thầy thuốc vô cảm. Bởi vì thầy thuốc luôn gắn với tính mạng con người. Thầy thuốc mà vô cảm không chỉ là vấn đề đạo đức, mà còn mang tính hình sự, là phạm tội, thậm chí phạm tội ác. Có lẽ ngành y tế nên khẩn cấp nghĩ đến một đề tài cấp quốc gia tìm cách chữa bệnh vô cảm cho thầy thuốc, trước khi nói đến những việc to lớn khác.

Nhưng tôi không thể bỏ mặc dư luận đang sôi lên về sự việc mẹ con sản phụ chết ở bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, sau khi được bác sĩ cho uống thuốc, để tạt ngang tạt ngửa bàn những việc xa vời về y đức. Phải nói ngay rằng, ca tử vong đó là một tai nạn y tế thuộc loại kinh hoàng với bất cứ đất nước nào. Làm sao mà hai mạng người lại chết một cách quá dễ dàng như vậy, tại một bệnh viện vào loại lớn? Câu hỏi này sẽ còn ám ảnh tâm trí xã hội rất lâu nữa. Có thể đó là một phần nguyên nhân dẫn tới những sự việc đập phá đáng tiếc mà báo chí nêu, khiến dẫn tiếp tới một việc có vẻ bề ngoài rất nhân đạo, nhưng tiềm chứa một mối nguy hiểm, thậm chí là rất nguy hiểm cho nền đạo đức và pháp lý xã hội: bệnh viện quyết định bồi thường gia đình nạn nhân 350 triệu đồng để không bị khiếu kiện, điều mà họ lường trước là khó tránh khỏi. Về phía người nhà bệnh nhân, với khoản tiền được bồi thường đó, họ hứa là cho vụ việc khép lại.

Rõ ràng 350 triệu đồng là số tiền lớn mà một bệnh viện cấp tỉnh bỏ ra để bồi thường cho tai nạn y tế. Thậm chí có thể khẳng định, cho đến nay, đó là mức bồi thường chưa từng có, nếu chỉ xét trên mặt chính thức. Việc bồi thường đó cũng trực tiếp xác nhận bệnh viện có lỗi (lỗi nhẹ hơn tội?) trong vụ việc hai mẹ con sản phụ bị chết. Việc làm đó đặt ra trước dư luận hai nhận định: hoặc là bệnh viện rất có trách nhiệm, cầu thị, lương tâm nghề nghiệp bị cắn rứt, muốn chia sẻ phần nào nỗi đau tày trời với gia đình nạn nhân chẳng may gặp rủi ro. Mặt khác, có thể đây là hành vi dùng tiền để lấp liếm một tội trạng rõ ràng nào đó, chẳng hạn cho uống thuốc không đúng loại hay quá liều, chẳng hạn do người nhà không lót phong bì nên bác sĩ bỏ mặc sản phụ trong tình trạng nguy hiểm quá lâu, chẳng hạn do vô trách nhiệm hay đơn giản chỉ là “bỏ quên” bệnh nhân vì bác sĩ trực mãi buôn chuyện, mãi nhậu nhẹt hoặc ngủ quên khi đang làm nhiệm vụ... Đó chỉ là những phỏng đoán không dựa trên căn cứ, không nhằm quy kết nhưng với ngành y tế thì lại hoàn toàn có thể là hiện thực.

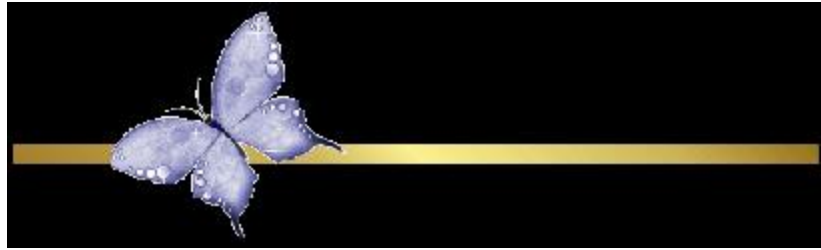
Giờ đây có một câu hỏi quan trọng cần phải được đặt ra là: bệnh viện nói chung và bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh có quyền thỏa thuận việc đền bù trong trường hợp như vậy hay không và, số tiền đó lấy từ nguồn nào?

Hãy tạm gác lại vế thứ hai của câu hỏi, bởi trong trường hợp này nó trở nên không phải là trọng yếu. Đã có vụ việc tiền là trọng yếu và cá nhân phải bỏ ra mặc dù làm sai khi đang thi hành công vụ, đó là vụ đền bù 650 triệu đồng của một số công an Hải Dương cho các chủ hàng tại thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng với vụ mẹ con sản phụ bị chết (chứ không phải một xe công ten nơ bạch tuộc bị thối) thì tính chất khác hẳn, không thể cứ đền bù là xong. Bởi vì không phải bất cứ vụ việc nào trong xã hội cũng có thể thỏa thuận, dàn xếp bằng đền bù theo kiểu dân sự. Nguyên tắc pháp lý này quá tối thiểu, chắc chắn lãnh đạo bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh phải nắm rõ. Chắc chắn các cơ quan thực thi pháp luật phải hiểu rõ hơn. Vì thế, chắc chắn họ phải biết việc thỏa thuận đền bù như vừa xảy ra, chỉ có thể tiến hành sau khi có kết luận điều tra của các ngành chức năng, bằng một kết luận có giá trị pháp lý khẳng định ca tử vong đó hoàn toàn chỉ là rủi ro hoặc tai nạn thông thường, không có yếu tố tội phạm và việc đền bù không bị chính các cơ quan đó ngăn cản. Giả định trong vụ việc vừa rồi có yếu tố hình sự, thậm chí có yếu tố giết

người (ngộ sát chẳng hạn và tôi cầu mong cho điều đó vĩnh viễn chỉ là giả thiết), thì vấn đề không chỉ còn liên quan giữa bệnh viện và gia đình nạn nhân. Trong trường hợp đó, ngay cả người bị hại cũng không có quyền “cho qua” bằng bất cứ cam kết gì.

Tôi tin rằng vụ việc ở bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh không thể đơn giản dừng lại ở mức đền bù là xong. Nhưng những gì vừa diễn ra, phản ánh một nỗi trạng tồi tệ mà cả xã hội phải chịu trách nhiệm và phải tìm cách thoát khỏi nếu thực sự còn muốn có tương lai: thói phồn sức mạnh của tiền bạc và cho nó một vị trí cực kỳ ngang ngược trong cái thang giá trị. Chính vì tâm lý mọi thứ đều có thể thu xếp được bằng tiền, bằng rất nhiều tiền mà người ta cho phép mình làm mọi việc! Một kẻ lái xe dám nhấn tâm quay trở lại cán cho người bị chính y gây tai nạn để cho người ấy chết hẳn, bởi trong đầu hẳn có sẵn cả dãy con số tiền bạc. Hẳn luôn thuộc lòng rằng số tiền đền cho mạng người, ít hơn số tiền phải bỏ ra để chăm sóc người đó cho đến khi lành. Một kẻ có quyền chức sẵn sàng tham nhũng lớn, vì y tin (y có lý do để tin) chẳng may có bị lộ thì chỉ mất nhiều nhất là nửa số tiền mà y ăn cắp được để chạy tội. Rất nhiều lái xe uống rượu, vì họ ỷ vào tiền có trong túi để rải dọc đường... Không thể nào liệt kê hết những ví dụ tương tự, trong mọi lĩnh vực của đời sống chứ chẳng riêng gì ngành y. Ngành y có thể tiêu cực hơn các ngành khác ở việc nhận phong bì, chứ chưa phải là nơi in đậm hơn thói quen dùng tiền lo lót mọi việc.

Đừng ai ảo tưởng mình không bị cầm tù bởi quan niệm thương tôn tiền bạc. Sẽ đến lúc quan niệm đáng sợ ấy gõ cửa tất cả, khủng bố tất cả, nhốt vào tất cả, làm biến dạng, dị dạng tất cả, biến tất cả thành những con tin u mê, nếu xã hội không có một biện pháp nào đó ngăn chặn sức lây lan của nó lại. Sức mạnh của tiền bạc là điều không thể nghi ngờ. Nhưng dù có bao nhiêu tiền (350 triệu hay gấp cả trăm ngàn lần số đó) cũng không thể mua được sự thanh thản của tâm hồn, không thể tạo ra những giấc mơ thần tiên, không thể làm sống lại những nụ cười và tiếng khóc hạnh phúc tuyệt vời đã tắt lịm. Chỉ riêng một sự thật bình thường ấy thôi đã đủ cho thấy tiền không bao giờ bằng tất cả.



Y đức và chuyện mò kim đáy bể

Cách đây hơn 9 năm, cuốn tiểu thuyết *Thiên thần sám hối* của tôi ra đời. Nội dung của nó xoay quanh việc một cái bào thai chỉ còn đúng ba ngày thì hết hạn trong bụng mẹ, tức là phải chui ra để làm người. Nhưng trong ba ngày đó, thông qua sự truyền dẫn của người mẹ, bào thai nghe được vô số chuyện kinh khủng bên ngoài. Nó bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc là có nên chui ra không, hay cứ ở trong bụng mẹ cho an toàn. Bởi vì xem ra cái cuộc đời ngoài kia, qua những gì nó nghe được, cũng bất trắc, nguy hiểm lắm.

Trong khi bạn đọc đón nhận nồng nhiệt với chỉ trong vòng hơn chục tháng, cuốn tiểu thuyết được in lại tới 10 lần, thì cũng không ít người tự coi mình là đức cao vọng trọng tỏ ra bức mình phán rằng: tác giả bị ám ảnh bởi hiện thực bệnh hoạn nên cứ phải bịa ra những tình cảnh đen tối, chứ cuộc sống làm gì đến nỗi “tiêu cực” như vậy.

Hóa ra, ngay cả khi cố tình bịa ra những tình cảnh đen tối, tôi phải thừa nhận mình vẫn thua xa hiện thực mà ngành y tế Việt Nam đang tạo ra. Những câu chuyện bị coi là “rùng rợn” trong tác phẩm của tôi, giờ chẳng thấm vào đâu so với chuyện thường ngày trong các bệnh viện. Tôi không thể bịa được chuyện một điều dưỡng viên làm rơi cả 5 đứa trẻ sơ sinh xuống đất từ độ cao hàng mét tại một bệnh viện phụ sản luôn được xếp hạng cao ở Hà Nội. Một mét là bao nhiêu? Với đứa bé vừa chào đời, thì cái độ cao đó là vô cùng khủng khiếp. Tôi không thể bịa được chuyện một cháu bé con nhà hiếm muộn, đã 10 tuổi mà vừa lên bàn nội soi vài phút là cuộc đời chấm dứt. Tôi còn khuya mới hình dung tới một hiện thực chắc chưa phải là đen tối nhất khi một bé sơ sinh chết chỉ vì bị tiêm... nhầm thuốc như trường hợp ở Vinh, Nghệ An. Nếu cháu bé 29 tháng tuổi có suy nghĩ như một người khí khái, hẳn nó sẽ bảo với mẹ hãy cho nó về nhà, kể cả phải chết còn hơn bị bệnh viện huyết học ở một thành phố nọ hành hạ. Hay như trường hợp cháu bé bị cắt nhầm bàng quang khi đi chữa thoát vị bẹn ở Khánh Hòa, cũng là điều khó mà tưởng tượng ra được. Khó tưởng tượng bởi vì ngay cả làm thế với một con vật, cũng đủ để mà ân hận. Vậy mà ở viện tuyến trên người ta coi việc đó chỉ là tai nạn nghề nghiệp, điều trị theo chế độ bình thường, sau đủ những

hạch sách về tiền bạc! Cho đến chuyện ba đứa trẻ chết một lúc, tại một địa điểm sau khi tiêm vắc xin phòng viêm gan B, như ở bệnh viện Đa khoa Hướng Hóa, Quảng Trị hôm 20 tháng 7 năm 2013, thì có lẽ xứng đáng vào sách kỷ lục Guinness thế giới về thảm họa y tế.

Có cả trăm ngàn lý do được đưa ra để bào chữa cho những vụ “rủi ro” vừa kể: do căng thẳng thần kinh, do quá tải bệnh nhân, do những quy định cứng nhắc của cơ chế... Với trường hợp làm rơi năm đứa trẻ thì do điều dưỡng viên... trượt chân! Do thuốc bảo quản trong tủ lạnh, mà tủ lạnh thì hỏng nên thuốc bị hỏng theo khiến ba đứa trẻ vừa chào đời đã phải lìa đời!

Luôn luôn có sẵn rất nhiều lý do.

Những lý do như vừa kể (trượt chân, tủ lạnh hỏng...), không những rất thật, mà còn là điều có thể xảy ra thường xuyên, bất cứ lúc nào. Nhưng chính vì thế mà lời giải thích của bệnh viện là không thể chấp nhận. Tình huống điều dưỡng viên trượt chân, bị ngã do cả trăm lý do bất khả kháng, (nghĩa là thuộc những sự cố không thể tránh khỏi)... khiến làm rơi trẻ sơ sinh, là những tình huống quá dễ tưởng tượng và nó phải được lường trước từ cấp lãnh đạo bệnh viện, lãnh đạo khoa và chính điều dưỡng viên. Trong trường hợp cả năm đứa trẻ bị rơi vẫn còn sống như hôm 14 tháng 7 năm 2013, chỉ là do chúng gặp may. Tương tự như vậy với tình huống tủ lạnh bị hỏng. Ngay cả cái lý do đó, nếu đúng, cũng đáng là một chuyện rung rợn. Làm sao mà nơi bảo quản vắc xin bị hỏng cũng không ai biết. Cái tủ lạnh ngày ngày sử dụng, to lù lù chứ có phải bao diêm đâu!

Nếu người ta luôn ý thức rằng trẻ bị rơi có thể vỡ tan đầu, nát hết nội tạng, có thể tàn tật suốt đời; trẻ bị tiêm nhầm thuốc, tiêm vắc xin bị hỏng nguy hiểm như tiêm thuốc độc... thì những lý do trên không được phép tồn tại vì chúng đã bị loại bỏ bằng các biện pháp đề phòng trước từ rất xa. Thậm chí cả những tình huống hi hữu, cực kỳ ít xảy ra, ít hơn cả ngàn lần sự cố trượt chân, cũng phải được tính tới tỉ mỉ, có phương án khắc phục. Đảm bảo mạng sống của một con người chứ đâu phải một con mèo. Ngay cả mạng một con mèo cũng không thể vô tâm, tắc trách như vậy.

Nhưng đó sẽ vẫn chỉ là giấc mơ của 99% người dân Việt khi phải đi khám và điều trị tại bất cứ cơ sở y tế nào trên mảnh đất này. Những

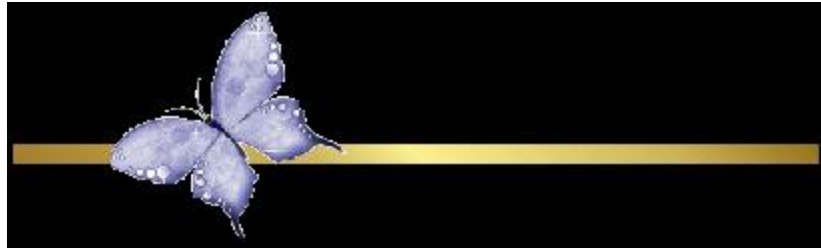
sự cố vừa kể, vẻ bề ngoài giống như những tai nạn. Nhưng thực chất nó là QUẢ đắng kết lại từ cái NHÂN lép, bị dị dạng của ngành y tế, được gieo vãi khắp nơi, từ nhiều năm nay. Cái nhân lép và thói rửa một phần mầm ấy không những không bị loại bỏ, mà nó cứ được tạo môi trường để các loại nấm độc, vi trùng khiến cho quá trình thói rửa lan sang nốt những phần còn lành. Các loại nấm độc ấy ký sinh trong hàng loạt chính sách đầy ảo tưởng, lý thuyết suông, bất khả thi, dùng người không đúng với phẩm hạnh và năng lực của họ vào những vị trí giữ vai trò duy trì đạo đức. Từ một lĩnh vực đề cao sự tận tụy, lòng trắc ẩn, coi lòng nhân từ là lẽ sống, giờ đây trở thành lĩnh vực đặt tiền lên vị trí vật tổ, thì phải bối phong bì lên may ra mới thấy tí y đức nằm chổng chơ và vô dụng dưới đáy, là chuyện tất yếu!

Và hóa ra từ 9 năm trước, đứa bé trong tác phẩm của tôi cứ băn khoăn với quyết định có nên ra đời, không phải là một ý nghĩ tiêu cực hoàn toàn. Giả sử ba đứa trẻ vừa chết bởi tiêm vắc xin cũng nấn ná thêm vài tiếng đồng hồ nữa, khiến mẹ chúng đẻ rơi tại nhà, hoặc chuyển đến bệnh viện khác, chúng đã không phải sớm trở về cát bụi như vậy. Đến phút nguy hiểm nhất, nó, cái thằng bé trong tác phẩm của tôi, còn may hơn hàng chục những bạn đồng niên của nó ra đời quá vội vã mà thành nhảm thời, sau đó hàng chục năm. May vì nó còn được thiên thần có mặt kịp thời để can ngăn ý định ấy, khích lệ cả nó và mẹ nó bằng những lời an ủi đầy cảm động để nó quyết định giành lấy sự sống. Còn với những đứa bé rơi suýt vỡ sọ thì chỉ có vài câu xin lỗi qua loa, cùng những lời bao che lấp bịch và chắc chắn là sai sự thật. Nhưng thế lại vẫn chưa phải là tệ nhất. Dù sao chúng vẫn còn được sống, được nghe lời xin lỗi. Rủi nhất cho tới thời điểm này đích thị ba đứa trẻ chết vì cái tử lạnh bị hồng!

Nhưng những đứa trẻ sắp ra đời cùng với cha mẹ, ông bà của chúng đừng vội hy vọng không còn những sự cố tương tự. Sẽ còn những cú trượt chân, sẽ còn những cái tử lạnh bị hồng, sẽ còn những lọ vắc xin hết hạn hoặc bị rút bớt, sẽ còn nhiều, rất nhiều vụ cắt nhầm, bỏ quên dụng cụ y tế trong bụng bệnh nhân, ăn cắp nội tạng... vì nó không bị ngăn chặn thích đáng. Sau những sự việc như vậy, mặt ao bèo y đức quá lấm chỉ dẫn ra tí chút rồi lại nhanh chóng khép lại. Những cái chết chỉ có giá trị cung cấp một hiện thực về sự cố vô tâm tích của kiếp người. Bởi vì, tại thời điểm ba đứa trẻ lìa đời ở Hướng Hòa, cái tin động trời động đất với bất cứ quốc gia nào, thì nghe nói một vị quan chức cao cấp của

Bộ Y tế đang chỉ cách đó mấy chục phút xe có còi ử chạy, nhưng lấy lý do vì nhiệm vụ mà quý vị đó kiên quyết không đến tận nơi xem xét, đưa ra những quyết định quan trọng hơn cả cứu hỏa và bày tỏ sự hối lỗi có giá trị giáo dục đạo đức cho thuộc cấp. Nhiệm vụ gì lại có thể quan trọng hơn nhiệm vụ ngăn những cái chết hàng loạt tại thời điểm đó và những cái chết tiếp theo hoàn toàn có thể xảy ra?

Đến thế thì thôi rồi y đức ơi! Lần này tìm nó không phải cứ bới đồng phong bì tầng tầng lớp lớp là thấy, mà phải mò dưới đáy biển.



Tản mạn về chuyện xử án

Có ba câu chuyện liên quan đến xử án mà tôi thuộc từ thời trẻ khi đọc sách nhưng cứ liên tục phải suy ngẫm cho đến tận bây giờ.

Chuyện thứ nhất kể vua Salomon xử kiện vụ hai bà mẹ tranh nhau một đứa trẻ. Bà nào cũng khẳng định đứa trẻ là con của mình. Không thể tìm ra bằng chứng, vua Salomon bèn đưa ra phán quyết: sẽ chặt đôi đứa bé, chia cho mỗi bà mẹ một nửa, thế là công bằng! Phán quyết vừa buông ra thì một bà mẹ vội quỳ ngay xuống, khóc lóc khấn đầu van xin nhà vua tha tội vì mình đã nói dối, bởi đứa trẻ là con của bà kia, xin nhà vua trả cho bà ta và không phải chặt đôi đứa bé nữa. Nhà vua bèn chỉ mặt người vừa van xin bảo: “Mẹ ra mà bế con mẹ về”, đồng thời lệnh tổng người đàn bà còn lại vào ngục vì tội bắt cóc trẻ con.

Chuyện thứ hai là vụ xử kiện của “quan tòa” Xantrô Panxa, nhân vật đánh xe trong tác phẩm Don Kihote của Xecvantec, khi ông được làm thống đốc một hòn đảo. Nguyên đơn là một phụ nữ, bị đơn là gã lái buôn. Nguyên đơn tố bị đơn đã cưỡng hiếp chị ta. Nghe xong, Xantrô đập bàn ra ngay phán quyết là gã lái buôn phải bồi thường cho người đàn bà 30 quan tiền vàng, một tài sản rất lớn. Gã lái buôn quỳ mọp xuống kêu oan, trong khi người đàn bà thì vô cùng mãn nguyện, đùm tiền vào áo, cảm ơn “quan tòa” sáng suốt như trời rồi xin được về nhà ngay. Người đàn bà đi rồi nhưng gã lái buôn vẫn một mực kêu oan. Xantrô bèn bảo hấn đứng dậy, ghé tai nói nhỏ: “Đuổi theo mẹ ta mà lấy lại tiền”. Gã lái buôn nghe xong bèn lao vụt theo người đàn bà khi đó đã cách một quãng xa. Hấn lao vào giằng bọc tiền. Nhưng dù đã dùng hết sức, gã lái buôn vẫn không cách nào đoạt lại được số tiền từ tay người đàn bà. Hai bên bèn túm nhau trở lại gặp quan tòa. Xantrô nhìn thấy người đàn bà vẫn bảo vệ được số tiền, trong khi gã lái buôn thì sắp kiệt sức, bèn đập bàn quát: “Con mẹ kia, trả lại tiền cho nó!” Người đàn bà tỏ vẻ ngạc nhiên không hiểu sao quan lại giở mặt nhanh thế. Bấy giờ “quan tòa” vốn là gã đánh xe ngựa mới đồng dặc đáp: “Nếu nhà người cũng bảo vệ phẩm tiết như vừa bảo vệ túi tiền thì liệu hấn ta có làm gì được không?” (Ý là thế nào cũng có yếu tố thông đồng). Người đàn bà tên tò trả lại tiền rồi bỏ đi trong nỗi hổ thẹn.

Chuyện thứ ba liên quan đến trí anh minh của cả một dân tộc. Đó là từ hơn 2000 năm trước người Do Thái đã có một quy định lạ đời – so với thế giới – trong việc xét xử tội phạm. Hội đồng xét xử gồm 100 thành viên được lựa chọn nghiêm ngặt về mặt phẩm hạnh. Ai đó bị 51 người trở lên trong hội đồng xét xử phán có tội, lập tức hẳn bị tổng giam hoặc đưa đi treo cổ. Nhưng nếu cả 100 người trong hội đồng cùng phán xét kẻ nào đó có tội, thì tội nhân lại được tha bổng ngay tức khắc. Người Do Thái cho rằng khi ai đó bị tất cả chống lại chắc chắn anh ta không phải là tội nhân tầm thường. Những gì anh ta làm có thể vượt ra khỏi thời đại vì thế nằm ngoài khả năng phán xét công bằng của người đương thời. Trong trường hợp ấy, giữa khả năng để lọt tội phạm, kể cả tội phạm nguy hiểm và khả năng có thể giết oan một người vô tội, thì tòa án Do Thái đã chọn tha để lọt tội phạm còn hơn giết oan.

Những câu chuyện vừa kể cho thấy rõ nhất một điều, bất cứ ai, dù là thiên tài, cũng có thể mắc sai lầm bởi khả năng của con người là có hạn. Vì thế người thông minh chính là người nhận ra những giới hạn của mình. Một nền tư pháp nghiêm túc là phải luôn nhận ra giới hạn về khả năng phán xét của mình. Khi một quan tòa tự tin đến mức cho mình là người hoàn hảo về trí tuệ, thì phải nghiêm cấm anh ta ngồi ghế xét xử. Nguy cơ có rất nhiều người bị kết án oan bởi anh ta là vô cùng lớn. Bởi sẽ không còn khoảng trống của sự do dự trong phán quyết mà anh ta đưa ra. Chính cái khoảng trống thể hiện sự thiếu tự tin ấy, là chỗ để trái tim chen ngang và nói tiếng nói của mình. Tiếng nói ấy mang theo toàn bộ kinh nghiệm sống, toàn bộ kinh nghiệm lịch sử về lẽ phải, toàn bộ kinh nghiệm về cái có lý ở đời mà không ngôn ngữ nào có thể mô tả hết. Những kinh nghiệm đó không thể thay thế các phán xét dựa trên những bằng chứng mà lý trí tin cậy, càng không thể thay thế các nguyên tắc pháp lý là mọi sự phải được chứng minh bằng thứ ngôn ngữ rõ ràng, có logic khoa học, theo đúng chính tả và không bị hiểu sai... nhưng nó có giá trị như một phương tiện tiếp cận sự thật.

Xét cho cùng, mọi phán xét pháp lý chỉ thuyết phục khi nó đảm bảo sự thật được tôn trọng tuyệt đối và sự thật đang ở trong tay phía đưa ra phán xét. Mà nhận diện sự thật thì chỉ lý lẽ không thôi là không chắc chắn.

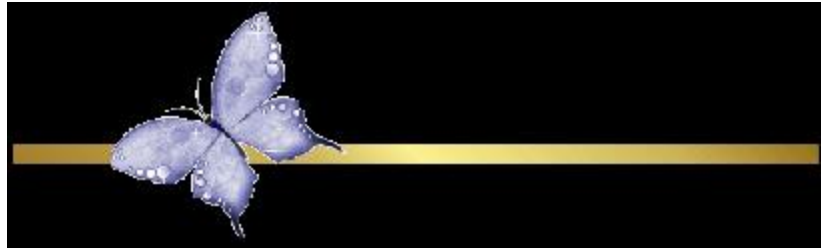
Nhân vật trong tiểu thuyết mang tính hồi ức *Papillon Người tù khổ sai* là nhân vật có thật. Toàn bộ cuốn sách là diễn biến của hơn chục

cuộc vượt ngục khủng khiếp của người tù tên là Papillon. Có không biết bao nhiêu nguy hiểm luôn cận kề bên anh ta với mỗi lần vượt ngục đó. Papillon hoàn toàn ý thức được rằng, anh ta có thể phải chết, thậm chí chết một cách đau đớn như bị bắn vỡ sọ và rơi xuống nền đá từ độ cao hàng trăm mét, bị thú rừng xé nát, bị cá mập nuốt sống, bị làm mỗi năm rượu cho bọn cướp biển... Ngoài ra là trùng trùng nguy hiểm không thể nào lường hết dựng lên trước mặt anh ta. Nhưng anh ta vẫn không bỏ cuộc. Nếu chỉ vì mục tiêu được sống, chắc chắn không ai đủ can đảm làm như vậy. Vì trong tù anh ta cũng có thể đạt được điều đó. Động cơ lớn nhất thúc giục anh ta hành động chính là vì sau phán quyết của tòa án kết tội anh ta, sự thật vẫn thuộc về phía anh ta. Mà nói như một nhà triết học Hy Lạp thì: “Khi có sức mạnh của sự thật trong tay, tôi chẳng phải sợ gì hết”. Anh ta chiến đấu để đòi lại những thứ đã bị tước mất một cách bất minh và bất lương. Khi đó sức lực của con người là vô cùng khủng khiếp, cả ở khả năng tự vệ cũng như gây họa cho xã hội.

Giá như mọi quan tòa đều đọc cuốn sách ấy để thấy sự thật khó tước đoạt như thế nào, dù dựa trên bất cứ danh nghĩa gì.

Giá như viên chánh toà huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có đọc cuốn sách ấy và đọc những chuyện liên quan đến xét xử mà tôi vừa dẫn, hẳn phiên tòa vụ “hòn đá bị nhốt” không đáng bị thành trò đàm tiếu như đang xảy ra. Tôi không khẳng định phán quyết của tòa sung công hòn đá, như sung công một tài sản thuộc về sở hữu toàn dân là sai. Nhưng tôi biết chắc nếu tòa án huyện Chư Sê phán ngược lại, trả hòn đá cho bà Trần Thị Sắc cũng không hề sai. Ở đời luôn có những tình huống pháp lý như vậy. Chính là lúc cần phải dựa thêm vào tình. Phán quyết thứ nhất có thể đúng về lý nhưng vô tình. Còn nếu theo phán quyết thứ hai thì vẫn đúng về lý, lại có tình, mà cũng thuận lẽ tự nhiên: coi như viên đá (tài sản không hề lớn, khoảng 1,5 tỉ đồng như định giá của cơ quan nhà nước) là do trời cho bà Sắc. Trời cho ai thì người ấy được. Biết đâu cũng là do tổ tiên ông bà họ tu thân tích đức con cháu mới được viên đá. Vả lại nếu không phải viên đá, mà là quả bom tấn nổ chậm còn sót lại thì mọi sự sẽ thế nào? Chuyện này cũng phải được đặt ra. Nhưng mấu chốt của vấn đề là không ai bị hại bởi phán quyết như vậy. Còn phán quyết như tòa vừa tuyên thì chắc chắn có người cảm thấy bị hại, bị đối xử bất công (hàng loạt người xung quanh đào ao thì không sao!), đó là bà Sắc.

Xử án là dựa trên bằng chứng và lý lẽ. Nhưng có những lý lẽ cao nhất lại chỉ có trái tim lương thiện mới mình định được. Trái tim có thể không nên can dự vào quá trình xét xử, nhưng mọi quán quyết cuối cùng của bất cứ phiên tòa nào, nên tham khảo tiếng nói của nó.



Lại chuyện sửa Quốc ca

Sau hơn 30 năm im lặng, chuyện sửa Quốc ca lại một lần nữa làm bận tâm những người dân Việt đứng vào lúc họ phải chèo chống để vượt qua vô số điều tồi tệ liên quan đến cơm áo. Có người nói việc đó nêu ra không đúng lúc. Tôi nghĩ khác: việc nào nên là việc ấy và xin có mấy lời bàn nông cạn.

Mỗi chính thể đều có quốc ca mà nó lựa chọn. Điều đó cho thấy, trong vòng hai chục năm qua, thế giới luôn luôn có quốc gia phải sửa, thay hoặc làm mới Quốc ca. Nghĩa là sửa, thay, làm lại Quốc ca cũng là việc bình thường. Mỗi quốc gia có mỗi cách làm riêng. Chẳng hạn như Liên bang Nga, người ta giữ nguyên phần nhạc (quốc thiều) và thay một số lời mới cho phù hợp với những lựa chọn của nước Nga về mặt chính trị, đường lối phát triển đất nước. Một số nước trở lại với Quốc ca cũ, một số nước thay hoàn toàn cả lời lẫn nhạc.

Vì thế xem ra sửa Quốc ca không phải là chuyện gì quá ghê gớm và bị chính trị hóa nặng nề như nhiều người đang nghĩ. Tất nhiên lại cũng phải nói ngay, Quốc ca là một biểu tượng thiêng liêng bằng âm thanh, của bất cứ quốc gia nào. Khi tiếng Quốc ca vang lên, người dân của đất nước đó thấy rạo rức, tự hào bằng một tình cảm lớn lao vượt lên khỏi bản thân họ.

Không có bài hát nào làm được vai trò đó của Quốc ca, cho nên sửa nó phải hết sức thận trọng.

Khi viết *Tiến quân ca*, nghe nói Văn Cao không nhằm tới việc nó sẽ thành Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và cho tới tận hôm nay. Nhưng nó đã được lựa chọn. Đó là số phận của bài hát, đồng thời cũng là số phận của dân tộc cứ phải trường chinh trong lửa đạn suốt nửa thế kỷ sau.

Tôi dám chắc rằng, nếu chọn bài hát khác làm Quốc ca, thì giờ đây bài hát đó cũng khiến mỗi công dân Việt Nam tự thấy nghiêm trang mỗi khi lời hát vang lên. Thói quen rất quan trọng trong việc làm thiêng hóa điều gì đó.

Chẳng hạn có lần tôi nghĩ, nếu những lời sau đây thành Quốc ca thì cũng rất đẹp cả về nhạc và lời:

“Vùng đông đã hừng sáng, núi non xanh ngàn trùng xa, Tổ quốc bao la hiền hòa, tưới thắm bóng cờ, vờn bay trên cao, muôn trái tim này hòa nhịp cùng ngàn lời ca trong sóng lúa, lấp lánh sao bay trên quân kỳ...”

Tôi nói ra suy nghĩ ấy với vài người, trong đó có những vị ở tít ngòi cao về văn hóa, họ đều gật gù tán đồng. Có người thậm chí còn thấy “bất ngờ” trước một mô tả bằng lời vừa hoành tráng, vừa đầy chất thơ về đất nước, mà lại rất “hòa bình”.

Nhưng “Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc, bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa” đã thành một phần đời sống tinh thần của không chỉ tôi, mà hàng triệu người khác. Mỗi khi nghe giai điệu hào hùng, có thể nói là khá máu lửa ấy vang lên, lòng cứ tự nhiên muốn... ra sa trường cho dù chả ai thích chiến tranh, chả ai muốn chết trên chiến địa! Nhưng tình cảm một thời ấy là có thật.

Giờ đây, ở tuổi tri thiên mệnh, đôi khi tôi cũng giống nhiều người cứ mong đất nước mình không “đằng đằng sát khí” ngay từ trong lời Quốc ca. Chỉ có điều mong là một chuyện, còn nó có được đáp ứng hay không lại là chuyện khác.

Chuyện đất nước định sửa Quốc ca không phải là mới, nó đã được khởi xướng quy mô lớn từ nhiều chục năm trước.

Thậm chí hồi ấy từng có hẳn một dự án vào loại quan trọng để thay Quốc ca, thay hẳn, chứ không phải chỉ sửa. Dự án đó kéo dài nhiều năm, mang tính chất của một dự án chính trị, do những nhà văn hóa, nhạc sĩ hàng đầu của đất nước được trao trọng trách tiến hành. Hàng chục, hàng trăm bài hát theo sau ra đời. Nhiều bài trong số đó đã được giới thiệu với tần suất dày đặc trên làn sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, có lẽ để cho thính giả quen dần. Nhưng cuối cùng dự án thất bại vì không bài hát nào thay được *Tiến quân ca* về giai điệu. Mới biết, cố ý làm cái gì đó đều rất khó thành. Cuối cùng *Tiến quân ca* với những đoạn ca từ: “Đường vinh quang xây xác quân thù” vẫn gắn bó với đất nước này, như một thứ tuyên ngôn về lẽ sống.

Xét cho cùng thì điều đó cũng chẳng sao, ngay cả khi mọi thứ đã đổi khác. Nước Pháp vẫn dùng bài *La Marseillaise* làm Quốc ca, trong đó cũng có những câu “kinh hồn” như: “Hãy để cho dòng máu nhơ bẩn của

kẻ thù tưới đầm những luống cày của chúng ta!” Có sao đâu, mặc dù nước Pháp ngày nay tôn trọng những tiêu chuẩn châu Âu, không tử hình cả kẻ thù của dân tộc, nếu có kẻ nào thành ra như vậy.

Quốc ca của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ cũng giữ nguyên từ năm 1831 đến nay. Nó có thể là *Lá cờ ánh sao chói lọi*, cũng thúc giục các chiến binh cảm tử cho tổ quốc. Phần nhạc do John Stafford Smith, nhạc sĩ người Anh sáng tác năm 1760, khi ông này mới có 10 tuổi. Oái oăm là ở chỗ, khi đó đế quốc Anh còn “cai trị” Tân thế giới. Sau khi nước Mỹ giành độc lập, người Anh tiếp tục tiến hành chiến tranh giành giật lãnh thổ với nước Mỹ vài bận, đáng nói nhất là cuộc chiến 1812, được coi là “Chiến tranh giành độc lập lần thứ hai” của Hoa Kỳ. Sau trận oanh kích dữ dội của quân Anh vào pháo đài McHenry trên chiến tuyến phòng thủ Baltimore bị thất bại, Francis Scott Key, một luật sư và nhà thơ nghiệp dư người Mỹ, đã lấy cảm hứng từ đó để viết ra phần lời bài hát, trong đó có đoạn sau:

*“Giữa sa trường đầy gian lao
Vẫn tung bay cờ sọc sao
Lồng lộng gió trên chiến hào
Hồn non sông hiên ngang vẫn chào
Đầy trời rền vang tiếng pháo
Tiếng bom gào như xé gió.”*

Điểm thú vị là Francis Scott Key đã sử dụng luôn phần nhạc do “kẻ thù” sáng tác cách đó hơn 50 năm. Nhưng không vì điều đó mà bài hát bị bài xích tại Hoa Kỳ. Ngược lại, nó được ưa thích và phổ biến đến nỗi, năm 1831, Quốc hội Hoa Kỳ đề nghị Tổng thống Herbert Hoover thông qua dự luật công nhận bài hát trên là Quốc ca chính thức của Hợp chủng quốc.

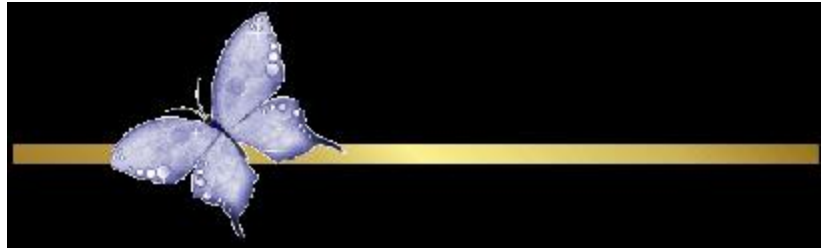
Cũng có sao đâu nhỉ! Hoa Kỳ hăm như hết để mọi thứ cứ đến Mỹ là thành của họ và chẳng vì thế mà họ chạnh lòng khi mấy thế kỷ qua, không hề có một cảnh “Tiếng bom gào như xé gió” diễn ra trên đất Mỹ (trừ sự kiện khủng bố 11-9).

Trong trường hợp của Pháp và Hoa Kỳ vừa kể, Quốc ca còn là một phần của lịch sử. Lịch sử thì tự thân nó không có giá trị gì ngoài việc truyền lại thông tin. Nó chỉ có giá trị như bài học với các thế hệ sau.

Lịch sử “Tiến mau ra sa trường” đã là một phần, thậm chí là phần quan trọng của các con Lạc-cháu HỒNG trên mảnh đất hình chữ S. Thay đổi lịch sử là điều không thể, cho dù có đổi lại những lời mô tả. Nhưng thuộc lịch sử rồi suy ngẫm để thay đổi hiện tại, từ đó định hướng một đường tương lai vinh quang mà không phải đi trên con đường “xây xác quân thù”, thì luôn là điều trong tầm tay. Không hiếm những quốc gia suốt quá trình hình thành, phát triển cứ phải chấp nhận chiến tranh như nước ta. Nhưng khi họ lựa chọn hòa bình, lựa chọn những giá trị sống phổ quát, thì lại cũng là những quốc gia sớm tôn thờ các nền tảng nhân văn nhất thế giới. Nhân dân ở các quốc gia đó không chỉ yêu hòa bình, mà còn nổi tiếng là những người biết giữ gìn những gì thuộc về lịch sử của dân tộc họ. Bởi vì với họ, trên cái nền hiện tại, lịch sử trăn mặc, với nào máu lửa, sắt thép, bom gào đạn thét, ước muốn được ăn gan kẻ thù... chỉ còn là phần ký ức, mọi người cần nhớ lấy để không phải lặp lại, hoặc không đưa đất nước trở lại con đường đau thương đó. Hoặc nói như ai đó, lịch sử vốn chỉ là cái đinh để hiện tại treo lên đó những bức tranh mà thôi!

Cuối cùng thì vấn đề mấu chốt là thái độ lựa chọn của thế hệ hiện tại, những chủ nhân đương thời của đất nước, có đúng đắn, tử tế, khôn ngoan hay không?

Nếu nhìn nhận theo chiều hướng đó thì việc sửa hay không sửa Quốc ca đâu có gì quá quan trọng và không đáng phải làm cho nghiêm trọng.



Luận bàn về đổi tên nước

Tôi đã định “khiêm tốn” đặt nhan đề bài viết là Ngẫu đàm... Nhàn đàm... Phiếm đàm... về việc đổi tên nước. Nhưng ngay tức khắc tôi nhận ra không thể làm như vậy. Đổi tên nước là việc hệ trọng, thậm chí hệ trọng nhất của cả một quốc gia, cần sự bàn bạc nghiêm túc, chân thành, trách nhiệm ở mức cao nhất của mỗi công dân, tuyệt đối không nên gọi bất cứ điều gì đến sự đùa cợt, bàn cho vui...

Và tôi đã viết bài viết nhỏ này trên tinh thần ấy.

Tên nước là đại danh, siêu danh, không chỉ để dùng cho việc gọi một quốc gia hoặc ghi trong các văn bản giấy tờ nội vụ và quốc tế, mà tên nước còn chỉ sự lựa chọn về mặt chính trị, tôn giáo, tình cảm dân tộc cũng như chiến lược phát triển của quốc gia đó. Người ta không gọi Liên bang Hoa Kỳ, mà là Hợp chúng quốc (chứ không phải *chứng* như vẫn nhầm lẫn) Hoa Kỳ. Thậm chí chỉ cần gọi là Hợp chúng quốc đã đủ hiểu là họ đang nói đến Hoa Kỳ. Bởi vì tính đa dân tộc, đa văn hóa, với nguồn gốc dân cư từ nhiều quốc gia khác nhau trước khi thành quốc tịch Hoa Kỳ là ưu tiên nhấn mạnh về tính chất của nhà nước Mỹ, mặc dù nếu gọi Liên bang Hoa Kỳ cũng không có gì sai, nhưng rõ ràng là chưa đủ bao hàm về mặt văn hóa, chủng tộc... Khi lấy tên là Cộng hòa Hồi giáo Iran, rõ ràng nước Iran muốn cho thấy, họ chính thể cộng hòa nhưng không phải là nhà nước thế tục, mà thượng tôn các luật mang tính thần quyền Hồi giáo. Chắc chắn những bộ phận dân cư theo các tôn giáo khác, cho dù rất nhỏ, sẽ không tìm thấy sự thỏa mãn ở cái tên ấy, nghĩa là nó tiềm ẩn sự chia rẽ. Những nước theo chế độ quân chủ đều có hai từ vương quốc ở đầu, để phân biệt về thể chế chính trị, đồng thời cũng là thói quen văn hóa, coi trọng người đứng đầu đất nước là nhà vua, dù phần lớn quyền lực của vua chỉ còn trên danh nghĩa. Chắc chắn trong văn bản ngoại giao, người Anh sẽ không thể chấp nhận viết đại danh quốc của họ là England, mà phải là United Kingdom (UK), vì đơn giản nước Anh chỉ là một trong bốn chủ thể tạo ra Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ailen, mà ta hay biết đến với cái tên Vương quốc Anh.

Vậy là tên nước còn mang trong nó cả những giá trị lịch sử, ký ức dân tộc, tiến trình hình thành... Vì thế, ngoài việc định hướng về mặt thể

chế, ý chí mong muốn phát triển, tên nước còn có tác dụng tập hợp, đoàn kết các thành phần dân cư hoặc, trong trường hợp ngược lại sẽ chia rẽ họ. Tức là nó có quan hệ trực tiếp, ngay tức khắc hoặc lâu dài đến tương lai của đất nước đó. Chẳng đất nước nào mong muốn sự chia rẽ, nhất là với những đất nước có quá trình hình thành, phát triển gắn với chiến tranh. Vì thế, tên của những đất nước đó phải cố gắng thỏa mãn tối đa niềm hãnh diện, hoặc có thể nói là sĩ diện về chính trị, văn hóa, tôn giáo, dân tộc... của nhiều thành phần dân cư.

Việt Nam chúng ta là một quốc gia như vậy.

Giở lại lịch sử thì thấy, chỉ kể từ khi là quốc gia độc lập, cha ông ta đã dùng tới hàng chục cái tên nước. Phần lớn những lần đổi tên đó gắn với việc ra đời một triều đại mới.

- Thời nhà Đinh – Tiền Lê: Đại Cồ Việt (968-1053)

- Thời nhà Lý: Đại Việt (1054-1399). (Dưới triều vua Lý Anh Tông: An Nam Quốc).

- Nhà Hồ: Đại Ngu (1400). (Ngu ở đây nghĩa là hòa bình, thanh bình).

- Nhà Hậu Lê đến nhà Tây Sơn: Đại Việt.

- Nhà Nguyễn: vua Gia Long thống nhất hai miền Nam Bắc, lấy quốc hiệu là Việt Nam từ chữ An Nam và Việt Thường năm 1802. (Dưới triều đại vua Minh Mạng (1802-1840) có đổi tên nước là Đại Nam). Lần đầu tiên, tên nước thuần túy chỉ để khu biệt về địa lý, không gian sống (so với Trung Hoa) và đây là cái tên đáng lưu lại muôn đời vì nó bao hàm trong đó không gian sống mang tính “Thiên định” của người Việt cư trú trên dải đất hình chữ S.

Vậy là, mỗi cái tên dưới các triều đại, đều thể hiện ý chí của các triều đình (về mặt danh dự dân tộc, cương thổ, mong muốn hòa bình...), chủ yếu khẳng định vị thế độc lập với Trung Quốc ở phía Bắc, và khẳng định tầm vóc là nước lớn với các lân bang phía Nam, phía Tây. Những cái tên như vậy, trong từng thời kỳ, đã phần nào thỏa mãn niềm tự hào dân tộc, có tác dụng tập hợp sức mạnh toàn dân mỗi khi có ngoại xâm, đồng thời xác lập thế bình đẳng trong bang giao. Nhưng nhất định nó không phải là phép màu tạo ra thứ cần thiết nhất là sự phát triển.

Bước sang thế kỷ 20, từ những cái tên nước, có thể đọc ra phần nào lịch sử Việt Nam. Phía Bắc là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (trước đó là Đế quốc Việt Nam của chính phủ Trần Trọng Kim), phía Nam là Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Việt Nam Cộng hòa. Mỗi cái tên đều mang theo trong nó những mục tiêu chính trị khác nhau, phản ánh số phận của một bộ phận dân tộc. Chỉ có điều tất cả chúng, những cái tên đó, đều không phải là tên của cả nước Việt Nam thống nhất, chạy dài từ Móng Cái đến Cà Mau. Thậm chí có thể coi những cái tên đó là bằng chứng về một thời chia cắt đau thương của dân tộc. Sau đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam, cái tên Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra đời, chung cho cả hai miền vốn là theo hai chế độ chính trị khác nhau. Đây chắc chắn là “ý Đảng”, nhưng chưa hẳn đã là “lòng dân”. Bởi vì nếu xác định mục tiêu hòa hợp dân tộc là quan trọng nhất, thì cái tên như vậy không đáp ứng được. Nó phản ánh rõ nhất là sự duy ý chí, kiêu ngạo, lạc quan thái quá trong tư duy chính trị lúc bấy giờ. Nó gây khó chịu với một bộ phận dân cư lớn và trên thực tế đã tạo ra những sự chia rẽ trong khi đáng lẽ phải có tác dụng hàn gắn. Nếu khôn ngoan hơn thì cái tên nước phải mang tính trung lập về chính trị và phải nghĩ chuyện đổi tên nước ngay từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, khi quyết định mở ra những mối quan hệ quốc tế rộng lớn như hiện nay. Nhưng việc ngồi trách cứ nhau, miệt thị nhau sẽ chẳng mang lại ích lợi gì. Giờ đây, khi dư luận có vẻ háo hức tham gia thảo luận chuyện đổi tên nước, thì tôi lại thấy cần bàn trước những việc sau đây:

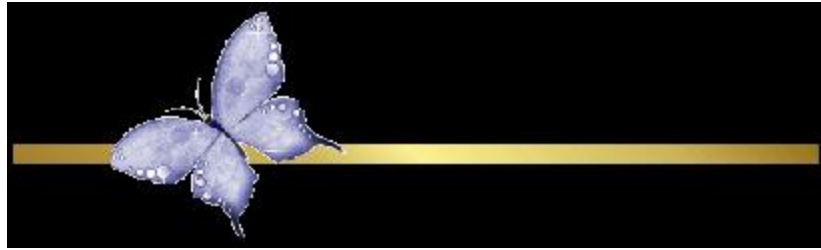
Việc đổi tên nước có thực sự quan trọng, cấp thiết, khi mà còn vô số vấn đề quan trọng hơn, tác động trực tiếp đến sự hưng vong của quốc gia như chủ quyền biển đảo, nạn tham nhũng, nạn ô nhiễm, sự yếu kém trong quản lý tài nguyên, đặc biệt là đất đai.

Đổi tên nước có lợi gì trước mắt và lâu dài, gây hệ lụy gì trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ, thực thi các hiệp ước, cộng với sự lãng phí tiền bạc (chắc chắn là rất lớn)...

Những vấn đề đó cần phải được đặt lên bàn cân. Nghĩa là việc này phải được bàn luận sâu rộng, chân thành và có trách nhiệm, không áp đặt, không quy chụp và phải lôi kéo mọi thành phần, các giới xã hội tham gia, đặc biệt là giới trí thức trong và ngoài nước. Nếu đổi tên nước chỉ nhằm tạo ra cái vỏ hình thức bề ngoài, hay nhằm thỏa mãn một bộ phận nào đó trong cộng đồng, thì không cần thiết, ít nhất là vào lúc này. Còn nếu nhân

dân thực sự khao khát đất nước có một cái tên mới, có tác dụng thúc đẩy hòa giải dân tộc, có khả năng tạo ra trong cộng đồng văn minh nhân loại một hình ảnh tích cực hơn về Việt Nam, từ đó khiến thế giới tin Việt Nam hơn, thì theo tôi những tổn kém nhất thời không nên coi là cản trở. Nhưng như tôi đã nói, những việc quốc gia đại sự này cần một cuộc bàn thảo lớn, quy tụ được những bộ óc tinh hoa của dân tộc.

Có nhiều quốc gia suốt nhiều thế kỷ qua không hề thay đổi tên nước, nhưng họ là những đất nước luôn đứng ở top đầu của thế giới. Hóa ra tên nước quan trọng không hẳn ở hình thức. Thành thực thì đến giờ này tôi vẫn chưa biết trong các văn bản chính thức tên nước Nhật đầy đủ gồm những danh từ, tính từ nào. Nước Nhật vẫn còn vua, nhưng nếu ai đó gọi là Vương quốc Nhật, sẽ thấy lạ tai. Cũng không thể gọi là Nhật Bản Dân chủ, cho dù nước này là đất nước dân chủ hàng đầu thế giới. Đa số gọi là Nhật Bản, hoặc chỉ một từ Nhật. Nhưng đó là cái tên vĩ đại, được biết đến, được kính trọng ở bất cứ đâu. Thậm chí chỉ cần nhắc đến Nhật, là người ta thấy bên cạnh nó niềm tin lớn, tình bằng hữu và những cơ hội tạo ra vô số điều tử tế. Và hình như nhiều thế kỷ rồi, thậm chí là nhiều ngàn năm, cái đất nước kỳ lạ này không hề tổn kém xu nhỏ nào cho việc đổi hết tên này sang tên khác.



Lý sự kiểu Tàu

Người Tàu vốn vẫn được xem là giỏi lý sự. Xưa có hẳn cả một hạng người chuyên làm nghề thuyết khách, chu du khắp thiên hạ để rót mật vào tai người khác, khiến phần lớn họ bùi tai hoặc rối trí mà tán thành những đề xuất của mình. Bọn này là những kẻ xảo ngôn, đa mưu, lắm chước thuật do có chút kiến thức nho, y, lý, số, giỏi quyền biến trong ngôn từ, biết dò ý, đoán về mặt đối phương để lựa lời tung hứng, kín kín hở hở, hư hư thực thực, nói xa xôi để nhắm tới cái ngày nhận tiền, nói Đông mà nhắm tới Tây, nói Hươu mà phải hiểu là Ngựa... Chính cái lối dùng nước bọt để ăn thiên hạ, làm loạn thiên hạ, đã cho nước Trung Hoa một thứ văn hóa chính trị độc nhất vô nhị khiến nhân loại còn cứ phải cảnh giác. Phân tích một cách tỉnh táo, thì thuật thuyết khách là sự kết hợp của những tiểu xảo sau:

Thứ nhất: Tung hỏa mù

Thứ hai: Ngoa ngôn, áp đặt

Thứ ba: Lừa dối

Thứ tư: Đạo đức giả

Thứ năm: Nhấn tâm

Tung hỏa mù là làm cho đối tượng bị rơi vào mê hồn trận (về mục đích thật, về ý đồ, về động cơ...)

Ngoa ngôn, áp đặt là nói quá lên, làm cho đối phương bị hoang mang, thiếu tự tin vào bản thân mình, dùng xảo ngôn làm nhiễu thông tin, biến giả thành thật và ngược lại, rồi nhân đấy áp đặt quan điểm của mình. Lần đầu bảo có hổ ở chợ thì mọi người cười không tin. Lần thứ năm, lần thứ mười vẫn không ai tin. Nhưng cứ nói mãi, nói mãi rằng có hổ ở chợ, thì rồi sẽ có người tin. Một người tin thì một ngàn người sẽ tin.

Lừa dối là có nói thành không, không nói thành có, một nói lên mười, mười nói thành một, đổi trắng thành đen, tung tin vịt, bịa tạc, vu cáo... mà đối tượng không hề cảnh giác, chẳng những thế còn làm cho

người ta tưởng mình đang thật lòng. Lừa dối là con bài chính của thuật thuyết khách Trung Hoa.

Đạo đức giả là nói những lời nhân nghĩa, cao cả để tư lợi tầm thường, nói lời đạo lý để che giấu việc làm vô đạo, thể hiện vẻ ngoài quân tử, hiền từ để khỏi lộ ra dã tâm đen tối, nói tín để bất tín, vờ từ chối để cướp, vờ đau khổ để tận hưởng sung sướng... Nói tóm lại, trong lòng muốn thế này nhưng lại thể hiện bằng vẻ mặt, lời nói ra thế khác.

Nhấn tâm là không từ một thủ đoạn nào, nếu nó đạt mục đích mình đặt ra, dù có thâm khốc đến đâu đi nữa, dù có khiến người khác đau khổ, điêu linh đến đâu đi nữa, thậm chí vì quyền lợi của mình, có thể hy sinh cả những quốc gia lân bang xóm giềng, gây cảnh đầu rơi máu chảy cho hàng triệu người.

Tất cả những thứ đó cộng lại, kết hợp với tính cách của người Trung Hoa thể hiện đặc sắc nhất ở ba phẩm chất tiêu biểu: lì lợm, tham lam, thâm nho – đã cho ra một thứ triết lý sống chỉ biết lợi cho mình. Để đạt được mục đích, mọi việc đều có thể làm. Nói dối, nuốt lưỡi, cãi xóa, đổi trắng thay đen, lừa lọc, vu vạ...

Người dân Việt gọi đó là lý sự kiểu Tàu, thuốc như đi guốc vào bụng các Xénh Xáng, cảnh giác nhưng không chấp, vì nó là thứ ranh vặt, đầy khiếm khuyết về trí tuệ, văn hóa.

Cứ tưởng cùng với thời gian, với biết bao là văn minh, tiến bộ về mặt văn hóa, lối sống cùng hàng trăm mối giao hảo dựa trên những hệ thống luật pháp là sản phẩm trí tuệ toàn cầu, mang tính toàn cầu, thì cái kiểu lý sự ăn người kiểu Trung Hoa như vừa kể, lý sự giỏi biến của người khác thành của mình, chỉ còn là thứ di sản của một thời mông muội, đố kỵ và chậm phát triển. Nào ngờ nó vẫn nguyên vẹn là thứ lý sự mà người Trung Quốc đem dùng trong kinh bang tế thế với lân bang láng giềng và thế giới đang đề cao đạo đức và sự minh bạch này. Ở đâu thì vẫn một phương châm “không từ thủ đoạn nào”. Từ việc bé tí là làm ăn, buôn bán tiểu ngạch, đến việc to lớn là chủ quyền lãnh thổ, đều vẫn thấy nguyên cái lối ranh vặt kiểu Trung Hoa, thứ đáng lẽ phải bị coi là đáng xấu hổ về phương diện văn hóa, thái độ ứng xử. Nhưng nó vẫn được đề cao ngày ngày, bằng cả một bộ máy tuyên truyền khổng lồ, kích động tới từ người nông dân đến các chính khách. Những chuyện hàng hóa Việt Nam bị các chủ buôn Trung Quốc ở cửa khẩu nài ra vô số lý do vô

bằng có bắt bí để mua giá thấp, thậm chí gần như lấy không; chuyện xui nông dân Việt Nam nuôi đũa rồi không thu mua; hay như phi vụ thu gom chân, móng, sừng, đuôi trâu, lá điều, rễ hồi... là những chuyện tầm tiều tiết. Nhưng hóa ra nó chả khác mấy may với cách hành xử ở tầm quốc gia. Vì như mới đây, khi nghe ông Hồng Lỗi, phát ngôn viên của Bộ ngoại giao Trung Quốc thản nhiên chối bỏ trách nhiệm việc tàu có vũ trang của nước họ bắn cháy tàu ngư dân Việt Nam, lại còn lớn tiếng yêu cầu Việt Nam giáo dục ngư dân không vào “vùng biển của Trung Quốc”, thì mới thấy lý sự kiêu Tàu quả là sống dai dẳng và đang trở thành nguy hiểm cho thế giới. Bởi vì ông Hồng Lỗi cũng như bất cứ thượng cấp nào của ông không bao giờ dám mặt đối mặt đấu lý với bất cứ người dân Việt Nam nào về chủ quyền của Hoàng Sa. Đơn giản vì các vị thua lấm lưng trắng bụng ngay từ câu đầu. Trung Quốc dùng tàu lớn, súng lớn chiếm giữ Hoàng Sa của Việt Nam, sớm nhất là vào năm 1956, gần đây nhất là năm 1974, với lý do “giành lại” chủ quyền. Phàm giành lại cái gì thì cái đó đã có thời là của mình, bị người khác lấy mất.

Vậy Trung Quốc mất Hoàng Sa vào tay người Việt Nam từ khi nào?

Liệu có ai ở Trung Quốc trả lời được câu hỏi đơn giản của một trẻ em Việt Nam này?

Trung Quốc là nước lớn hơn Việt Nam mấy chục lần, từ cổ chí kim chỉ có Trung Quốc lấy đất của Việt Nam chứ chưa bao giờ xảy ra chuyện ngược lại. Chả lẽ riêng với quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc lại chịu mỗi nhục dân tộc tới mấy trăm năm như vậy trước một nước từng bị họ coi là thuộc quốc?

Đây cũng là câu hỏi mà không mấy người Trung Quốc nào dám trả lời.

Vấn đề rõ như ban ngày là, khi người Việt đặt chân lên Hoàng Sa cách nay quãng bốn thế kỷ, thì quần đảo này chưa hề có dấu chân con người. Có lẽ lúc ấy người Trung Quốc kiêng phượng Nam vì cứ Nam chính là thua (Mãi mãi vẫn sẽ như vậy, vì đó là ý trời), nên không biết có Hoàng Sa? Từ bấy đến khi Trung Quốc lợi dụng cơ hội Việt Nam đang có chiến tranh, dùng vũ lực cưỡng đoạt, thì Hoàng Sa liên tục do người Việt quản lý và xác lập chủ quyền.

Điều này thì Trung Quốc biết rất rõ, biết rõ cả rằng ở bất cứ nơi nào thì họ cũng đuối lý (nếu không thì họ đã không cuống lên khi bị

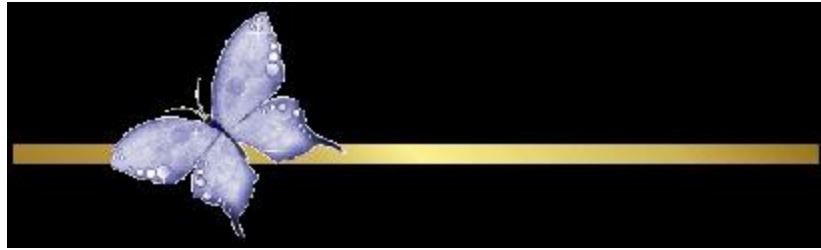
Philippines lôi cổ ra tòa quốc tế). Biết rõ rằng, thuận theo lẽ trời và lẽ phải của công lý thì họ thua tuyệt đối. Biết rõ mà cứ cả vú lấp miệng em, nói toàn điều ngược đời, lu loa vu cáo, áp đặt dư luận thì đúng là chỉ có lý sự kiểu Tàu.

Thương thay cho nước Trung Hoa vĩ đại, mấy ngàn năm mà trong vấn đề ngoại giao vẫn chưa thoát khỏi tầm vóc cũng như thái độ tự ti, yếm thế của một tiểu quốc. Thế giới còn phải mất nhiều công để dạy họ. Về phần mình, có lẽ chúng ta lại phải cần đến những bức thư như Nguyễn Trãi gửi bọn Phương Chính bị vây khốn như lũ chuột trong thành Đông Quan 600 năm trước để nhắc họ về sự thảm hại của thứ văn hóa cậy mạnh nói càn. Người Việt đại lượng có thể bỏ qua cho những lời lẽ kiểu như của ông Hồng Lỗi.

Nhưng điều đó không có nghĩa người Việt sẽ bỏ qua cho hành động của những kẻ “vừa cướp vừa la làng”, đã nhẫn tâm và ngông ngược bắn vào đồng bào của họ, trong chính vùng đất, vùng trời, vùng biển mà họ sở hữu.

Bi kịch nhất cho chúng ta là suốt cả ngàn năm, luôn phải tìm cách chiến đấu để sống yên ổn bên cạnh người láng giềng khổng lồ là Trung Quốc chưa bao giờ hết cơn đói lãnh thổ, lãnh hải. Nhưng thực tế đó cũng là bi kịch truyền đời của Trung Quốc, bởi vấp phải một quốc gia bất khuất vào hàng số một trên thế giới. Quần đảo Hoàng Sa (và một phần Trường Sa) mà Trung Quốc đang chiếm giữ của Việt Nam, thay vì phục vụ tham vọng của họ là thôn tính biển Đông, có thể chính là cái gai độc làm tiêu tan “Giấc mơ Trung Hoa” mà họ đang theo đuổi.

Người Việt cần phải mạnh mẽ nhắc nhở với láng giềng phương Bắc điều đó.



Nhân quốc khánh, nhớ về những chuyện khác

Hồi bé tôi hay được bố kể cho nghe những chuyện liên quan đến thời thuộc địa. Chẳng hiểu bố tôi, một người triệt để từ bỏ quá khứ, thì ông muốn tôi lĩnh hội điều gì từ những chuyện xưa cũ ấy. Một trong những chuyện ông thích kể đi kể lại là nguyên nhân nào dẫn tới việc ông đi theo Việt Minh. Ông kể say sưa, có lớp lang, có nhịp điệu, có thủ pháp, có cả sự bịa tạc, mà thuật ngữ văn học gọi là hư cấu – như sau này tôi nghiệm ra. Phải công nhận bố tôi có khả năng kể chuyện, làm hút hồn người nghe, điều mà tôi không được thừa hưởng. Vì thế mà lần nào trong vài ngàn lần ông kể về cuộc đời đau khổ của ông, tôi vẫn cứ không thể ngăn được những giọt nước mắt. Sau này, tôi đã chuyển một phần câu chuyện kể ngàn ngày ấy vào tác phẩm *Bước qua lời nguyện*. Tôi phải nói ngay rằng tôi đã làm giảm độ hay của câu chuyện bố kể đi rất nhiều khi trình bày nó dưới dạng văn bản.

Bố tôi đi theo Việt Minh vì ông căm ghét cuộc đời thằng ở, không chỉ khiến ông đói khổ mà còn làm cho hai đứa em ruột của ông chết đói ngay trước mắt ông mà không thể làm gì để cứu.

Nhưng có lẽ động cơ lớn nhất khiến ông theo Việt Minh là vì họ hứa sẽ giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của nước ngoài. Bố tôi có đủ trải nghiệm để thấm nỗi nhục của một người dân mất nước chỉ là một lẽ, lẽ chính yếu là trong dòng máu của ông có cả máu chống xâm lược, không chấp nhận bị lệ thuộc ngoại bang, truyền lại từ tổ tiên ngàn đời. Tôi tin rằng bố chưa bao giờ được học về lịch sử nước nhà để hiểu ngàn năm Bắc thuộc là gì và có bao nhiêu cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ nổ ra? Nếu hỏi bố tôi Ngô Quyền là ai, chắc chắn ông sẽ bảo đó là một ông tướng Việt Minh sinh ở Sơn Tây, cho dù ông cũng từng làm bí thư, chủ tịch xã tới 20 năm! Nhưng khi bố lớn lên thì nước Pháp đang cai trị và lẽ tự nhiên là ông hướng mọi sự căm ghét vào người Pháp. Sau này, vào khoảng những năm 1990, trong một lần gặp hiếm hoi với Đại sứ quán Pháp gồm hơn chục người, ông đại sứ hỏi chúng tôi nghĩ gì về nước Pháp? Mỗi người trả lời một cách, có cả những câu nịnh bợ nghe phát ngượng. Về phần mình tôi trả lời thành thật là tôi rất thích nước Pháp, nhất là rượu nho, rằng tôi và nước Pháp không còn vấn đề gì vướng mắc nhưng bố tôi

và đa số thế hệ ông thì vẫn chưa thôi căm thù nước Pháp. Chẳng hiểu cô phiên dịch có nói hết ý của tôi không, chỉ thấy ông đại sứ tái mặt đi, nhìn tôi rất thiếu thiện cảm. Ông khẳng định là ông không còn thấy điều đó ở bất cứ đâu, kể cả ở Điện Biên Phủ. Tôi bảo với ông đại sứ là thật sự tôi còn mong điều đó hơn ông, vì lợi ích của đất nước tôi.

Nhưng mọi sự không thể cứu vãn được nữa, bởi cuộc chuyện sau đó trở nên tẻ nhạt như cơm nguội. Hóa ra người Pháp cũng ghét nghe nói thẳng. Tôi sẽ không bao giờ trách mình là đã không biết điều đó. Bởi vì tôi chỉ nói một sự thật không ai thay đổi được. Sự thật nhỏ ấy phản ánh một sự thật lớn hơn, người Việt dị ứng tuyệt đối với những kẻ đến để đô hộ họ, dù khoác dưới danh nghĩa gì. Điều đó tốt hay xấu chưa bàn nhưng nó là sự thật. Không chỉ người Pháp, người Mỹ đang từng tặn hưởng nỗi thống khổ vì thái độ bài xâm lăng đó. Lặn sâu hơn về phía quá khứ thì các triều đại Trung Quốc là những kẻ tham thía hơn cả. Suốt cả ngàn năm nhưng họ không sao nuốt nổi cái rẻo đất nhỏ tí phía Nam. Nếu sắp tới người Trung Quốc lại nuôi ý đồ ấy, có nghĩa họ rất vô phúc trên khía cạnh không được nhận thừa kế kinh nghiệm của tổ tiên.

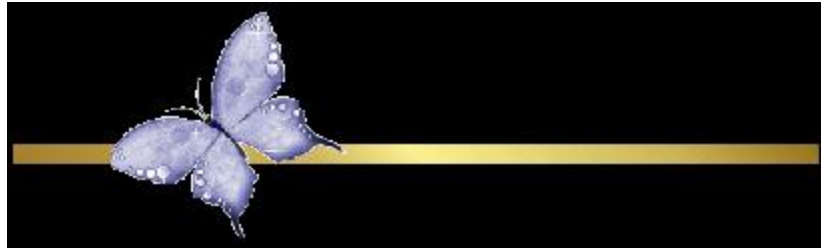
Chỉ cần sống với bố tôi cũng có thể đọc ra hàng ngàn trang sử bi thương liên quan đến chuyện độc lập. Ông ghét Pháp, ghét Mỹ đến mức hắt nước đổ đi chỉ vì họ là nguyên nhân khiến ông không có (hoặc nguy cơ bị mất) độc lập. Không thể thuyết phục nổi bố tôi rằng điều đó có thể gây bất lợi. Đã ghét là không cần. Vì thế, khi tôi có một anh bạn trẻ người Mỹ nhiều lần đề nghị muốn được đến thăm quê Lão Khổ - như chính lời anh ta - thì lần nào tôi cũng tìm cách từ chối khéo. Người Mỹ có cái hay là không suy từ chuyện nọ sang chuyện kia, không bị tự ái vì những chuyện vặt, nên anh chấp nhận ngay lời từ chối nhưng hễ có cơ hội là anh lại đưa đề nghị. Cuối cùng, tôi phải về nhà nói chuyện đó trước với bố. Trong những lý do tôi e ngại, thì sự thù hận nước Mỹ của ông là nguyên nhân chính. Tôi sợ ông sẽ làm tôi mất mặt nếu giả sử ông thể hiện một hành động nào đó với anh bạn người Mỹ kia. Thậm chí tôi lo cả đến an ninh của anh ta. Nghe tôi trình bày xong, bố tôi cười lớn, vỗ vào vai tôi như vỗ vào vai một đối tác kém hiểu biết. Ông bảo: “Mày chỉ nghĩ được về bố thế thôi sao? Tao coi nó (anh bạn người Mỹ mà tôi đang nhắc tới) như con, dù chưa biết mặt. Nó về thăm tao chứ có phải về đô hộ tao đâu. Đô hộ tao thì chết ngay!”

Rất tiếc là sau đó chính anh bạn tôi lại không thu xếp được thời gian. Mỗi dịp tôi về nhà sau đó, bố tôi đều hỏi sao thằng “Mỹ con” nào đó chưa thấy về.

Một lần tôi đưa ông giáo sư xã hội học người Pháp tên là Alain Guillemin về quê chơi theo đề nghị của ông. Khi đó bố mẹ tôi đã dời xuống Hải Phòng. Cạnh nhà tôi có một người mà tôi phải gọi bằng ông họ. Thời trẻ ông phải đi lính cho Pháp, làm ở bộ phận quân y. Nhưng sau đó ông tự thương và thoát được về quê, lên núi theo Việt Minh, cũng làm quân y. Hai ngón tay của ông bị cụt vĩnh viễn không thể mọc lại được, cho ông chút kỷ niệm cay đắng với người Pháp. Con trai cả của ông là liệt sĩ chống Mỹ. Thỉnh thoảng tôi về làng vẫn qua nghe ông nói chuyện oang oang, cho dù ông luôn thiếu ăn vì bà vợ bệnh tật. Lần này, biết có ông người Pháp cùng về, không đợi tôi mời, ông tự sang thăm. Vẫn cái giọng oang oang, ông hỏi thăm thấy bảo có ông quan Pháp về chơi, tao sang xem mặt xem có giống mấy thằng Pháp thời xưa không. May mà ông giáo sư không biết tiếng Việt. Hai ông bắt tay nhau hồn nhiên. Ông hàng xóm của tôi nói bằng thứ giọng mỉa mai: “Gớm, 50 năm trước mà gặp cái lão này nhỉ?” Mối ông bữ dài khiến Guillemon phải hỏi tôi bằng tiếng Anh là ông ta nói gì? Tôi đã định lờ đi vì khả năng tiếng Anh của tôi chỉ đủ để chào và chào tạm biệt. Nhưng Guillemin cứ nhìn tôi bằng vẻ cầu khẩn và có cả sự nghiêm khắc yêu cầu theo kiểu bạn bè. Tôi đành cố nhớ lại những từ cần thiết nhất, tìm cách dịch ghép. Và chẳng hiểu do trời phù hộ thế nào mà tôi lại dịch đủ để ông giáo sư người Pháp hiểu được ý của câu ông hàng xóm nói. Mặt Guillemin trở nên rất buồn và đầy tâm trạng. Mãi sau ông mới ngậm ngùi nói, đại ý là 50 năm trước thì ông mới chỉ là cậu bé 4 tuổi. Tôi dịch lại để ông hàng xóm nghe. Ông nghe xong thì cười ầm lên, đưa tay bắt tay ông giáo sư, lắc lẩy lắc để, nhất định mời ông người Pháp sang nhà chơi. Cuối cùng họ ngồi uống rượu nút lá chuối, ngả nghiêng với nhau, ông người Việt ân cần bày cách ăn tiết canh ngan cho ông người Pháp rồi cứ ai nói người ấy nghe nhưng cười thì vang cả làng trong xóm ngoài. Vì thấy không khí vui vẻ nên ông giáo sư hứng lên hỏi ông hàng xóm của tôi (tất nhiên là nhờ tôi dịch), rằng, giả sử 50 năm trước ông gặp một người Pháp như tôi đây thì ông sẽ làm gì? Nghe trọn câu hỏi, ông hàng xóm của tôi buông bát, sửa lại áo, hai tay xoa xoa vào nhau cho nóng rồi nhìn thẳng vào mặt ông ngoại quốc, nói gần từng tiếng: “Tôi sẽ chặt đôi ông ra!”

Ông ngoại quốc nhìn tôi, căng thẳng chờ đợi. Tôi không thể dịch nguyên văn mặc dù đó là câu tôi thuộc khi học hội thoại liên quan đến chuyện chia cửa. Cuối cùng tôi đành đáp: “Ông ta bảo: No OK!”

Độc lập là nỗi thèm khát kéo dài cả ngàn năm với người Việt, vì thế, bất cứ khi nào có cơ hội thỏa cơn thèm khát đó, là họ bất chấp tất cả để giành lấy, nhiều khi vì thế mà thiếu cả sự khôn ngoan cần thiết. Nhưng khôn ngoan là thứ có thể tích góp sau, độc lập không thể chờ được. Bởi vì người Việt không bao giờ chấp nhận kẻ thù hiện diện trên đất nước mình, dù họ là ai, đến từ bất cứ đâu.



Thiên hạ và chúng ta, sau mọi chuyện sẽ là chuyện gì?

Thiên hạ

Còn nhớ cách đây chừng 5 năm, khi giá dầu mỏ đang từ hơn 40 USD bất ngờ tăng vọt lên 50 USD, gần như cả thế giới bị sốc. Khi đó mọi người đổ lỗi cho tổng thống Mỹ gây căng thẳng ở vùng Vịnh khiến nguồn cung bị thu hẹp. Tất cả đều yên trí như vậy. Tất cả đều chờ động thái hòa hoãn giữa Iran và Mỹ để kéo giá dầu xuống mức cũ. Cuộc chiến tranh tưởng xảy ra đến nơi may thay chỉ là cuộc đấu võ mồm. Nhưng giá dầu thì không xuống mà cứ thần nhiên – như chuyện phải vậy – bò qua các ngưỡng 60, 70, 80 USD một thùng. Những chuyên gia bằng cấp đầy mình căng thẳng đưa ra dự báo giá dầu sẽ lập kỷ lục thảm họa ở mức 100 USD! Ở mức đó thế giới sẽ hỗn loạn thậm chí có thể xảy ra xung đột dầu mỏ toàn cầu. Nhưng giống như câu chuyện cười không có hồi kết, chỉ thời gian ngắn sau đó ước ao của cả thế giới là làm sao kéo giá dầu xuống mức 100 USD. Phải về mức 100 USD thì mới có thể thở được! Đương nhiên là vì chưa hỗn loạn, chưa xảy ra chiến tranh nên mới còn có thể mơ ước. Nhưng mặc cả nhân loại trong cơn hoảng loạn, giá dầu nhanh chóng bỏ xa để tiến gần chạm ngưỡng 150 USD. Ví thử trước đó nửa năm, anh nào ăn phải mật gấu mà trót nói ra dự đoán ấy thì chắc chắn bị coi là khùng, là khủng bố tinh thần toàn cầu. Nhưng cũng tại thời điểm giá dầu lập kỷ lục 147 USD, anh nào bảo trước sau nó cũng quay lại dưới 70 USD thì hoặc anh ta lạc quan tếu hoặc anh ta hoang tưởng. Những đầu óc lồi lạc nhất nói chắc như đinh đóng cột là giá dầu sẽ ở mức 200 USD! Chỉ cần tăng theo đà thêm vài tuần nữa là... đến ngày tận thế!

Nhưng giống như một trò đùa, sau khi sắp đến ngưỡng phá bỏ mọi thứ, giá dầu lại mã hồi trên đường trở về vị trí trước đây của nó. Chỉ có điều, kèm theo là cuộc suy thoái toàn cầu, ly loạn toàn cầu, rồi ren toàn cầu. Vấn nạn lạm phát do giá nhiên liệu tăng bỗng biến mất khỏi mối bận tâm của hàng tỉ người. Thay vào đó là nỗi lo ngày mai sống bằng gì khi mà tiền bốc hơi hết trên sàn chứng khoán! Tiền không mất đi đâu nhưng chẳng ai có tiền. Nạn đói, vô gia cư, cướp giết tràn ngập châu Âu, vốn là thiên đường của hàng tỉ người. Hình như chúng ta đang bị đẩy vào

một thế giới hoàn toàn khác với cái thế giới cổ xưa quen thuộc đến nhàm chán. Nhiều lý thuyết sẽ phải viết lại. Nhiều quy luật không còn giá trị. Nhiều ranh giới tài chính thay đổi xoành xoạch. Nhiều quy chuẩn đạo đức trở nên như không dành cho ai. Sau những chấn động ấy, chuyện gì sẽ xảy ra? Chúng ta chỉ còn cách ngồi phỗng đoán và chờ xem nó đến từ hướng nào mặc dù biết trước rằng tất cả sẽ lại sai toét, y như những màn ảo thuật dành cho trẻ con. Chỉ có điều thay vì cười, thế giới ngày nay phải tìm cách mà lau nước mắt. May mắn nhất là thế giới vẫn hòa bình để bảo nhau dập tắt cuộc khủng hoảng. Nhưng qua cơn địa chấn do con người tạo ra, mới thấy nhân loại hóa ra chưa hề trưởng thành như họ vẫn tưởng. Cái chính vẫn là không thể biết chuyện gì tiếp theo sẽ đến.

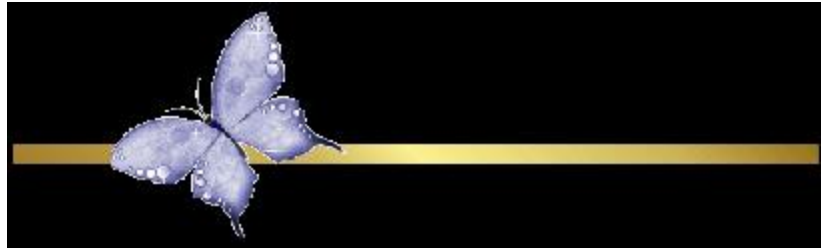
Chúng ta

Một sự trùng hợp ngẫu nhiên là cũng cách đây chừng 5 năm, khi chúng ta bước chân vào cái chợ toàn cầu, niềm hy vọng về một cuộc bứt phá thần tốc hiện lên trên hầu hết những gương mặt người Việt. Đứng ngoài lề quá lâu, thiệt thòi quá nhiều chúng ta cứ tưởng người bên trong chỉ toàn hưởng lợi. Vì thế không ít người lấy làm khó hiểu khi hàng triệu người khắp nơi trên thế giới xuống đường phản đối toàn cầu hóa. Phải có một cái lý do nào đó khiến họ hành động ngược lại như vậy? Đáng lẽ tỉnh táo, chúng ta phải sớm nhận ra, cái chợ nào, dù toàn chia ô bằng kính, thì cũng vẫn kèm theo bên cạnh một góc tăm tối, nơi hành nghề của bọn cò mồi, đầu cơ làm giá, tung tin thất thiệt. Đôi khi chưa vào đến chợ chính đã bị móc nhãn túi. Đáng lẽ điều cần làm trước tiên không phải là nắm tay nhau ùa vào các gian hàng, mua bán ào ào mà hãy đọc kỹ nội quy, học cách đi chợ toàn cầu, học cách thiên hạ đi chợ, thiên hạ mua bán, học cách thiên hạ thắng và thua. Vì thế mà sau 5 năm, sự thất vọng lại xuất hiện ở những người từng hy vọng nhất. Thất vọng đầu tiên là giá hàng tiêu dùng tăng đến chóng mặt, lạm phát biến thu nhập người dân thành *miếng da lừa*, mỗi ngày lại bé đi một chút. Trong cơn hưng phấn, không ai lường trước tai họa. Vì thế khi nó xảy đến thì tất cả đều bị cuống. Các công cụ mang ra chống đỡ được sử dụng nhầm chỗ hoặc thái quá. Chỉ trong một năm mà biến động giá cả quay ngoắt đến vài lần giữa giới hạn trên và giới hạn dưới. Không ai tưởng tượng nổi lại có lúc nước xuất khẩu gạo thứ hai thế giới suy tởm hoảng loạn vì thiếu gạo!

Nhưng tất cả những điều đó đã thành quá khứ. Những mất mát cần phải được coi là học phí trả cho cuộc tập sự làm công dân toàn cầu. Bài

học đó đắt hay rẻ không còn là việc chúng ta ngồi cộng nhẩm xem phải trả bao nhiêu bởi vì cái mất thì đã mất rồi, mà phụ thuộc vào việc chúng ta lấy lại được bao nhiêu từ bài học đó. Sau mọi chuyện mà chúng ta không chỉ chứng kiến, thế giới đang trở thành nơi trải nghiệm lòng can đảm của những cuộc chơi mới. Rủi của người này hoàn toàn có thể là cơ may cho người khác. Nhiều người nghèo đi nhưng sẽ có những người từ nghèo khổ thành giàu có. Nhiều quốc gia tụt lại nhường chỗ cho các quốc gia khác vượt lên. Tất cả giống như một thứ quy luật nghiệt ngã nhưng không thể nói là không thú vị. Giờ đây là lúc những bộ óc thông thái nhất phải biết gánh lấy trách nhiệm trước dân tộc. Cần phải trả lời được câu hỏi: *Sau mọi chuyện sẽ là chuyện gì?* Cuộc sống đương nhiên không thể dừng lại. Với thế giới sẽ là một cuộc cơ cấu lại toàn diện các định chế, các trung tâm quyền lực, các quan niệm... Theo đó sẽ có hàng ngàn cuộc đổ vỡ lớn nhỏ cùng với nó là hàng triệu mảnh vỡ làm thương tổn những người xung quanh và nó chưa dừng lại, ít nhất là trong vài năm nữa. Ai không biết cách tránh thì dính đòn là tất yếu. Nhưng đó có lẽ cũng là điều cần thiết cho một cuộc tái sinh theo nghĩa cần phải nhóm lại ngọn lửa cảm hứng đang bị những quy tắc cứng nhắc làm cho leo lét. Trong quá trình đó và trước khi có một diện mạo cũng như một lực hấp dẫn mới, thế giới sẽ lâm vào một cuộc đình đốn toàn diện với số người nghèo tăng lên khủng khiếp. Các thị trường tiêu dùng lớn sẽ đóng băng. Những đất nước tăng trưởng dựa trên xuất khẩu sẽ phải kích cầu nội địa. Thế giới sẽ phải ra những đạo luật mới về thất nghiệp để đội quân vài trăm triệu người bị cuộc khủng hoảng ném ra ngoài lề khỏi làm loạn.

Còn với chúng ta, câu hỏi: *Sau mọi chuyện sẽ là chuyện gì* phải kèm theo vế thứ hai là: *Và chúng ta sẽ thế nào?* Ngoài nguy cơ rơi trở lại vùng trũng nghèo đói, chúng ta còn có thêm gánh nặng chủ quyền. Nếu không có bản lĩnh, mọi thứ sẽ rối tung lên. Giờ đây không phải là lúc ngồi bàn cãi về phép tu từ của những quan niệm đầy tính học thuật nhưng chẳng tích sự gì trong cuộc sống đang sản sinh những quan niệm mới. Cũng thật vô duyên khi ngồi vuốt ve nhau bằng những câu nịnh bợ, những lời an ủi theo kiểu nhất mẹ, nhì con, với đủ thứ tốt đẹp trên trời dưới bể. Càng không tử tế gì khi ra vẻ đạo đức bằng cách đưa ra những giả định đầy màu sắc tiếu nuối. Điều quan trọng nhất lúc này là cần phải dám đối mặt với mọi sự thật.



Luận chơi về “Mã đáo thành công”

Nhong nhong ngựa ông đã về

Cắt cỏ bỏ để cho ngựa ông ăn

(Ca dao)

...

Trước hết, nhân năm con ngựa, chúng ta hãy thông thả giở xem con vật quan trọng này biểu tượng cho điều gì ở các nền văn hóa khác nhau.

Bằng vào một số ghi chép, ta thấy những điều sau đây: hầu hết các tín ngưỡng nguyên thủy đều liên kết con ngựa với bóng tối cõi âm ty, “nơi nó đột nhiên xuất hiện, phi như máu chảy trong mạch, từ lòng đất hoặc từ biển thẳm lên cõi dương”. Nó là con đẻ của bóng đêm và cõi huyền bí, cùng lúc mang đến cả cái chết và sự sống, “liên quan đến lửa, là sức mạnh phá hủy và chiến thắng; và gần với nước, nguyên tố nuôi dưỡng đồng thời có thể làm chết ngạt bất cứ sinh linh nào”. (*Từ điển Biểu tượng Văn hóa thế giới*)

Các nhà phân tâm học cũng biến con ngựa thành biểu tượng của cái tâm vô thức hoặc là cái linh hồn phi nhân tính. Vẫn theo ghi chép đã dẫn thì ở một góc nhìn khác, ngựa được coi là một thứ mẫu gốc, gần gũi với mẫu gốc Mẹ, hiện thân cho trí nhớ của thế giới; hoặc với mẫu gốc thời gian, thường gần với những đồng hồ lớn tự nhiên. Nhưng theo quy luật thì đêm ắt dẫn tới ngày, và điều xảy ra là con ngựa, cũng theo quá trình ấy, đã rời xa những cội nguồn tăm tối của mình để nâng bổng mình lên tới tận trời cao, vốn là nơi thanh sạch, chan hòa ánh sáng.

Ở thảo nguyên Trung Á, quê hương của những người cưỡi ngựa và thầy pháp Saman, thì ngựa là con vật của bóng tối và của những ma lực. Trong lễ thức Vaudou của người Haiti và người Phi, hay trong lễ Zar của người Abyssinie cũng như trong những bí lễ cổ xưa ở Tiểu Á, con ngựa và con người đảo vị trí và vai trò cho nhau. Ngay cả ở Brazil thì những người bị ám trong lễ Vaudou vừa kể được gọi rõ ràng là “Những con ngựa của thần Loa”.

Lễ thụ pháp của các hiệp sĩ phương Tây Trung cổ còn cho thấy ngựa luôn được coi là con vật được ưa thích trong các cuộc tìm kiếm tinh thần. Khi Pegasus (một hình tượng ngựa trong thần thoại Hy Lạp) dâng sét cho thần Zeus, thì nó được coi là con ngựa trời.

Ở Ailen và một số nước khác tại châu Âu, ngựa được xem là biểu tượng của Thần Chết và chúng gọi đến hình ảnh của địa ngục, nơi chỉ có bóng tối và quỷ dữ với những tâm hồn sa đọa chờ bị trừng phạt.

Còn ở Việt Nam thì sao? Do không phải là “mảnh đất hứa của loài ngựa” nên con vật khôn ngoan và trung thành này chỉ được gắn với các vị tướng và những cuộc chiến tranh, nơi ngựa giữ một vị trí không thể thay thế. Con ngựa nổi tiếng nhất trong tâm thức người Việt có lẽ là con ngựa đã giúp Thánh Dóng (Gióng) đánh đuổi giặc Ân. Con ngựa này thân thể bằng sắt, có thể phun ra lửa, đốt cháy quân thù và tặng cho thế gian một giống tre có tên đằng ngà. Ở tư thế vươn mình bay lên trời sau khi lũ giặc bị quét sạch, hình ảnh con ngựa cũng thể hiện cho khát vọng chiến thắng và hòa bình của người Việt.

Giờ ta hãy cùng trở lại vấn đề ban đầu, gắn với ý nghĩa của một bức tranh ngựa và gắn với một phong tục đẹp mang phong cách Á Đông rất được ưa thích. Bức tranh đó tên là “Mã đáo thành công”, vẽ tám con ngựa đang tung vó, dựng bờm chạy hùng dũng và phấn khích về phía người xem, được hiểu là chúng đang trên đường trở về. Có vô vàn cách giải thích khác nhau và sau đây chỉ là một số trong những cách hiểu ấy.

Cho rằng ngựa chỉ dùng trong chiến trận, vì thế khi ngựa trở về là báo hiệu chiến thắng, tức là đem tin vui, tức là thành công. Ngựa về đến nơi (mã đáo) niềm vui cũng bắt đầu (ghi nhận thành công).

Một ý khác căn cứ vào số lượng 8 con ngựa đang hí vang trên thảo nguyên mệnh mông, coi đó là điểm phát đạt. Số tám, đọc theo âm Hán là *bát*, khi nói trại đi theo âm Việt có thể là *phát*, chỉ sự phát đạt. Đó là lý do vì sao những biển số xe, số điện thoại có số 8 ở cuối (hoặc một dãy số 8) luôn được mua với giá cao. Cả tám con ngựa cùng trở về thì chắc chắn là điểm lành, báo hiệu đại hỉ rồi còn gì phải nghi ngờ?

Cũng lại có người suy luận rằng, ngựa thả hoang trên đồng cỏ, thường là đi mất hoặc bị thú dữ ăn thịt, bị giang hồ bắt trộm... Vậy mà nay chúng không những trở về mà còn kéo nhiều con khác về theo (?)

Thế chả phúc đức lớn là gì. Chỉ có điều xem bức tranh thì khó mà biết con ngựa nào là con ngựa thả ra, con nào là con theo về?

Và đây nữa, cho rằng, trong tranh mô tả con đầu đàn quay lại nhìn về phía sau là có ý giục những con khác phi tăng tốc lên. Ngựa trở về, con nào cũng to béo, lông trơn mượt mà phi không biết mệt, lại còn bảo nhau nhanh nhanh chân lên thì còn gì mà không kết luận đây là một cách reo ca chiến thắng từ ngoài ngõ?

Với những ý nghĩ mộc mạc, mang tính suy diễn ngẫu hứng như trên thì tựu trung lại bức tranh “Mã đáo thành công” là vật tượng trưng, báo hiệu, hoặc cầu mong sự phát đạt, thịnh vượng (chưa ghi nhận thấy có cách hiểu ngược lại). Vì thế nó thuộc loại tranh phong thủy và được sử dụng như quà biếu cầu may mắn, thường được dùng tặng cho những cơ sở kinh doanh, nhà hàng, nhà máy... khi mới khai trương. Cái ý nghĩ tốt đẹp “ai cũng biết ấy” giờ đã mặc nhiên được thừa nhận đến mức không ai còn dở hơi truy nguồn gốc ý nghĩa đích thực mà họa sĩ muốn gửi vào. Chỉ cần nói “Mã đáo thành công” là đủ cho một lời chúc đầy thiện ý, lời cầu mong tốt đẹp, lời tán dương mang tinh thần hợp tác... sao cho mọi việc mau chóng thành công, mau chóng có kết quả tốt, mau chóng đến được với giấc mơ... Giả sử có ai muốn nói câu đó với hàm ý ngược lại, rằng 8 con ngựa như 8 con quỷ cơ bắp thoát khỏi địa ngục, muốn đến để chở những linh hồn tội lỗi xuống âm ty cho Diêm Vương xét xử, sẽ không bao giờ toại nguyện. Chẳng ai chấp kể nào nói như vậy nếu anh ta không bị tống ra khỏi cửa.

Nhưng lời chúc chỉ là lời chúc. Nó vừa kích thích cảm hứng song cũng dễ tạo ra những hoang tưởng, hoang ngôn. Chúng ta cũng mới qua năm rồng (Nhâm Thìn 2012) chưa lâu để dễ dàng quên vô số phỏng đoán về nó. Cũng nhiều lời tiên tri tốt đẹp lắm, ngoại trừ lời tiên tri thót tim về ngày tận thế. Tận thế chưa đến nhưng trái với hy vọng bay lên như rồng, cả thế giới lộn tùng phèo vì biết bao là đảo lộn; cả thế giới ngập lụt, động đất, núi lửa đến mức cầu cho năm rắn đến mau để hạ xuống bò sát đất cho chắc! Nhưng bò, trườn cũng vẫn không tránh được những cú tụt xuống hố tử thần! Thế giới vẫn ngắc ngoải trong cơn đại khủng hoảng, thực chất là cuộc trả giá toàn cầu cho những tham vọng kiêu ngạo, lợi dụng sự hào phóng của thiên nhiên quá mức, đồng loạt vô trách nhiệm với tương lai. Con vật tinh khôn, biết khép mình, với lối uốn thân đầy linh hoạt nhưng vì thế cũng rất nham hiểm, thấp hèn như con rắn,

sau một năm lên thác xuống ghềnh đến kiệt sức vẫn không cứu được nhân loại qua khỏi vận đen, chắc chỉ mong sớm được bàn giao thế gian cho con vật hùng dũng, mạnh mẽ, thủy chung, ít sai đường nhưng gắn chặt với thói hiếu thắng và dễ hoang tưởng. Cái bản tính thuộc loại gien trội ấy của con ngựa, chính là chỗ mà con người cần phải cảnh giác cao độ. Bởi xét lại lịch sử thì cứ khi nào con người hiếu thắng, thỏa mãn là khi đó gặp nạn, thất bại ê chề, phải trả giá đắt. Chẳng hạn lạm phát phi mã; giá cả phi nước đại; tiền mất giá khó kiểm soát như ngựa lồng; nền kinh tế bất kham như ngựa chững; kỷ cương, luật pháp như ngựa hoang...

Nhưng “mã đáo” nếu không phải là ngựa què, ngựa mù thì vẫn cứ là điềm lành, báo hiệu thành công, báo hiệu sự may mắn. Chỉ cần luôn ghi nhớ: dục tốc bất đạt! Nhanh như ngựa không phải lúc nào cũng hay. Nhanh như ngựa có thể sa xuống hố. Nhanh trong tay kẻ cầm cương hoang tưởng, thì chỉ có nhanh xuống hố!

Nhanh nhưng phải biết đích xác cái mục tiêu sẽ đến, được dẫn dắt bởi một trái tim trong sạch và cái đầu lạnh thì may ra “mã đáo” mới hy vọng đem đến thành công.



Thế giới của tôi

(Thay cho lời cuối sách)

Đã trót ôm lấy nghiệp chữ nghĩa, liệu có ai không muốn tên tuổi của mình vượt ra khỏi bờ cõi. Thú vị và hãnh diện lắm chứ khi ở một phương trời xa lạ nào đó, những người không hề biết một chữ tiếng Việt, lại có thể đọc tên của mình. Và tôi thành thật chúc mừng bất cứ nhà văn nào đã, đang và sẽ đạt được điều kỳ diệu đó. Bởi vì cách đây hơn 20 năm, khi mới bước chân vào văn đàn, tôi đã từng nóng hết cả mặt khi biết tin ai đó ở nước ngoài đang dịch tác phẩm của mình. Một gã nhà quê, xét trên mọi tiêu chí đều thuộc diện thất học, vậy mà có tác phẩm ra được tận... nước ngoài! Có họa là đã mới không xúc động. Chỉ riêng cái việc họ không biết mình là ai, lại cứ ngồi cặm cụi ngày này sang ngày khác chuyển ngữ, giải mã những điều mình viết, tô đậm những địa danh Việt mà phần nhiều là địa danh làng mình – một cái làng hẻo lánh vào loại nhất thế giới vì nghèo và vì tăm tối – cũng đủ để thấy sáng tạo nghệ thuật sướng đến độ nào.

Và còn sướng gấp bội khi lúc nào cũng có thể thấy hiển hiện trước mắt hình ảnh của mình, dù tí xiu, đang chu du khắp thiên hạ, bay như đốm sáng nhỏ trên vũ trụ và đang góp phần làm cho thế giới mênh mông này thay đổi! (Không ảo tưởng một chút thật là khó sống). Có lẽ vì thế mà việc tác phẩm được dịch ra tiếng nước ngoài chưa bao giờ là ít quan trọng với những người cầm bút, nhất lại là những người cầm bút ở xứ sở vẫn còn lép vế toàn diện với thế giới. Đôi khi nhờ thế mình mới có cơ hội đến những nơi mà hồi bé ngay cả trong mơ cũng không thấy, được gặp gỡ, tiếp xúc, đàm đạo (chỉ cần bằng động tác như kiểu kịch câm) với những người thuộc đẳng cấp cao (cứ tin thế đi) về văn hóa, vị trí xã hội cho dù phải nói thật, ngay cả khi mình chường cái bản mặt ra thì cũng chả mấy ai định ghi nhớ xem mình là đứa nào. Đó là căn bệnh của nhân loại, không thể trách ai được. Trước khi nhận giải Nobel, có lẽ Cao Hành Kiện cũng đã rất nổi tiếng tại nhiều nơi trên thế giới. Vậy mà hầu như không ai nhắc đến tên ông ở Việt Nam và có thể cả Trung Quốc. Không rõ Đất Mẹ của ông biết những gì về ông, chứ Việt Nam thì tôi cam đoan hầu như không ai biết, hoặc có biết thì cũng rất qua loa. Hồi đó

Internet còn chưa phổ biến tại xứ sở này trong khi sách của ông thì chưa ai dịch. Tôi còn nhớ, trong bản tin công bố nhà văn nhận giải Nobel năm ấy, phát thanh viên của VTV1 đọc là Cao Kiện Hành (dĩ nhiên cô phát thanh viên chỉ đọc lại bản dịch thôi). Nhiều ngày sau chính bản thân tôi vẫn cứ gọi ông là Cao Kiện Hành, cho đến khi hàng loạt báo đồng loạt viết là Cao Hành Kiện. Nhưng Cao Hành Kiện không phải là cá biệt. Trường hợp tương tự là tác giả của *Tôi là Đổ*. Thành thật thì đến tận giờ này tôi vẫn không thể phát âm một lần là chuẩn ngay cái tên mang ngữ âm Thổ rắc rối và khó uốn lười của ông, theo cách người Việt dốt ngoại ngữ như tôi. Vậy mà ông là một nhà văn lớn của thế giới từ đời tám hoánh nào rồi.

Nhưng hóa ra sự thật ấy không chỉ đúng với mình tôi. Tôi biết có người lớp tuổi tôi vẫn chưa hề đọc dòng nào của Dostoevsky hay mới hơn là James Joyce... Và giờ đây, hiển nhiên nhất là cứ sau mỗi kỳ công bố giải Nobel văn chương, tôi (và nhiều người khác trong giới) mới lại biết có ông, bà nhà văn cỡ thế giới nào đó tồn tại và nổi tiếng suốt hàng nửa thế kỷ trên đời.

Nghĩ vậy mà thấy mũi lòng nhớ đến trường hợp của mình. Khoảng năm 1991, một nhà báo Ý (không biết ở Ý thì ông ta cỡ nào?) đến tìm hiểu về Trường Viết văn Nguyễn Du qua giáo sư Hoàng Ngọc Hiến. Khi về nước, ông nhà báo nọ viết một bài theo kiểu phỏng vấn rồi đăng trên tờ tạp chí (cũng không rõ ở Ý thì tờ tạp chí ấy có uy tín cỡ nào, liệu có ngang tầm với tờ *Tạp chí Nhà văn* vừa từ 1.200 bản tăng lên gấp đôi nhờ cố gắng của nữ văn sĩ họ Võ không và nghe nói sắp bị giải tán) rồi gửi sang cho giáo sư Hoàng Ngọc Hiến. Trong bài trả lời của mình, thầy Hiến nhắc đến tên vài học viên tiêu biểu trong bốn khóa, trung bình mỗi khóa một người. Khóa IV thì tôi được nêu tên, như một gương mặt văn xuôi có triển vọng. Nhưng chính thầy Hiến tìm mãi, tìm mãi cũng không thấy tên Anh Duy Ta (viết theo kiểu Âu ngữ) đâu để chỉ cho tôi. “Rõ ràng là tôi có nhắc đến em mà – thầy Hiến thanh minh”. Thầy Hiến đành phải lần từ trên xuống, dịch cả một đoạn nội dung, nhất là đoạn nói về khóa thứ tư, để khẳng định cái tên *Tao Dinh Sing* lạ lẫm trong bài báo, chính là để chỉ trường hợp của tôi. Tức là nếu có ai ở Ý đọc bài báo ấy, thì họ được thông tin là có tay Tao Dinh Sing nào đó đang học ở cái trường viết văn nào đó bên Việt Nam. (Còn Việt Nam là xứ nào thì chưa chắc họ đã thông tỏ, như tôi đã từng thấy trường hợp tương tự ở một vùng quê miền

Trung nước Mỹ, khi chủ nhà cứ hỏi chúng tôi Việt Nam ở đâu nhỉ, có phải là tên một cuộc chiến nổi tiếng hay không?). Chả may gặp phải người cầu thả - một gã thất nghiệp chán đời chẳng hạn – không thèm đọc cẩn thận, tưởng nhầm là tác giả đang viết về cái trại chăn nuôi, thì cái tên Tao Dinh Sing hoàn toàn có thể là tên một giống chó châu Á nào đó lắm? Chó Tây Tạng chẳng hạn. Được thế còn là may vì dù sao dân châu Âu cũng quý chó hơn giống vật bốn chân khác. Với lại sự đời còn nhiều hài hước và bi thảm hơn thế cơ mà!

Cũng trong chuyến đi Hoa Kỳ mà tôi vừa lấy làm ví dụ, một tờ báo địa phương thấy hơn chục thằng nhà văn nhà báo như lũ nhà quê ra phố chúng tôi vừa từ Việt Nam sang, họ bèn cho người đến phỏng vấn, đại ý bản báo muốn biết chúng tôi thấy nước Mỹ của họ thế nào? (so với phần còn lại của thế giới!). Người hướng dẫn đoàn bèn mời vài người, trong đó có tôi, đại diện trả lời. Hôm sau trên tờ báo đó, phát miễn phí từng chồng ở siêu thị, ngã tư, nhà toa lét... có đăng hình mấy nhà văn Việt Nam trượt tuyết, cười toe toét và tôi được chú thích là “nhà văn trẻ nổi tiếng *Tau Dong*!” Làm sao Tạ Duy Anh lại thành *Tau Dong*, thì chỉ có Chúa biết. Có thể ngài cũng không phát âm chính xác được tên tôi. Cũng có thể ngài chặc lưỡi, tên nào thì cũng có chó nó quan tâm, mặc kệ, như ngài đã mặc kệ thế gian đang mất dần ký ức và cảm xúc!

Mà đúng như thế. Bởi vì bạn có đi cả ngày trời thì cũng chẳng mấy ai ở cái vùng heo hút miền Trung nước Mỹ ấy cầm trên tay tờ báo đó để đọc. Ở Mỹ không có trò dùng giấy báo gói xôi như ở ta. Tờ báo nào cũng thế, đã rời khỏi tay ai đó là vào thẳng thùng rác. Những nhà văn Việt Nam toe toét thêm vài tiếng rồi theo xe của công ty môi trường về nơi tái sinh, trong cái guồng máy hoàn hảo đâu vào đấy, đầu kia ra của nước Mỹ. Chả biết ở đâu phía kia chúng tôi thành vật gì? Một thứ bùn sền sệt màu nước cống là cái chắc?

Nhưng bi hài nhất là khi một dịch giả người Nhật dịch một cái truyện ngắn của tôi in vào tờ tạp chí *Dân Chủ* (là nghe chị giải thích thế chứ tôi đâu có biết một từ nào của tiếng Nhật). Nhân có công chuyện, chị sang Hà Nội và hẹn tôi gặp chị ở một khách sạn trên phố Mai Hắc Đế để bị biểu báo và trao nhuận bút. Khi cầm tờ tạp chí là lạ trên tay, tôi giả vờ lật lật, thực chất là xem truyện của mình in ở trang bao nhiêu, hình hài khi thành tiếng Nhật nó như thế nào. Tất nhiên là cụ tổ 4 đời của tôi sống đây cũng không thể giúp tôi thực hiện được việc đó. Bởi vì chữ

Nhật – con đẻ của chữ Hán – là chữ tượng hình, chỉ toàn ô với gạch. Cuối cùng tôi đành phải nhờ chị dịch giả chỉ cho. Chị lật một lúc rồi chặn tay vào cái đầu đề, bảo đó là tên truyện của tôi. Tên tôi khi viết bằng tiếng Nhật, là ba cái ô vuông có gạch trong gạch ngoài, móc trên móc dưới và nó giống với hầu hết những tên tác giả khác. Tôi bèn bí mật dùng móng tay miết nhẹ một cái để đánh dấu rồi quay sang bắt chuyện với chị dịch giả. Trở về, thấy tôi cầm cuốn tạp chí có thứ chữ lạ, con gái tôi khi đó mới học lớp sáu, hỏi:

- Bố cầm sách nước nào thế?
- Nhật đấy con ạ. Có truyện ngắn của bố in trong đó đấy.
- Thế ạ - con bé áp má vào người tôi – bố giỏi thật.

Tất nhiên dưới mắt con bé lớp sáu thì bố nó phải cực kỳ oách. Đã có truyện được dạy trong nhà trường, nay còn có truyện dịch sang cả tiếng Nhật cơ mà. Không khéo bố sắp nổi tiếng thế giới rồi cũng nên. Nó bèn sán lại, cầm quyển tạp chí giở ra xem và cứ xuýt xoa vì lạ, vì giấy đẹp và vì có truyện ngắn của bố nó in trong đó. Cuối cùng nó ngược mắt hỏi tôi:

- Truyện của bố đâu?

Tôi nghĩ là mình đã đánh dấu, nên tự tin ngồi xuống lật giở. Con gái tôi hồi hộp dán mắt theo tay tôi. Tôi giở đi giở lại vẫn không tìm thấy vết móng tay đánh dấu ở trang nào. Rõ ràng tôi đã miết nhẹ vào chữ đầu của cái tí. Vậy mà giờ đây, tất cả những cái tí đều ít nhiều có vết, không biết đâu là vết do tôi tạo ra. Tôi bèn dùng phương pháp suy đoán. Tên tiếng Việt là bốn chữ, chắc tên tiếng Nhật cũng bốn chữ. Nhưng có tới ba bốn bài dài ngang nhau đầu đề đều bốn chữ. Tôi bèn căn cứ vào nội dung để đoán hình minh họa. Nhưng hình minh họa gần với nội dung truyện của tôi nhất – theo suy đoán của tôi – thì lại của một đoạn văn ngắn, chỉ ngắn bằng một phần năm tác phẩm của mình. Không có bất cứ dấu hiệu nào đáng tin để có thể đọc ra tên tác giả, tên nhân vật trong truyện của mình. Cuối cùng tôi đành chỉ đại vào một truyện, bảo với con gái tôi:

- Hình như... đây con ạ!

Con gái tôi xem xong hỏi lại:

- Có đúng không hả bố? Bố chỉ tên bố bằng tiếng Nhật cho con đi.

Tôi đoán người Nhật cũng viết thứ tự như người Việt, nên chỉ đại vào chữ đầu bảo đó là chữ Tạ, chữ tiếp theo là chữ Duy, chữ cuối cùng là chữ Anh. Tưởng thế là con gái mãi nguyện, nào ngờ nó hỏi đọc một câu:

- Con hỏi bố nhé, thế nếu bác dịch giả thêm vào truyện của bố vài câu thì bố có biết không?

- Ôi con, dịch giả, nhất lại là người Nhật, văn hóa cao ngút trời, không ai làm thế đâu?

- Nhưng nhớ họ cứ làm thì bố có biết không, họ đùa thôi mà?

- Bố không biết, đương nhiên là bố không biết. Mà sao con lại hỏi bố như vậy.

- Vì ở lớp tiếng Anh, bọn con vẫn trêu những đứa dốt theo cách đó mà.

- Con không thể so sánh thế được...

Con gái tôi không hỏi gì thêm, nhưng rõ ràng nó không tin tôi đã chỉ đúng truyện của tôi cho nó. Vì thế nó tiếp tục lật giở, so sánh và bày tỏ thái độ hoài nghi không giấu giếm. Nhưng may mà có nhiều trò chơi hấp dẫn hơn một văn bản toàn ô với gạch, nên sau đó nó không hỏi thêm câu nào nữa.

Từ bấy đến nay, gần chục năm trôi qua, cuốn tạp chí Nhật có đăng truyện ngắn của tôi vẫn nằm yên trên giá sách và tôi cũng vẫn chưa biết truyện của mình ở trang nào. Nghĩ lại lời con gái mà thấy buồn cười. Ngộ nhờ vì lý do nào đó, do in sai, do dịch sai, do hiểu sai, do lỗi phong chữ... mà từ bấy đến nay những người Nhật từng đọc truyện ngắn của tôi, kèm cái tiểu sử tác giả, định ninh Tạ Duy Anh (hoặc biến thể thành cái tên khỉ gió nào đó như đã xảy ra), từng là gã cẩu vạ, quét chợ, đòi nợ thuê, bồi bàn... sau bỏ nghề đi viết văn thì cũng đáng lắm. Cũng có thể họ nghĩ đó là danh tính của một tên cướp chưa biết chừng. Trí nhớ con người cứ cái nọ xọ cái kia cũng là lẽ thường xảy ra.

Nhưng có một nơi mà mọi ghi dấu về tôi không hề sai sót mấy may, nguyên vẹn như những gì tôi có và vẫn được thì thầm nhắc đến hằng ngày. Đó là ký ức những người dân trong làng của tôi. Mỗi khi tôi mệt mỏi trở về, gặp ai họ cũng cười như vớ được của. Họ biết đích xác tôi học hành hồi bé ra sao, hiện nay đang làm gì. Nhiều người đứng sau liếp cửa nhìn theo tôi. Có những phụ nữ cứ thấy tôi là cười rộ, kèm

theo câu hỏi: “Anh về ă?” Lát nữa họ sẽ khoe với con là họ vừa gặp tôi (trước ánh mắt tròn xoe ngạc nhiên và hoài nghi của đứa trẻ), như một tin tốt lành. Ngay cả đám dân anh chị của làng cũng trở nên hiền lành trước mặt tôi. Họ có niềm tự hào ngấm ngấm rằng làng của họ, mảnh đất vốn chỉ là cái gò cho cò lả, ở nơi tận cùng tối tăm và bị quên lãng của họ tưởng chỉ sinh ra ăn mày ăn xin, thợ thổ, thợ nề, hoặc đàn ông hể lớn lên là phát vãng lang thang kiếm ăn, cướp giật... nay hóa ra cũng nẩy nòi được một ông nhà văn. Nhà văn là người có chữ, hiểu biết trên trời dưới bể, mẫu mực trong từng hành vi... Ớn trời may mà họ vẫn còn đủ ngây ngô để luôn luôn nghĩ như vậy. Và tôi luôn là ví dụ để họ dẫn ra mỗi khi dạy con cái về đạo học và chí lập thân. Nhiều người kê cả chồng sách của tôi trên đầu giường, thỉnh thoảng giở ra đọc, ngấm ngội rồi cũng ngứa tay vọc vạch sáng tác, gọi điện thỉnh thị, trao đổi, bàn luận và mong tôi năng về làng về xã để mọi người ghé tí danh thơm. Nghe hào huyền nhưng cũng đáng hãnh diện lắm. Tên tôi được từ già chí trẻ gọi một cách chính xác, chính xác đến từng âm, bằng thái độ kính trọng, chứ không bị sai tùm lum, vô cảm như tôi từng kể. Nhưng chuyện này mới kỳ lạ: có những phụ nữ trong làng, chạc tuổi mẹ tôi, mắt đã mờ, chân đi đã chậm nhưng vẫn còn nhớ cả ngày sinh tháng đẻ của tôi theo lịch âm. Họ nhớ là tôi sinh ngày mồng 7 tháng Tám, năm Kỷ Hợi, đang mùa giáp hạt nên lợn phải dũi mới có miếng ăn. Họ còn nhớ tôi ra đời vào buổi sáng, cỡ sau khi thợ cày rạch được mấy luống. Nơi tôi chào đời là nhà hộ sinh Quảng Bị, dưới tay bà đỡ tên là Thước. Hôm đón tôi về nhà, mọi người đến thăm, trong đó có một bà mù chữ nhưng biết xem tướng, phán: “Thằng này trang hóa quăn cổ, xấu nhưng mà có số đào hoa, sau này gái theo phải biết. Khó nuôi lắm nhưng mà cũng đáo để ra phết đấy.” (Mẹ tôi cũng xác nhận chuyện đó).

- Suốt cả thời bé anh cứ còi cọc, đen đui, mặt vẹo như quả bí điếc, quanh năm rớt dãi như gái ghen, bác gái mẹ anh khổ khổ là, suốt ngày tìm thuốc. Mà gầy lắm, chỉ có da bọc xương, mắt thì như hai lỗ đào ấy. Ai ngờ anh lại thành người nổi tiếng nhất xã, nhất tổng, nhất cả vùng... Đi đâu cũng thấy người ta nhắc đến anh.

Người đàn bà nói với tôi điều đó hoàn toàn không biết chữ. Có thể đã lâu rồi bà không ra khỏi làng. Nhưng bà biết ghi nhớ. Trong thế giới của bà – và cũng là của nhiều người dân làng – tràn ngập những ký ức đẹp đẽ và thú vị về tôi.

Ra khỏi thế giới ấy, tôi có thể sẽ là một kẻ lạc loài.

Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ's eBook](#) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa.